

HỒ SƠ QUYỀN LỰC

Napoleon



*Tôi có thể thất bại
trong một trận đánh,
nhưng tôi sẽ chiến thắng
cả cuộc chiến tranh.*

— Napoleon



NHÀ XUẤT BẢN
LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

Geoffrey Ellis

HỒ SƠ QUYỀN LỰC NAPOLEON

LỜI GIỚI THIỆU

CHƯƠNG 1. Giới thiệu

CHƯƠNG 2. Khởi đầu: con đường quyền lực những năm tháng bản lề

CHƯƠNG 3. Nghiên cứu về quyền lực: Chính quyền Napoleon

CHƯƠNG 4. Bước vươn vai của quyền lực: từ đế chế đến “đế chế vĩ đại”

CHƯƠNG 5. Tăng cường quyền lực xã hội: quý tộc hoàng gia, quý tộc cũ và “hệ thống tước vị”

CHƯƠNG 6. Quyền lực, ủng hộ và chống đối: dư luận, giáo dục và nghệ thuật

CHƯƠNG 7. Quan niệm về quyền lực theo dòng lịch sử

CHƯƠNG 8. Kết luận: Truyền thuyết chân thực

LỜI GIỚI THIỆU

(Cho bản tiếng Việt)

Là Đệ nhất Tổng tài của Cộng hòa Pháp từ 1799-1804, sau đó là Hoàng đế Pháp (Empereur des Français) và vua Italy, Napoleon được coi là một trong những nhà lãnh đạo quân sự vĩ đại nhất thế giới. Lịch sử ghi nhận ông không chỉ qua những đóng góp về mặt quân sự mà cả qua Bộ luật Dân sự Pháp (còn được gọi là “Bộ luật Napoleon”).

Cái bóng của Napoleon trùm lên khắp thời đại ông. Khi Napoleon ở đỉnh cao quyền lực, đế chế của ông trải dài suốt châu Âu, từ Bồ Đào Nha đến nước Nga, và từ bán đảo Scandinavia đến “chiếc ủng” Italy. Vậy mà ông đã đột ngột ngã xuống từ chiếc ghế quyền lực của mình và qua đời cay đắng khi bị lưu đày ở đảo St Helena, Đại Tây Dương.

Là một kỳ nhân trong lịch sử thế giới, Napoleon để lại nhiều dấu ấn và sự khác biệt về ý chí, lòng quả cảm mãnh liệt. Từ nhỏ, Napoleon đã thể hiện tính cách cứng rắn và có tinh thần dũng cảm cũng như mưu trí. Tại trường quân sự ở Brienne-le-Château, cậu bé Napoleon dù hay bị bạn bè trêu chọc vì nói tiếng Pháp không chuẩn nhưng đã chứng tỏ được mình và là học sinh rất nổi trội, đặc biệt là với môn toán học và lịch sử. Khi là thanh niên, Napoleon từ chối mọi thú vui giải trí để vùi đầu vào đọc sách và gửi tiền về giúp mẹ ở quê... Tài năng sử dụng pháo binh, tư duy chiến thuật và nghệ thuật quân sự của ông được hình thành ngay từ giai đoạn này.

Những dữ kiện vô giá trong cuốn sách sẽ cung cấp cho bạn đọc bản chất và cơ chế vận hành quyền lực của Napoleon cũng như việc ông đã sử dụng chúng như thế nào. Cuốn sách tìm hiểu cách Napoleon vươn tới danh vọng từ một trung úy trong Cuộc cách mạng Tư sản Pháp; những tham vọng và thành tựu của ông trên cương vị quan chấp chính cao nhất và khi thành hoàng đế trong giai đoạn 1799-1815. Napoleon cũng để lại dấu ấn với

những câu nói nổi tiếng: *Quần chúng chỉ là những con số không dài vô tận, giá trị chỉ là ở con số đầu! hay Tôi có thể thất bại một trận đánh, nhưng tôi sẽ chiến thắng cả cuộc chiến tranh!*; *Trí thông minh của con người được tính từ trán tới trời.* Phương châm hành động của ông: *Không có gì là không thể.*

Với tinh thần làm sáng tỏ lịch sử và rút ra những bài học quý báu cho các thế hệ sau, Alpha Books triển khai xuất bản loạt sách chân dung các chính khách, các vĩ nhân trong tủ sách *Hồ sơ Quyền lực*, bao gồm: Younger Pitt – Thủ tướng trẻ nhất trong lịch sử nước Anh, Kennedy – chính khách trẻ tuổi nhất từng đắc cử tổng thống, và Alexander Hamilton – người có công lớn trong việc hình thành thể chế chính trị và kinh tế - tài chính Mỹ...

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc!

Tháng 10 năm 2008

NGUYỄN CẢNH BÌNH

CHƯƠNG 1. Giới thiệu

Đây không phải là cuốn tiểu sử về Napoleon, cũng không phải là việc cố gắng tìm hiểu sự nghiệp chính trị và quân sự của ông theo hướng liệt kê các sự kiện. Tuy sáu chương của cuốn sách này được trình bày theo trình tự thời gian nhưng cách tiếp cận theo chủ đề vẫn là nét đặc trưng cơ bản. Cuốn sách này dựa vào những nghiên cứu trước đây của tôi về cuộc đời Napoleon và những tư liệu mới được nghiên cứu gần đây. Những thông tin đó hầu hết còn rất mới mẻ với bạn đọc.

Cuốn sách giới thiệu những góc nhìn về con đường vươn tới đỉnh cao danh vọng của Napoleon từ một người lính trong Cuộc cách mạng Pháp; về những thành tựu mà ông đã đạt được trong thời gian là hoàng đế (1799-1815) và những quan điểm khác nhau của các nhân vật đương thời cũng như các thế hệ sau này về cách cai trị của Napoleon. Sợi chỉ đỏ xuyên suốt cuốn sách là bản chất quyền lực của Napoleon, con đường ông theo đuổi và giành quyền lực, con đường quyền lực nảy mầm trong lòng nước Pháp và bùng nổ, phát triển vượt ra khỏi biên giới, con đường mà những ảnh hưởng giành được từ sự chinh phạt quân sự, khuất phục chính trị và bóc lột kinh tế, con đường mà quyền lực trong tay Napoleon gặp sự chống đối và cuối cùng rơi vào đống tro tàn, con đường mà những khái niệm về quyền lực của Napoleon đã trở thành những truyền thuyết và giai thoại lịch sử của thế kỷ XX.

Trong những công trình đã xuất bản trước đây, tôi tập trung nghiên cứu việc thực thi, ảnh hưởng của các chính sách quân sự và cấu trúc thể chế chính trị của Napoleon nhiều hơn là nghiên cứu con người ông. Cách tiếp cận đó phản ánh các xu hướng nghiên cứu gần đây là chỉ tập trung vào các cuộc đời và sự nghiệp của Napoleon mà bỏ quên mặt cá tính, phần làm nên con người Napoleon. Một kết luận rút ra là có rất nhiều sự tiếp nối cũng như thay đổi trong những thời điểm bước ngoặt – cuộc chính biến do Napoleon

lãnh đạo vào 18 tháng sương mù(1) (lịch Cộng hòa Pháp). Vì thế các nhà nghiên cứu trước đã thừa nhận, bản chất đổi mới triệt để trong những cải cách của Napoleon là điều không phải bàn cãi. Khi càng quan tâm đến mục tiêu thật sự và những ảnh hưởng trong việc thực thi quyền lực của Napoleon ở Pháp, người ta càng cảm thấy thất vọng về việc tuân thủ, tính kế thừa và phát triển những quan điểm mang tính cách mạng của Napoleon, đặc biệt trong những năm đầu. Để trở thành tổng lãnh sự đầu tiên (1799-1804), ông đã phụ thuộc rất nhiều vào các sĩ quan, binh sĩ, mưu mẹo và vũ khí, những cuộc chinh phạt cuối những năm 1790, và ông luôn đóng vai trò quyết định trong quá trình này. Ông chấp nhận việc mua bán tài sản tịch thu từ nhà thờ và người tị nạn và hợp pháp hóa điều này trong Bộ luật Dân sự năm 1804. Đối với việc tuyển dụng nhân sự cho bộ máy hành chính và luật pháp, ông dựa vào những nhân vật ưu tú trong các đế chế cách mạng trước thời mình. Càng nghiên cứu sâu ảnh hưởng của Napoleon tại những vùng lãnh thổ bị thu phục ngoài biên giới nước Pháp, người ta càng nhận thấy không phải bao giờ Napoleon cũng được xem là một nhà cải tổ triệt để duy nhất.

(1) Thời điểm diễn ra trận Waterloo (1815) nổi tiếng, trận chiến kết thúc sự nghiệp của Napoleon.

Một số độc giả coi đây như một cách tiếp cận của những người mang khuynh hướng xét lại, nhằm làm sáng tỏ huyền thoại và những truyền thuyết lịch sử về một nhân vật kiệt xuất. Đúng như vậy! Giống như một loạt tác phẩm đề cập đến hai chữ “quyền lực” gắn với tên tuổi của các nhân vật lịch sử, cuốn sách này nói về Napoleon – một con người, quá trình hình thành nên cá tính Napoleon những năm trước khi ông chạm tay đến đỉnh cao quyền lực, quan niệm về quyền lực của Napoleon, những ảnh hưởng từ cách ông sử dụng quyền lực và bản chất những tham vọng của Napoleon. Những chương tiếp theo sẽ tái hiện sức mạnh của hệ thống quyền lực tập trung vào một con người, và đánh giá lại giá trị những tài liệu nghiên cứu trước đây được xây dựng dựa trên sự kiện lịch sử về cuộc đời Napoleon. Nội dung các chương này tập trung vào những quan điểm mang màu sắc và

khuyh hướng khác nhau về cá tính, mục tiêu và thành tựu mà Napoleon đã đạt được, được thể hiện dưới hình thức những giai thoại truyền miệng và những quan điểm bằng văn bản trước đây.

Độc giả Anh có lẽ đều biết đến cuộc tranh cãi lịch sử qua tác phẩm Napoleon: *For and Against* (Napoleon: Sự ủng hộ và chống đối) của Pieter Geyl(2) xuất bản lần đầu năm 1949, chủ yếu là những tranh luận của các tác giả người Pháp. Tuy nhiên, qua những quan điểm này, cuộc tranh cãi về những điểm chính trong tiểu sử Napoleon đã có những biến chuyển tích cực kể từ thời Geyl và toàn bộ vấn đề hiện đều sẵn sàng để được xem xét lại. Đây chính là mục tiêu, đối tượng nghiên cứu của tôi: cung cấp một tư liệu quan trọng trong những nghiên cứu từ rất sớm của người Đức, người Italy và người Anh về Napoleon (Chương 7). Geyl chưa bao giờ đề cập tới mục tiêu nghiên cứu này và theo tôi, một cái nhìn tổng hợp về những phản ứng của châu Âu trước cách cầm quyền của Napoleon chưa bao giờ được tập hợp thành một nghiên cứu tổng quát để giới thiệu tới độc giả Anh.

2 Pieter Geyl (1877-1966): nhà sử học Hà Lan nổi tiếng với những nghiên cứu về lịch sử Hà Lan thời kỳ cận đại.

Trong cuốn sách này, chúng ta sẽ lật lại trận tranh cãi lịch sử về hình ảnh của Napoleon trước chiến tranh thế giới thứ hai, với những phát hiện mới trong những nghiên cứu gần đây. Có thể xem đây là việc đánh giá lại những tư liệu đã có, trong đó Napoleon thường xuất hiện như một siêu nhân, quá vĩ đại và không thể đo bằng thước đo dành cho người bình thường. Đây cũng là sự xem xét lại những tư liệu quan trọng trước đây thường tái hiện tham vọng và thành công của Napoleon bằng những lời lẽ to tát, ví dụ quan niệm của Adolphe Thiers(3) về một đế chế vĩnh cửu cho rằng “những biên giới tự nhiên” của nước Pháp là ưu tiên số một của đế chế Napoleon, lời giải thích của Frédéric Masson(4) về quy luật bè phái, dòng tộc của người dân xứ Corsica, phát hiện của Émile Bourgeois(5) về sự thiết lập “tham vọng phương Đông”, của Edgar Quinet(6) và nhà sử học Édouard Driault

về “ý tưởng đế chế Rome” và những mô típ tương tự xuất hiện trong nghiên cứu của các nhà sử học như Leopold von Ranke, Charles Schmidt, Marcel Dunan và Hellmuth Rössler.

3 Adolphe Thiers (1797-1877): nhà sử học, chính trị gia người Pháp.

4 Frédéric Masson (1847-1923): nhà sử học người Pháp nổi tiếng với những công trình nghiên cứu về Napoleon.

5 Emile Bourgeois (1857-1934): nhà sử học người Pháp.

6 Edgar Quinet (1803-1875): nhà trí thức, nhà sử học người Pháp.

Cũng cần phải lật lại khuynh hướng liệt kê sự kiện lịch sử gần đây – khuynh hướng chịu nhiều tác động của những động thái chính trị trong EU mở rộng. Một số tác giả xem tham vọng của Napoleon cách đây 200 năm là phôi thai của ý tưởng hợp nhất châu Âu. Nếu nhận xét này hợp lý thì quan điểm tương tự của Stuart Woolf cũng đáng lưu tâm. Stuart Woolf(7) đặt nền móng nghiên cứu bằng luận điểm về một mô hình hành chính thống nhất của nước Pháp. Một mô hình có thể nhân rộng ra các vùng đất bị sáp nhập và quốc gia vệ tinh khác, từ đó ông nghiên cứu, mổ xẻ các trường hợp ủng hộ và phản đối tính hiệu quả của mô hình. Kết luận của ông cho thấy đặc trưng xã hội, áp lực tập hợp các nhân vật ưu tú – một phần quan trọng trong lý thuyết của Napoleon về quản lý hành chính đã khoét sâu hố ngăn cách giữa người có tài sản và người vô sản. Đây là giá trị sâu sắc Napoleon để lại cho hậu thế. Vấn đề đặt ra từ luận điểm này là một phần quan trọng trong nghiên cứu hiện đại.

7 Stuart Woolf: sinh năm 1936, nhà sử học và dịch giả nổi tiếng người Anh.

Tuy nhiên, quan điểm cho rằng Napoleon là kiến trúc sư đầu tiên có ý tưởng về một châu Âu hợp nhất trái ngược với sự thật là đối với Napoleon, Pháp luôn là ưu tiên số 1, như ông đã từng ghi rõ trong một bức thư tháng 8/1810. Sự thiên lệch, một chiều trong những yêu cầu về mặt quân sự, trong

chính sách phong tỏa lục địa chống nước Anh, trong chính sách thị trường dự phòng ở Italy và hệ thống sinh lợi ở các quốc gia mục tiêu cho thấy kết luận này quá đơn giản và dễ bị chọc thủng. Nói cách khác, tham vọng trở thành hoàng đế và các cuộc chinh phạt của Napoleon đã vượt khỏi biên giới nước Pháp để sáp nhập Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha và kéo dài đến tận dãy Pyrences, toàn bộ vùng lục địa nước Italy kéo dài đến dãy Alps, một phần quan trọng sâu trong nội địa Adriatic ở phía đông, sáp nhập nước Đức kéo dài đến sông Rhine và một vùng rộng lớn nước Phần Lan.

Trong khi toàn bộ sự kiện này vẽ ra viễn cảnh châu Âu rộng lớn hơn, một câu hỏi quan trọng vẫn nổi cộm là ở: các vùng sẽ được sáp nhập như thế nào? Để tìm câu trả lời, chúng ta cần quay ngược thời gian và xem xét thời điểm xuất hiện ý tưởng về đế chế của Napoleon dưới hình thái một chính sách định hình rõ ràng, thậm chí chỉ trong giới hạn biên giới mở rộng của nước Pháp. “Tôi đang ở trong cuộc đua thành lập những đế chế” – Napoleon từng nói với Emmanuel de Las Cases – người bạn trong thời gian lưu đày tại đảo St Helena. Đây là một minh chứng hùng hồn về số mệnh của Napoleon – một người xứ Corsica đầy tham vọng. Nhưng tham vọng bá chủ của ông đã ảnh hưởng thế nào đến hành động? Đó có phải là một kế hoạch được định hình trước cuộc nổi dậy vào tháng sương mù hay nó từng bước phôi thai và phát triển khi cơ hội có những cuộc chinh chiến quy mô lớn hơn và ánh hào quang huy hoàng hơn mở ra trước mắt ông? Đó là những câu hỏi mà cuốn sách này cố gắng trả lời thông qua những phân tích hiện thực.

Hình ảnh vị hoàng đế không quá sáng chói như cách nhìn của những người ngưỡng mộ Napoleon, cũng không xấu xa, tàn bạo như cách nhìn từ phía những kẻ thù của ông. Trong cuốn sách này, Napoleon không xuất hiện trong một khuôn mẫu, hình ảnh duy nhất mà là một cá tính linh hoạt thậm chí luôn mâu thuẫn, thay đổi trước hoàn cảnh mới và cố gắng tận dụng tối đa mọi cơ hội. Khả năng ứng biến thần kỳ của Napoleon trên chiến trận đã đi vào huyền thoại nhưng ít người biết đến khả năng thích ứng của ông

trước những thay đổi của xã hội Pháp. Chỉ trong vòng 30 năm, những nghiên cứu quan trọng ở Đức, Italy và Ba Lan đã chỉ ra sự thật là Napoleon, một nhà cải cách triệt để trên thực tế đã thỏa hiệp với trật tự phong kiến cũ để tập hợp quân sự, đánh thuế tài chính nhằm vận hành bộ máy hiệu quả hơn. Điều này ảnh hưởng tới việc áp dụng Bộ luật Dân sự của Napoleon tại những nước này và vai trò lập pháp của Napoleon vì thế cũng bị lu mờ.

Trong quá trình thực thi quyền lực, dù ở đâu, Napoleon vẫn là người có đầu óc thực tế. Chẳng hạn trên cương vị người đứng đầu, ông nhanh chóng nhận thấy mình cần sự cống hiến, phục vụ của các nhân vật trung thành có tri thức và sự hỗ trợ của các nhân vật ưu tú. Ông lôi kéo bằng cách mở ra cho họ cơ hội nghề nghiệp và thăng tiến, hào phóng ban thưởng danh vị và phần thưởng vật chất để ràng buộc, gắn kết họ với mình. Ông hướng tới thành lập một chính thể trong đó tầng lớp tri thức giàu có đều có quyền lợi gắn kết với đế chế của ông. Một mặt, ông áp dụng cách thức tập hợp lực lượng riêng; mặt khác ông tỏ ra thờ ơ với đông đảo quần chúng. Sau cách mạng, ông nhận thấy người dân Pháp đều muốn có một chính phủ ổn định, một xã hội có trật tự – một xã hội mà người thợ thủ công cũng như nông dân bằng lòng với chế độ cai trị của ông. Nhận thấy đạo Thiên Chúa là một phần quan trọng trong cộng đồng mà mình cai trị, Napoleon tính toán rằng họ sẽ tập hợp lại cùng với Giáo hoàng trong lễ đăng quang của mình và hoan nghênh sự công nhận chính thức từ phía Giáo hoàng. Tuy nhiên khi tuyệt giao với Giáo hoàng sau này, ông đã đánh giá không đúng vai trò khác nhau của quyền lực thế tục và quyền năng tinh thần. Sự sứt mẻ trong quan hệ với Rome đã làm suy yếu vị thế của ông.

Trong trường hợp này làm thế nào để vị thế của Napoleon lại được tái xác lập. Chúng ta luôn mong chờ có một dấu hiệu rõ ràng như: một chỉ thị, một bức thư, một bài phát biểu... có thể cung cấp một câu trả lời chính xác. Tuy nhiên, điều quan trọng là phải xác định những nhân tố chính có ảnh hưởng tới tính cách và hành động của Napoleon và xem chúng có thể giúp chúng ta làm sáng tỏ vấn đề. Xuất thân từ xứ Corsica, tham vọng trở thành hoàng

đế của Napoleon nảy mầm từ lòng tự hào dòng tộc, sự thúc đẩy từ phía gia đình và từ chính con người ông. Là một người lính được đào tạo chuyên nghiệp và có tính cách bẩm sinh nên trong suy nghĩ của ông, trật tự xã hội cũng có thể được thiết lập theo mô hình quân sự. Con người nằm trong tay quyền lực tối cao này hoàn toàn tự tin vào khả năng của bản thân và luôn tự cho mình là đúng, thờ ơ trước sự chống đối và ông nhận thức rõ sứ mệnh trời định của mình. Napoleon sinh ra đã là một người độc lập, đầy quyền lực và tham vọng.

Viễn cảnh quyền lực và ánh hào quang đã truyền sức mạnh và cảm hứng cho Napoleon. Tuy nhiên, để theo đuổi điều đó trong thế giới thực tại, đường đi sẽ có rất nhiều chông gai và thử thách, nhất là khi đi trên biển. Vì quyền lực của Napoleon tỏ ra mạnh mẽ và hiệu quả trên đất liền, nên việc mở rộng quyền lực của ông cũng chỉ vươn ra theo biên giới lục địa. Hơn nữa, các cuộc chinh phạt không diễn ra đồng thời mà theo các giai đoạn, đặc biệt là trong giai đoạn 1805-1807, đế chế vĩ đại của ông cũng đi theo logic của diễn biến quân sự, từng bước từng bước một và không thể đoán trước. Quá trình hình thành nên các đế chế không phải là một kế hoạch đã được định hình từ trước, mà là sự tận dụng hiệu quả các thời cơ. Sự thật là tất cả các mối quan hệ xã hội, tước vị cũng như đất đai được cấp nhờ có dòng dõi quý tộc đều ít nhiều phụ thuộc vào thành quả của các cuộc chinh phạt. Điều làm nên đế chế Napoleon chính là sự vững chãi từng bước, từng bước một thông qua con đường chiến tranh.

Bằng chứng cho thấy, tham vọng của Napoleon không xuất phát từ một kế hoạch vĩ đại, mà được gieo mầm từ rất sớm rồi dần hiện thực hóa nhờ tận dụng thành công các cơ hội. Sức mạnh quân sự là bệ đỡ cho quyền lực của Napoleon tại nước Pháp cũng như tại các vùng đất sáp nhập vào nước Pháp và các quốc gia vệ tinh. Việc triều đại của ông chính thức ra đời và được công nhận rộng rãi nhờ kết hôn với con gái của một gia đình thuộc dòng dõi lâu đời Habsburg(8) và sự ra đời của người con trai kế vị – tất cả đều không mang lại cái mà Napoleon đau đầu tìm kiếm nhằm đảm bảo cho tương lai.

Quyền lực của Napoleon sụp đổ khi ông không còn khả năng duy trì nền móng, điểm tựa quân sự cần thiết và khi sức mạnh quân sự lui tàn thì đế chế của ông cũng suy vong theo. Như vậy, sự kết thúc đế chế Napoleon và thậm chí cả nước Pháp rộng lớn là một kết cục đã được báo trước. Đến năm 1815, không một vùng đất sáp nhập nào còn trụ vững. Vấn đề là những nghịch lý trong cách cai trị và cầm quyền của Napoleon. Là một nhà quân sự nổi tiếng đã đi vào huyền thoại, ông lại bị khuất phục trước một quốc gia có diện tích nhỏ hơn những vùng đất mà ông đang cai trị; còn với tư cách là một nhà quản lý xã hội, những điều ông để lại cho nước Pháp là rất lớn và không dễ gì mất đi. Những phân tích cuối cùng cho thấy giá trị những ý tưởng vĩ đại của Napoleon về một châu Âu thống nhất.

8 Habsburg: Một hoàng tộc có thể lực nhất châu Âu cận đại.

CHƯƠNG 2. Khởi đầu: con đường quyền lực những năm tháng bản lề

Trong các tài liệu trước đây, khi tìm hiểu và giới thiệu về cuộc đời, sự nghiệp của Napoleon, người ta thường lặp lại hướng tiếp cận tiểu sử cổ điển đến mức ngày nay khó có thể thu được điều gì mới mẻ. Vì vậy, trong chương này, bên cạnh việc trung thành theo sợi chỉ thời gian, tác giả sẽ mổ xẻ, trình bày các vấn đề theo nội dung - chủ đề nhiều hơn là liệt kê sự kiện đơn thuần. Thời điểm Napoleon bắt đầu thâm nhập quyền lực vào tháng 11/1799 khi mới 30 tuổi, những nét cá tính làm nên một Napoleon đã dần định hình và sự nghiệp quân sự của ông đang lớn mạnh đủ để hiện thực hóa cuộc đảo chính đầu tiên. Cuộc đảo chính đã đánh dấu sự khởi đầu một thể chế chính trị và quân sự, trong đó quyền lực tập trung vào một cá nhân. Chính vì vậy, để hiểu rõ con đường hình thành cá tính Napoleon cần khởi nguồn từ đây. Có hai câu hỏi đặt ra: Thứ nhất, sự nuôi dưỡng và giáo dục của nước Pháp đã ảnh hưởng đến tính cách của Napoleon như thế nào? Thứ hai, những cơ hội từ Cuộc cách mạng(9) cho một binh sĩ trẻ tuổi, tham vọng ảnh hưởng như thế nào đến cá tính Napoleon và hỗ trợ gì cho con đường binh nghiệp của ông? Câu trả lời sẽ góp phần làm sáng tỏ mầm tham vọng từ thời trai trẻ của Napoleon: từ nhà giải phóng đảo Corsica trở thành người nắm quyền lực trên toàn nước Pháp. Xét về khía cạnh quyền lực, những thay đổi trên đánh dấu sự chuyển biến từ giấc mơ thừa nhỏ thành hiện thực khi trưởng thành.

9 Cuộc cách mạng Tư sản Pháp diễn ra ngày 14/7/1789.

NAPOLEON – TUỔI TRẺ VÀ CON ĐƯỜNG HỌC VẤN

Như phác họa tài tình của Dorothy Carrington về mảnh đất, con người và truyền thống xứ Corsica, đây là mảnh đất có lịch sử lâu dài bị xâm lược, bị chia cắt thành thuộc địa của nhiều nước. Có vị trí chiến lược, nhiều hải cảng an toàn và là nguồn cung cấp gỗ dồi dào cho ngành công nghiệp đóng tàu,

đảo Corsica trở thành miếng mồi hấp dẫn để các quốc gia xâu xé. Người dân ở đây tin rằng số phận của họ là tù đày và chiến tranh. Những người Hy Lạp, người Bắc Phi cổ, người La Mã, người Vandals, người Ostrogoths, người Lombards, Byzantine, Saracen, giáo sĩ Pisa (sau này là giám mục), vua Aragon và Genoe đều đã lưu lại dấu ấn tại hòn đảo này trong thời gian nắm quyền lực ở đây. Nước Pháp cũng đã tấn công đảo Corsica vài lần trước khi chính thức đặt chân lên đó vào cuối năm 1768 để đàn áp cuộc nổi loạn của nhà yêu nước Pasquale Paoli và đòi lại quyền sáp nhập thông qua hiệp ước thương mại với Cộng hòa Genoa đầu năm 1768. Lòng tự hào của người dân đảo Corsica được nuôi dưỡng trong môi trường đầy thử thách: những đỉnh núi đá granite, đất cằn và rừng rậm – những hình ảnh này luôn sống động trong trí nhớ của Napoleon những năm ông bị tù đày tại St Helena – và nó càng được hun đúc sau nhiều thế kỷ xung đột. Sự năng động của người dân đảo Corsica, sự kiên cường gìn giữ những tập tục địa phương trước sự xâm chiếm liên tục của các liên minh thù địch đã được kiểm chứng qua thời gian. Lòng trung thành đầu tiên và trước nhất được gieo mầm trong mỗi gia đình và ý thức về phe cánh đã chiếm ưu thế. Lòng nhân từ được nuôi dưỡng nhưng lại bị chôn chặt trong khuôn khổ gia đình. Bình luận về vấn đề này, Frédéric Masson đã mô tả đây là một xã hội mà trong đó khái niệm gia đình có ý nghĩa hơn bất cứ khái niệm xã hội hay chính quyền nào. Một xã hội có cùng chung một quan niệm. Và quan niệm này, xét trong một chừng mực nào đó, chính là nguồn gốc của luật lệ, nền tảng của quyết định và hành động.

Đảo Corsica chưa bao giờ biết đến chế độ phong kiến, ít nhất là như mô hình đã tồn tại ở các nước châu Âu. Và chủ nghĩa tư bản công nghiệp thế kỷ XVIII cũng không ảnh hưởng nhiều đến đảo Corsica. Các thái cực giàu có và nghèo khổ, vua chúa và nô bộc hầu như không được biết đến. Mức sống của dân cư nhìn chung thấp, khoảng cách kinh tế và địa vị xã hội cũng không bị khoét sâu do phân chia giai cấp. Những mối thù truyền kiếp giữa các gia đình là nguồn gốc của cách cư xử không bình đẳng giữa nông dân với thương nhân, ngư dân, luật sư và các nhà quản lý cảng biển. Những mối

thù truyền kiếp và lòng tự tôn thái quá đã trở thành căn bệnh địa phương đặc trưng của xã hội mà nhà thờ cũng như chính quyền đều không thể nhổ tận gốc rễ, bởi nó đã ăn sâu bám chắc vào đời sống xã hội.

Theo ước tính, chỉ riêng hận thù đã là nguyên nhân của khoảng 1 nghìn vụ án mạng ở đảo Corsica trong khi tổng dân số ở đây chỉ khoảng 120 nghìn người. Dân cư ở đây đều tuân theo chuẩn mực đạo đức lâu đời được phổ biến và lưu giữ trong cộng đồng. Theo đó, niềm tự hào dòng tộc là mục đích tối cao của các mối quan hệ cá nhân, xã hội và cũng là mục đích của cả cuộc đời. Cấu trúc gia đình trong đó nam giới nắm toàn quyền quyết định đã trở thành chuẩn mực vững chãi và rất khó thay đổi. Người cha có toàn quyền quyết định các mối quan hệ với thế giới bên ngoài, kể cả việc dựng vợ gả chồng cho con cái. Vì vậy, những cảm xúc riêng tư của con cái làm ảnh hưởng tới lợi ích và danh dự gia đình sẽ không có chỗ để tồn tại.

Quyền lực của người mẹ chỉ giới hạn trong khuôn khổ các vấn đề nội bộ gia đình. Tuy nhiên, trong tất cả các trường hợp, nữ giới đều tuân theo ý chí của nam giới thậm chí cả khi vấn đề liên quan đến tài sản của mình. Đây chính là xã hội, nơi Napoleon được sinh ra ngày 15/8/1769 tại Ajaccio – một cảng biển chưa đầy 4 nghìn người nằm dọc bờ biển phía đông đảo. Trước khi anh trai của Napoleon là Joseph chào đời năm 1768, bố và mẹ ông đã mất hai người con trai nhỏ. Trong cuộc chiến tranh giành độc lập của đảo Corsica chống lại nước Pháp, cha Napoleon là Carlo đã hỗ trợ và cộng tác tích cực với Paoli – người cha của dân tộc. Nhưng trận thảm bại tại Ponte Novo ngày 8/5/1769 và chuyển bay sang Anh – nơi Paoli sống lưu vong 20 năm – đã đẩy bố mẹ Napoleon vào một sự lựa chọn. Một mặt, cuộc nổi dậy dù với bất cứ cách thức nào đều ẩn chứa nhiều hiểm nguy, mặt khác họ phải chấp nhận thực tế là đã thất bại và bắt tay hợp tác với kẻ xâm lược là nước Pháp. Phương án hai đã được thực hiện bằng việc hợp tác với Count de Marbeuf, toàn quyền quân sự Pháp,, người đã nắm quyền tại đảo Corsica từ tháng 5/1770 đến tháng 9/1786, sau khi ông qua đời. Đối với cha mẹ Napoleon, phương án hành động tối ưu là khá rõ ràng. Sự an toàn và phát triển của gia

đình là lựa chọn đầu tiên. Họ hợp tác với nước Pháp để cầu danh và lợi, nhưng cả hai thứ này thực tế đều rất lâu mới tới. Theo nghiên cứu của Dorothy Carrington(10) về gia đình Bonaparte, cả bố và mẹ Napoleon đều mang dòng máu Italy quyền quý. Tuy nhiên, có rất ít bằng chứng chứng minh cho điều này. Carlo, vốn là người nhiều âm mưu và tham vọng, rất giỏi vận động ngầm đã thuyết phục người Pháp công nhận danh vị bá tước của ông vào tháng 9/1771, chỉ 17 tháng sau khi Pháp thiết lập trật tự tại đảo Corsica. Chấp nhận quyền cai trị của người Pháp dọn đường cho Carlo theo đuổi sự nghiệp chính trị mà ông đã được đào tạo bài bản và ông được bầu là nghị sĩ của Ajaccio với sự phê chuẩn của Marbeuf vào tháng 9/1771. Những người ủng hộ Paoli không bao giờ tha thứ cho dòng họ Bonaparte vì đã bán rẻ sự nghiệp ái quốc để mưu cầu lợi ích cá nhân.

10 Dorothy Carrington: Nhà sử học người Anh, nổi tiếng với những tác phẩm viết về đảo Corsica – quê hương của Napoleon.

Thỏa hiệp đã mang lại cho gia đình Bonaparte sự bình ổn và thăng tiến trên con đường công danh, lớp trẻ lớn lên trong môi trường an toàn và tránh khỏi cuộc tranh cãi pháp lý về tài sản và quyền thừa kế của Letizia – những cuộc tranh cãi mà Carlo thường bị lôi kéo tham gia. Nghiên cứu 9 năm đầu cuộc đời Napoleon cho thấy ông có tính tự lập cao nhưng cũng rất ngang bướng. Lòng tự tin được nuôi dưỡng từ mối quan hệ tốt đẹp và đáng tin cậy với người vú nuôi Camilla Ilari, còn sự ngang ngược bắt nguồn từ nhận thức là mẹ luôn dành một tình cảm yêu mến đặc biệt cho Joseph. Và để giành lại sự quan tâm và ngưỡng mộ từ mẹ, Napoleon phải tranh giành với anh trai để chứng tỏ mình thật sự vượt trội. Những trận chiến này đều rất quyết liệt, ít nhất là từ phía Napoleon, mặc dù khuynh hướng tự nhiên của Joseph là luôn nhường bước trong những cuộc đối đầu bằng vũ lực. Sau đó, Napoleon được mệnh danh là kẻ phá rối. Sự hung hăng, tính tự cao tự đại, lòng ghen tuông trước sự quan tâm của mẹ dành cho Joseph và Carlo và niềm vui sướng rất trẻ con khi giành được sự tán phục của mẹ trước những thành công mình đạt được đã dần tích tụ và nhen nhóm lên một tính cách

Napoleon. Cá tính này ngày càng khó thay đổi khi chúng được mài sắc trước nổi bực tức thường xuyên và các hình phạt khó quên. Sự phức tạp trong quan hệ với các thành viên trong gia đình càng trầm trọng hơn với sự ra đời của các em trai và em gái của Napoleon: Maria Anna (1771, mất 4 tháng sau đó), Lucien (1775), Elisa (1777) và Louis (1778), nhưng không mối quan hệ nào sánh ngang được cuộc đối đầu với Joseph.

Một ảnh hưởng của việc thỏa hiệp với nước Pháp là các người con lớn trong gia đình Bonaparte khó có cơ hội theo đuổi con đường học vấn tại lục địa bằng tiền của hoàng gia. Nhân tố quyết định một lần nữa lại là sự bảo trợ của Marbeuf. Tuy nhiên, sự giúp đỡ của ông dành cho Letizia đã trở thành đề tài đàm tiếu tại Ajaccio và một số kẻ thù của gia đình Bonaparte thậm chí còn đơm đặt Marbeuf mới chính là bố đẻ của Napoleon. Phần thưởng dành cho Joseph là một suất học bổng tại trường cao đẳng Autun ở Burgundy và Joseph bắt đầu nhập học vào tháng 1/1779. Tháng 3 năm đó, Napoleon cũng nhận được một suất học bổng tương tự tại trường Brienne, Champagne – một trong 12 trường điểm của hoàng gia dành cho giới quý tộc do Bộ trưởng Quân sự Saint-Germain thành lập năm 1776. Hai trong số 650 suất học bổng dành cho toàn nước Pháp là phần thưởng cho giới quý tộc trung thành tại đảo Corsica của vua Louis XVI để lấy lòng tin. Sự ưu ái tương tự cũng tạo cơ hội cho Elisa giành một suất học bổng tại trường Thánh Syr năm 1782 – trường dành riêng cho nữ giới tại Pháp – và Lucien tiếp bước Napoleon học tại Brienne năm 1784. Đầu năm 1779, Joseph Fesch, em trai cùng mẹ khác cha của Letizia cũng giành được một suất học bổng của một trường dòng ở Aixen.

Tất cả các sự kiện trên đều là những bước đi quan trọng trong cuộc sống và vận mệnh của các thành viên dòng họ Bonaparte. Đối với Napoleon, giai đoạn đối đầu và giành giật sự quan tâm trong gia đình đã kết thúc, nhưng một giai đoạn mới: sự cô đơn và lạc lõng giữa các đồng môn là con trai của các gia đình quý tộc Pháp có địa vị cao sang hơn bắt đầu. Mới chín tuổi, như mầm cây mới nhú, chỉ biết mỗi thế giới mình được gieo mầm lớn lên,

Napoleon không biết có điểm tựa quen thuộc. Cơ chế điều hành trường học dựa theo nguyên tắc giảng dạy của dòng Thánh Francis rất khắc khổ. Hơn 5 năm, ông không được phép rời trường, chứ chưa nói đến chuyện về thăm đảo Corsica và các cuộc viếng thăm từ gia đình vào năm 1782 và 1784 cũng bị kiểm soát chặt chẽ. Quá trình học và luyện tập thể chất được quản lý sát sao. Thái độ lạnh lùng trước những lời chế giễu của đám bạn, sự nhiệt thành bảo vệ bản sắc đảo Corsica, và cả giọng địa phương đặc trưng khiến ông trở nên lạc lõng. Thời gian này, chỉ có Charles Le Lieur và Fauvelet de Bourrienne trở thành bạn thân của Napoleon (và sau này trở thành thư ký và đại diện toàn quyền của ông tại Hamburg).

Việc học tại trường Brienne đã ảnh hưởng thế nào đến tính cách Napoleon? Rõ ràng, tính độc lập và lòng dũng cảm của Napoleon đã đạt đến đỉnh điểm và đã được minh chứng hùng hồn. Tuy thế, một vài nét như tính ưa nổi trội, thích thể hiện các kỹ năng và sự bông bột của thời trẻ khi ở Ajaccio đã bị che giấu. Ông thu mình và trở nên khép kín. Ông thường tưởng tượng tới những cống hiến sáng chói mình đạt được trong sự nghiệp giải phóng quê hương khỏi ách cai trị Pháp và sự chứng tỏ tài năng bẩm sinh qua các hành động cụ thể. Trong khi Napoleon học yếu và bỏ qua môn Latinh thiếu giá trị thực tế này, ông lại tỏ ra nổi trội ở môn lịch sử, địa lý và đặc biệt xuất sắc trong môn toán. Khi tìm hiểu lịch sử cổ đại, đặc biệt nghiên cứu của Plutarch về Caesar, ông đặc biệt ấn tượng trước sự dũng cảm và ánh hào quang chiến thắng trên mặt trận quân sự của các vị anh hùng thời cổ đại và đây là hình mẫu Napoleon vươn tới. Tài năng bẩm sinh về toán học đưa Napoleon lên vị trí dẫn đầu lớp.

Kiến thức xã hội và giới tính của Napoleon có phần hạn chế, một phần do hoàn cảnh nhưng nguyên nhân chủ yếu vẫn là tính cách của ông. Thời trẻ, Napoleon luôn nhận được sự quan tâm của những người hâm mộ, đặc biệt là giai đoạn này. Tuy nhiên, những tài liệu còn lại rất hạn chế và không đáng tin cậy đã khiến việc nghiên cứu giai đoạn này gặp nhiều khó khăn. Ngay cả Napoleon cũng rất kín đáo trong vấn đề này và thậm chí những tiết

lộ từ những bức thư riêng tư của Napoleon (vốn không có ý định đưa ra công chúng) cũng chỉ là những thông tin rời rạc và không có tính thuyết phục. Những người bạn đồng môn của Napoleon như Bourrienne và Méneval đều để lại hồi ký cho hậu thế. Tuy nhiên, chúng đều được viết trong khoảng thời gian sau này. Đặc biệt, mười đầu sách xuất bản dưới tên Bourrienne năm 1829 phần lớn lại là sao chép lại những nghiên cứu của người khác. Cuốn hồi ký còn dang dở của Joseph và Lucien Bonaparte cũng không mấy hữu ích cho quá trình nghiên cứu hiện nay.

Một vấn đề đặt ra là khoảng cách thế hệ: những quan niệm về giới tính và chuẩn mực đạo đức trong xã hội đã thay đổi nhiều kể từ sau thời Napoleon. Đối với độc giả hiện đại, việc tiết lộ những vấn đề nhạy cảm về đời sống riêng tư của các nhân vật nổi tiếng sẽ khiến việc hiểu bản chất của các nhân vật lịch sử cách đây 200 năm thêm khó khăn. Độc giả có thể nhận thấy những phong tục, quan niệm của người dân đảo Corsica không giống với những phong tục, quan niệm thường thấy ở các nước châu Âu. Những chuẩn mực đạo đức gắn với lòng tự hào dòng tộc, sự chấp nhận hình thái gia đình trong đó nam giới giữ vai trò quyết định tối cao – mô hình hiện nay đã lỗi thời. Việc đóng dấu lên những kẻ ngoại tình, gian dâm và chữa hoang, sự thiếu vắng các trường chung cho nam và nữ, sự thiếu vắng các biện pháp tránh thai khả dĩ hiện được chấp nhận tại hầu hết các nước châu Âu, sự vắng bóng các phương tiện truyền thông tuyên truyền về giới tính đã tạo nên một hố sâu ngăn cách trong quan niệm chuẩn mực đạo đức giữa Napoleon và chúng ta.

Bởi vậy, chúng ta nên cố gắng hình dung ra môi trường cách đây 200 năm, trong đó chàng trai trẻ Napoleon đã có những hiểu biết về giới tính. Chúng ta cần phải hiểu chuẩn mực đạo đức và không gian văn hóa Napoleon đã “hít thở” khi được nuôi dưỡng tại đảo Corsica cũng như sự khác biệt giữa tư tưởng Napoleon với quan niệm hiện đại sau này ở nước Pháp. Mặc dù người cùng thời vẫn thường đặt dấu hỏi cho sự bền chặt trong quan hệ hôn nhân của bố mẹ Napoleon với một số bằng chứng xác thực về tính ưa vui

chơi của Carlo nhưng bố mẹ ông vẫn là tấm gương để duy trì, gìn giữ khuôn phép, lễ nghi nghiêm khắc trong quan hệ với thế giới bên ngoài và tất nhiên, họ kỳ vọng Napoleon sẽ tuân theo những chuẩn mực đó. Sau này, khi phong cách Pháp thấm sâu vào con người Napoleon, ông đã coi nhẹ sự thái quá trong phong tục của người dân xứ Corsica. Trong bất kỳ trường hợp nào, gia đình Bonaparte không bao giờ sống theo những luật lệ tàn bạo do địa vị xã hội và nền giáo dục đặt ra. Nhưng dòng máu đảo Corsica vẫn chảy trong huyết quản của họ, họ vẫn hiểu và tôn trọng những quy tắc đạo đức, trong đó, sự đoan chính là một phần của danh dự gia đình. Tóm lại, khi tiếp cận vấn đề mang tính riêng tư này, chúng ta cần hiểu tâm lý Napoleon theo đúng môi trường, thời điểm xảy ra.

Việc các học sinh trường Brienne có quan hệ bạn bè với các cô gái trong thời gian học tại trường là điều không thể xảy ra, chứ chưa nói đến quan hệ tình cảm. Việc chỉ nhận học sinh nam là một phần quan trọng trong mục tiêu giáo dục, định hướng nhân cách. Không có gì bất bình thường. Trong bất kỳ trường hợp nào, Napoleon không mấy quan tâm đến phụ nữ và nhiều người nghĩ đối với một người đầy tham vọng như ông thì đây là điểm không đáng lưu tâm. Rõ ràng, sự tò mò giới tính của các bạn học đồng lứa là điều khó tránh khỏi và trường Brienne đầy tai tiếng với những chuyện đồng tính luyến ái, tuy nhiên, không có bằng chứng nào cho thấy Napoleon tìm kiếm “kinh nghiệm” trong chuyện này. Nhưng ai có thể chắc chắn, ham muốn nhục dục chưa bao giờ khuấy đảo người con trai đang tuổi trưởng thành này và liệu ham muốn ấy có trỗi dậy trong những khoảnh khắc cô đơn bị giam cầm trong tu viện hay những tình cảm tự nhiên đó bị ý chí sắt đá của con người kiềm chế?

Trước khi trưởng thành ở lứa tuổi 20, Napoleon luôn tỏ ra lãnh đạm với quan hệ tình cảm. Ai có thể khẳng định là do sự lãnh đạm, thờ ơ của Napoleon, hay do sự ngây thơ, tính e dè hoặc thói đạo đức giả của thời kỳ này? Dù năm 18 tuổi, ông dường như đã có quan hệ lần đầu với một cô gái điếm ở tại Paris, nhưng những năm tháng niên thiếu của ông hoàn toàn

trong sáng. Một số tác giả dựa vào phân tích tâm lý cá nhân đã tìm ra nguyên nhân của vấn đề này là do lòng sùng kính mẹ của Napoleon. Nó đã đi theo ông đến tận những năm trưởng thành. Điều này có thể đúng. Tuy nhiên, tôi đánh giá cao việc Napoleon sớm nhận thức được quan hệ nam nữ sẽ ảnh hưởng xấu tới nỗ lực kiểm soát tình cảm cá nhân và nó không phải là cách để một người lính đầy tham vọng tự làm phương hại đến mình. Bởi với một người có thể làm chủ mọi tình huống như ông thì có thể bỏ ngoài tai dư luận và những điều cấm kỵ trong tôn giáo không phải là nguyên nhân khiến Napoleon phải kiềm chế tình cảm. Napoleon đã nhận lễ ban thánh đầu tiên tại trường Brienne vào khoảng thời gian 1781 hoặc 1782 và sau đó được Tổng Giám mục thành Paris chính thức xác nhận vào ngày 15/5/1785, nhưng xét cho cùng đó cũng chỉ là một lễ nghi để xứng tầm với nền nếp gia đình. Khi hiểu biết của ông được mở rộng tới những lĩnh vực mới, ông càng ngày càng ủng hộ tư tưởng thần linh hiện đại của Chủ nghĩa Khai sáng. Nếu như một lúc nào đó ông cần kiềm chế ham muốn trần tục thì tôn giáo không phải là động lực.

Thời gian tại trường Brienne là những tháng ngày Napoleon dồn hết đam mê vào học hành, với sự thôi thúc là phải chứng minh được khả năng vượt trội của ông so với bạn bè qua các kỳ thi cuối năm cũng như các cuộc chạm trán ngoài lớp học và với giấc mơ thành vị anh hùng huyền thoại của đảo Corsica. Chính những thành tựu đạt được trên con đường học vấn và khả năng toán học xuất sắc đã mang lại cho ông suất học bổng vào Trường Quân sự hoàng gia, Paris. Ông nhập học vào tháng 10/1784. Nếu xem Brienne như một trường dự bị thì Trường Quân sự hoàng gia là cột mốc đánh dấu bước khởi đầu của Napoleon trên con đường trở thành một người lính chuyên nghiệp mặc dù chương trình học chủ yếu vẫn là những lý thuyết trừu tượng và thiên về toán học. Xét trên góc độ nào đó, sự xuất hiện của Napoleon tại trường mới là một bước tiến tích cực. Tuy nhiên ông vẫn tiếp tục công kích vào thói hợm hĩnh và hung hăng giả tạo của những người bạn đồng môn xuất thân từ tầng lớp quý tộc cao hơn. Kể từ khi có những mối quan hệ mới, đời sống xã hội của ông trở nên dễ chịu hơn. Chỉ chưa

đầy một năm, mà đối với người khác là 2-3 năm, ông đã đạt tới chức vị tiểu trung úy pháo binh, tương đương vị trí pháo binh cấp hai – cấp thấp nhất khi chỉ mới 16 tuổi. Trong danh sách 300 người trong cả nước, ông đứng ở vị trí thứ 42. Những thư từ của ông thời gian này đều được ký bằng tên “Bonaparte, sĩ quan”. Tuy hơi quá phô trương so với vị trí thật sự còn khiêm tốn nhưng nó chứng tỏ lòng tự hào của Napoleon trước những gì mình đạt được. Những tham vọng từ thời trai trẻ của Napoleon ít nhất cũng đã thể hiện qua những cấp bậc đạt được thời kỳ này. Trong hai, ba năm kế tiếp, Napoleon được bổ nhiệm làm trung úy trung đoàn La Fere và sau đó vào trường đào tạo trung úy Auxonne (tháng 6/1788 - 9/1789).

Trung úy là một vị trí đặc biệt trong quân đội hoàng gia. Việc Napoleon được nhận vào vị trí này chứng tỏ khả năng xuất chúng của ông đã được công nhận. Vào những năm 1780, trung đoàn của ông có khoảng 10 nghìn người trong tổng số 237 nghìn sĩ quan và binh lính gồm bộ binh, kỵ binh, quân đội hoàng gia và lực lượng dự bị địa phương. Quá trình đào tạo quân sự đã mở ra cho Napoleon cơ hội tiếp cận với những phương pháp dạy học cấp tiến, như cách sắp xếp đội hình pháo binh và hạm đội tàu gần súng đại bác của Gribeauval và anh em nhà Du Teil và mưu lược huy động lực lượng bộ binh cơ động của Bourcet.

Tại trường Auxonne(11), Napoleon nhận được sự quan tâm của Đại tướng Jean de Beaumont và nhận được nhiều lời khen ngợi, động viên. Một chân trời kiến thức mới cũng mở ra khi ông chuyển hướng quan tâm sang lĩnh vực chính trị và văn học. Ông là độc giả nhiệt thành của Rousseau(12), Voltaire(13), Corneille(14) và Racine(15).

11 Auxonne: Là một thị trấn nhỏ nằm phía Đông nước Pháp.

12 Rousseau: (1712-1788), nhà triết học, nhà sử học và nhạc sĩ người Pháp.

13 Voltaire: (1694-1778), nhà văn, nhà sử học, nhà phê bình và triết gia người Pháp.

14 Corneille: (1606-1684), nhà viết kịch nổi tiếng người Pháp.

15 Racine: (1639-1699), nhà viết kịch nổi tiếng người Pháp.

Tìm hiểu con đường sự nghiệp của Napoleon giai đoạn 1785-1789, ta không khỏi ngạc nhiên trước những bước trưởng thành rất sớm cũng như khả năng ứng biến và sự linh hoạt của Napoleon. Tại Brienne, ông phải trải qua một hình thức giáo dục nghiêm khắc và tách biệt. Sau khi tốt nghiệp Trường Quân đội hoàng gia, các lần luân chuyển nhiệm vụ của ông xen kẽ với các đợt nghỉ phép dài và sau đó là thăng chức vào vị trí cao hơn. Sau lần đầu tiên rời khỏi Ajaccio năm 1779, nay ông đã có cơ hội về nhà. Đợt nghỉ phép đầu tiên về đảo Corsica của ông kéo dài từ tháng 9/1786 đến tháng 6/1788, trừ ba tháng cuối năm 1787 đến Paris. Một trong những tham vọng của Napoleon tại thời điểm này là viết một cuốn biên niên sử đồ sộ về đảo Corsica và ông đã thu thập nhiều tài liệu liên quan. Thiếu sự giúp đỡ và hỗ trợ từ phía Paoli (vẫn đang bị đi đày) và những người xứ Corsica từng đi theo ngọn cờ Paoli, kế hoạch này không thể tiến triển. Vì vậy, Napoleon rất nóng lòng giữ mối quan hệ và thậm chí hợp tác với các nhà yêu nước trong những hoạt động ngầm nhằm giành độc lập cho đảo Corsica.

Tuy nhiên, nhiều sự kiện quan trọng đã bất ngờ ập đến gia đình Napoleon. Các em gái ông, Pauline và Caroline chào đời năm 1780, 1782 và kế đó là em trai Joreme năm 1784. Nhưng Carlo đột ngột qua đời vì ung thư dạ dày vào năm 1785 khi chỉ mới 39 tuổi ngay trong chuyến hành trình tới Paris, để lại Letizia góa bụa ở tuổi 36. Trong suốt thời gian là vợ chồng, họ có với nhau 12 người con, nhưng chỉ 8 người sống đến tuổi trưởng thành.

Napoleon lúc này vẫn đang học tại Trường Quân sự hoàng gia và ông không tỏ mấy xót thương trước cái chết của cha. Những năm sau đó, ông thậm chí còn thừa nhận việc này mở ra nhiều cơ hội cho con đường sự nghiệp của mình. Theo phong tục đảo Corsica, Joseph trở thành chủ gia đình và ông tỏ ra rất coi trọng vai trò này. Kỳ nghỉ phép đã tạo cơ hội cho Napoleon được trở về nhà, gặp em gái, em trai và đe dọa vị trí chủ gia đình

của Joseph. Napoleon đặc biệt yêu mến Louis, người em vẫn phải bế ẵm trên tay khi ông rời Ajaccio để đến học Trường Brienne, sau này ông đưa Louis theo khi trở lại nước Pháp và dồn nhiều tâm lực hướng dẫn và chỉ bảo Louis. Khi đó, Napoleon đang là sĩ quan quân đội, một phần lương chính của ông được san sẻ cho gia đình. Nghĩa vụ này được chấp nhận và thực hiện đầy đủ.

NGƯỜI LÍNH CỦA CUỘC CÁCH MẠNG

Khi các nhà lãnh đạo quân sự cao cấp gặp nhau tại Versailles vào tháng 5/1789, rất ít người có thể tiên đoán sự hỗn loạn mà quân đội hoàng gia gặp phải trong 3-4 năm sau đó. Ngày 10/8/1792, khi chế độ quân chủ bị lật đổ, bộ máy chỉ huy quân đội cao cấp bị cuốn vào dòng xoáy của những đợt di cư ồ ạt và kéo dài. Sự thật là khuynh hướng này diễn ra ở tầng lớp quý tộc thượng lưu, ở bộ phận bộ binh nhiều hơn là ở tầng lớp quý tộc trung lưu phục vụ cho pháo binh. Căn cứ trên tất cả các bộ phận thuộc quân đội hoàng gia, người ta ước tính khoảng 6 nghìn sĩ quan, chiếm tới 60% tổng số quân đã tham gia vào luồng di cư vào cuối năm 1791 và tỷ lệ này lên tới 75% vào những tháng đầu năm 1793. Họ tách mình khỏi Cuộc cách mạng và một số gia nhập vào đội quân của kẻ thù với tư cách chỉ huy. Việc di cư ồ ạt đó khiến chính quyền cách mạng không còn đủ lực lượng để tham chiến khi chiến tranh bùng nổ ở Áo, Phổ vào tháng 4/1792 và sau đó lan sang Anh, Hà Lan, Tây Ban Nha vào tháng 2 và tháng 3/1793.

Sự thật là anh tài không thiếu. Mà chỉ là sự chuyên giao nhân tài đến tay người khác. Những trụ cột đã giúp Cuộc cách mạng thoát khỏi sự sụp đổ quân sự trong các chiến dịch trọng yếu năm 1792-1794 là sự trưởng thành và thăng tiến nhanh chóng của đội ngũ lính trẻ tài năng, hạ sĩ quan và sĩ quan cấp nhỏ, thường trực hay tình nguyện, xuất thân từ tầng lớp tư sản, quý tộc. Phần lớn họ có kinh nghiệm trong đội quân hoàng gia cũ và cần tiếp tục tận dụng nó. Những năm tháng này đánh dấu bước khởi động của con đường chuyên nghiệp hóa quân đội và tác động nhiều lên sự nghiệp

quân sự của hàng nghìn sĩ quan trong thời kỳ cách mạng. Người ta không thể nghĩ đến những cơ hội như thế trong chế độ cũ, nơi mà tiền bạc và các mối quan hệ xã hội là nhân tố quyết định.

Thật sai lầm khi cho rằng toàn bộ sự việc đều diễn ra dễ dàng và theo trật tự. Chiến tranh ẩn chứa trong nó những nhân tố bất ổn và nhiều biến động. Những thay đổi liên tục trong chính quyền Pháp và những vị trí cao cấp trong Bộ Quốc phòng đã ảnh hưởng lớn đến Bộ Tư lệnh quân sự. Bởi việc thử thách lòng trung thành tuyệt đối không bao giờ là thừa nên có một vài sự đào thải và sàng lọc lại trong hệ thống quân sự với những sĩ quan vẫn lưu luyến với chế độ chính trị cũ. Cũng phải ghi nhận sự bổ nhiệm một số vị trí bộ trưởng và sĩ quan quân sự cao cấp. Nói cách khác, may mắn đơn giản là được sinh ra đúng nơi và đúng thời điểm hay được những người có quyền lực ưu ái, có thể tạo lực đẩy và làm rạng rỡ con đường sự nghiệp của những sĩ quan trẻ đầy lòng nhiệt thành.

Những thay đổi này đã tác động như thế nào tới việc tái cơ cấu quân đội Pháp trên bình diện lớn hơn và đưa tới cách quản lý mới hơn? (vấn đề này sẽ được phân tích cặn kẽ hơn ở chương IV). Tâm điểm của vấn đề chính là những trải nghiệm của bản thân Napoleon bởi ông là hiện thân của những bước ngoặt vĩ đại, của sự huy động nguồn lực ồ ạt. Điểm gây ấn tượng nhất trong sự nghiệp quân sự của Napoleon những năm đầu cách mạng chính là những bất ngờ và biến động. Những hành vi của ông tại thời điểm này mang tính bản năng và không bị ràng buộc bởi khuôn phép nào. Hơn một lần, sự bất phục của Napoleon với chính quyền cách mạng đã khiến ông lâm vào cảnh tù đày nhưng vận may vẫn luôn mỉm cười với ông. Sau kỳ nghỉ phép thứ hai tại đảo Corsica (từ tháng 9/1789 - 2/1791), ông trở thành kỵ binh tại Auxonne và sau đó tại trung đoàn Grenoble, Valence. Nhưng đến tháng 10/1791, ông được chuyển sang lực lượng tình nguyện bảo vệ đảo Corsica với hàm vị trung tá. Điều đó giúp ông nhanh chóng bắt liên lạc với Paoli – người từng thoát án lưu đày vào tháng 7/1790 và trở thành thống đốc đảo Corsica. Một cuộc tranh luận gay gắt giữa ông với giới quan chức

quân sự Pháp khiến Napoleon rơi vào nguy cơ bị giáng chức. Ông đã tự ý kéo dài kỳ nghỉ phép thêm hơn ba tháng mà không xin phép. Cuộc nổi loạn của tiểu đoàn tình nguyện Ajaccio dưới quyền quản lý của Napoleon vào năm 1792 đã gây ảnh hưởng cho cá nhân ông. Napoleon phải vội vàng đến Pháp để dàn xếp vụ lộn xộn, chuộc tội và đảm bảo việc khôi phục chức vị đại úy trong quân đội Pháp.

Cùng thời điểm đó, việc Napoleon đoạn giao với Paoli – đang tham gia cuộc nổi dậy chống chế độ cộng hòa ở Pháp – khiến ông phải đối mặt với nhiều kẻ thù. Lucien Bonaparte, từng là thư ký của Paoli, đã tố cáo những người bảo hoàng theo chế độ chuyên chế trước câu lạc bộ Gia-cô-banh tại Toulon tháng 4/1793. Việc này làm gia tăng mâu thuẫn giữa các đảng phái. Bên cạnh đó, Hội nghị quốc gia đã phản ứng lại bằng cách loại Paoli, bị coi là kẻ phản bội thân Anh, khỏi vòng pháp luật và ra lệnh bắt ông. Sự nghiệp của Napoleon sẽ đi đến đâu khi càng ngày càng bị cô lập trong cuộc nổi dậy của người dân xứ Corsica? Đây không phải là lần đầu cũng không phải là lần cuối cùng ông tự tìm lời giải, và tất nhiên có sự hỗ trợ từ gia đình. Gần một năm trước đó, ngày 24/6/1792, trong bức thư gửi Joseph, Lucien đã nhận thấy ở Napoleon một tham vọng, tuy không mang tính cá nhân nhưng lại mạnh hơn tình yêu của ông dành cho lợi ích dân tộc.

Tháng 6/1793, nhiều sự kiện xảy ra đã buộc gia đình Bonaparte phải rời bỏ nhà để tránh sự chống phá của phe ủng hộ Paoli đến ả nấp tại Toulon. Vấn đề là ảnh hưởng của những sự kiện này đến cái tôi và ý thức khẳng định cái tôi của Napoleon. Là người thân Pháp, bị tách khỏi sự nghiệp ái quốc và đánh mất người ủng hộ tại quê hương đảo Corsica, tình thế buộc ông chỉ có một lựa chọn. Ông phải giành được sự công nhận từ nước Pháp, không chỉ bằng trình độ học vấn và đào tạo chuyên nghiệp mà còn phải bằng những hành động thuyết phục từ bên trong. Giấc mơ về đảo Corsica ấp ủ từ những năm tháng tại trường Brienne đã tan vỡ vì bè phái và những mối hận thù truyền kiếp dai dẳng. Đây là đỉnh điểm của vấn đề tồn tại trong nhiều năm. Theo Dorothy Carrington, “nét đặc trưng của người dân đảo Corsica trong

tính cách Napoleon được gìn giữ và phát triển trong những năm tháng còn là học sinh đã phai nhạt dần trước ảnh hưởng của Cuộc cách mạng Pháp trong khoảng thời gian từ 1789-1793... Napoleon đã dễ dàng vượt ra khỏi những giá trị cố hữu của người dân đảo Corsica như thoát ra khỏi chiếc áo đã quá chật”. Và vì thế, việc chuyển đến miền Nam nước Pháp bước đầu chỉ đẩy gia đình ông rơi vào tình cảnh túng quẫn nhưng những ảnh hưởng của nó tới cuộc đời Napoleon rất lớn và lâu dài. Nó mở rộng tầm nhìn về việc nước Pháp có thể giúp ích được gì cho tham vọng của ông. Về lý thuyết, điều này góp phần củng cố và nhân rộng hình ảnh cũng như bản lĩnh của Napoleon gắn với những nguyên tắc, đặc trưng cách mạng và sau này khi chế độ quân chủ bị lật đổ tháng 9/1792, là nguyên tắc, đặc trưng cộng hoà.

Bề ngoài, Napoleon luôn ủng hộ chế độ cộng hòa cách mạng nhưng trong sâu thẳm, lòng nhiệt thành của ông xuất phát từ mong muốn có được những cơ hội phát triển sự nghiệp quân sự hơn là từ tính cấp tiến của chế độ này. Trong năm 1793, khi gia đình Bonaparte còn đang bận rộn giải quyết những vấn đề nội bộ thì cuộc khủng hoảng chính trị tại Paris diễn ra ngày càng sâu sắc. Tình thế quân sự đã đảo ngược trên trận tuyến phía bắc, đỉnh điểm là thất bại tại Neerwinden vào tháng 3 và sự ly khai của Dumouriez đầu tháng 4. Sau đợt tuyển quân mới vào tháng 2, nội chiến đã nổ ra tại Vendée, sau đó lan rộng sang các khu vực khác thuộc miền tây nước Pháp do sự xúi giục của các lãnh chúa quý tộc và các linh mục bảo thủ. Cuộc nội chiến càng trở nên quyết liệt trước sự nổi dậy của những người chủ trương lập chế độ liên bang ở những khu hành chính khác, cuộc đấu tranh của các tỉnh chống lại sự cai trị của chính quyền Gia-côbanh tại Paris. Mùa xuân và mùa hè năm đó, nhiều thành phố chính như Marseilles, Lyons, Bordeaux tham gia cuộc nổi dậy chống Paris trong khi cảng biển quan trọng của thành phố Toulon đã bị rơi vào tay quân đội Anh vào cuối tháng 8. Ở bất cứ đâu, trong hay ngoài nước Pháp, khả năng tồn tại của cách mạng đều đang bị đe dọa. Mọi kế sách của Gia-cô-banh đưa ra đều đã sẵn sàng nhưng ưu tiên hàng đầu vẫn là phải phục hồi sức mạnh quân sự.

Đây chính là vận may của Napoleon. Ông đã có mặt đúng nơi và đúng thời điểm. Đóng quân tại miền Nam và có kỹ năng sử dụng pháo binh, ông đã lọt vào mắt xanh của Robespierre, Augustin, một ủy viên hội đồng trẻ tuổi của quân đội Italy, sau này đóng quân tại Nice. Sự kiện đó xảy ra khi Salicenti – Phó Thống đốc đảo Corsica trở thành đại diện của quân đội ở Toulon. Với những mối quan hệ may mắn như vậy, Napoleon có cơ hội tham gia vào cuộc bao vây Toulon và mở cuộc tấn công pháo binh giành lại cảng Toulon vào tháng 12/1793. Chiến thắng này giúp ông được thăng chức lên hàm vị thiếu tướng và bổ nhiệm vào vị trí tổng chỉ huy pháo binh quân đội Italy và đội bảo vệ bờ biển khi mới 24 tuổi. Tuy nhiên, cơ hội mở ra do quan hệ với phái Gia-cô-banh không tồn tại lâu. Lucien Bonaparte, một nhân vật có tính cách mạnh mẽ không chịu khuất phục trước sự quản lý của ai, kể cả Napoleon, đã nổi lên như một ngôi sao sáng của phái Gia-cô-banh. Việc Napoleon ngày càng chứng tỏ được năng lực quân sự khiến ông trở thành mối hiểm nguy trong con mắt của nhà cầm quyền Thermidorian, phái đã hất cẳng phái Gia-cô-banh trong cuộc nổi loạn ngày 27-28/7/1794. Ông cũng có nhiều kẻ thù từ phía chính quyền mới tại Paris và thậm chí phải chịu hình phạt tù ở Château d'Antibes.

Sau khi được thả và có một thời kỳ tự do thoải mái ở Paris, sự trung thành của Napoleon bước vào phép thử mới. Cuộc nổi loạn của những người theo chế độ bảo hoàng vẫn nổ ra ròi rạc dù họ đã chịu những thất bại quân sự thảm hại vào cuối năm 1793. Tháng 5/1795, Napoleon được lệnh tham gia lực lượng quân đội miền Tây với chức vụ Tổng chỉ huy lực lượng bộ binh. Ông đã từ chối sự bổ nhiệm này vì lý do cá nhân chứ không phải vì những lo lắng. Theo ông, hành động không quang minh trong nội bộ nước Pháp chứ không phải sứ mệnh anh hùng chống lại kẻ thù ngoại quốc không xứng với danh tiếng của ông. Vì vậy, hình phạt tất nhiên giáng xuống đầu ông. Tên ông bị gạt khỏi danh sách sĩ quan, toàn bộ sự nghiệp của ông một lần nữa lại đứng bên bờ vực. Thêm nữa, mối lo lắng về tài chính cũng làm tăng sự tuyệt vọng trong ông. Có người cho rằng, thời điểm đó ông đã nghĩ đến

lối thoát là tự sát. Ông gần như đã từ bỏ quân đội Pháp và mong muốn phục vụ cho vua Thổ Nhĩ Kỳ.

Một lần nữa, cơ hội lại đến với Napoleon. Phe bảo vệ của chính quyền Cộng hòa ra thông báo chính thức loại bỏ tên ông ra khỏi danh sách đen vào ngày 15/9/1795. Sự kiện làm thay đổi mọi thứ này diễn ra ba tuần sau đó. Việc hợp pháp hóa sự ra đời chế độ cộng hòa vào tháng 9 lại bị đe dọa trước sự nổi dậy của người theo phe bảo hoàng tại Paris. Dù ở trong quân đội hay không, Napoleon có cơ hội chứng minh lòng trung thành của mình trước Hội nghị quốc gia. Sau sự kiện này, dù chỉ là một động thái nhỏ xét trên phương diện quân sự, con đường sự nghiệp của ông lại mở ra hướng phát triển mới. Những ngày đầu xảy ra nổi loạn, ông được phục chức thiếu tướng và được bổ nhiệm là phó chỉ huy quân đội. Vào ngày 16/10, ông được thăng chức chỉ huy khu vực thuộc binh đoàn bộ binh và vào ngày 26/10, lên chức tổng chỉ huy.

ÁNH HÀO QUANG RỰC RỠ

Hội đồng Đốc chính – chính thể đã thay thế Hội đồng Nhân dân vào tháng 11/1795, thừa hưởng một lợi thế quân sự ngày càng vững vàng kể từ khi Pháp giành thắng lợi trước Áo tại mặt trận Fleurus. Họ không còn phải bảo vệ biên giới bằng các biện pháp quyết liệt và huy động lực lượng quân sự ồ ạt để bảo vệ sự tồn tại của mình như phái Gia-cô-banh đã làm. Chính quyền Thermidorian và Hội đồng Đốc chính đều có thể đẩy lùi kẻ thù. Belgium và Luxemburg bị tàn phá và sáp nhập vào tháng 9/1795. Bờ trái sông Rhine bị chiếm đóng quân sự cùng năm đó và mặc dù các khu vực hành chính chỉ được chính thức sáp nhập vào tháng 1/1802 nhưng những nguồn tài nguyên của vùng này đã được khai thác có hệ thống. Các cuộc chiến tranh chinh phạt và bành trướng của nước Cộng hòa Pháp như một cỗ máy đã được vận hành.

Đầu năm 1796, hướng tấn công được chuyển sang phía đông nam Piedmont và nước Italy. Đây cũng là giai đoạn sự nghiệp quân sự của Napoleon phát

triển huy hoàng nhất. Tháng 3/1796, ở tuổi 26, ông được thăng chức lên cấp tướng và là Tổng chỉ huy tối cao quân đội Pháp tại Italy. Chiến thắng vĩ đại của ông trước nước Áo và Piedmont, nằm trong những chiến dịch đầu tiên tại Italy, vốn rất nổi tiếng và cần được phân tích kỹ. Giai đoạn 1796-1797 là khoảng thời gian đánh dấu bước phát triển quan trọng của Napoleon trên con đường binh nghiệp cũng như sự hình thành nhân cách. Đây là thời gian của những kinh nghiệm và thách thức mới, khi những tham vọng cá nhân, tài năng quân sự bẩm sinh và sự cuồng nhiệt trong mỗi tình đầu hội tụ lại để hình thành nên một chiến binh nhận thức rõ sứ mệnh anh hùng của mình. Nói cách khác, những năm tháng đó chính là thời điểm lịch sử để một người lính luôn coi sự nghiệp là mục tiêu tối cao đi đến đỉnh cao danh vọng. Chúng ta cần phân tích ít nhất là ba nhân tố, bởi vì mối quan hệ qua lại của chúng ảnh hưởng đến con đường phát triển của Napoleon theo những cách khác nhau.

Đầu tiên là vai trò của người bảo trợ trong những thời điểm quan trọng, ở đây chính là vai trò của Paul Barras trong bước phát triển sự nghiệp của Napoleon. Barras, từng là cựu thành viên hội đồng, người có liên quan âm mưu giết vua và sau đó là đại diện quân sự ở miền Nam nước Pháp vào mùa thu năm 1793, người nổi tiếng với bàn tay khát máu khi xử lý những kẻ phản bội. Barras đã gặp Napoleon lần đầu tiên trong thời gian vây hãm thành Toulon. Ông có can thiệp vào lần thăng chức của Napoleon sau chiến thắng tại Toulon. Bị ám ảnh sẽ bị tàn sát như phái Gia-cô-banh, Barras đã chủ động ra tay triệt hạ Robespierre và đồng đảng. Sau những biến cố của chính quyền Thermidorian, ông trở thành chỉ huy quân đội, cảnh sát và tham gia một số nhiệm kỳ trong Hội đồng An ninh. Và trong giai đoạn này, ông đã nảy sinh tình cảm với Josephine de Beauharnais, phu nhân của tướng Hoche. Thời điểm diễn ra cuộc nổi dậy của người Vendemiare, khi ông được giao nhiệm vụ bảo vệ Tuileries, ông trở thành tác nhân chính mang đến cơ hội cho Napoleon thể hiện mình. Giai đoạn này đã củng cố vững chắc sự nghiệp quân sự của ông, khi trong lần bầu cử sau đó, Barras trở thành một trong năm thành viên của Hội đồng Đốc chính và dĩ nhiên là

người được công chúng biết đến nhiều nhất. Chính ông và chỉ mình ông đã nắm giữ vị trí cao cấp trong suốt những năm tồn tại Hội đồng Đốc chính (1795-1799). Với sự bảo trợ của ông, Napoleon được thăng tiến lên cấp tướng và được bổ nhiệm làm chỉ huy tối cao quân đội Italy.

Mối quan hệ giữa hai người đàn ông, vốn rất tin cậy và mang lại lợi ích cho nhau lại càng được củng cố thêm khi xảy ra cuộc chính biến ngày 4/9/1797. Cuộc chính biến đã giúp Hội đồng Đốc chính xóa bỏ mối đe dọa từ những người theo phái bảo hoàng. Khi Barras yêu cầu giúp đỡ, Napoleon lập tức gửi tướng Augereau, phó chỉ huy chiến dịch Italy đến dẹp tan âm mưu nổi dậy tại Paris. Không phải mọi ngụ ý của sự kiện này đều rõ ràng. Về ngắn hạn, sự kiện này đã củng cố vị trí của Barras và loại bỏ các kẻ thù chính trị, mà rõ nhất là Barthélemy, Carnot và chỉ huy quân sự Pichegru. Sự kiện này cũng làm tăng thêm tiếng tăm cho Napoleon – bức tường thành quân sự bảo vệ nước Cộng hòa Pháp. Về trung hạn, sự kiện này được nhìn nhận như sự can thiệp của bàn tay quân sự vào chính trị, một bước đệm quan trọng dẫn tới sự kiện tháng sương mù. Nói cách khác đây là một phần của quá trình chính quyền dân sự nổi lên là người phục vụ, chứ không phải người kiểm soát quân đội. Trong dài hạn, đúng như thực tế đã chứng minh, đây là mối đe dọa cuối cùng của phái bảo hoàng lên trật tự chính trị Pháp. Như vậy, Fructidor tạo cơ hội cho Napoleon loại bỏ trở lực chính trên con đường chính trị đầy tham vọng sẽ xảy ra vào tháng 11/1799.

Liệu Barras có sớm nhận ra sự sủng ái dành cho mình bị vượt mất chỉ sau đó hai năm? Chắc chắn là không: mầm mống thù địch giữa ông và Napoleon đã bị nghiền nát trong những năm tháng hợp tác và tin cậy lẫn nhau. Nhân tố thứ hai tạo nên bước ngoặt cho Napoleon vào giai đoạn 1796-1797 là những thăng trầm trong đời sống tình cảm của ông. Chúng ta không biết chính xác thời điểm nào ông nhận ra Josephine là người tình đã bị thất sủng của Barras nhưng rõ ràng ông gặp Josephine lần đầu qua các mối quan hệ xã hội của người đỡ đầu. Josephine nổi tiếng là bạn tri kỷ của một số thành phần quý tộc văn nghệ sĩ. Đó chính là bối cảnh Napoleon gặp

Josephine và sự cuồng dại trong tình yêu của ông rất hiếm thấy. Khó có thể xem đây là một tình yêu lãng mạn bởi những gì Josephine dành cho Napoleon rất mờ nhạt. Ông không hề khơi dậy ở cô tình yêu hay đam mê và thậm chí cô còn không hề thích ông. Vậy đâu là động lực dẫn đến hôn ước giữa hai người được tổ chức vào ngày 9/3/1796, chỉ một tuần sau khi Napoleon được bổ nhiệm vào vị trí chỉ huy tại Italy? Rõ ràng dưới con mắt Josephine, Napoleon là ngôi sao đang lên, là nhà quân sự lỗi lạc có vị thế cao, là sĩ quan cao cấp với con đường công danh đang rộng mở. Josephine 32 tuổi, góa chồng, với những mối tình thoáng qua. Nhưng tình cảm Napoleon dành cho Josephine rất chân thành và cô không có cơ hội nào tốt hơn. Điều quan trọng nhất là cô quan tâm đến lợi ích của hai người con, Eugène và Hortense. Tóm lại, cô kết hôn với Napoleon vì những toan tính vật chất, dựa trên những suy tính cân nhắc chứ không phải từ sự thúc giục của con tim.

Harold Parker(16) cho rằng, tình cảm cuồng nhiệt của Napoleon dành cho Josephine là sự phản chiếu những dồn nén tình cảm, sự thật là ông đã cưới người giống mẹ mình. Vẻ đẹp của người mẹ với mái tóc đen rục rờ, đôi mắt màu hạt dẻ, thân hình mảnh mai được phản chiếu trong hình ảnh vợ ông với vẻ ngoài càng được tôn thêm nhờ nét thanh lịch của dòng dõi quý tộc. Parker băn khoăn liệu đây có phải là động lực giúp ông có những hành động kiệt xuất trong thời gian chiến đấu ở Italy. Sự nghiệp của nước Pháp cũng là sự nghiệp của chính bản thân ông, khi ánh hào quang chiến thắng trên mặt trận quân sự hòa vào sự tán dương của tình yêu trong con người ông. Ông đã từng mong gậy ấn tượng với mẹ và giành sự ngưỡng mộ từ mẹ qua những hành động của mình, vì vậy, ông hiểu cách đi vào con tim Josephine là chứng tỏ những thành công và thắng lợi vượt trội. Chiến thắng tiếp nối chiến thắng đến với ông dọc miền Nam dãy Alps nhưng con đường đi đến trái tim Josephine lại không như ông mong đợi. Ông liên tục viết những bức thư cháy bỏng tình yêu từ mặt trận nhưng cái ông nhận được từ Josephine chỉ là những bức thư rời rạc và gây đau đớn. Mối quan hệ tình cảm của Josephine với người đàn ông khác cũng đang gây tai tiếng.

16 Harold Parker: (1873-1962), là người khai sinh ra nghệ thuật điêu khắc ở Anh.

Cũng cần phải công bằng với Josephine, Napoleon chống lại ý muốn của cả gia đình khi tiến hành hôn ước với Josephine. Theo họ, Napoleon nên cưới Julie Clary, con một nhà buôn tơ lụa giàu có thành Marseilles. Điều này sẽ mang lại danh dự và tài chính cho gia đình ông. Có một thời gian, Napoleon có ý định cưới em gái Julie là Desirée để kiểm soát thừa kế của gia đình. Joseph rất ủng hộ việc này và chính thái độ, tình cảm của Napoleon cũng mong muốn hướng tới một cuộc đính ước. Nhưng Desirée, mới 14 tuổi, lại không mặn mà trước thiện ý của Napoleon sau khi ông được điều chuyển về Paris. Mặc dù quan hệ giữa họ vẫn thân mật nhưng không có dấu hiệu của một cam kết gắn bó thật sự. Desirée cưới tướng Bernadotte (sau này trở thành nguyên soái) năm 1798, và sau trở thành nữ hoàng Thụy Điển. Người ta chỉ có thể dự tính cái điều mà cô đã bỏ lỡ nếu trở thành hoàng hậu nước Pháp.

Khó có thể tưởng tượng được điều gì có thể xảy ra khi “quả bom” Josephine dọt vào gia đình Bonaparte vào tháng 3/1796. Phản ứng đầu tiên là sự phản đối kịch liệt, bởi Josephine dù thuộc dòng dõi quý tộc nhưng những toan tính, mục đích của cô trong đám cưới này rất đáng nghi ngờ. Hơn thế nữa, Josephine lại là bà góa với gánh nặng con cái và hơn Napoleon sáu tuổi. Như đổ thêm dầu vào lửa, Napoleon đã cưới cô mà không cần gia đình chấp thuận. Thậm chí việc Lucien cưới Christine Boyer, con gái ông chủ khách sạn nhỏ vào năm 1794 cũng không gây xúc phạm đến gia đình như thế dù cũng bị phản đối. Letizia sớm nhận ra chân tướng động cơ của Josephine và dĩ nhiên không thích cô. Trong họ hàng của Napoleon, chỉ có Pauline đủ rộng lượng thể hiện thiện chí với Josephine. Còn về phía Josephine, cuộc hôn nhân này cũng chỉ mang lại cho cô và các con sự đảm bảo an toàn, địa vị xã hội nhưng mặt tình cảm trong đời sống vợ chồng lại không được thỏa mãn.

Nhân tố thứ ba ảnh hưởng tới sự hình thành tính cách của Napoleon giai đoạn 1796-1797 là những triển vọng trong sự nghiệp. Về lâu dài, điều này ảnh hưởng lớn đến các mối quan hệ của ông. Từ trước đến nay, ông đều hành động hay buộc phải hành động trong khuôn khổ. Đó là vòng cương tỏa của gia đình trong kỳ thơ ấu, là luật lệ và nguyên tắc hà khắc tại trường Brienne và tại Paris, là quãng thời gian ông phục vụ dưới sự chỉ huy của các sĩ quan cao cấp, là sự can thiệp của quan chức chính trị. Và dù xét ở thời điểm nào, ông cũng chưa bao giờ được tự do hành động theo ý chí bản thân. Các mối quan hệ xã hội và nghề nghiệp của ông gắn với đảo Corsica – thế giới bé nhỏ, cách biệt và với nước Pháp – tại đây thế giới của ông đã được mở rộng hơn nhưng vẫn còn rất hạn chế.

Việc Napoleon được bổ nhiệm vào vị trí chỉ huy tối cao quân đội tại Italy đồng nghĩa với việc ông phải chịu trách nhiệm quản lý 50 nghìn người. Tuy chưa phải là một lực lượng quân đội lớn và nếu so sánh về số lượng thì rõ ràng là nhỏ hơn liên minh Áo và Piedmont rất nhiều. Quân đội tại Italy bao gồm các sĩ quan là người cùng cấp bậc và thậm chí có cấp bậc cao hơn Napoleon. Bây giờ, chính ông là người ra lệnh và người khác phải tuân theo. Hơn nữa, những thử thách tại Italy là thách thức đầu tiên ông trải nghiệm trước một đội quân nước ngoài, trên một vùng đất lạ và trong một chiến dịch quan trọng, dài hơi. Việc tham gia chiến đấu của ông với người Áo năm 1794 chỉ là một sự kiện nhỏ so với những gì xảy ra tại miền Bắc Italy. Tuy đó chỉ là một cuộc chạm trán nhỏ nhưng ông đã rút ra được những bài học quý báu về kẻ thù và về địa hình. Ngoài sự thật là Napoleon chưa có kinh nghiệm đối phó trực tiếp với người Italy, chiến dịch 1796-1797 đã mở ra cơ hội đầu tiên để Napoleon chỉ huy và áp đặt điều khoản hòa bình đối với kẻ bại trận. Napoleon đã vượt qua những thách thức này bằng tài thao lược quân sự, tận dụng tính cơ động của lực lượng quân đội và kỹ năng pháo binh, tài ứng biến linh hoạt và áp đặt kỷ luật quân sự đối với thuộc hạ. Augereau và Masséna, những người lúc đầu luôn coi thường kẻ mới nổi lên từ xứ đảo Corsica này đã ngay lập tức bị hạ đo ván và cảm thấy hối tiếc vì sự liều lĩnh của mình. Chỉ cần một sự thủ thế lạnh lùng, những

mệnh lệnh ngắn gọn và nhiều khi chỉ một cái nhìn khinh mạn cũng đủ để họ phải nín miệng. Trí nhớ tuyệt vời, một phong thái chuyên quyền độc đoán và khinh thường mọi thế lực chống đối – tất cả chứng tỏ Napoleon đã sớm thể hiện uy quyền thật sự của mình và gây nên nỗi sợ hãi, sự phục tùng của những người xung quanh. Từ vị trí và nguồn gốc xuất thân, ông bị gắn với biệt hiệu “ngài hạ sĩ tiểu tư sản” đã trở nên rất nổi tiếng.

Quân đội tại Italy không được trang bị vũ khí đặc biệt và chỉ đóng vai trò nghi binh ở miền Nam, trong khi hướng tấn công chính của Pháp là tập trung tại miền Nam nước Đức, Nhưng kết quả lại không thành công bằng tại Italy. Tốc độ huy động lực lượng và biện pháp tấn công bất ngờ nhằm cô lập kẻ thù là chìa khóa thành công trong chiến thuật dùng quân của ông và chính là điểm thể hiện tài năng quân sự bẩm sinh của Napoleon. Thứ tự các trận chiến cho thấy ý đồ chiến lược của chiến dịch: Montenotte, Millesimo, Dego, Ceva, Mondovi, Lodi, Borghetto, Lonato, Castiglione, Roveredo, Bassano, Arcola, và Rivolo, tất cả là để dọn đường cho cuộc bao vây dài hơi Mantua – khu vực cuối cùng chịu đầu hàng vào tháng 2/1797. Sự chống cự của Piedmont bị đập tan ngay từ những ngày đầu. Giáo hoàng buộc phải chấp nhận điều khoản hòa bình tại Tolentio vào ngày 19/2/1797. Người Áo sau khi để mất Mantua, Cuba và với việc thành Vienna đang bị đe dọa, đã mong muốn tìm kiếm một thỏa thuận đình chiến với nước Pháp. Các bên đi đến một thỏa thuận chung tại Leoben(17) ngày 18/4 và ký điều khoản hòa bình tại Campo Formio ngày 17/10/1797. Ngoài các chiến lợi phẩm như đất đai, Napoleon còn áp đặt việc thành lập nước cộng hòa Cisalpine mới rộng lớn hơn. Như một cách để đền bù những thiệt hại đất đai cho người Áo, Napoleon trao cho họ vùng đất thuộc Cộng hòa Venetian cũ. Các hành động áp đặt quyền lực mà không đếm xỉa đến ý kiến và nguyện vọng của người khác của Napoleon khiến nhiều người cùng thời bất bình.

17 Leoben: Thành phố thuộc tỉnh Styria nằm ở trung tâm Australia.

Trước chiến dịch Italy, tên tuổi Napoleon hầu như không được biết đến, nhiều nhất là ở ngoài biên giới nước Pháp. Nhưng sau đó, danh tiếng của ông lan nhanh và mạnh mẽ. Sự nổi tiếng của ông tại nước Pháp lên tới đỉnh điểm và ngày càng được củng cố vững chắc khi ông chuyển về nước Pháp những chiến lợi phẩm – tiền bồi thường, các công trình nghệ thuật. Nhằm củng cố địa vị của mình, Napoleon đã áp đặt các điều khoản hòa bình tại Tolentino, Leoben và Campo Formio. Là kẻ châm ngòi chiến tranh, giờ đây ông lại là người gây ảnh hưởng lớn và áp đặt các mối quan hệ ngoại giao. Về lý thuyết, ông chịu trách nhiệm trước bộ máy chính trị Paris nhưng trên thực tế, ông chính là chỉ huy tại Italy và người ta có thể tiên đoán thấy bước tiếp theo là sự kiện Tháng sương mù. Như ông đã tuyên bố khi trở về từ Italy: “Tôi đã nếm mùi quyền lực tối cao và không thể từ bỏ nó được”. Những trải nghiệm này đã dạy ông cách đàn áp người khác để đạt được mục tiêu của mình. Thậm chí, nét đặc trưng của người Pháp trong ông cũng được kết tinh ở dạng thuần chất hơn. Khi hành quân từ miền Nam đến Nice tháng 3/1796 để tuyên bố chức chỉ huy quân đội tại Italy, ông đã thay họ từ “Buonaparte” thành “Bonaparte”.

TỪ AI CẬP ĐẾN BRUMAIRE

Với kinh nghiệm chinh chiến ngày càng tăng, tính cách được hun đúc mạnh mẽ và danh tiếng ngày càng lan xa, Napoleon khởi động cuộc viễn chinh đến Ai Cập năm 1798- 1799, dẫn đầu 38 nghìn quân, tạo thành lực lượng mang tên “Quân đội phương Đông”. Đây là một cuộc viễn chinh vĩ đại và không dễ tìm thấy mối liên hệ giữa mục tiêu và những sự kiện diễn ra sau đó với những bước phát triển tính cách và sự nghiệp của Napoleon. Một số nghiên cứu cũ coi động thái này là dấu hiệu cho thấy tham vọng của Napoleon đã vươn ra khỏi biên giới châu Âu. Như vậy, một điều thú vị là tham vọng của Napoleon hướng sang phía đông, trong khi cháu họ ông – Napoleon III tìm kiếm ánh hào quang ở phía tây, ở vùng đất Mexico. Giấc mơ dường như đã có thể thành hiện thực. Nhưng chiến dịch Ai Cập chỉ được xem là điểm tựa quân sự mỏng manh để Napoleon bành trướng sang

phương Đông và gây dựng một đế chế trên toàn cầu. Bởi nếu không có lực lượng hải quân tinh nhuệ thì giấc mơ này cũng chỉ là một ảo tưởng.

Vậy Ai Cập có ý nghĩa như thế nào với Napoleon và những trải nghiệm tại đây ảnh hưởng đến con đường phát triển của ông như thế nào? Đầu tiên, đây là cơ hội cho Napoleon tham gia những chiến dịch cả trên biển và đất liền và đối đầu với nước Anh. Địa hình xa xôi, khí hậu khắc nghiệt và các chiến lược, phương sách trận địa áp dụng là những thử nghiệm đầu tiên chứ không phải là những mưu lược mà Napoleon đã áp dụng trước đó. Những nhận định ngây thơ của Napoleon cũng là một vấn đề khi ông tin rằng sự thịnh vượng của vương quốc Anh không có thật. Nước Anh chỉ là người khổng lồ có đôi chân bằng đất sét và việc mất “tủy sống” vào tay Ấn Độ sẽ đẩy nước Anh vào đống tro tàn. Người ta có thể nhìn thấy ở đây mầm mống của tham vọng sau này, được cụ thể hóa trong chính sách phong tỏa lục địa nhằm ngăn chặn hoạt động thương mại của nước Anh.

Những bài học về hải quân và quân sự giai đoạn 1798-1799 khá thực tế và rõ ràng. Đánh bại lực lượng quân đội Mamluk trên chiến trận và sau đó tuyên bố thiết lập thuộc địa là điều không quá khó nhưng biến những vùng đất này trở thành thuộc địa trung thành của nước Pháp thì không phải là con đường trải hoa hồng. Việc Thổ Nhĩ Kỳ tuyên chiến và tấn công quá sớm là sự chệch hướng không mong đợi. Hạm đội hải quân ở Địa Trung Hải và lực lượng trên đất liền của Anh không dễ dàng bị cô lập và loại bỏ theo cách thông thường. Nguồn lực của Pháp đã được sử dụng tối đa và những thất bại ở hải chiến càng nghiêm trọng và ảnh hưởng tới mối liên lạc giữa các đội quân viễn chinh và nước Pháp. Vào thời điểm quan trọng tháng 8/1799, Napoleon phải rút quân khỏi Ai Cập, Kléber (người ở vị trí chỉ huy cho đến khi bị; những kẻ theo đạo Hồi cuồng tín ám sát vào tháng 6/1800) đã xem hành động này là một sự phản bội và ông đã tìm kiếm thỏa thuận với nước Anh. Một năm sau, chính nước Anh đã khôn ngoan áp đặt những điều khoản hòa bình sau khi Pháp thua tại Cairo và Alexandria vào mùa hè năm 1801. Thất bại quân sự trong chiến dịch Ai Cập là điều không thể chối cãi.

Tuy nhiên, toàn bộ cuộc viễn chinh vẫn thu được những giá trị tích cực – những giá trị văn hóa và khoa học mà những người tham gia vào cuộc viễn chinh này phát hiện được khi tiếp xúc với một vùng đất xa lạ mà những ánh huy hoàng của quá khứ vẫn còn được lưu giữ. Người ta cho rằng, “Học viện Ai Cập” do Napoleon tìm thấy tại Cairo năm 1798 đã tạo cơ sở và nền tảng cho khoa nghiên cứu về Ai Cập. Và chính tại vùng đất Ai Cập xa xôi này đã nảy sinh tình thân ái giữa Napoleon với những cộng sự thân cận, trong đó nổi bật là Berthollet và Monge có đóng góp không thể phủ nhận. Nhiều người trong số họ là cận thần trung thành, luôn sát cánh cùng ông trong những thời điểm quan trọng và được vinh dự nhận huân huy chương hoàng gia. Người ta có thể nhìn vào kết cục sự nghiệp của các thành viên tham gia cuộc viễn chinh để hiểu mỗi ràng buộc và lòng trung thành được tôi luyện trong những năm tháng này. Đối với Kléber, kẻ chống đối, dĩ nhiên tất cả kết thúc trong bi thảm. Đối với Desaix, một vị tướng có tài năng xuất chúng cũng vậy, sự nghiệp kết thúc vì hành động sai lầm tại Marengo tháng 6/1800. Tương lai của Reynier, người lên tiếng chỉ trích cuộc viễn chinh, sau khi trở về nước Pháp năm 1801 khá thặng trầm do đã đánh mất lòng tin của Napoleon. Còn đối với Menou trung thành, dù tài năng quân sự kém cỏi nhưng vẫn luôn nhận được sự ưu ái và các danh tước chính trị đang mở ra phía trước. Nhiều người khác, phần lớn là thường dân Ai Cập, đều nhận được các tước vị trong học viện, cùng với tước vị hoàng gia và các phần thưởng khác. Chiến dịch Ai Cập đã mang lại những thành viên có học vị cho Brumaire, mặc dù sau đó một số người đã phản đối chính sách tầm thường của vị hoàng đế khát chiến tranh này.

Tuy vậy, Ai Cập là một dấu ấn quan trọng trong đời sống riêng tư của Napoleon. Chính thời gian vắng mặt tại Pháp, ông có được những bằng chứng thuyết phục về sự không chung thủy của Josephine. Sau khi kỳ vọng quá nhiều, chính ông lại là người bị lừa dối nhiều hơn và người ta không loại trừ khả năng trong cuộc viễn chinh đến Ai Cập, ông đã có quan hệ tình cảm với Pauline Fourès – vợ một đại úy binh đoàn kỵ binh binh đoàn mà cô đã giả trai để gia nhập. Những bằng chứng gây thất vọng về Josephine đã

ảnh hưởng sâu sắc đến tính cách Napoleon. Tuy nhiên, những khoảng trống hoang lạnh trong đời sống tình cảm của ông lại được bù đắp bởi ánh hào quang và danh tiếng trên con đường chinh phạt thế giới. Sự quan tâm và sùng kính của công chúng đã dần thế chỗ cho tình yêu riêng và sự thăng hoa của uy quyền đã trở thành điều hấp dẫn lớn đối với phái nữ. Napoleon cũng có quan hệ với một vài phụ nữ khác nhưng chính Josephine mới là người ông khao khát và mong muốn gắn bó bền lâu. Theo Harold Parker: “Đây là câu chuyện về một người không thể giành được tình cảm yêu thương mà mình muốn và để lấp chỗ trống đó, anh ta học cách đối phó và thống lĩnh thế giới”.

Trở lại Pháp tháng 10/1799, Napoleon nhận thấy nội Hội đồng Đốc chính đang ở giai đoạn mâu thuẫn đỉnh điểm, không có sự lãnh đạo rõ ràng và nỗi lo ngại về sự hồi sinh phái Giacô- banh. Sieyès, thành viên Hội đồng Đốc chính đã đưa ra kế hoạch thay đổi chế độ và một cơ cấu mới theo ý muốn của bản thân. Những kết quả đạt được trong chiến dịch tại Italy hóa ra không có nhiều ý nghĩa. Cuộc nổi dậy cần một vị chỉ huy quân sự hùng mạnh và bản lĩnh, và sự trở về huy hoàng của Napoleon cùng với việc ông được bổ nhiệm là chỉ huy quân đội thành Paris chính là câu trả lời. Nhờ một may mắn tình cờ, vài năm trước đó anh trai Lucien của ông được bầu làm Chủ tịch Ủy ban Quốc gia gồm 500 thành viên. Câu chuyện bắt đầu khi Sieyès và Ducos từ chức trong Hội đồng Đốc chính, sau đó thuyết phục thành viên còn do dự Barras cùng hành động như vậy với ý đồ tước quyền của thành viên cao cấp. Phần đông thành viên trong Thượng Nghị viện và Ủy ban Quốc gia tán thành động thái này và bỏ phiếu giải tán chính phủ vào ngày 18 tháng sương mù (9/9). Người ta hy vọng động thái này sẽ ngăn chặn bàn tay can thiệp dữ dội của người dân Paris.

Khi ủy ban gồm 500 thành viên tỏ ra không tán thành kế hoạch, Napoleon đối mặt với những phản ứng gay gắt từ các thành viên. Khi làn sóng phản đối dâng cao, Napoleon dường như bị lung lay và hạ gục. Chính Lucien đã giải cứu tình hình bằng cách đưa ra phát ngôn biện hộ cho mục đích của

Napoleon đồng thời đánh giá cao lý tưởng của chế độ cộng hòa và lên tiếng thuyết phục Ủy ban và Hội đồng Đốc chính giải tán. Giải pháp là mỗi bên chọn 25 người để thành lập một hội đồng và xác lập một cơ cấu và hiến pháp mới. Kết quả là Napoleon, Sieyès và Ducos được bổ nhiệm làm quan tổng tài khu vực. Người dân thành Paris chấp nhận điều này, coi đó như một quyết định đã đưa ra thì không thể sửa được. Napoleon là người có lợi nhất nhưng chính Lucien mới là người anh hùng thật sự của sự kiện Brumaire(18).

18 Sự kiện Brumaire: Ngày 18 tháng sương mù, Napoleon tiến hành cuộc đảo chính giải tán viện dân biểu, xóa bỏ nền cộng hòa Pháp đầu tiên.

SỐ MỆNH CỦA DÒNG HỌ BONAPARTE

Chương này bắt đầu bằng hình ảnh một Napoleon trẻ tuổi luôn tranh đấu để giành giật sự quan tâm và công nhận của gia đình ở miền đất xa xôi xứ đảo Corsica và kết thúc là hình ảnh một Napoleon trưởng thành với những nét cá tính đã định hình và sự nghiệp chính trị cũng như quyền lực quân sự đỉnh cao ngay trong lòng nước Pháp. Chính anh trai Lucien của ông là nhân tố quyết định thành công. Sự can thiệp quả quyết của Lucien thực hiện được là nhờ vào vị trí chủ tịch chính thức trong Ủy ban Quốc gia. Frédéric Masson xem đây là điểm nhấn quan trọng trong những nghiên cứu của ông về mối quan hệ của Napoleon với gia đình. Bản năng gắn bó dòng tộc tỏ ra rất hữu ích trong sự kiện Brumaire, do vậy, cần hoàn thiện bức tranh bằng một cái nhìn tổng thể về cuộc sống của các thành viên gia đình Bonaparte trong suốt những năm dẫn tới sự kiện bước ngoặt này.

Tuân theo phong tục đảo Corsica, người đàn ông được kỳ vọng là đầu tàu trong đời sống xã hội và giữ vai trò quyết định tới vận mệnh gia đình. Đầu tiên, chúng ta sẽ phân tích vấn đề này. Lucien trước khi được bầu vào Ủy ban Quốc gia đã từng nhờ cậy Napoleon rất nhiều để đảm bảo thăng tiến trong sự nghiệp quân sự.

Joseph sau khi cưới Julie Clary, đã can thiệp mạnh tay và làm tăng giá trị tài chính của nhà Julie nhờ có các quyết định đầu tư đúng đắn khi trở thành cha của hai đứa con gái. Trong Hội đồng Đốc chính, ông đóng một vai trò quan trọng, theo chân Napoleon đến Italy vào năm 1796 và sau đó được phái đến đảo Corsica. Vào năm 1797, sau một thời gian ngắn làm việc tại Ủy ban và với sự giúp đỡ của Napoleon, ông trở thành đại sứ Pháp tại Parma và Rome. Ở vị trí này, ông đã đúc rút được nhiều kinh nghiệm ngoại giao quan trọng, giúp ích cho vòng đàm phán về lễ đăng quang ngôi vua với giáo hoàng Pius VII và ký kết hiệp ước tại Lunéville và Amiens.

Trong số các anh em nhà Bonaparte, Louis phụ thuộc vào sự bảo hộ của Napoleon nhiều nhất. Lựa chọn theo đuổi sự nghiệp quân sự và phục vụ trong binh đoàn pháo binh nhưng những bước tiến bộ của Louis không có gì nổi trội. Việc thăng chức đại úy lần đầu ở tuổi 15 là do Napoleon can thiệp và những lần thăng cấp sau đó vào tháng 1/1794 cũng đều nhờ vào quan hệ ruột thịt với Napoleon. Ông từng hộ tống Napoleon trong chiến dịch ở Italy với tư cách là một sĩ quan phụ tá, có mặt tại trận chiến Caldiero, Arcola và Rivoli và sau đó tham gia vào cuộc vây hãm Mantua, Cuba. Vào cuối chiến dịch, ông được thăng chức chỉ huy binh đoàn kỵ binh. Ông cũng tham gia đoàn quân viễn chinh sang Ai Cập với Napoleon nhưng được phái về nước sau chiến thắng của Pháp tại Alexandria tháng 7/1798, và tháng 6 năm sau được chuyển đến binh đoàn kỵ binh. Con đường thăng tiến sự nghiệp quân sự của ông tiếp tục rộng mở dưới sự bảo trợ từ gia đình sau sự kiện Brumaire.

Jerome, người em nhỏ tuổi nhất trong gia đình và là cấp dưới của Napoleon, theo đuổi con đường học vấn tại trường Oratorian, Juilly (gần Meaux) và được định hướng tham gia lực lượng hải quân – con đường mà ông đã khởi đầu khá thuận lợi với chức vụ sĩ quan năm 1800. Nếu nhìn vào tính cách sôi nổi của Jerome, người ta có thể dự đoán trước những xì-căng-đan gây sóng gió dư luận của ông như đám cưới đầu tiên với Elizabeth Patterson, một người Mỹ, cuộc hôn nhân lần thứ hai với Catherine(19), xứ

Württemberg(20) một hay hai năm sau đó và việc lên ngôi vua xứ Westphalia(21).

19 Catherine (1519-1589): từng kết hôn với Henri, con trai thứ hai của vua Pháp François I và hoàng hậu Claude.

20 Württemberg: Một bang lớn nằm ở phía Tây nam nước Đức.

21 Westphalia: Vùng đất thuộc Đức.

Em gái Napoleon, Elisa theo đuổi con đường học vấn tại trường hoàng gia tại Saint-Cyr, tuy nhiên, chương trình học bị rút ngắn do Cuộc cách mạng và sau năm 1797, cô cũng di cư theo phái nữ gia đình. Năm 1793, cô cưới Felix Bacciochi, một nhà yêu nước xứ đảo Corsica và hai người đều được trọng vọng trong suốt thời gian đế chế tồn tại. Pauline, người mà nhan sắc và tai tiếng đã đi vào trí nhớ của hậu thế với sự kiện làm người mẫu nude để Antonio Canova chạm khắc tượng thần vệ nữ (1807), nhưng lại được biết đến bởi lòng nhân ái và tính hài hước. Cuộc hôn nhân đầu tiên của cô khi mới 16 tuổi với tướng Leclerc năm 1797 nằm trong sự sắp đặt của Napoleon đã chứng tỏ tính thụ động của cô. Bản tính sôi nổi ấy đã mất đi sau sự ra đi đau đớn của người chồng và đứa con trai độc nhất. Cô hoàn toàn khác với cô em gái Caroline, cũng rất xinh đẹp nhưng đầy tham vọng, mưu tính và khắc nghiệt. Đám cưới của Caroline với Joachim Murat chỉ diễn ra vài tháng sau sự kiện Brumaire, khi ông đang giữ vị trí tổng chỉ huy. Cô nằm trong một phần kế hoạch tìm kiếm địa vị cao quý hơn mặc dù sau này cô đã phản bội ông.

Cuối cùng là người mẹ Letizia. Tám năm kể từ khi gia đình di cư sang Pháp năm 1793, bà chấp nhận đánh mất mái nhà tại Ajaccio. Sau khi xây dựng chỗ ở mới cho những đứa con nhỏ ở Toulon, sau đó chuyển tới gần Marseilles và cuối cùng là Paris, bà duy trì cách sống tiết kiệm và linh hoạt cho đến khi họ rời nhà để tìm kiếm con đường số mệnh. Chiến tranh dân sự tại đảo Corsica buộc Paoli phải trao hòn đảo cho nước Anh và một lần nữa

phải chịu cảnh lưu đày ở London. Sự chiếm đóng của nước Anh đứng trước nguy cơ đổ vỡ sau khi Napoleon chiếm đóng miền Bắc Italy. Letizia lại có cơ hội quay trở lại mái nhà xưa tại Ajaccio. Dồn hết tâm trí theo tôn giáo của mình, bà rời xa ánh hào quang xung quanh các con của mình và nghi ngờ về tương lai. Sự nổi tiếng của bà bắt đầu từ ngày ra đời đế chế khi bà được ban danh vị “mẫu thân của hoàng đế”. Cô đơn ngay trong gia đình, bà luôn tâm niệm châm ngôn của Max Weber: “Sự tồn tại của quyền lực là không bền vững”. Nhưng với sự bắt đầu của chế độ tổng tài, người ta khó có thể tưởng tượng được ngày suy tàn, và gia đình Bonaparte chỉ mới bắt đầu những ngày của số phận.

CHƯƠNG 3. Nghiên cứu về quyền lực: Chính quyền Napoleon

Ngày 15/12/1799, khi Napoleon công bố bản Hiến pháp năm thứ VIII với dân chúng Pháp, hai ngày sau lần ban hành chính thức đầu tiên, ông tuyên bố: “Bản Hiến pháp này được xây dựng dựa trên những nguyên tắc đúng đắn của chính phủ đại diện, trên các quyền sở hữu, sự công bằng và tự do thiêng liêng” và “hỡi các thần dân, Cuộc cách mạng diễn ra dựa trên các những nguyên tắc và lý tưởng cộng hòa và nay nó đã kết thúc”. Tương tự như vậy trong lá thư ngày 30/12 gửi tới d’Andigné, lãnh đạo người Chouan, Napoleon đã nhắc lại lời tuyên bố “Cách mạng đã kết thúc”. Ông cũng khẳng định tham vọng khôi phục một Chính phủ Pháp hùng mạnh, “một chính phủ chỉ tập trung vào việc tái lập trật tự, luật lệ và tự do – một chính phủ sẽ sớm được cả châu Âu tin tưởng và tôn trọng...”. Sự quả quyết táo bạo này có thể được coi là cơ sở lý thuyết để người ta đối chiếu, so sánh với những chính sách thực tế của ông, khi bản chất chế độ của ông được thể hiện trong một hình thức cụ thể trên thực tế.

Chương này sẽ đề cập tới năm khía cạnh của vấn đề: thứ nhất là sự mở rộng cấu trúc chính phủ dân sự của Napoleon dựa trên nền tảng kế thừa thể chế cộng hòa của Cuộc cách mạng cho tới thời điểm ra đời đế chế Napoleon. Thứ hai là cách đối phó của ông với các thế lực chống đối, đặc biệt là trong các năm đầu tiên. Thứ ba là Giáo ước của ông với Giáo hoàng Pius VII. Ban đầu, Giáo ước này được xem như một hành động hòa giải với nhà thờ Thiên Chúa nhưng thực chất, việc ban hành nó đã gieo mầm cho một mối bất hòa. Thứ tư là những nỗ lực của ông trong việc phục hồi trật tự và ổn định của hệ thống tài chính công. Và cuối cùng là những cải tổ lớn trong hệ thống luật pháp, cụ thể là thông qua các kế hoạch tham vọng để lập ra các sắc luật cho nước Pháp. Những thành tựu của ông trong tất cả các lĩnh vực trên phù hợp như thế nào với những tuyên bố ban đầu về “trật tự, luật pháp và tự do thật sự” cũng sẽ được phân tích rõ hơn.

DI SẢN CỦA CHẾ ĐỘ CỘNG HÒA VÀ TẦM NHÌN ĐẾ CHẾ

Nhìn từ nhiều góc độ, lễ kỷ niệm hai trăm năm Cuộc cách mạng Pháp năm 1989 là một trò lừa gạt. Ấn tượng còn đọng lại sau nhiều năm là một cuộc trình diễn mang nét đặc trưng của nền cộng hòa. Với những gì mà người Pháp đang tưởng niệm, thực chất giống như một phiên bản tinh tế mang tính truyền thống của nền cộng hòa. Sẽ rất thú vị khi ta chờ xem họ sẽ làm gì trong một lễ kỷ niệm hai trăm năm khác – gọi là sự kiện Brumaire – vào năm 1999: đến lúc đó, liệu đế chế Napoleon có được nhìn nhận như một phần của quá khứ vinh quang đã bị chôn vùi, hay chỉ như một di sản quan trọng của thời hiện tại.

Khi đặt trong bối cảnh tháng 11/1799, vấn đề này có mối liên hệ trực tiếp tới những gì Napoleon được thừa hưởng từ Cuộc cách mạng, và tới những gì ông đã làm với di sản để lại này. Trước khi diễn ra sự kiện Brumaire, các luồng tư tưởng bắt nguồn từ các sự kiện chính trị năm 1789 đã không gặp nhau ở cùng một điểm. Chúng ta luôn phải nhớ rằng trong ba năm đầu tiên, Cuộc cách mạng đã phát triển chế độ quân chủ đã được cải tổ. Thể chế đầu tiên của cách mạng tháng 9/1791 dĩ nhiên là một thể chế quân chủ. Tuy nhiên, những thiếu sót mang tính thực tiễn của nó đã bộc lộ khá rõ trong cuộc chiến tháng 4/1792. Trong ba năm đầu tiên đó, các nhà lãnh đạo cách mạng đã không thừa nhận mình là người theo chế độ cộng hòa nhưng lại là những nhà hùng biện tài ba cho một nền quân chủ chuyên chế. Xuất thân xã hội và sự nghiệp của họ đều từ tầng lớp thượng lưu hoặc là những công dân ưu tú được đào tạo bài bản của chế độ cũ. Điều gây tranh cãi là dưới sự chỉ đạo của Hội đồng Lập hiến năm 1789-1791, hầu hết những cải cách thể chế có sức sống lâu bền của cách mạng lại được thực thi và hoàn thành trong cùng thời gian đó. Nguyên nhân khiến dân chúng Pháp có tâm trạng như trước ngày diễn ra Cuộc cách mạng là những lời phàn nàn từ tất cả các khu vực bầu cử trong thời gian trước cuộc tổng tuyển cử năm 1789. Đặc biệt, điều này cho thấy, dân chúng Pháp không mấy mặn mà với nền cộng hòa.

Hầu hết mọi người biết đến việc không thi hành hiến pháp Gia-cô-banh năm 1793. Sự xuyên tạc lý tưởng cộng hòa trong thời kỳ “Kinh hoàng” trong các sách giáo khoa thậm chí còn phổ biến. Bản hiến pháp năm thứ III theo mô hình của nền cộng hòa lại là trường hợp khác. Tự do chỉ là trên lý thuyết. Thực tế, bản hiến pháp này đã tước đi vai trò trực tiếp tham gia vào quy trình chính trị và bầu cử của đại đa số người dân. Dù đánh giá ở góc độ nào, theo tiêu chuẩn nào thì nó không phải là bản hiến pháp dân chủ. Một số người nhìn nhận bản hiến pháp này như một định chế dành cho những người làm việc công, cụ thể là các nhà quản lý hành chính, luật sư và cũng có thể coi đây là một định chế dành cho các chủ sở hữu tài sản dựa trên một nền tảng xã hội bảo thủ. Napoleon chấp nhận nền tảng này, và theo một nghĩa nào đó, các năm dưới chế độ tổng tài Pháp được coi như sự nỗ lực để mở rộng và củng cố cơ cấu tổ chức mới của chính phủ. Ông không hề do dự và thậm chí không có nhiều chọn lựa trong việc phân bổ lại các công dân ưu tú phục vụ cho mình nhưng không chịu trao quyền lực thật sự cho họ.

Những diễn biến xung quanh sự chia rẽ trong sự kiện Brumaire đã củng cố một lập luận chủ yếu ở đây. Cuộc cách mạng thật sự đã mang lại cho Pháp một truyền thống cấp tiến, có thể gọi là truyền thống về một “nền cộng hòa” và trong một chừng mực nào đó, nó là một “nền dân chủ”. Tuy nhiên, Cuộc cách mạng cũng để lại cho Pháp một truyền thống bảo thủ, được hình thành từ chế độ cũ và sẽ tồn tại dai dẳng trong tương lai. Khi xem xét vị trí của Napoleon trong truyền thống bảo thủ ấy, chúng ta sẽ tập trung phân tích những ảnh hưởng của Cuộc cách mạng tới truyền thống này. Cuối thời kỳ Hội đồng Đốc chính, chủ nghĩa cộng hòa tại Pháp vẫn còn là một điểm xuất phát khá mới và cũng dễ bị chia rẽ. Ít nhất về mặt xã hội, chủ nghĩa cộng hòa đã không đủ sức hàn gắn các vết thương của Cuộc cách mạng và phong trào phản cách mạng. Đối với người dân nông thôn, trung thành với chủ nghĩa cộng hòa mang tính thực dụng chứ không phải một cam kết gắn bó lâu dài. Nhiều người trong số họ đã bị gạt ra ngoài do đi quá giới hạn chính trị, thù địch hay thờ ơ với tôn giáo cũ. Dù đánh giá thế nào về vai trò của quần chúng cách mạng thì các nhà chính trị đã sai lầm khi nhận thức về

“một nền cộng hòa duy nhất và không thể chia rẽ”. Lý tưởng cộng hòa hiểu theo nghĩa thông thường là quyền đấu tranh cho sự tiến bộ xã hội của các cá nhân và nhà nước. Nó là công cụ hữu hiệu thúc đẩy sự tiến bộ xã hội, và ít quan trọng nhất trong di sản mà Napoleon để lại. Trên thực tế, hầu hết các lý tưởng này đều biến mất sau tháng nóng(22) (lịch cộng hòa Pháp) năm thứ II.

22 Tháng nóng: (tháng thermidor - lịch Cộng hòa Pháp năm thứ II): Cuộc đảo chính lật đổ phái Gia-cô-banh.

Như vậy, về mặt thể chế, Cuộc cách mạng đã để lại cho hậu thế một nền cộng hòa, ít ra là trong các thuật ngữ hiến pháp chính thức. Câu hỏi đặt ra là, trước sự kiện Brumaire, tự do và dân chủ của nền cộng hòa ấy đã ảnh hưởng như thế nào tới quá trình chính trị? Ai có thể khẳng định Pháp sẽ phát triển ra sao nếu bản Hiến pháp Gia-cô-banh ngày 24/6/1793 được thực hiện? Viễn cảnh của nền cộng hòa mà Herault de Sechelles, nhà tiên phong bảo vệ nó, đã trình lên Hội nghị Quốc gia vào ngày 10/6 vừa cấp tiến vừa dân chủ. Tuy nhiên, trong trường hợp này, đó chỉ là một “văn bản chết” ngay từ đầu, và đã chính thức bị hoãn thi hành “cho tới khi hòa bình” vào ngày 10/10. Đó chỉ là viễn cảnh về một nền cộng hòa trong tương lai của Đảng cánh tả Pháp, đặc biệt là trong và sau năm 1848 nhưng tác động của nó lên các chủ thể hiện tại lại rất hạn chế.

Chủ nghĩa cộng hòa Napoleon kế thừa vào tháng 11/1799 lại theo kiểu khác. Các hình thức của nó bắt nguồn trực tiếp từ bản hiến pháp năm thứ III và được hoàn thành vào tháng 9/1795. Ngoài sắc lệnh khét tiếng ngày 22/8 năm đó buộc Cơ quan Lập pháp mới phải rút 2/3 thành viên khỏi các vị trí trong hội nghị quốc gia, các điều khoản cho bản Hiến pháp được phác thảo nhằm duy trì quyền lực của tầng lớp có tài sản và địa vị. Những điều khoản về quyền bầu cử trực tiếp của nhân dân đưa ra năm 1793 áp dụng cho Cơ quan Lập pháp trung ương hoặc tòa án thành phố và địa phương đã không còn hiệu lực. Những nguyên tắc cơ bản của cuộc bầu cử và các cuộc trưng

cầu dân ý về các dự thảo luật cũng chịu chung số phận. Khái niệm về một nhà nước là công cụ thúc đẩy tiến bộ xã hội cũng bị lãng quên. Các nguyên tắc căn bản về sự bình đẳng trước pháp luật và chế độ pháp quyền tuy vẫn được duy trì nhưng phải nằm trong khuôn khổ các mối quan hệ sở hữu đang tồn tại, hay trong khuôn khổ mà bản Hiến pháp đã định nghĩa là “trách nhiệm” của con người và của công dân đối với “trật tự xã hội chung”. Điều này có nghĩa là việc mua bán tài sản thuộc nhà thờ đã được quốc hữu hóa (thực tế đã có hiệu lực ngay sau hội nghị), cũng như việc bán đất đai bị tịch thu từ những người di cư (đã được thực hiện từ trước đó) được hợp pháp hóa theo pháp luật. Năm 1793, văn bản luật này được định nghĩa là “sự tôn trọng quyền tự do và nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Nó được áp dụng cho mọi người”. Năm 1795, luật này được đánh giá là đã đáp ứng “nguyện vọng chung của đa số các công dân hay người đại diện của họ”. Khái niệm “người đại diện” thay thế khái niệm “người được ủy quyền” và sự ủy quyền ràng buộc đã hết hiệu lực.

Theo bản Hiến pháp năm thứ III, quyền tự do bầu cử của người dân bị tước đoạt. Cùng lúc đó, quyền lực chính trị của những người cầm quyền được xác lập và người ta lại quan tâm tới việc ngăn chặn quyền lực chính trị rơi vào tay của một hay một nhóm kẻ mạnh. Lần đầu tiên Pháp có Cơ quan Lập pháp lưỡng viện và nguyên tắc việc phân chia quyền lực căn bản đã được tái thiết lập. Cơ quan Lập pháp mới gồm 750 thành viên được lựa chọn qua hai giai đoạn thông qua quyền bầu cử có giới hạn dựa trên năng lực công dân và năng lực đóng thuế. “Các công dân tích cực”, những người được bầu chọn phải đủ 21 tuổi, sinh sống tại Pháp hoặc người nước ngoài đáp ứng một số điều kiện cụ thể. Họ phải gặp gỡ cử tri ở các khu vực dân cư và lựa chọn ra khoảng 30 nghìn cử tri bậc trung, thấp nhất là 25 tuổi và đóng thuế nhiều hơn cử tri bậc sơ cấp. 30 nghìn cử tri này sẽ tham gia vào các buổi họp ban nhằm bầu ra 250 thành viên Hội đồng Nguyên lão. Thành viên của hội đồng này phải từ 40 tuổi trở lên, đã có gia đình hoặc góa bụa. Các điều kiện này đã hiển nhiên loại linh mục ra khỏi danh sách. Các cử tri bậc trung cũng sẽ chọn ra 500 thành viên từ 30 tuổi trở lên cho một hội đồng khác.

Hội đồng 500 thành viên này có vai trò soạn thảo các dự luật và Hội đồng Nguyên lão là thông qua, phê chuẩn chúng. 1/3 thành viên trong các cơ quan sẽ được thay đổi hàng năm.

Ngoài ra, còn có Hội đồng Quản lý cao cấp gồm 5 thành viên được Hội đồng Nguyên lão chọn ra từ danh sách 50 thành viên thuộc Cơ quan Lập pháp do hội đồng 500 thành viên đệ trình. Quan đốc chính được bầu chọn từ các hội đồng có nhiệm kỳ 5 năm và người kế vị cũng được lựa chọn theo quy trình tương tự. Quan đốc chính hoạt động độc lập với Cơ quan Lập pháp. Chức năng của quan đốc chính là quyền bổ nhiệm các tướng quân đội và 7 bộ trưởng. Giống như một bài kiểm tra lòng trung thành, hàng năm, các quan đốc chính phải tuyên thệ bất hợp tác với các thành viên trong hoàng gia và tình trạng vô chính phủ.

Quy định đó thoát đầu giống như một nghi thức phổ biến chính thức nhưng thực tế nó hàm chứa một mục đích chính trị quan trọng. Mục tiêu chính của vụ đàn áp các cuộc nổi loạn của thợ thủ công tại Paris trong thời kỳ phiê thai và tháng đồng cỏ (lịch Cộng hòa Pháp) năm thứ III (ngày 1/4 và 20-23/5/1795) là xây dựng một chế độ dân chủ tồn tại mãi mãi. Mục tiêu này gần như đã thành công nhờ các cuộc nổi dậy kéo dài nhiều năm của những người theo phái Sanculttes cấp tiến tại thủ đô. Đồng thời, các chính trị gia đã quyết định ngăn cản sự trỗi dậy của chủ nghĩa bảo hoàng. Cuộc nổi dậy 13 tháng mùa gặt (lịch cộng hòa Pháp) năm thứ IV (5/10/1795) bị đàn áp dễ dàng chỉ trong vài tuần trước khi Hội đồng Đốc chính ra đời. Khoảng hai năm sau đó, cuộc nổi dậy quy mô hơn do những người bảo hoàng khởi xướng cũng đã bị ngăn chặn từ trong trứng nước bởi sự kiện tháng trái cây 18 năm thứ V (4/9/1797). Tâm quan trọng của các chuỗi sự kiện này đối với sự nghiệp của Napoleon và vai trò quân đội khi tác động sâu tới chính trị đã được đề cập ở chương trước.

Bạo lực và các hành động phi chính phủ đã thúc đẩy Hội đồng Đốc chính nhằm hành động ngăn chặn sự thách thức từ Đảng cánh hữu (những người

theo chủ nghĩa bảo hoàng và các linh mục không là thành viên ban hội thẩm) cũng như Đảng cánh tả (những người theo chủ nghĩa Gia-cô-banh). Năm 1798, một loạt biện pháp đàn áp hà khắc chống lại giới tăng lữ ngoan cố được thực hiện. Tuy nhiên, khi những người theo chủ nghĩa Gia-cô-banh chiến thắng trong các cuộc bầu cử năm thứ IV, Hội đồng Đốc chính lại một lần nữa thủ tiêu kết quả bầu cử và tạo điều kiện cho những ứng viên của họ chiến thắng tại cuộc bầu cử 22 Tháng hoa (11/5/1798). Hội đồng Lập pháp đã trả được mối thù (thực ra là một sự thanh trừng) với Hội đồng Đốc chính một năm sau qua sự kiện ngày 29-30 Tháng đồng cỏ năm VII (17-18/6/1799) khi buộc ba quan đốc chính có mâu thuẫn với họ phải từ chức. Cả những nhượng bộ về hiến pháp và động cơ chính trị cá nhân cũng không thể biện minh rằng cuộc đảo chính của Napoleon không gây sốc. Không có sự phản đối nào của dân chúng về sự sụp đổ của Hội đồng Đốc chính. Ở mọi góc độ, hội đồng này chưa bao giờ là một cơ quan được lòng dân.

Mọi diễn biến trước sự kiện Brumaire cần được xem xét kỹ trước khi đánh giá mức độ Napoleon chiếm “quyền tự do” của các công dân mà Cuộc cách mạng công khai thiết lập. Như một quan chức đã nhận xét chua cay: “Nếu Bonaparte là một phu đào mộ cho quyền tự do chính trị thì Hội đồng Đốc chính trước đó đã tặng cho ông ta một thi hài”. Bản Hiến pháp năm thứ VIII (13/12/1799) đã chính thức lập ra và hợp pháp hóa chế độ tổng tài. Chế độ tổng tài được 3 quan tổng tài lâm thời chọn ra (Napoleon, Sieyès và Ducos) với sự hợp tác của Ủy ban Lập pháp được chọn lựa từ Hội đồng Đốc chính. Tuy nhiên ở những điểm quan trọng, ông bảo đảm Chế độ tổng tài luôn mang các nét đặc trưng của mình. Dù chế độ tổng tài một lần nữa khẳng định tính bất khả xâm phạm tài sản cá nhân trong các điều khoản chung, trừ trường hợp những người di cư vẫn có tên trong danh sách trục xuất, nhưng nó đã không chỉ ra các quyền và các điều khoản sửa đổi. Đây hai thiếu sót đáng chú ý nhất khi so sánh nó với các bản hiến pháp trước đó.

Tuy nhiên, bản Hiến pháp mới này cũng giống với bản hiến pháp trước đó ở chỗ hạn chế “quốc gia tồn tại hợp pháp” ngay từ đầu. Việc bầu cử theo lá

phiếu phổ thông đã được thừa nhận, ít ra là trên danh nghĩa và chỉ ở giai đoạn thấp nhất trong quá trình bầu cử gián tiếp. Như một nhà bình luận đã nhận xét thuyết phục rằng yêu cầu về tỷ lệ 1/10 trong các vòng bầu cử kế tiếp đã làm giảm số lượng cử tri sơ cấp đủ tư cách từ 6 triệu xuống còn 600 nghìn người tại cấp xã, xuống 60 nghìn người tại cấp hành chính và cuối cùng là 6 nghìn người sẽ hợp thành danh sách quốc gia. Các thành viên của Cơ quan Lập pháp trung ương được lựa chọn từ danh sách này. Quá trình sàng lọc này được củng cố bằng các điều luật bầu cử của bản Hiến pháp năm thứ X (ngày 4/8/1802). Bản hiến pháp đã áp dụng một nguyên tắc độc tài. Những buổi họp tại các Tổng sẽ chọn ra các quận hành chính của Paris và thành lập các hội bầu cử của các khu hành chính. Khoảng 200 – 300 thành viên của mỗi hội bầu cử được lựa chọn ra từ 600 người có mức đóng thuế cao nhất và phải cam kết phụng sự suốt đời. Quan tổng tài thứ nhất có quyền chỉ định 10 thành viên của mỗi quận hành chính và hội bầu cử của mình, đồng thời cũng có quyền bổ sung 10 thành viên vào mỗi hội bầu cử khu hành chính.

Napoleon đã thu hút được sự quan tâm của người dân thông qua các cuộc trưng cầu dân ý về bản Hiến pháp năm thứ VIII, chế độ tổng tài suốt đời vào tháng 8 năm 1802 và đế chế truyền lại vào tháng 5 năm 1804. Trong các cuộc trưng cầu dân ý, số người ủng hộ cao hơn rất nhiều số người phản đối, con số tương ứng là hơn 3 triệu so với gần 1.600 người; gần 3,6 triệu so với hơn 8.400 người; và 3,6 triệu so với 2.600 người. Tuy nhiên, thực tế số người ủng hộ thấp hơn nhiều do cuộc vận động chỉ mang tính hình thức và những việc được xem là sự đã rồi, đặc biệt là trong lần vận động đầu tiên năm 1800. Hơn 2 triệu cử tri đủ tư cách đã bỏ phiếu trắng trong các cuộc trưng cầu dân ý. Dù trong trường hợp nào, biện pháp trưng cầu dân ý đã không được sử dụng lại cho tới cuộc trưng cầu dân ý thứ 100 về “Bản đạo luật bổ sung vào bản Hiến pháp của đế chế” trong suốt thời kỳ Một trăm ngày(23) khi tỷ lệ bỏ phiếu không cao.

23 Thời kỳ Một trăm ngày: tính từ ngày 20/3/1815 – khi Napoleon về tới Paris chiếm lại quyền hành – tới ngày 8/7/1815, ngày vua Louis XVIII trở lại Pháp (thực ra là 111 ngày).

Nếu xem xét các cấu trúc chính trị trung tâm thì không có lý do chính đáng nào để nghi ngờ phẩm chất của những người ủng hộ chế độ cộng hòa, những người đã soạn thảo bản Hiến pháp năm thứ VIII. Tuy nhiên, việc dựng lên các Cơ quan Lập pháp và các văn phòng quản lý của chế độ tổng tài đã sớm tạo ra sự mất cân bằng và ngày càng rời xa các nguyên tắc của nền cộng hòa trước đó. Việc thi hành quyền lực theo cấp bậc và quyền hành pháp nói riêng đã được công bố. Thực tế, ngay từ đầu việc thi hành này đã hình thành và thao túng Cơ quan Lập pháp.

“Thượng nghị viện bảo thủ”, như định nghĩa trong bản Hiến pháp, ban đầu không phải là một Cơ quan Lập pháp mặc dù bản thân nó đã có vai trò chính trong việc lựa chọn các thành viên của Cơ quan Lập pháp trung ương, và khi cần thiết nó sẽ được trao quyền lập pháp. Hai thành viên đầu tiên của Viện Nguyên lão là các quan tổng tài lâm thời đã về hưu, Seiyes (chủ tịch đầu tiên của thượng viện) và Ducos. Họ tư vấn cho các quan tổng tài thứ hai và thứ ba mới được bầu là Cambaceres (cựu Bộ trưởng Tư pháp) và Lebrun (cựu thành viên của Hội đồng Nguyên lão) trong việc lựa chọn 29 thượng nghị sĩ cho Thượng viện. Hai mươi chín người này sau đó sẽ lựa chọn thêm 31 người nữa, nâng thành 60 người. Họ sẽ kết nạp thêm 2 người (trong 10 năm) từ 3 ứng viên được Cơ quan Lập pháp, khu hành chính và quan tổng tài thứ nhất chỉ định để lập thành một cơ quan gồm 80 thành viên. Các nghị sĩ Viện Nguyên lão có độ tuổi từ 40 trở lên, được bổ nhiệm suốt đời và phải tuyên thệ không vi phạm và không làm việc cho bất kỳ văn phòng công nào khác. Một nhiệm vụ quan trọng của cơ quan này là bầu ra quan tổng tài (về lý thuyết), hộ dân quan, các nhà lập pháp, thẩm phán và các ủy viên hội đồng. Họ được trao quyền để bảo vệ hiến pháp được nhận mức lương gần 25 nghìn Frăng mỗi năm.

Cơ quan Lập pháp trung ương của chế độ tổng tài được định nghĩa chính xác là cơ quan lưỡng viện. Cơ quan hộ dân quan bao gồm 100 thành viên có độ tuổi thấp nhất là 25 được các thượng nghị sĩ chọn ra từ danh sách ứng viên của từng khu hành chính. Một phần năm trong số đó sẽ được thay thế hàng năm từ năm thứ X. Các hộ dân quan sẽ nhận mức lương là 15 nghìn Frãng/năm và có quyền thảo luận các dự thảo luật hay đưa ra các ý kiến phản hồi về những điểm cần sửa đổi. Tuy nhiên, họ không có quyền khởi xướng, sửa đổi hoặc ban bố các đạo luật. Vai trò chính thức thông qua hay bác bỏ các dự luật đó thuộc về Cơ quan Lập pháp thông qua các lá phiếu bí mật. Do vậy, một dự luật nhận được đa số phiếu tán thành sẽ được quan tổng tài thứ nhất ban hành thành luật 10 ngày sau đó, với điều kiện các thượng nghị sĩ đều cho rằng dự luật này không trái với Hiến pháp. Ba trăm thành viên Cơ quan Lập pháp cũng được các thượng nghị sĩ chọn ra từ danh sách quốc gia có độ tuổi từ 30 trở lên và có mức lương 10 nghìn Frãng mỗi năm. Một phần năm trong số này sẽ được thay mới sau năm thứ X và luôn có ít nhất một nhà lập pháp tại mỗi khu hành chính. Các nhà lập pháp sắp hết nhiệm kỳ có thể được bầu lại sau thời gian miễn nhiệm một năm nhưng có thể ngay lập tức quay lại làm việc tại cơ quan khác nếu thích hợp. Để trở thành thành viên của hai cơ quan này trong các cuộc bầu cử đầu tiên thì những kinh nghiệm thực tế luôn giữ vai trò quyết định. Trong số 100 hộ dân quan đầu tiên, 69 người đã phục vụ trong Hội đồng Đốc chính, 5 người đã từng phục vụ trong các nhóm cách mạng và chỉ có 26 người chưa có kinh nghiệm. Tương tự như vậy, trong số 300 nhà lập pháp đầu tiên, chỉ có 21 người từng là thành viên của nhóm cách mạng và gần 240 người được lựa chọn trực tiếp từ các hội đồng đã giải tán.

Sự tuyệt giao thật sự với quá khứ cách mạng được đánh dấu bằng các điều khoản áp dụng cho các văn phòng quản lý trung ương và trong cách Napoleon thực hiện và mở rộng các điều khoản này. Ông đã bác bỏ ý tưởng ban đầu của Seiyes về một cử tri được Viện Nguyên lão chọn ra có quyền chỉ định 2 quan tổng tài. Thay vào đó, điều IV của bản Hiến pháp sau năm thứ VII trao quyền quản lý đất nước cho 3 quan tổng tài được chỉ định, hai

người đầu trong 10 năm và người thứ 3 trong 5 năm. Dĩ nhiên, các điều khoản quy định này đã đi ngược lại với những đề xuất về một chế độ tam hùng cân bằng.

Mặt khác, điều khoản 40 là một sự hạn chế quyền lực: Quan tổng tài thứ nhất có một số chức năng và quyền hạn nhất định và có thể bị thay thế nếu xảy ra khiếu kiện. Điều khoản 41 lại cụ thể hóa và tăng cường quyền lực cho Napoleon: ban hành luật, chỉ định và sa thải các thành viên Hội đồng Nhà nước, các bộ trưởng, đại sứ, quan chức ngoại giao cao cấp, quan chức quân đội và hải quân, thành viên của cơ quan chính phủ địa phương cũng như các ủy viên hội đồng chính phủ tại các tòa án; chỉ định nhưng không có quyền sa thải tất cả các thẩm phán dân sự và hình sự trừ thẩm phán hòa giải và thẩm phán tối cao tòa phúc thẩm. Điều khoản 42 quy định rõ:

“Trong các đạo luật khác của chính phủ, quan tổng tài thứ hai và thứ ba có quyền tư vấn. Họ ký vào danh sách các đạo luật đệ trình để chứng tỏ vai trò của mình và có thể trình bày các quan điểm riêng. Sau khi quan tổng tài thứ hai và ba đóng góp ý kiến, của quan tổng tài thứ nhất sẽ được đưa ra quyết định. Nhìn chung, chính phủ được trao quyền dự thảo luật và đảm bảo thực thi; kiểm soát các bộ phận tài chính công; bảo vệ an ninh trong nước và phòng vệ bên ngoài của nền cộng hòa; thực hành các đặc quyền chiến tranh và hòa bình và tham gia vào các hiệp định ký kết với các quốc gia khác. Để tạo sự khác biệt về quyền lực, quan tổng tài thứ nhất được nhận mức lương 500 nghìn Frăng mỗi năm trong khi những người khác chỉ nhận được 30% số đó.

Với những đạo luật như vậy, Napoleon đã tập trung ngày càng nhiều quyền lực vào mình. Ý chí cá nhân của ông được thể hiện dưới hình thức Consular arrele (sắc lệnh đế chế). Sắc lệnh này được củng cố và kiểm duyệt chặt chẽ ngay từ đầu. Hơn nữa, ông đã phá bỏ nguyên tắc phân chia quyền lực căn bản của nền cộng hòa, ít nhất theo hai cách và đều tạo nên sự chú ý hơn bất kỳ một sai lầm nào dưới thời Hội đồng Đốc chính. Thứ nhất, ông can thiệp trực tiếp vào quá trình lập pháp. Ông đã khôn khéo kiểm tra các cuộc bầu

cử Viện Nguyên lão – vốn dễ bị điều khiển – để có thể đưa những người ông chỉ định vào theo quyền Hiến pháp. Vì vậy, trên thực tế, ông có thể tác động tới thành phần của Cơ quan Lập pháp và khu vực hộ dân quan. Các buổi họp hàng năm với số lượng thành viên ít ỏi đều bị chính phủ kiểm soát kỹ càng. Hơn nữa, thông qua sắc lệnh của Viện Nguyên lão, được áp dụng đầu tiên ngày 5/1/1801, ban đầu chỉ áp dụng cho các thay đổi Hiến pháp lớn dựa trên thư đệ trình của các quan tổng tài, ông đã dần bỏ qua và gạt bỏ những mong muốn của Cơ quan Lập pháp. Ví dụ, đầu năm 1802, các điều khoản hiến pháp yêu cầu phải thay thế 1/5 thành viên đã tạo cho ông cơ hội loại bỏ các thành phần chống đối thông qua sự phê duyệt chính thức của thượng viện.

Thứ hai, Napoleon đã tái cơ cấu mối quan hệ giữa nhà nước dân sự và quân đội. Hội đồng Đốc chính đã cố gắng duy trì việc bổ nhiệm các chức danh quân đội cao cấp trong quản lý nhà nước dân sự. Theo bản Hiến pháp năm thứ III không có vị trí đứng đầu nhà nước và vị trí tổng chỉ huy quân đội. Trong chế độ tổng tài, Napoleon đã duy trì điều này cho đến khi tuyên ngôn của đế chế ra đời. Sau đó, ông hoàn toàn trao tống cả quyền lực dân sự tối cao và trách nhiệm quân sự. Sự kết hợp này có vai trò rất lớn khi cần huy động nguồn lực cho chiến tranh. Đây là một trong những lợi thế vượt trội của ông so với kẻ thù ngoại quốc.

Bản Hiến pháp năm thứ III cho phép Napoleon tự do chọn các cố vấn quốc gia. Thông qua họ, các đạo luật thường được đệ trình lên các Cơ quan Lập pháp và các bộ trưởng. Để thực hiện điều này, và để chứng tỏ khả năng thu phục nhân tâm, ông thích lựa chọn những người có tư tưởng và nền tảng chính trị khác nhau, kể cả những kẻ phạm tội giết vua trước đây, những người theo phe bảo hoàng và những người đi theo chế độ cộng hoà. Nhiều người rất có năng lực. Trong quá trình thực hiện nghĩa vụ, họ thường tỏ ra trung thành, có trách nhiệm hơn những người có nhiều sáng kiến và động thái độc lập. Mỗi vị bộ trưởng được một Hội đồng Hành chính phục vụ, trong khi hàng tá công việc, thậm chí nhiều hơn các bộ ngành do Napoleon

lập ra lại Cơ quan Thư ký nhà nước điều hành. Vai trò điều phối chính của Cơ quan này được chính thức công nhận tại tuyên ngôn của đế chế dưới sự điều hành của Maret, một người trung thành và có thâm niên phục vụ.

Tuy nhiên, có hai bộ vẫn có ảnh hưởng bao trùm tới bản chất nhà nước dân sự của Napoleon. Thứ nhất là Bộ Nội vụ với các quyền lực pháp lý ngày càng mở rộng. Ngoài việc quản lý hành chính tại địa phương, các khu hành chính và trung ương, trách nhiệm của họ còn mở rộng tới một số lĩnh vực thuộc tài chính công (đặc biệt là ở cấp địa phương), tới giáo dục, cơ quan kiểm duyệt, công việc và phúc lợi xã hội, nhà tù, các ngành cung ứng lương thực, nghệ thuật, khoa học và thống kê. Cho tới trước khi Bộ Thương mại và Công nghiệp ra đời tháng 1/1812, Bộ Nội vụ vẫn nắm giữ vai trò điều tiết thương mại, sản xuất và quan trọng nhất là nông nghiệp. Về nhiều khía cạnh, bộ này giữ vị trí trung tâm trong bộ máy của Napoleon. Vì vậy, không có gì đáng ngạc nhiên khi nó đã trải qua rất nhiều lần cải tổ trên quy mô lớn trong thời kỳ chế độ tổng tài và thời Đế chế. Trong những lần cải tổ này, số lượng các thành viên của bộ tăng từ 85 người trong nhiệm kỳ của Chaptal (1800-1804) lên hơn 220 người trong nhiệm kỳ của Montalivet (1809-1814).

Thứ hai là Bộ Công an, cũng ghi dấu ảnh hưởng lên chính phủ dân sự của Napoleon, nhất là khi nó chuyển đổi mô hình hoạt động. Lịch sử của nó có nhiều sóng gió hơn bất kỳ bộ nào. Khởi nguồn từ Luật Hội đồng Đốc chính ngày 2/1/1796, Bộ Công an ra đời và hoạt động với tư cách là một bộ độc lập, được phân tách chức năng ra khỏi Bộ Nội vụ. Tuy nhiên, vai trò đảm bảo an ninh và kiểm soát nội bộ của Bộ Công an thật sự bắt đầu từ tháng 6/1799 khi Joseph Fouché được bổ nhiệm chức bộ trưởng. Trên thực tế, chính nhờ Fouché, một cựu khủng bố đồng thời là kẻ mang án giết vua, mà công việc của Bộ Nội vụ dưới sự chỉ đạo của Napoleon được liên kết chặt chẽ. Ông phục vụ Napoleon tới tháng 9/1802 khi Bộ Công an bị bãi bỏ và trách nhiệm của nó tạm thời được chuyển qua Bộ Tư pháp.

Cho dù người ta nghi ngờ sự trung thành của Fouché nhưng chính ông đã thiết lập một hệ thống cung cấp thông tin hiệu quả nhờ các mối quan hệ tốt với giới tội phạm ngầm và những thủ thuật mà ông có được từ chế độ cũ. Với sự hỗ trợ của bốn cố vấn nhà nước, mỗi người cai quản một quận lớn, ông đã khai thác được rất nhiều tin tức quan trọng, nhất là những mưu đồ chính trị chống lại Napoleon. Trong đó, đáng chú ý là L.-N. Dubois, một trong những thuộc hạ của ông phụ trách quận thứ 3 (quận trưởng cảnh sát Paris). Trong mắt dân chúng hình ảnh Fouché biểu trưng cho mặt trái của chế độ Napoleon.

Sự mở rộng hệ thống quyền lực chính phủ của Napoleon tới tất cả các vùng lãnh sự cộng hòa một quá trình khởi đầu sớm và sức lan tỏa rộng lớn. Dù sự kiểm soát quá trình này của ông chưa thông suốt như đã tuyên bố nhưng vẫn là quá trình kiểm soát toàn diện và thống nhất hơn các quá trình trước đây. Cuộc cải tổ chính phủ cấp địa phương và khu vực của ông có sức sống lâu dài hơn những cuộc cải tổ chính phủ trung ương. Và các thành tựu chủ yếu của ông chỉ được hiểu khi so sánh với sự yếu kém của thời kỳ cách mạng. Trong thời kỳ khủng bố, quận là nền tảng cơ bản và trọng yếu của chính quyền Gia-cô-banh. Hội đồng Đốc chính lại lo ngại phái Gia-cô-banh quay trở lại, nên đối phó bằng việc củng cố vị trí của khu hành chính. Coi đó như là một đơn vị quản lý hành chính quan trọng của thể chế. Giữa năm 1795 và 1799, chính quyền các khu hành chính gồm 5 thành viên, do các hội đồng gồm những công dân giàu có (1/5 trong số đó được thay thế hàng năm) bầu ra, được trao quyền quản lý các khu tự trị. Nhưng vào thời điểm đó, các thành viên này lại bị phụ thuộc vào các ủy viên hội đồng trung ương của các bộ tại Paris. Hệ thống này hoạt động không tốt, nhất là trong quản lý tài chính địa phương. Vì thế, những gì nó để lại chỉ là một mớ hỗn độn. Các tranh chấp chính trị cũng đã làm suy yếu dần sự ổn định của hệ thống và ở một số khu vực, chỉ có sự can thiệp của quân đội mới khiến các mệnh lệnh được thi hành.

Đối với Napoleon, tập trung hóa quyền lực triệt để hơn chính là cứu cánh cho việc này. Đạo luật cơ bản ngày 17/2/1800 đã hình thành những quận mới trong số 98 khu hành chính của đế chế Pháp mở rộng, bên cạnh khu vực trung gian và địa phương, và loại bỏ tất cả các nguyên tắc bầu cử cơ bản. Giờ đây, quận trưởng, tổng thư ký và các thành viên của cơ quan cố vấn (hội đồng quận trưởng và Hội đồng chung của mỗi khu hành chính) đều do quan tổng tài thứ nhất bổ nhiệm. Dù vai trò quản lý của quận trưởng hoàn toàn phụ thuộc vào mệnh lệnh của Cơ quan Chính phủ Trung ương nhưng đây vẫn là thành viên cốt cán của chính phủ tại khắp các tỉnh của Pháp. Nhà sử học Jacques Godechot đã ví quận trưởng như một “ông hoàng nhỏ” trong khu hành chính của mình. Mỗi khu hành chính lại được chia thành từng quận hành chính. Những đơn vị mới này giống như các quận của những năm 1790 nhưng quy mô lớn hơn. Trừ thủ đô, mỗi quận hành chính do một trưởng khu quản lý. Trưởng khu, cũng do quan tổng tài thứ nhất bổ nhiệm được có một ban cố vấn cấp quận trợ giúp. Vai trò của trưởng khu cũng được quy định rất rõ ràng. Cấp thấp hơn nằm dưới quyền quản lý của thị trưởng. Thị trưởng, cấp phó và cảnh sát ở những địa phương lớn đều do quan tổng tài thứ nhất chỉ định. Ngược lại, các tổng bị cắt giảm số lượng và nó chỉ đơn thuần là các đơn vị lập pháp và bầu cử.

Khi lựa chọn quan chức quản lý các khu hành chính và cấp thấp hơn, Napoleon thường dùng những người có kinh nghiệm quản lý. Ví dụ, trong số 98 quận trưởng đầu tiên, 76 người đã từng phục vụ trong những cơ quan khác nhau của cách mạng, kể cả một vài vị bộ trưởng hay các quan chức quản lý cấp cao trước kia. Rất nhiều người khác đã từng làm việc trong các khu hành chính hoặc là thị trưởng của các thành phố lớn trước đây. Khi gộp lại thành một nhóm, họ là những người có nhiều tài sản. Về tổng thể, các quan chức của quận hành chính và tỉnh đều sở hữu khối tài sản tương xứng với vị trí của họ. Trong khi chọn các trưởng khu, Napoleon như thường ưu ái những người có quan điểm chính trị trung lập. Các quận trưởng thường không được bổ nhiệm vào khu hành chính nơi mình sinh sống còn các thị trưởng được bầu luôn lại là người địa phương. Về các cố vấn, nhiều người

được chọn ra từ danh sách “nhân sĩ” và những người có đất đai ở khu hành chính.

Vậy chính phủ Napoleon đã đi theo mục tiêu một “chính quyền do người tài nắm giữ” như thế nào? Nếu nhìn vào những khẩu hiệu như: “Cơ hội nghề nghiệp rộng mở cho nhân tài” vốn đã quá quen thuộc trong các công trình nghiên cứu thì có thể thấy nhân tài là yếu tố quan trọng nhất. Napoleon đã đề ra những quy tắc đào tạo các quan chức hành chính công rất rõ ràng. Đặc biệt là trong đạo luật ngày 9/4/1803, kinh nghiệm nghề nghiệp là nền tảng cho tuyển dụng, còn thâm niên chỉ là tiêu chí áp dụng khi thăng chức cho các quan chức có lương và lương hưu ở mức trung bình.

Thậm chí các nhóm chuyên gia mới, trong đó vị trí kiểm toán viên có gắn với Hội đồng Nhà nước từ năm 1803 giữ vai trò quan trọng bậc nhất, cung cấp gần 1/5 trong số 300 quận trưởng phục vụ dưới thời Napoleon. Trong cơ cấu của nhà nước dân dự, việc nhảy cóc lên một vị trí cao hơn tài năng là điều không bình thường, nhiều trường hợp được bổ nhiệm đều là do bảo trợ chính thức hay thiên vị đối với các thành viên trong gia tộc Bonaparte. Việc sở hữu của cải đất đai cũng đóng vai trò quan trọng, thực tế từ khi bắt đầu chế độ tổng tài suốt đời, nó đã gắn với khái niệm chung của Napoleon về “những người quan trọng”. Nguyên tắc xử thế tài phiệt tương tự sau này đã ngấm dần vào hệ thống địa vị xã hội. Ở mọi góc độ, hệ thống chính phủ của ông không có chỗ dành những người có địa vị thấp kém dù có tài năng và lý tưởng.

Stuart Woolf đã dành nhiều công sức nghiên cứu nhà nước dân sự của Napoleon như một “mô hình” quản lý của chế độ tập trung tiên tiến và thống nhất có thể áp dụng tại các vùng đất cai trị. Ông đã nhấn mạnh quan điểm của mình trong các cụm từ như “mô hình hiện đại của Pháp”, “nguyên mẫu của Pháp”, “sự thử nghiệm lớn trong hiện đại hóa”, “việc áp dụng triết đề tính thống nhất của Pháp”, “chế độ quản lý tập trung độc tài”... Quan điểm lạc quan cho rằng “tính hữu dụng xã hội” có thể đạt được thông qua

một “khoa học quản lý” làm nảy sinh yêu cầu thống kê mà Woolf nhìn nhận như một “nhánh trực tiếp của Kameralwissenschaft” – những ý tưởng khai sáng nghệ thuật quản lý đất nước tại Đức trong suốt thế kỷ XVIII. Thực tế, như Woolf đã thừa nhận, “mô hình” này được áp dụng thành công tại các lãnh thổ bị chinh phục hơn các khu vực khác. Trong “nước Pháp cũ”, mô hình được thực hiện khá hiệu quả nhưng thực tế chưa bao giờ là một mô hình quân bình và công bằng. Nó chủ yếu nhắm tới các tầng lớp có tài sản và sự nghiệp, gồm cả những người có vị trí quan trọng trước kia. Xem xét ở kỹ hơn cấu trúc nhà nước thời Napoleon, Louis Bergeron kết luận rằng, “Pháp đã thay đổi từ năm 1800 đến 1815. Và có một nghịch lý là Napoleon vừa tụt lại phía sau lại vừa tiến trước thời đại, kẻ chuyên quyền khai sáng và cũng là nhà tiên tri của nhà nước hiện đại thế kỷ XXI.

Giờ đây, chúng ta có thể nhìn lại và tổng hợp các điểm cơ bản trong chính phủ dân sự của Napoleon và đưa ra những kết luận về việc chính phủ dựa vào đâu và đã tiến xa như thế nào so với Cuộc cách mạng. Rõ ràng các cuộc cải tổ cách mạng đã góp phần hợp lý hóa các chức năng dân sự của nhà nước Pháp và sản sinh ra những công dân ưu tú có kinh nghiệm mà Napoleon muốn trọng dụng. Nhưng đó là khi không xét đến thời kỳ khủng bố, đến những chế độ Cách mạng khác đã cố gắng bảo tồn các nguyên tắc bầu cử và bổ nhiệm vị trí cho các cơ quan quản lý, đặc biệt là ở cấp địa phương đã xuất hiện từ cuối năm 1789. Trong sự so sánh đó, nhà nước dân sự của Napoleon được quản lý theo các quy tắc quyền lực. Nguyên tắc bầu cử cơ bản để bổ nhiệm các vị trí trong cơ quan địa phương, khu hành chính và chính phủ đã bị loại bỏ ngay từ đầu. Nguyên tắc phân chia quyền lực và thể chế đối trọng, cân bằng trên thực tế cũng bị vứt bỏ.

Mặc dù có những điều khoản chính về một Cơ quan Lập pháp hình thành từ bầu cử cũng như dự định về quyền cai trị “phổ biến” nhưng chính phủ Napoleon đã được triển khai bằng nguyên tắc quyền lực quyết đoán. Quyền lực và trách nhiệm được trao từ trung ương và từ cấp cao nhất, xâm nhập theo các cấp độ khác nhau vào các thể chế công và các vùng của nhà nước

Pháp. Chúng được tập trung vào một cơ quan. Cơ quan này sẽ tìm cách thao túng các Cơ quan Lập pháp, và khi cần thì quản lý chúng qua các sắc lệnh. Vị trí, chức năng, lương bổng, sự thăng quan tiến chức chính thức và thanh danh xã hội đều do các quy tắc thứ bậc quyết định và mang tính chuẩn mực. Người hưởng lợi trước nhất từ chế độ cộng hòa cách mạng – Napoleon – đã tính toán để loại bỏ nó từ bản chất bằng cách ban đầu chấp nhận rồi sau đó từ bỏ các hình thức chung của nó. Quá trình này diễn ra từ từ theo một kế hoạch từ trước. Gần ba năm trôi qua kể từ khi bản Hiến pháp năm thứ VIII vào ngày 4/8/1802 được công bố đến chế độ tổng tài suốt đời do Viện Nguyên lão lập ra trong khoảng thời gian hòa bình ngắn ngủi mà người Pháp biết tới dưới chế độ cai trị của Napoleon. Bản Hiến pháp năm thứ XII được công bố với cùng một quy trình vào ngày 18/5/1804, 21 tháng sau đó. Bản Hiến pháp này được thượng viện ủng hộ, Cơ quan Lập pháp cũng như hộ dân quan. Việc sử dụng chính thức lịch cộng hòa vẫn tiếp tục hơn một năm sau, nhưng từ ngày 1/1/1806, đế chế Pháp chính thức theo lịch Giáo hoàng Gregorian. Từ trước đó, Napoleon đã phá vỡ một nguyên tắc cơ bản nhất của chế độ cộng hòa: Quyền lực và sức mạnh, cho dù ở nhà nước dân sự hay trong quân đội, không thể tập trung vào tay một cá nhân. Đế chế Napoleon không khác một chế độ quân chủ chuyên chế ẩn mình dưới một cái tên khác. Chủ quyền, gắn với “quốc gia” hay “dân tộc” ở mỗi thời kỳ khác nhau trong cách mạng một lần nữa được xác định trong một con người.

ĐỐI PHÓ VỚI LÀN SÓNG PHẢN ĐỐI

Cuộc đảo chính Tháng sương mù được tuyên truyền như sự trở lại của một chính phủ mạnh, có tổ chức và mang lại một sự hòa giải chính trị tại Pháp. Điều này rõ ràng có tác động quan trọng đến việc quan tổng tài thứ nhất sẽ đối phó thế nào với các nhóm có quan điểm và hành động chính trị đe dọa tới quyền thống trị của mình. Trong thời kỳ cách mạng, khái niệm “tội khi quân”, tội lật đổ, phản bội tổ quốc và tội phải chịu hình phạt cao nhất của Bourbon, được thay thế bằng khái niệm “tội phản quốc”. Trên thực tế, khái

niệm này được mở rộng để chi phối các hình thức chống đối chế độ chính trị hiện hành ở những mức nhẹ hơn, đặc biệt trong giai đoạn khủng bố Giacobin và phản đối Thermidorian diễn ra sau đó. Trước khi sự kiện Brumaire xảy ra, các Cuộc cách mạng chưa bao giờ trung hòa bất kỳ khái niệm nào về một “phe đối lập chính thức”, hay theo một cách khác là khái niệm phe đối lập hợp pháp với một phe phái khác và có thể thay thế bằng các phương pháp hòa bình. Ngược lại, các chế độ cách mạng tiếp nối có xu hướng nhìn nhận sự chống đối có tổ chức dưới bất kỳ hình thức nào như hành động lật đổ và tìm cách triệt tiêu nó với biện minh rằng họ đại diện cho những mong muốn và lợi ích thật sự của “quốc gia”. Trong những năm 1790, để đối phó với các “âm mưu” có thật hoặc tưởng tượng, họ đã áp dụng các biện pháp trừng phạt khác nhau: tử hình theo quy trình pháp lý đặc biệt, trả thù quân sự (cuối cùng cũng mang lại cái chết), trừng phạt lưu đày hay phạt giam.

Napoleon đã kế thừa một nhà nước mà những thành tựu chính trị đạt được đều nhờ vào các biện pháp bạo lực và bất quy tắc. Và đôi khi chính ông cũng phải nhúng tay vào những biện pháp này. Tuy nhiên, sau đó, ông đã thể hiện mong muốn có một hình thức hòa giải mới là tước bỏ quyền lực khỏi tay những người không chịu từ bỏ thù hằn cũ và coi mình như một nhà hòa giải lớn. Napoleon hy vọng nếu tất cả các nhóm, phái liên minh với chế độ của ông thì chủ nghĩa bè phái chính trị tiêu cực trong những năm tháng cách mạng sẽ dần hướng tới một sự đồng thuận có trật tự. Trước khi xem xét tính thực tế của chính sách này, chúng ta sẽ tìm hiểu bản chất của những sự chống đối tiềm tàng ảnh hưởng đến kết quả của cuộc đảo chính Tháng sương mù, khi rất ít phe phái có đóng góp tích cực vào sự kiện này.

Mỗi đe dọa binh biến trong quân đội của Napoleon có thể bị loại bỏ ngay lập tức. Bởi ông đã yêu cầu một sự trung thành thậm chí trước thời điểm chiến thắng của chiến dịch Marengo tháng 6/1800, trong khi tướng Hoche, từng bị coi là kẻ thù của ông, đã qua đời năm 1797. Tuy nhiên, ngoài quân đội đồng minh, ông phải đối mặt với ít nhất ba sự chống đối tiềm tàng.

Thứ nhất, sự chống đối của những người theo phe bảo hoàng và các linh mục ngoan cố, với giả định họ muốn giữ lại chế độ quân chủ chính thống, người đã tự phong là Louis XVIII với sự phê chuẩn của Giáo hoàng. Sự nổi dậy rời rạc của người Chouan phía tây nước Pháp, cuộc nội chiến của người bảo hoàng xứ Vande năm 1793 chưa bao giờ được Hội đồng Đốc chính hay Hiến pháp quốc gia diệt bỏ tận gốc. Cuối năm 1799, khu vực này là căn cứ địa của những người nổi dậy có vũ trang chống lại chế độ tổng tài Pháp.

Thứ hai, sự chống đối đến từ những kẻ Gia-cô-banh ngoan cố với giả định lợi ích bầu cử của họ đã bị thủ tiêu vào năm 1798, một minh chứng cho sự xa rời quần chúng của Hội đồng Đốc chính cũng như sự ủng hộ mạnh mẽ hơn chế độ cộng hòa cấp tiến mà bản Hiến pháp năm thứ VIII không mang lại cho họ. Hơn nữa, họ này đều sống ngoài vòng pháp luật và không có tổ chức. Mỗi đe dọa thật sự từ họ với Napoleon dễ dàng bị phớt lờ.

Tuy nhiên, sự chống đối thật sự có thể đến từ nguồn thứ 3: từ những công dân ưu tú. Mỗi đe dọa này đến từ một số người trước đây đã từng phục vụ trong các cơ quan trung ương của Napoleon, đáng chú ý là trong các hội đồng hộ dân quan, có thể sử dụng quyền hiến pháp để đe dọa các chính sách của ông. Họ về phe với giới trí thức tự do, không có vai trò trực tiếp nào trong chính trị.

Phản ứng đầu tiên của Napoleon đối với các nhóm chống đối cho thấy ông rất quan tâm đến sự chống đối dù là thật sự hay còn tiềm ẩn. Hành động hòa giải từ rất sớm của ông nhằm vào những người chống đối cả trong và ngoài biên giới nước Pháp. Ông sẵn sàng cho phép những người bị lưu đày trước kia, thuộc cả dòng dõi cao quý lẫn những người ủng hộ Gia-côbanh, đã bị trục xuất khỏi nước Pháp vào năm thứ III được trở về Pháp với điều kiện họ phải tuân thủ chính trị và cư xử tốt. Sau khi hủy bỏ đạo luật con tin chống lại các thành viên trong gia đình hoàng tộc bị lưu đày, ngày 13/11/1799, ông đã cấp lệnh ân xá cho nhiều người bị lưu đày vào ngày 2/3 và 20/10/1800 và ngày 26/4/1802. Với những biện pháp đó, số lượng đông đảo những

người chống đối cách mạng bị lưu đày được hồi hương. Cùng lúc đó, Napoleon nhanh chóng giải quyết những vấn đề còn tồn tại với người Chouan ở phía tây nước Pháp, chủ yếu là với các tỉnh phía bắc của Loire. Ông nhận thấy sự tồn tại của các nhóm du kích nổi dậy ở đây là mối đe dọa quyền lực của mình và lời tuyên bố hòa bình kiểu Napoleon trên toàn lãnh thổ Pháp. Sự chống đối của họ qua việc chống đối cưỡng bức nhập ngũ, cướp bóc và buôn bán hàng lậu đường như không thích hợp với trật tự xã hội của ông.

Ban đầu, sự nổi dậy của người Chouan diễn ra lẻ tẻ và có những khoảng thời gian tạm lắng. Tuy nhiên, nó trở lại với quy mô lớn hơn vào năm 1799, dưới sự hỗ trợ của chính phủ Anh và những người Bourbon(24) bị lưu đày. Vì Liên minh thứ hai muốn huy động tất cả các nguồn lực có thể để chống lại Cộng hòa Pháp. Khi sự kiện này xảy ra, Napoleon không chỉ dừng lại ở việc áp dụng các biện pháp hòa giải và thuyết phục các nhà lãnh đạo Chouan đàm phán mà còn áp dụng biện pháp đàn áp quân sự. Một trong số các nhà lãnh đạo đó là Bá tước Louis de Frotté, đã bị giết ngày 18/2/1800 mặc dù không có bằng chứng nào cho thấy Napoleon đã trực tiếp nhúng tay vào việc này. Hành động trên được xem như một biện pháp mạnh tay nhằm ngăn chặn cuộc nổi dậy. Trong năm đó, với một loạt lệnh đặc xá hay “các hiệp ước” chiến trường, hầu hết các chỉ huy Chouan không còn tiếp tục gây hấn nữa. Điều này chứng minh Napoleon có thể “làm người theo chế độ bảo hoàng Vende nguôi giận”. Ông tiếp tục thực hiện mục tiêu ban đầu là một nhà hòa giải quan trọng với nhà thờ Thiên Chúa, Giáo ước năm 1801. Chính nó đã góp phần thiết lập hòa bình tại các tỉnh phía tây trong những năm đầu của chế độ tổng tài. Các chi tiết của giáo ước này sẽ được nghiên cứu kỹ trong một tiểu mục tiếp theo của chương này.

24 Bourbon: Triều đại trị vì nước Pháp hơn bốn thế kỷ.

Lệnh ân xá cho những người Chouan và những người có dòng dõi hoàng tộc bị lưu đày không thể trừ tận gốc mối đe dọa từ những người bảo hoàng.

Đêm Giáng sinh năm 1800, trong khi Napoleon đang trên đường tới nhà hát Opera, một quả bom đã phát nổ tại đường Saint-Nicaise, suýt trúng ông. Lực lượng cảnh sát thiện nghệ nhất của Fouche đã cho rằng thủ phạm chính là Pierre de Saint-Réjeant và François Carbon, điệp vụ của Goerges Cadoudal, một kẻ bảo hoàng ngoan cố và là một nhà lãnh đạo Chouan cũ, đã từ chối tất cả các lời đề nghị hòa bình và sống lưu vong tại Anh dưới sự bảo vệ của d'Artois(25). Napoleon, quá yên tâm khi tin rằng mình đã trung lập hóa những người bảo hoàng, đã khẳng định âm mưu ám sát ông là tác phẩm của những người ủng hộ Gia-cô-banh. Phản ứng bừa bãi và vô lý của ông là trục xuất 130 người vô tội bị nghi có dính líu đến sự kiện ngày 5/1/1801.

25 Henri d'Artois: Henri V của Pháp và Navarre, được biết nhiều nhất bởi tước vị comte de Chambord là Công tước Bordeaux và Bá tước Chambord là vua Pháp và Navarre trong cuộc tranh cãi từ ngày 2-9/8/1830.

Do đó, Cadoudal lại có cơ hội sống và chiến đấu. Năm 1803- 1804, ông lên kế hoạch cho một âm mưu tinh vi hơn là bắt cóc và giết Napoleon, sau đó cùng với liên minh những người bảo hoàng xâm chiếm Pháp và phục hồi chế độ vua Louis XVIII. Nhưng lần này, cảnh sát của Fouché đã phát hiện ra âm mưu đó đúng lúc. Sau khi bắt giữ những người cầm đầu, tướng Pichegru được tìm thấy vào ngày 5/4/1804 trong tình trạng bị bóp cổ đáng nghi, Cadoudal bị hành quyết trong tháng 6 và tướng Moreau (có thể vô tội) bị trục xuất khỏi Pháp. Trước đó, ngày 20/3/1804, Napoleon đã ra lệnh hành quyết Công tước d'Enghien sau phiên tòa tại Vincennes. Nạn nhân, cháu trai của hoàng tử de Condé, người cuối cùng trong của dòng tộc Bourbon, đã bị bắt ngoài biên giới Pháp tại Baden. Một cựu chỉ huy quân đội bị buộc tội khuyến khích các âm mưu của những người bảo hoàng tại Đức và không có một cơ hội bào chữa cho chính mình. Sự kiện nổi tiếng này đã gây sốc cho các tòa án nước ngoài và cũng gây ra phản ứng trái ngược tại Pháp. Đôi khi nó được nhìn nhận như là một hành động tàn bạo vô cơ nhất của Napoleon, bất chấp những lời biện minh của ông cho rằng đó là một hành

động cần thiết của nhà nước để ngăn chặn kẻ thù. Hành động này không ngăn cản được tuyên bố của đế chế hai nhưng cũng không thúc đẩy thêm những toan tính cho triều đại của ông. Sau này, ông đã nhận ra sai lầm. Rõ ràng, Napoleon không thể dùng các biện pháp tàn bạo để đối phó với sự chống đối của các công dân ưu tú có vị trí chính trị ở Pháp. Một biện pháp truyền thống buộc những lời chỉ trích ông phải im lặng là kiểm soát báo chí. Việc kiểm duyệt này được thực hiện từ rất sớm với lệnh hạn chế ngày 17/1/1800 và ngày càng nghiêm khắc. Những biện pháp này cũng như việc đối xử hà khắc với các nhà báo xuất chúng và với hệ tư tưởng trong học viện sẽ được phân tích kỹ trong chương 6. Giờ đây, việc kiểm duyệt được xem như biện pháp cuối cùng trong chính sách chung, nỗ lực nhằm dập tắt mọi biểu hiện chống đối từ công luận. Mặt khác, Napoleon cũng có thể đáp trả lại sự chống đối của quần chúng bằng cách cụ thể hơn, chĩa mũi nhọn vào các phần tử quá khích chính trị. Như nhà sử học Martyn Lyons đã quan sát sắc sảo. “Những người trung thành với chế độ bảo hoàng phản cách mạng có xu hướng lập thành quân đội mà không có người lãnh đạo, trong khi những người tự do đều là các vị tướng mà không có quân đội”.

Những cuộc thương lượng của Napoleon với hộ dân quan, diễn đàn chính thức tập hợp các lời phê bình tự do, là minh chứng hùng hồn nhất cho những động thái của Napoleon. Theo bản Hiến pháp, các hộ dân quan có nghĩa vụ duy trì các phiên họp và thảo luận công khai. Trên thực tế, điều khoản này không được thực hiện. Chính sách bị phản đối từ những vấn đề nội bộ như việc bổ nhiệm vào Viện Nguyên lão và thủ tục ban hành hay hủy bỏ các dự luật, đến các vấn đề rộng hơn như tính độc lập của tòa án, việc áp dụng các phiên tòa đặc biệt để xét xử tội cướp bóc, nỗ lực sửa lại các đạo luật đất đai, xóa bỏ các đặc quyền “phong kiến” hay thiết lập sự phân chia tài sản công bằng hơn giữa những người thừa kế nam, Giáo ước và thậm chí là bản dự thảo luật Dân sự đầu tiên.

Sự tức giận và ngờ vực về những việc làm của Napoleon dần tích tụ khi ông tìm cách nhổ tận gốc “tư tưởng Medusa” bằng sự thanh trừng trong các

phòng lập pháp đầu năm 1802. Việc thay thế 60 vị trí trong Cơ quan Lập pháp có phần thái quá, nhưng 20 người bị cách chức trong cơ quan hộ dân quan đã giúp loại trừ được những nhà phê bình ngoan cố và đáng chú ý nhất. Đôi khi việc đó được nhắc tới như “sự khai sáng trong cơ quan hộ dân quan”. Trong khi kiên quyết sa thải những người ông coi là “những nhà siêu hình học” rắc rối, Napoleon vẫn cố gắng tránh việc tạo ra sự hận thù trong lần thay thế nhân sự đầu tiên.

Sắc lệnh của Viện Nguyên lão ngày 4/8/1802 tuyên bố thực thi chế độ tổng tài suốt đời chỉ rõ rằng thành viên của hộ dân quan đến cuối năm thứ XVIII sẽ bị cắt giảm xuống còn 50. Hơn nữa, sự thận trọng của nó đã được thể hiện trong 3 bộ phận riêng biệt (nội vụ, lập pháp và tài chính), mỗi bộ phận được đặt dưới sự theo dõi của một Ban Cáo cáo của Hội đồng Nhà nước. Ngày 19/8/1807, tất cả cơ quan hộ dân quan bị xóa bỏ theo thủ tục của sắc lệnh Viện Nguyên lão và những người thấp cổ bé họng còn lại bị chuyển sang Cơ quan Lập pháp. Cơ quan Lập pháp vẫn được duy trì định kỳ cho tới lần tập hợp cuối cùng năm 1813. Trong suốt thời gian đó, nó vẫn là cơ quan đặc biệt, nơi hàng năm, các quan chức tỉnh lẻ tới Paris dự các buổi họp ngắn.

Cuối cùng, những chính sách liên quan tới giá thực phẩm không thay đổi trong suốt thời kỳ thống trị, Napoleon đã không phải đối mặt với sự nổi dậy lớn của nông dân và thợ thủ công cho tới ngày cuối đế chế, khi các biện pháp khẩn cấp không thể dập tắt các cuộc nổi loạn của nhân dân ở một số vùng. Chỉ có vụ mùa năm 1801-1803 (một phần trùng khớp với thời gian hòa bình) và vụ mùa năm 1811 là không bội thu, trong khi thời kỳ 1806-1809 mang lại kết quả tồi tệ. Về khía cạnh này, Napoleon may mắn hơn Louis XVI và một số chính phủ cách mạng khác. Ông đã thực hiện các biện pháp bổ sung nhằm làm yên lòng thợ thủ công và nông dân và đã kiên quyết thực hiện chính sách (dù không phải lúc nào cũng thành công) tòng quân bắt buộc đối với nông dân. Các đạo luật chống lại sự liên kết hay đình công của công nhân được tái thiết lập trong tháng 4/1803 và sau đó được thắt

chặt thêm bằng đạo luật trừng phạt năm 1810. Thêm vào đó, đạo luật tháng 12/1803 yêu cầu mỗi công nhân ngành công nghiệp phải có một sổ nhật ký làm việc và cần sự phê chuẩn của một cảnh sát trước khi được phép thay đổi ông chủ. Những biện pháp này góp phần giảm bất ổn trong các tầng lớp nhân dân, thậm chí còn khiến họ phục tùng chế độ của ông. Tuy nhiên, nếu giả định của ông đúng, có lẽ là nhờ phần nhiều vào “yếu tố may mắn” khi có những vụ mùa bội thu trong suốt thời kỳ Đế chế.

GIÁO ƯỚC

Giáo ước của Napoleon với Giáo hoàng năm 1801 được coi là một động thái hòa giải chính trị trong thời kỳ đầu của chế độ tổng tài. Tính phổ biến của Giáo ước này chỉ có thể được đánh giá qua mối quan hệ với các cuộc khủng hoảng. Những cuộc khủng hoảng đã nhấn chìm Nhà thờ Pháp kể từ khi xung đột nổ ra xung quanh bản Hiến pháp dân sự của giới tăng lữ (tháng 7/1790). Với một số điều khoản mới quy định việc tăng lương cao và đều đặn cho các linh mục xứ đạo, cuộc cải tổ này lẽ ra phải được giới tăng lữ ủng hộ. Tuy nhiên, yêu cầu về một lời tuyên thệ với bản Hiến pháp dân sự (tháng 11/1790) khiến họ phải đương đầu với cuộc khủng hoảng lương tâm nghiêm trọng, đặc biệt khi Giáo hoàng Pius VI đặt ngoài vòng pháp luật biện pháp này và chỉ thị cho cả giới tăng lữ Pháp từ chối lời tuyên thệ trong tháng 3 và tháng 4/1791. Song ngoại trừ bảy người nghe theo Giáo hoàng, còn lại hầu hết các giám mục có tước vị thấp hơn trong giới tăng lữ bị chia rẽ thành hai phe. Nhiều tăng lữ cứng đầu đã tham gia vào lực lượng bảo hoàng trong các phong trào phản cách mạng, chủ yếu tại các tỉnh phía tây.

Một trong số các di sản mà Cuộc cách mạng để lại cho Napoleon là một nhà thờ Thiên Chúa giáo đã tuyệt giao hoàn toàn với Rome. Và vấn đề này trở nên trầm trọng hơn trong các chế độ sau này. Lo sợ sự lan tràn của chiến dịch “làm biến mất công giáo” do các chiến binh Gia-cô-banh khởi xướng năm 1793-1794, chính phủ Montagnard chống lại và dần loại trừ các thủ

phạm, tuy nhiên cũng không thể xoa dịu sự tức giận của hàng triệu tín đồ Thiên Chúa giáo. Chế độ Thermidorian đã thừa nhận sự bất lực trong việc thiết lập một nhà thờ có đặc ân theo hiến pháp bằng việc tuyên bố quyền “tự do tôn giáo” và đồng thời cắt giảm nguồn trợ cấp của nhà nước cho nhà thờ vào ngày 21/2/1795. Trong khi duy trì một quan điểm trung lập, Hội đồng Đốc chính chưa bao giờ khẳng định các nguyên tắc cơ bản về một chế độ cộng hòa phi tôn giáo trong các biện pháp đàn áp mới chống lại những người không thuộc Ban Hội thẩm năm 1798.

Bất chấp sự chông gai này, nhà thờ không chịu khuất phục và vẫn tồn tại ở khía cạnh tinh thần trong những năm tháng tồn tại Hội đồng Đốc chính và theo một cách nào đó, có sức mạnh thực tế hơn số nhà thờ của những thế chế ít ỏi còn lại. Hàng nghìn tăng lữ đã bỏ mạng trong tay các nhà cách mạng và số đông hơn bị trục xuất. Trong khi đó, các nhà thờ thường xuyên bị lục soát để tìm ra kim loại quý và các nguyên liệu có ích khác. Tuy nhiên, vẫn có một số lớn linh mục không thuộc Ban Hội thẩm đã bằng cách này hay cách khác sống sót được qua những biến cố đó mà không gặp phải một bất hạnh nào. Họ tìm được lương thực và nơi trú ẩn an toàn ở các vùng nông thôn và tiếp tục phụng sự tôn giáo. Do được khuyến khích, phản ứng của những người không theo đạo Thiên Chúa trở nên mạnh mẽ và tàn nhẫn hơn. Olwen Hufton, trong một nghiên cứu có giá trị về vấn đề nảy sinh trong các năm 1796-1801, thời kỳ u tối nhất, đã chỉ ra rằng không chỉ là sự phục hồi về tôn giáo mà thực tế là cả sự phát triển của giới tăng lữ ở những vùng mà Thiên Chúa giáo đã bám sâu vào gốc rễ. Sự phục hồi này “không chính thức” và rõ ràng phụ nữ Pháp quan tâm tới nó hơn đàn ông. Nó chủ yếu phục vụ lợi ích của giới tăng lữ không chịu khuất phục. Theo Hufton, tất cả những điều này “là câu chuyện về sự tồn tại của tôn giáo và về cách thức nhà thờ đã được tái thiết trong một thời gian dài trước khi có Giáo ước. Giáo ước đã phục hồi và đặt một hệ thống cấp bậc trên nền tảng pháp luật, hòa giải với Rome và cho phép mọi người tuyên thệ hạnh phúc tinh thần trước người có chức sắc”.

Giờ đây, có thể hơi quá khi nói Giáo ước chỉ công nhận một việc đã rồi nhưng không thể nghi ngờ khả năng phán đoán sắc sảo của Napoleon về tình trạng sùng bái tôn giáo ngày càng gia tăng trong cộng đồng. Giáo hoàng Pius VI đã qua đời tại Valence, Pháp, tháng 8/1799 và việc bầu Giáo hoàng mới, Cardinal Chiaramonti, một thầy tu xứ Benedictine và Tổng Giám mục của Imola, người đã thừa nhận tiếng tăm của Pius VII vào tháng 3/1800, đã đem lại cho quan tổng tài thứ nhất cơ hội hòa giải với Rome. Mọi người đều hiểu rõ động cơ của ông hoàn toàn không mang tinh thần tín ngưỡng mà rất thực dụng. Như ông đã từng có nhận xét nổi tiếng: “Trong tôn giáo, tôi không chỉ thấy bí mật hiện thân của Chúa mà còn bí mật về thứ tự cấp bậc xã hội”. Ông cũng đi tìm sự công nhận của Giáo hoàng cho những việc làm táo bạo của mình. Điều mà ông cho là sẽ giúp lập lại hòa bình với người Vande, tách những người di cư ra khỏi những người Bourbon bị trục xuất và tạo điều kiện đồng hóa các vùng đất sáp nhập hay bị chiếm đóng như Bỉ, bờ Rhene và Peidmont – những vùng đất có nhiều người theo đạo Thiên Chúa.

Ngay sau khi thoát khỏi các cam kết quân sự trong chiến dịch Marengo toàn thắng năm 1800, Napoleon đã đưa ra lời đề nghị đầu tiên với Rome. Giáo hoàng Pius VII có thể nhận ra ngay lợi ích cho nhà thờ trong thỏa thuận đó nhưng phản ứng đầu tiên của ông là nghi ngờ và thận trọng. Chính những lo ngại về sự chiếm đóng của Pháp tại các quốc gia thuộc về Giáo hoàng đã khiến ông cử Spina và Caseli là các đại diện toàn quyền đặc biệt tới Paris tháng 9 năm đó. Ban đầu, Bernier, người từng theo Chouan cũ, trở thành đại diện cho Napoleon và đây dường như là một lựa chọn khôn ngoan, đồng thời d’Hauterive, một cộng sự của Talleyrand được chỉ thị lập ra các điều khoản của Giáo ước. Tuy nhiên, đây chỉ là bước khởi đầu cho quá trình thương lượng bí mật, khó khăn kéo dài. Khi mất dần kiên nhẫn, Napoleon quyết định tận dụng lợi thế hòa bình sẵn có với Áo tại Luneville (9/2/1801) để củng cố vị thế của ông tại Italy và buộc Giáo hoàng phải nhượng bộ. Ông cử Cacault, một quan chức ngoại giao, tới Rome để gây sức ép trực tiếp lên Pius và gửi tối hậu thư tới Giáo hoàng vào tháng 5/1801. Tuy nhiên,

quá trình đàm phán vẫn không hề tiến triển tích cực. Khi Cacault bị gọi về nước, Giáo hoàng cho rằng tốt nhất là cử thư ký cao cấp Cardinal Consalvi tới Paris trong một nỗ lực tránh sự tuyệt giao hoàn toàn. Cuối cùng, Bernier, Joseph Bonaparte và Cretet (đại diện cho Cộng hòa Pháp) và Consalvi, Spina (đại diện cho Giáo hoàng) đã ký Giáo ước lúc 2 giờ sáng ngày 16/7/1801. Giáo ước được thông qua tại Rome ngày 15/8 và tại Paris ngày 10/9 năm đó.

Điều gây ngạc nhiên là giáo ước lại chỉ là một tài liệu sơ sài. Các điều khoản, như đã được thỏa thuận từ đầu, ngoại trừ một vài điểm mập mờ có chủ đích, đã mang lại ấn tượng về một thỏa hiệp chưa hợp lý cho cả hai bên. Napoleon không mong muốn một tôn giáo quốc gia chính thức hay một nhà thờ được thiết lập với các đặc ân độc quyền về hiến pháp. Thay vào đó, ông công nhận, đạo Thiên Chúa La Mã là “tín ngưỡng của đa số công dân Pháp”. Như vậy, đạo Thiên Chúa phải được áp dụng tự do và rộng rãi tại Pháp, tuân theo các quy định của cảnh sát – những quy định cần thiết cho sự bình yên của dân chúng. Về phần mình, Pius VII đã chính thức công nhận tính hợp pháp của nước cộng hòa lãnh sự. Các giáo xứ Pháp sẽ được tổ chức lại với sự đồng thuận của cả hai bên và các giám mục đương nhiệm nếu cần thiết sẽ bị yêu cầu từ chức, để tái bổ nhiệm hoặc bổ nhiệm cho những người mới khác. Quan tổng tài thứ nhất sẽ thực hiện việc bổ nhiệm chức tổng giám mục và giám mục. Đối lại, quyền phong chức của Giáo hoàng được công nhận. Một lễ tuyên thệ lòng trung thành mới với chính phủ lãnh sự là bắt buộc đối với tất cả các giám mục và các chức danh thấp hơn trong giới tăng lữ. Các giám mục sẽ xác lập ranh giới mới của các giáo xứ nhưng nó chỉ có hiệu lực khi có sự đồng thuận của chính phủ. Việc bổ nhiệm tăng lữ giáo xứ được giao phó cho các giám mục và cũng phải được chính phủ phê chuẩn. Các giám mục có thể thiết lập một hiến chương nhà thờ và trường dòng trong giáo xứ của mình nhưng không có đảm bảo hỗ trợ từ nhà nước. Tuy nhiên, chính phủ cam kết có “mức lương thích hợp” cho các giám mục và cha đạo.

Giáo ước còn bao gồm nhiều tuyên bố quan trọng trong việc giải quyết vấn đề đất đai. Những tuyên bố này được quan tâm đặc biệt vì chúng tác động tới phần đông công dân Pháp. Các điều khoản khá mập mờ của Mục 12 cho phép các giám mục toàn quyền sử dụng các nhà thờ chính quốc, thánh đường, giáo xứ những nhà thờ chưa bị chuyển nhượng và các nơi cần thiết cho sự thờ phụng, đã châm ngòi nổ cho các cuộc tranh cãi để tìm ra quy định rõ ràng. Trong Mục 13 với các điều khoản minh bạch, Giáo hoàng được trao một nhiệm vụ thiêng liêng: dù trong bất cứ trường hợp nào, ông hoặc những người kế nhiệm không được chống lại những người sở hữu được các vùng đất đã bị chuyển nhượng của nhà thờ và thu lời từ đó, và quyền sở hữu đất của người thừa kế sẽ được tôn trọng.

Chúng ta chỉ có thể dự đoán tính hiệu quả của Giáo ước này nếu như các điều khoản ban đầu được tôn trọng trong quá trình thực hiện. Thực tế là, Giáo ước này không được công bố chính thức tại Paris cho tới Lễ Phục sinh ngày chủ nhật (8/4/1802), bảy tháng sau khi được phê chuẩn. Trong thời gian đó, Napoleon đã thiết lập một ban phụ trách việc thờ cúng tôn giáo thuộc Bộ Nội vụ ngày 7/10/1801 và cắt cử Portalis, một hội viên Hội đồng Nhà nước làm lãnh đạo. Hơn nữa, ông còn lập ra “các điều khoản chung cơ bản” được đơn phương bổ sung vào Giáo ước và được công bố cùng lúc đó. Không có sự phê chuẩn các điều khoản, Giáo hoàng Pius VII còn chưa bao giờ được đưa ra những lời tư vấn cho những chi tiết của điều khoản và ông đã cảm thấy bị xúc phạm. Đặc biệt, các điều khoản này ngay từ đầu đã tạo ra nhiều khó khăn cho Cardinal Capara, người đại diện tôn giáo đặc biệt của ông tại Paris.

Các điều khoản cơ bản, một đạo luật chi tiết thực tế gồm 77 điều, đã hạn chế quyền năng và sức mạnh Giáo hoàng, đồng thời khiến sự thiết lập giáo hội phụ thuộc vào sự kiểm soát chặt chẽ của chính phủ. Thực tế, các điều khoản này là sự cải cách sâu rộng các nguyên tắc giữa hoàng đế La Mã và Giáo hoàng. Với những biện pháp đó, rõ ràng Napoleon đã tái khẳng định và mở rộng “quyền tự do Gallican” của nhà thờ Pháp. Trên cơ sở này, Giáo

ước được thực thi tại Pháp. Cấp bậc trong giáo hội của các tổng giám mục, giám mục, linh mục, cha xứ và các chức sắc thấp hơn đã được cải tổ.

Nhưng giờ đây, cấp bậc này được ghép vào cơ cấu hành chính của nhà nước dân sự dưới hình thức thu nhỏ. Pháp bị chia tách thành 10 tổng khu giám mục, 60 giáo khu và chỉ có 3 nghìn xứ đạo. Việc bổ nhiệm giám mục tuân theo các điều kiện khắt khe được đặt ra cho: phải là người Pháp, từ 30 tuổi trở lên.

Là quan tổng tài thứ nhất và sau đó là hoàng đế, Napoleon đã từng tuyên bố quyền đối với các vấn đề nội bộ của giáo hội. Các vai trò trước kia vẫn thuộc nhà thờ như đăng ký khai sinh, khai tử, kết hôn và các thống kê quan trọng khác đã bị nhà nước dân sự tiếp quản trong năm 1790. Đó là quá trình quản lý hành chính làm giảm bớt những ảnh hưởng của giới tăng lữ trong đời sống nhân dân. Napoleon còn công bố quyền ngăn chặn và kiểm tra các liên lạc của Giáo hoàng với Pháp và thậm chí quyền can thiệp vào việc đào tạo của giới tăng lữ. Các quy định mập mờ có chủ đích buộc nhà thờ Pháp phải tuân theo cho thấy những dự báo không hay về những điều sắp xảy ra và gây lo ngại cho Giáo hoàng ngay từ những ngày đầu.

Các điều khoản cơ bản quy định nhà nước chỉ trả lương cho giới tăng lữ chứ không thanh toán phí bảo trì nhà thờ. Một lần nữa, yếu tố cấp bậc lại được thể hiện rất rõ. Một tổng giám mục được nhận 15 nghìn Frăng mỗi năm, giám mục được nhận 10 nghìn Frăng và cha xứ được hưởng 1 nghìn hay 1.500 Frăng tùy vào địa phương họ phục vụ. Trên thực tế, giới tăng lữ có chức sắc thấp hơn chỉ nhận được khoản lương không đáng kể. Theo các điều khoản cơ bản, chỉ có cha xứ được bổ nhiệm tại các thị trấn chính thuộc giáo hội mới được nhận lương. Số còn lại, khoảng 4/5 giới tăng lữ, được cân nhắc chuyển đi và phục vụ tại các khu vực hỗ trợ theo ý của giám mục. Theo cách này, từ trên xuống dưới, giới tăng lữ theo Giáo ước thực tế đã trở thành các quan chức được nhận lương hay các viên chức tạm thời của nhà nước. Tương tự với những người đồng cảnh, các giám mục được ví như những “quận trưởng áo tía của nhà vua” và các giám mục đương chức được

ví như “thị trường áo đen của hoàng đế”. Địa vị, sự nghiệp của giới tăng lữ mà Cuộc cách mạng đã cố gắng diệt trừ có thể được phục hồi khi có sự phê chuẩn của chính phủ.

Giáo ước thực tế đã trợ giúp cho việc tuyển mộ các cha xứ mới đến ở mức nào? Rõ ràng câu hỏi này có thể chỉ được giải đáp trong dài hạn. Chúng ta nên lưu ý rằng nó liên quan chủ yếu tới giới tăng lữ thế tục vì Giáo ước không hủy bỏ các đạo luật cách mạng – những đạo luật đã đàn áp các luật lệ cũ và ít nhất cũng không có các điều khoản khôi phục nó. Vào thời điểm trước Cuộc cách mạng, giới tăng lữ Pháp gồm 130 nghìn người, trong đó có 60 nghìn không theo đạo. Tại lần thoái vị đầu tiên của Napoleon tháng 4/1814, có khoảng 36 nghìn tăng lữ không theo đạo. Số lượng lễ thụ chức mới tại Pháp từ năm 1802-1814 chỉ khoảng 6 nghìn người, ít hơn cả số lượng cha xứ qua đời trong những năm đó và chỉ nhiều hơn một chút con số trung bình hàng năm vào thời điểm cuối chế độ cũ. Thực tế, Napoleon đã không nỗ lực khuyến khích lễ thụ chức mới. Những người thụ chức trẻ và có tiềm năng không được miễn nghĩa vụ quân sự và vẫn phải tuân thủ quy định về tuổi đối với nghề nghiệp. Kết quả là giới tăng lữ không theo đạo có xu hướng già đi trong khi quá trình “nông thôn hóa” các nhà thờ tôn giáo đã làm nổi bật trào lưu cũ tại Pháp. Hơn nữa, chính Giáo ước đã khuấy động một phong trào ly giáo nhằm lôi kéo những người theo đạo Thiên Chúa ngoan cố tin rằng Giáo hoàng đã hành động vượt thẩm quyền cá nhân khi đồng ý theo các yêu cầu của Napoleon.

Rõ ràng Napoleon đã nhìn nhận Giáo ước như là một sự tái thiết toàn bộ đời sống tôn giáo trong các khu vực cai trị. Ít ra, luật Dân sự năm 1804 đã chính thức trao quyền tự do tôn giáo cho tất cả các công dân. Lúc đó tại Pháp có khoảng 480 nghìn người theo giáo thuyết Calvin và 200 nghìn người theo giáo thuyết Luther. Sau khi ban hành các điều khoản cơ bản để quản lý dân chúng trong các cộng đồng theo đạo Tin Lành vào tháng 4/1802, Napoleon đã quyết định trả lương cho các mục sư từ năm 1804. Mặc dù không sẵn sàng mở rộng điều khoản cuối cùng đối với cộng đồng Do Thái nhỏ bé

nhưng với một loạt biện pháp đề ra năm 1806, ông đã đồng hóa hội đồng tôn giáo mới được thành lập của họ với tổ chức tôn giáo của ông và đặt nó dưới sự kiểm soát của chính phủ. Sau đó thiết lập Tòa án Do Thái tối cao của những giáo sĩ Do Thái châu Âu năm 1807. Dù vậy, vị trí của người Do Thái dưới thời Napoleon vẫn không được cải thiện hơn so với khi họ được giải phóng theo các đạo luật cách mạng năm 1790 và 1791. Trên thực tế, các đạo luật này chưa bao giờ được tôn trọng hoàn toàn. Ngược lại, những người theo đạo Tin Lành Pháp được tự do và chủ động tham gia các vấn đề của chế độ tổng tài và của đế chế, đặc biệt là tại các vùng phía nam và đông, nơi có mật độ dân số khá dày, và vị trí của họ trong ngành ngân hàng và thương mại vẫn được duy trì vững chắc.

Tóm lại, Napoleon đã thực thi các chính sách tôn giáo như một phần không thể tách rời thẩm quyền của ông. Mặc dù rất lo lắng về các điều khoản cơ bản và việc công bố chúng song Pius VII cho rằng đó là cách tốt nhất nhằm kiểm soát các cuộc tranh cãi xung quanh việc thực hiện Giáo ước trong những năm đầu. Ông chấp nhận việc bổ nhiệm Joseph Fesch, chú của Napoleon, làm tổng giám mục của Lyon, thậm chí đã thăng chức Hồng y giáo chủ cho ông ta năm 1803. Sau nhiều do dự, cuối cùng Giáo hoàng đã ưng thuận tới Paris dự lễ đăng quang của hoàng đế vào tháng 12 năm đó. Song việc sử dụng khéo léo mối quan hệ nhà giữa nước với nhà thờ trong quản lý nhà nước của Napoleon đã không thể tiếp tục như ý muốn. Mối quan hệ đó trở nên xấu đi từ năm 1805 và một sự đổ vỡ lớn sẽ được phân tích kỹ trong chương tiếp theo.

TÁI CƠ CẤU NỀN TÀI CHÍNH PHÁP

Đã có quá nhiều tai tiếng về tình trạng lộn xộn trong nền tài chính công của Pháp sau Cách mạng khiến người ta dễ dàng bỏ qua những dấu hiệu trở lại đầu tiên của chính sách tiền tệ lành mạnh trong suốt thời kỳ Hội đồng Độc chính. Điều này phù hợp với những tuyên bố của Napoleon coi thập kỷ trước sự kiện Brumaire như là khoảng thời gian hỗn loạn tài chính. Trên

thực tế, người ta cho rằng tiền giấy, loại tiền bị bắt buộc lưu thông từ tháng 4/1790, đã tác động tiêu cực trên diện rộng. Sự mất giá nhanh chóng của tiền giấy và giá cả ngày càng tăng đã trở thành nguyên nhân sâu xa của các cuộc khủng hoảng lặp đi lặp lại và những cuộc nổi loạn do khủng hoảng gây ra, đặc biệt là trong giai đoạn 1792-1795. Việc phát hành tiền giấy bù đắp đã góp phần gia tăng tình trạng buôn bán các vùng đất được sung công từ Nhà thờ vào tháng 11/1789 và của những người di cư vào tháng 7/1792. Những điều khoản mua bán cho phép trả góp trong 12 năm sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho người mua, thậm chí chưa tính đến lợi ích do việc thanh toán bằng tiền giấy bị mất giá, được nhiều người coi là liều thuốc bách bệnh khi việc thu thuế thường xuyên bị khất lại, tiền giấy được dùng như một công cụ tài khóa để đáp ứng các chi phí hoạt động của nhà nước. Chính sách ấy, vốn có từ trước, đã trở thành thông lệ khi chi phí chiến tranh ngày càng tăng sau tháng 4/1792.

Chỉ đến khi xảy ra tình trạng lạm phát phi mã năm 1795, cũng là năm xảy ra nạn đói khủng khiếp tại Pháp, người ta mới quan tâm đến chính sách tiền tệ bền vững hơn. Hội đồng Đốc chính đã hủy bỏ tiền giấy vào tháng 2/1796, đồng thời áp dụng một biện pháp thay thế là “các lệnh ủy thác lãnh thổ”. Các lệnh này trên danh nghĩa, chúng được bảo vệ dựa vào doanh số bán các vùng đất, cuối cùng đã kết thúc ồn ào trong vụ xì-căng-đan Compaignie, Dijon (1796-1797). Cái được gọi là “phá sản hai phần ba” (9/1797) đã đánh dấu sự từ chối các nghĩa vụ đối với các khoản nợ công. Không một biện pháp nào có thể giúp phục hồi khả năng thanh toán của nhà nước hay trị được căn bệnh nan y nợ động thuế. Còn Hội đồng Đốc chính sau này ngày càng phụ thuộc vào các vụ làm ăn phi pháp với các thương gia chiến tranh và những kẻ đầu cơ trục lợi. Không khó để nhận ra những chính sách tài chính của các thể chế cách mạng khác nhau lại tạo được một sức ép lớn và tại sao những kinh nghiệm sử dụng tiền giấy lại gặp phải những lời chỉ trích gay gắt như vậy?

Mặt khác, Pháp đã quay lại áp dụng chính sách tiền kim loại vào cuối năm 1797. Ngày 7/4/1795, khoảng 10 tháng trước khi hủy bỏ tiền giấy, Hiệp định đã quyết định thay thế đồng Livơ cũ bằng đồng Frăng bạc và coi nó là đơn vị tiền tệ chính thức. Một đạo luật ra đời vào ngày 15/8 năm đó đã quy định hàm lượng bạc trong đồng Frăng là 5 gram. Đồng bạc sẽ được đúc theo các mệnh giá 1, 2, 5 Frăng và cùng song song tồn tại với các mệnh giá của tiền đồng. Tuy nhiên, đạo luật này lại không cố định tỷ lệ bạc theo vàng. Dù rất cần thiết nhưng các biện pháp nhằm giảm lạm phát này đã làm ảnh hưởng trầm trọng đến cuộc suy thoái kinh tế năm 1797-1799, đặc biệt là tại các vùng nông thôn, nơi các đồng tiền kim loại nước ngoài và các đồng tiền thiếu hàm lượng vẫn được lưu thông. Tất cả những điều này đã hạn chế việc thực hiện các cam kết duy trì một chính sách tiền tệ chặt chẽ của Hội đồng Đốc chính và khiến Hội đồng mất dần sự ủng hộ của quần chúng. Như vậy, ở góc độ tài chính, nhìn chung những gì Hội đồng Đốc chính để lại rất nghèo nàn, ngoại trừ chính sách tiền tệ “cứng rắn” đã được thực hiện trước sự kiện Brumaire. Đó là nền tảng để gây dựng chế độ lãnh sự.

Nếu giờ đây, chúng ta nghiên cứu lại các cuộc cải tổ tài chính lớn dưới thời Napoleon thì sẽ dễ dàng nhận ra sự tương phản với những điều diễn ra trước đó. Ví dụ như sự phân chia chức năng rõ ràng hơn giữa bộ tài chính (cơ quan phụ trách thu của nhà nước) và kho bạc (cơ quan phụ trách chi của nhà nước). Cải cách tiền tệ được mở rộng và củng cố. Việc thu thuế, cả thuế trực tiếp và gián tiếp cũng được cơ cấu lại và một hệ thống kế toán công hoàn thiện hơn được áp dụng. Các bước đi quan trọng đầu tiên trong ngành ngân hàng cũng xuất hiện từ ngày đầu của chế độ tổng tài. Nét đặc trưng nổi bật của hệ thống tài chính là sự ổn định nhân sự tại các phòng ban chủ chốt. Gaudin, người đã từ chối lời đề nghị làm bộ trưởng tài chính của Hội đồng Đốc chính, nhưng đã chấp nhận lời mời của Napoleon (vào ngày 10/11/1799) và giữ vị trí đó cho tới khi Napoleon thoái vị lần đầu vào tháng 4/1814, và trong cả thời kỳ Một trăm ngày. Kho bạc, được phát triển từ một cơ quan độc lập lên vị trí cơ quan bộ, đầu tiên được giao cho Barbe Marbois

quản lý (1801-1806) và sau đó là Mollien, người giữ vị trí trong khoảng thời gian còn lại của đế chế và thời kỳ Một trăm ngày. Họ chịu trách nhiệm tư vấn về những chính sách tài chính mà Napoleon còn thiếu và họ được hỗ trợ bởi một lượng lớn nhân viên cấp dưới có năng lực và thâm niên công tác lâu trong ngành.

Thành tựu quan trọng nhất mà Gaudin đạt được là những cải thiện trong hệ thống thu thuế. Các loại thuế chủ yếu có từ thời cải tổ cách mạng năm 1790-1792 nhưng chưa đạt hiệu quả thật sự cho tới trước sự kiện Brumaire. Việc thu thuế được cải thiện và thuế đất cơ bản được phân chia công bằng hơn dựa trên các nguồn thu nhập từ nông nghiệp. Điều này đảm bảo giá trị thuế thu được trong Năm thứ XII (1803-1804), khi chế độ tổng tài kết thúc, là khoảng 206 triệu Frăng từ 1792 vùng biên giới của Pháp. Việc áp dụng quy định đăng ký đất vào năm 1802 và sau được mở rộng hơn dưới thời chủ tịch Delambre vào tháng 9/1807 đã giúp ổn định nguồn thu từ thuế. Thuế thu nhập cá nhân và thuế thu nhập doanh nghiệp giảm ở hầu hết các thành thị. Tình trạng khó xác định và khó thu vẫn tồn tại như trước kia. Từ con số 60 triệu vào những ngày đầu của chế độ tổng tài, nguồn thu này đã giảm trông thấy sau tháng 9/1803 khi các loại thuế tiêu dùng ở mức cao dần thay thế cho thuế thu nhập tại các thành phố lớn. Dưới thời Napoleon, tiền thuế đánh vào thương mại và dịch vụ ban đầu dự tính tăng lên 12 triệu, có tác dụng lớn so với thời kỳ Cách mạng. Các khoản thuế tăng thêm, còn gọi là “phụ trội phần trăm” có giá trị hiệu lực từ ngày 1/12/1798 vẫn được tiếp tục duy trì và tăng lên trong thời kỳ chế độ tổng tài và Đế chế. Mục đích chính của các khoản thuế này là nhằm đáp ứng khoản chi ngày càng tăng ở các khu vực hành chính, nơi các khoản tăng thêm được thu theo tỷ lệ cố định và tỷ lệ dao động.

Hầu hết các loại thuế gián thu của chế độ cũ đã bị Hội đồng Lập hiến bãi bỏ. Những tính toán lạc quan cho rằng các loại thuế đền bù có thể liên kết với các loại thuế trực tiếp mới đã không xảy ra trong thực tế. Thuế thu từ hải quan cũng bị ảnh hưởng nặng nề do ngoại thương suy giảm trong suốt

thời kỳ chiến tranh hàng hải (1793-1799). Đối mặt với sự thâm hụt tài chính ngày càng tăng trong nước, tháng 10 và tháng 12/1798, Hội đồng Đốc chính đã cho phép tái áp dụng thuế tiêu dùng đối với một số loại hàng hóa cụ thể tại các thành thị. Nhưng bất chấp những biện pháp kể trên, các loại thuế gián tiếp này cũng khó có thể đạt được hiệu quả cao khi Napoleon nắm quyền. Các cuộc cải tổ trước đây của ông trong lĩnh vực này đã được củng cố khi một cơ quan thuế tiêu thụ đặc biệt cấp trung ương được thành lập vào năm 1804 nhằm củng cố việc thu thuế của các mặt hàng thuốc lá, đồ uống có cồn, chơi bạc, vận tải công cộng, đồ vàng bạc, và một lượng lớn các hàng hóa dịch vụ khác. Việc muối được đưa vào danh sách này vào năm 1806, đã làm sống lại những ký ức về một sắc thuế đã từng bị chỉ trích rộng rãi. Vào tháng 12/1810, việc sản xuất và buôn bán thuốc lá được đặt trong cơ chế quản lý độc quyền của nhà nước. Sự thâm hụt các loại thuế trực thu tiếp tục gây khó khăn cho nguồn thu của nhà nước, vì vậy, thuế tiêu thụ đặc biệt có vai trò tương đối quan trọng. Người ta ước tính, giá trị của nguồn thu thuế tiêu thụ đặc biệt đã tăng gấp bốn lần trong khoảng 1806-1812. Năm 1813, nguồn thu từ thuế tiêu thụ đặc biệt chiếm 25% tổng nguồn thu của chính phủ. Việc thu thuế hải quan và nhiều phụ phí tem và đăng ký khác đã cấu thành nguồn thu nhập lớn thứ ba của nhà nước.

Bộ máy tài chính của Napoleon dĩ nhiên là một phần không thể tách rời trong hệ thống quản lý hành chính của ông và nó cũng mang đậm dấu ấn cá biệt của cơ chế quản lý tập trung. Bộ máy này có quy định thứ tự cấp bậc tương tự với các ban ngành của bộ máy chính phủ. Nhân viên thanh tra làm việc dưới sự giám sát trực tiếp của các bộ trưởng tại Paris. Từ ngày 24/11/1799, một quyết định mới về thuế trực thu được đưa ra tại mỗi khu hành chính. Hàng năm, một cán bộ thu thuế sẽ được bổ nhiệm tới một khu hành chính, một nhân viên quản lý tài sản được bổ nhiệm tới một quận hành chính. Nhân viên quản lý tài sản sẽ phải chuyển các khoản thanh toán nhanh tới Paris. Ban đầu là một tháng một lần nhưng sau thời điểm khủng hoảng ngân hàng năm 1805, thời gian bị rút ngắn xuống còn 10 ngày. Vì mục đích này, quỹ dịch vụ trung ương, thực chất là một phiên bản của quỹ dịch vụ

thời chế độ tổng tài, đã được thành lập vào ngày 16/7/1806 dưới sự giám sát của Mollien.

Cuộc cải tổ kho bạc cũng tuân theo nguyên tắc đó. Trong thời kỳ nắm giữ chức bộ trưởng, Barbe-Marbois phải đảm bảo việc thu hồi tất cả các loại thuế đến hạn và phải chịu trách nhiệm chuyển và thanh toán các khoản tiền quỹ công cộng. Do đó, ông quy định việc kê khai của mỗi bộ phải thật chi tiết và phải được phê chuẩn từ các bộ ngành. Khi Mollien kế nhiệm ông, các biện pháp được đưa ra để cải tiến toàn bộ hệ thống kế toán. Kết quả là một cơ quan kiểm toán trung ương được thành lập vào tháng 9/1807 để việc kiểm toán tài chính của nhà nước đạt hiệu quả hơn và chế độ sổ sách kế toán kép được mở rộng trong cả hệ thống kho bạc. Trên thực tế, Mollien đã áp dụng thông lệ này đối với quỹ thanh toán trong nhiệm kỳ làm giám đốc của ông (1800-1806). Quỹ này được lập ra với mục đích ban đầu là hỗ trợ kho bạc thực hiện các nghĩa vụ đối với nợ công. Sau đó, chức năng của quỹ này được mở rộng để đẩy mạnh tín dụng nhà nước theo những cách khác như phát hành trái phiếu ngắn hạn có mức lãi suất 6 đến 7% từ năm 1806.

Trật tự tài chính công bền vững hơn bao hàm đồng tiền mạnh và như chúng ta thấy đây chính là lĩnh vực mà Napoleon đã học hỏi được từ Hội đồng Đốc chính. Sự định kiến của ông đối với tiền giấy và những khoản vay lớn của nhà nước cũng được hình thành. Tất cả những điều ông học được từ lịch sử không mấy suôn sẻ của tiền giấy đã củng cố các định kiến của ông về chủ nghĩa trọng thương đối với tài chính tín dụng thông qua giấy tờ ủy thác. Mặc dù quan niệm của ông về vấn đề này được xem là chưa chín muồi nhưng đó là động lực chính hình thành nên những biện pháp quan trọng của Năm thứ XI (28/3/1803), từ đó định hình nền tảng cho hệ thống tiền tệ của ông. Cái gọi là “đồng Frăng mềm” được thiết lập như một chuẩn lưỡng kim, quy định tỷ lệ của vàng với bạc ở mức 1:15,5. Chuẩn này xác định chặt chẽ hàm lượng kim loại của đồng tiền xu mới. Loại tiền đó giờ đây được phát hành cùng đơn vị với tiền tệ vàng, bạc và xen-tim đồng nguyên chất. “Đồng Frăng mềm” cuối cùng cũng đã được thống nhất là phương tiện trung gian

trong lưu thông với đơn vị số sách kế toán chính thức. Nó đã củng cố thêm sức mạnh của đồng tiền Pháp trong mối quan hệ với các đồng tiền châu Âu khác, đặc biệt là với đồng bảng Anh và nó cũng đã tồn tại như một chuẩn tiền tệ hơn 120 năm sau này.

Một cải cách đặc biệt quan trọng khác của Napoleon trong lĩnh vực tài chính và vẫn tồn tại cho tới tận ngày nay là việc thiết lập Ngân hàng Pháp vào ngày 6/1/1800. Chưa hề có tiền lệ hay một khuôn mẫu sẵn có của chế độ cũ khiến ông có thể dựa vào đó để xây dựng và đi theo. Ngược lại, sự phản ứng trước sự sụp đổ của hệ thống Luật John năm 1720 khiến mọi người mất niềm tin vào ý tưởng lập ra một ngân hàng trung ương Pháp. Và cũng không hề có một nỗ lực nào để hình thành một ngân hàng như vậy trong tám năm sau đó. Mục đích của Napoleon là thành lập một thể chế như công ty cổ phần tư nhân, Nhà nước cung cấp pháp chế và khẳng định sự tham gia trực tiếp của mình qua số cổ phần thiểu số. Sáng kiến ban đầu được J.-F. Perregaux đưa ra. Ông thành lập nhóm các nhà tài chính tại Paris, những người đã gây vốn sáng lập Ngân hàng trị giá 30 triệu Frãng Pháp. Hai trăm cổ đông lớn nhất của Ngân hàng sẽ chọn ra ban giám đốc gồm 15 người. Đây là những người có năng lực, nhất tham gia vào quá trình quản lý và tương lai của ngân hàng. Ngày 14/4/1803, Ngân hàng Trung ương được phép độc quyền phát hành tiền giấy loại 500 và 1.000 Frãng, vì thế đòi hỏi phải có sự tham dự của hai ngân hàng phát hành khác, một hoạt động cùng lúc đã tăng số vốn cổ đông lên 45 triệu.

Ngân hàng trung ương hoạt động khá hiệu quả theo mô hình của một liên doanh tư nhân, mặc dù danh mục vốn đầu tư khá khiêm tốn, cho tới khi xảy ra sự kiện Ouvrard năm 1805. Hậu quả của sự kiện đã dự báo sự giảm sút của quỹ và một cú sốc cho các cổ đông. Đó là một bài học kinh điển của việc mở rộng quá mức thông qua các hành động kinh doanh phiêu lưu đầy rủi ro. Nhóm của Ouvrard, những nhà thương lượng, ban đầu nhận được sự hỗ trợ của Napoleon đã tiến hành công việc kinh doanh mạo hiểm nhằm phá vỡ sự phong tỏa hải quân của Anh bằng việc nhập khẩu vàng nén Mexico –

đồng pi-át huyền thoại – tới Tây Ban Nha và để tăng quỹ cho chiến dịch quân sự năm 1805. Sự sụp đổ của nhóm nhà thương lượng là không thể tránh khỏi. Tuy nhiên, tình trạng mất khả năng thanh toán của Ngân hàng trung ương ít ra đã được ngăn chặn với chiến thắng Austerlitz(26) cuối năm đó. Điều này khiến Napoleon từ bỏ các vụ làm ăn với các thương gia mạo hiểm và quay về với các biện pháp dự trữ quân sự chính thống. Barbe-Marbois đã bị sa thải khỏi kho bạc vào tháng 1/1806. Khi Crete (sau này trở thành Bộ trưởng Nội vụ, 1807-1809) được bổ nhiệm là thống đốc kho bạc đầu tiên vào ngày 22/4/1806 thì sự kiểm soát của chính phủ đối với Ngân hàng trung ương được thực thi chặt chẽ hơn và cùng thời gian đó, nguồn vốn của Ngân hàng tăng lên gấp đôi, đạt 90 triệu Frãng. Thậm chí ngay cả khi đó, nó cũng gần giống với “Ngân hàng Paris” trong suốt thời gian còn lại của thời kỳ Đế chế. Giấy bạc ngân hàng tiếp tục được lưu thông với những đơn vị tiền tệ lớn hơn phục vụ cho các giao dịch của tầng lớp ưu tú có tài chính. Các giao dịch tại các chi nhánh ngân hàng tại Lyon, Rouen và sau đó là Lille trở nên ít quan trọng hơn.

26 Trận Austerlitz: còn được gọi là Trận Ba Hoàng đế hay Trận Tam Vương là một trong những chiến thắng lớn nhất về mặt quân sự của Napoleon. Hoàng đế Napoleon với đạo quân 68.000 người đã đánh bại hai đạo quân Áo và Nga dưới quyền của Hoàng đế Franz II của Đế quốc La Mã thần thánh và Nga hoàng Aleksandr I của Nga (tổng cộng gần 90.000 người) vào ngày 2/12/1805 gần thành phố Austerlitz, ngày nay là thành phố Slavkov u Brna của Cộng hòa Séc.

Người ta có thể đặt câu hỏi về tính ổn định lâu dài của hệ thống tài chính dưới thời Napoleon thật sự đã đạt đến mức độ nào? Nếu đem so sánh với tình trạng tài chính khá hỗn loạn trong chế độ cũ, hay trong các cuộc nổi dậy Cách mạng thì những cải tổ trong lĩnh vực tài chính của ông rõ ràng có trật tự và hiệu quả hơn. Nợ công cũng như các khoản lương và lương hưu nhìn chung đã được thanh toán đúng hạn bằng đồng tiền không bị mất giá. Nhà nước có thể tránh được các khoản vay lớn và giá trị trái phiếu tăng đều

cho tới cuối năm 1807 khi chiến tranh tại bán đảo Iberian có ảnh hưởng tiêu cực tới thị trường. Một tác động kinh tế trên diện rộng của chính sách tiền tệ “cứng rắn” của Napoleon là giá, mặc dù nó có xu hướng đi lên trong suốt thời kỳ chiến tranh kéo dài nhưng vẫn ở mức chấp nhận được ở các thị trường tiêu dùng chính yếu. Về mặt thể chế, rất nhiều các cuộc cải tổ tài chính của Napoleon đã tiếp tục phát huy tác dụng sau khi đế chế của ông sụp đổ.

Tuy nhiên, cái gì cũng có hai mặt. Nếu Napoleon xử lý hiệu quả các vấn đề nợ công mà các thể chế trước đó không thực hiện được thì ông cũng thừa nhận các khoản nợ chưa thanh toán được của Hội đồng Đốc chính, ước tính khoảng 90 triệu Frăng. Dĩ nhiên, có những nguyên nhân về chuyên môn không rõ ràng cho sự việc này, song điều quan trọng nhất trong suy nghĩ của ông có lẽ là tầm quan trọng của đạo luật ủy quyền lập ra để phá bỏ quá khứ tai tiếng. Khi Hà Lan được sáp nhập vào Đế chế vào năm 1810, thì các khoản nợ chưa thanh toán khoảng 78 triệu Frăng của nước này đã bị lờ đi. Quỹ thanh toán, ban đầu hình thành với chức năng đảm bảo khi Nhà nước cần tới tiền giấy ủy thác, đã sụp đổ trong hỗn loạn. Vào năm 1813-1814 khi lạm phát tăng cao, quyền phát hành trái phiếu của quỹ thanh toán đã vượt ra ngoài tầm kiểm soát do không nhận được phản ứng tích cực từ phía dân chúng. Hơn nữa, khi mức chi tiêu chính phủ ngày càng tăng từ mức dự tính 700 triệu Frăng năm 1806 lên tới hơn 1.000 triệu Frăng năm 1812 và 1813, trong đó có tới 80% là chi phí dành cho chiến tranh. Vậy nên, nguồn thu của chính phủ ngày càng trở nên khan hiếm. Ngân sách của Đế chế mất đi sự cân bằng đã đạt được trong những năm trước đó. Một phương pháp mà Napoleon áp dụng để tăng lượng tiền mặt trong thời kỳ khó khăn này là phát hành “giấy phép đặc biệt” cho việc buôn bán với các quốc gia thuộc địa, động thái này đã phá vỡ tính nghiêm ngặt của chính sách phong tỏa kinh tế chống nước Anh của ông.

Sẽ là sai lầm nếu kết luận rằng các thành tựu đạt được trong lĩnh vực tài chính của Napoleon được bắt nguồn từ việc sử dụng hiệu quả các nguồn lực

trong nước. Khi tầm nhìn Đế chế của ông vươn xa hơn, ông ngày càng phụ thuộc vào khoản thu nhập khổng lồ từ các nước thuộc địa và các quốc gia vệ tinh để trang trải cho các cuộc chinh phạt của nước Pháp. Các chiến thắng quân sự đã giúp ông có được cơ hội áp đặt một khoản bồi thường đối với các quốc gia bại trận, đáng chú ý nhất là trong và sau các chiến dịch quân sự thành công vào năm 1805-1807. Theo đó, chiến tranh được nhìn nhận là một “điều tốt đẹp” mà chi phí sẽ được kẻ bại trận bồi hoàn. Tương tự trong năm 1809, Áo đã phải trả 164-250 triệu Frăng cho Pháp sau chiến dịch Wagram. Sau thất bại Jena-Auerstadt, nước Phổ nợ chồng chất với khoản bồi thường 311 triệu, sẽ thanh toán bằng tiền kim loại. Trong giai đoạn 1806-1812, tổng mức bồi thường của nước này cho Pháp được dự tính ở mức từ 470-514 triệu. Nếu ước tính của Gaudin là đáng tin cậy thì khoản phạt bồi thường chiến tranh luôn chiếm 1/3 doanh thu của Napoleon trong giai đoạn 1806-1807. Hơn nữa, cái gọi là “phạm vi đặc biệt” được lập ra đầu năm 1810 với mục đích chính xác là vơ vét các nguồn lực tài chính của các quốc gia thuộc địa nhằm phục vụ cho mục đích của chính bản thân ông. Tóm lại, sự đánh giá cuối cùng về các thành tựu trong lĩnh vực tài chính của ông sẽ không bao giờ là hoàn chỉnh nếu không xem xét chính sách khai thác không thương xót đối với các quốc gia thuộc địa và các quốc gia vệ tinh của Pháp trong quãng thời gian thịnh vượng của Đế chế.

HỆ THỐNG PHÁP LUẬT

Không có một thể chế pháp luật nào của chế độ cũ, từ các tòa án cấp thấp nhất cho tới các tòa thượng thẩm, có thể tồn tại được qua các cuộc cải tổ cơ bản của Cách mạng. Nếu các biện pháp đặc biệt được áp dụng trong suốt thời kỳ Khủng bố một lần nữa bị loại bỏ như một sự sai lầm thì những nguyên tắc cơ bản trong việc tái cơ cấu nền luật pháp Pháp trong thập niên 1790 là sự thống nhất của tòa dân sự và hình sự ở tất cả các khu hành chính mới của Pháp và cơ quan chức năng của họ. Đó chính là hệ thống áp dụng thời Brumaire. Hầu hết mô hình cơ bản của hệ thống này đã được Napoleon giữ lại theo hai nguyên tắc: sự công bằng của luật pháp và sự độc lập của bộ

máy tư pháp. Tuy nhiên, ông cũng đưa ra một vài thay đổi quan trọng trong cả thời kỳ chế độ tổng tài lẫn đế chế. Đặc điểm chung của những thay đổi này là sự can thiệp ngày càng sâu của chính phủ vào các thủ tục pháp lý, quy trình xét xử và bổ nhiệm nhân sự tòa án, triển khai mạnh mẽ các biện pháp nghiêm khắc trong hoạt động của tòa án hình sự và sự áp dụng mạnh mẽ hơn của “luật trừng phạt”, và một sự giảm sút trong quyền pháp lý của phụ nữ sau hàng loạt các tiến bộ đặc biệt trong thời kỳ Cách mạng.

Theo bản Hiến pháp năm thứ VIII, chỉ có thẩm phán hội thẩm nhân dân (thực tế là quan tòa địa phương) tại tất cả các quận hành chính là do nhân dân trực tiếp bầu ra và có nhiệm kỳ trong ba năm (Điều 60). Họ không có quyền đưa ra các phán quyết trực tiếp. Vai trò của họ chỉ dừng lại ở việc hòa giải và làm trọng tài giải quyết các tranh chấp luật pháp. Tất cả các thẩm phán khác thuộc tòa dân sự và hình sự (cả tòa thượng thẩm) do quan tổng tài thứ nhất bổ nhiệm từ danh sách những quan chức “nổi tiếng” tại các khu hành chính. Còn các tòa thượng thẩm chủ quyền đơn (tòa de Cassation, sau này gọi là tòa án Cour de Cassation dưới thời Đế chế) ban đầu được các thượng nghị sĩ chọn ra từ danh sách các quan chức “nổi tiếng” cấp trung ương. Tất cả các thẩm phán, trừ thẩm phán hòa giải, đều được tại chức trừ khi họ bị buộc tội cấu tạo, thiếu trách nhiệm hay không còn đủ điều kiện để duy trì vị trí của mình. Mặt khác, việc can thiệp trực tiếp của nhà nước vào các tòa án hình sự được bảo đảm chắc chắn khi Điều 63 của bản Hiến pháp quy định chức năng nhiệm vụ của công tố viên nhân dân sẽ do ủy viên chính phủ tại tòa án các cấp thi hành.

Ngay từ đầu, cấu trúc pháp lý chính thức đã có nguy cơ chịu sự can thiệp của nhà nước và điều này khiến những người theo chủ nghĩa tự do lo ngại. Hai biện pháp trong thời kỳ đầu của chế độ tổng tài không chỉ bổ sung cho bản hiến pháp mà còn khuấy động sự chống đối mạnh hơn từ phía nhân dân. Một là, đạo luật ngày 28/1/1801 đã giảm tổng số thẩm phán từ 6 nghìn người xuống mức tối thiểu là 3 nghìn và tối đa là 3.500 người để hợp thức hóa số hội thẩm nhân dân với luật pháp tôn giáo. Bất chấp logic có tính chất

hành chính này, các nhà phê bình coi đó là một sự giới hạn quyền của con người tại cấp địa phương. Một biện pháp khác khiến người ta lo lắng là đạo luật ngày 7/2/1801, từng gây tranh cãi quyết liệt tại khu vực hộ dân quan, đã áp dụng “các phiên tòa đặc biệt” để ngăn chặn nạn cướp bóc, đặc biệt tại một số khu hành chính phía tây. Điều luật này cho phép xét xử mà không cần có bồi thẩm đoàn và quyền áp dụng hình phạt cao nhất là tử hình. Các nhà phê bình theo chủ nghĩa tự do đánh giá chúng như những tòa bán quân sự và là một sự công kích nhằm vào pháp luật. Đạo luật ban hành nhằm chống lại nạn cướp bóc cuối cùng được áp dụng cho cả những tội danh hình sự không liên quan tới cướp bóc và do đó tước quyền xét xử thuộc quyền xét xử của các tòa hình sự.

Khi mô hình nhà nước Napoleon có trật tự hơn và quyền hành của những người đứng đầu được quy định rõ ràng hơn thì hệ thống luật pháp (thực ra là thuật ngữ của hệ thống luật pháp) cũng phản ánh một quá trình tương tự. Nguyên tắc lựa chọn thẩm phán hội thẩm nhân dân dần mất tác dụng dưới chế độ tổng tài suốt đời khi Napoleon ngày càng hạn chế việc lựa chọn những ứng cử viên theo đạo đủ tiêu chuẩn và mở rộng nhiệm kỳ thẩm phán hội thẩm nhân dân tới 10 năm. Sự can thiệp của chính phủ ở một chừng mực nào đó đã phản ánh sự kém cỏi của chính các nguyên tắc bầu cử tại các cơ quan trong thời gian đầu, và sự thiên vị và tham nhũng tại các địa phương cũng trở nên phổ biến. Trong bất kỳ trường hợp nào, tình trạng này đã đánh dấu sự can thiệp vào luật pháp địa phương, cấp thấp nhất trong hệ thống luật. Từ tháng 8/1802, Napoleon đã nhận ra thời điểm thích hợp để xác nhận ảnh hưởng của mình tới cấp cao nhất của hệ thống luật pháp. Trong khi thượng nghị viện tuân thủ các thủ tục lựa chọn các thẩm phán tòa thượng thẩm chính thức thì giờ đây, Viện Nguyên lão cũng phải áp dụng các thủ tục đó với cả những ứng viên do thượng nghị viện giới thiệu. Là hoàng đế, ông được trao đặc quyền bổ nhiệm chủ tịch thứ nhất và các chủ tịch tại các bộ phận của tòa. Vì vậy, việc bổ nhiệm cũng như cách chức các ủy viên chính phủ tại các tòa hình sự hoàn toàn theo ý kiến của ông và sau ngày 18/5/1804, họ được gọi là công tố viên Đế chế. Cũng có một sự cải

tiến tại “các tòa thượng thẩm” đầu tiên, mỗi tòa phục vụ trung bình ba đến bốn khu hành chính. Từ 1804, các tòa này được tái bổ nhiệm thành “tòa thượng thẩm” và tháng 4/1810 trở thành tòa án Đế chế. Ở đây, Napoleon có đặc quyền bổ nhiệm các quan tòa và sa thải những người mà ông không thể sa thải kể từ tháng 12/1799.

Trong việc lựa chọn các thẩm phán, Napoleon không tỏ ra chuyên chế hay phân biệt đối xử. Trong suốt thời gian thống trị, ông đều tham khảo luật từ Cambaceres, một luật gia xuất sắc, người sau khi giữ chức quan tổng tài thứ hai đã được bổ nhiệm làm tổng quan chưởng ấn trong thời kỳ Đế chế. Ông còn giữ chức bộ trưởng tư pháp dưới thời chế độ tổng tài lâm thời, những ngày cuối cùng thời Đế chế và cả trong thời kỳ Một trăm ngày. Các bộ trưởng tư pháp chính thức có thâm niên như A.-J. Abrial (1799-1802) và đặc biệt là C.-A. Regnier (1802-1813) luôn đi theo ông. Nhờ tư vấn, Napoleon dường như đã lựa chọn được các quan tòa và các thẩm phán ững ý và được đào tạo chuyên môn kỹ càng. Đồng thời, đã có những lúc, chẳng hạn như ngày 12/10/1807, khi một sắc lệnh của Viện Nguyên lão sửa lại các điều khoản nhiệm kỳ quan tòa, đã tạo điều kiện cho ông thực hiện việc “thanh trừng” các thành viên khác thuộc tập thể này. Ngoài những người không đủ tư cách đạo đức, còn hầu hết các nạn nhân của cuộc thanh trừng này đều là những người bị coi là theo chế độ cộng hòa cũ..

Nỗi ám ảnh của Napoleon về quyền lực đích thực, trật tự đích thực và sự đồng nhất đã dẫn đến sự mở rộng định nghĩa của các đạo luật và kết quả là sự ra đời công tác soạn thảo luật có tính chất toàn diện nhất mà nước Pháp từng được biết. Một số nhà sử học đã coi đây là điểm vĩ đại nhất và có sức sống lâu bền nhất trong số các thành tựu của Napoleon và nhiều dẫn chứng cũng chỉ ra rằng chính ông cũng kỳ vọng đây sẽ là phần trọng yếu trong các di sản của mình. Quá trình soạn thảo luật được bắt đầu từ rất sớm với việc bổ nhiệm năm ủy ban để dự thảo luật dân sự, Luật Hình sự, Luật Thương mại, Luật Nông nghiệp và Luật về các thủ tục dân sự. Trong các luật này, luật Dân sự còn được gọi là Luật Napoleon, chủ yếu phục vụ mục đích

“xuất khẩu” và là dự luật quan trọng nhất. Nhiều chuyên gia luật ở những thời điểm khác nhau đã giúp dự thảo luật này nhờ liên lạc thường xuyên với Hội đồng Nhà nước: Cambaceres, Tronchet, Bigot de Preameneu, Malleville, Portalis và nhiều người khác. Bản thân Napoleon đã quan tâm đặc biệt đến những cân nhắc của các ủy ban, thường xuyên can thiệp để hình thành các dự luật cụ thể và gây sức ép cho các thành viên để họ nhanh chóng hoàn thành công việc.

Luật Dân sự chính thức được ban hành ngày 21/3/1804, nhằm tái khẳng định các nguyên tắc công bằng luật pháp, quyền con người. Nó đã đánh dấu sự biến mất hoàn toàn của luật pháp chế độ phong kiến và thời kỳ lãnh chúa. Hai phần khác trong luật Dân sự đề cập đến quyền sở hữu và chiếm hữu tài sản trong đó, các điều khoản công nhận tính pháp lý của việc buôn bán các vùng đất sung công từ nhà thờ và của những người di cư trong thời gian trước đây là quan trọng nhất Luật Dân sự đã ràng buộc các lợi ích vật chất sứt sần của những người hưởng lợi với trật tự xã hội và chính trị Pháp. Luật này còn hướng tới việc giữ lại nguyên tắc phân chia từ thời Cách mạng. Nguyên tắc đã hạn chế các quyền thừa kế tài sản của con trưởng. Tương tự như vậy, trong khi tái khẳng định quyền kết hôn và ly hôn trong các điều khoản chung, các điều khoản cụ thể của Luật Dân sự có tính chất trọng nam khinh nữ. Quyền thừa kế và ly hôn theo pháp luật của phụ nữ bị thu hẹp so với những điều khoản giải phóng từng phần theo luật thời Cách mạng, đặc biệt là các luật năm 1792.

Trong vấn đề thừa kế và ly hôn, các điều khoản Luật Dân sự thường được nhắc tới là “các quyền của cha đối với con” và “các quyền của chồng đối với vợ” trong giai đoạn thế kỷ XIX. Nhìn tổng thể, Luật Dân sự nên được xem là một công trình tập hợp vĩ đại, hơn là một sự đổi mới trọng yếu. Hai nghìn hai trăm tám mươi một điều của Luật Dân sự là một bản tóm lược tổng quát của trên 36 đạo luật đã được thông qua trong khoảng thời gian từ 1801-1803. Như vậy, việc mở rộng Luật Napoleon tới các vùng đất độc lập bên ngoài Pháp sau năm 1815 đã đảm bảo ảnh hưởng có tính chất toàn cầu

của Luật Dân sự, đạo luật thực tế đã tồn tại cho tới tận ngày nay tại rất nhiều nước trong cộng đồng nói tiếng Pháp.

Công việc của ủy viên hội đồng luật pháp được bổ nhiệm trong các năm từ 1800-1802 cũng đã cho kết quả. Luật Thủ tục dân sự đã được ban hành năm 1806 còn luật Thương mại được ban hành năm 1807. Tiếp theo là Luật Hướng dẫn thủ tục xét xử hình sự năm 1808. Thực tế, luật này đã trở thành một phần không thể tách rời của cả Luật Hình sự lẫn Luật Hướng dẫn thủ tục xét xử hình sự và Luật Hình phạt năm 1810. Hai luật cuối đánh dấu sự khởi đầu trong việc tái cải tổ hệ thống luật pháp đàn áp và bộ máy công an liên quan có hiệu lực kể từ năm 1810-1811. Đôi khi chúng được coi như một nét đặc trưng của Đế chế thời kỳ đỉnh cao. Quyền lực của tòa án này được gọi là Cour d'assises đã được mở rộng đáng kể. Ngoài việc tạo điều kiện cho một đợt “thanh trừng” các thẩm phán địa phương khác, Luật Hướng dẫn thủ tục xét xử còn áp dụng hai loại quan tòa mới mà tầm quan trọng sớm được khẳng định. Hai loại quan tòa này, một là các thẩm phán kiểm soát có quyền ra các phán quyết ban đầu nhanh chóng và bí mật đối với những kẻ bị buộc tội nhanh chóng và bí mật, một là các công tố viên có nhiệm vụ tìm kiếm và theo dõi tội phạm. Về phần mình, luật trừng phạt nhằm chính thức hóa và thắt chặt hệ thống hình phạt đối với các loại tội danh, giờ được mở rộng hơn và có tác động trái ngược tới lực lượng lao động trong ngành công nghiệp tại các đô thị. Về Luật Nông thôn, cuối cùng, không có gì rõ ràng về luật này. Sự phức tạp của đời sống nông thôn đã thách thức luật pháp thống nhất. Một dự luật đã được thảo luận kéo dài trước sự kiện Brumaire và được áp dụng sau năm 1815. Nhưng đạo luật này tiếp tục khiến tất cả các chế độ sau này thất vọng vì nó đã trốn tránh các luật gia thời Đế chế Napoleon.

CHƯƠNG 4. Bước vươn vai của quyền lực: từ đế chế đến “đế chế vĩ đại”

Sự hình thành đế chế của Napoleon là một quá trình phát triển dần dần, trong đó sự bành trướng ra khỏi biên giới nước Pháp phụ thuộc chủ yếu vào các đội quân chinh phạt. Nói cách khác, sức mạnh của đế chế trong lĩnh vực kinh tế, chính trị hay bất cứ lĩnh vực nào khác đều phụ thuộc vào sự lớn mạnh và ưu việt của quân đội Pháp. Các cuộc chinh phạt mở ra những cơ hội mới. Những cơ hội thường khó dự đoán trước và trên con đường tận dụng thời cơ, mục tiêu của Napoleon không chỉ dừng lại ở việc kiểm soát quân sự mà còn tái tổ chức đời sống xã hội của những khu vực bị chiếm đóng theo cách triệt để hơn. Ông luôn tin tưởng rằng, nếu những việc mình làm đem lại lợi ích cho bản thân thì cũng có lợi cho nước Pháp và cả châu Âu. Vì thế, tham vọng về một đế chế rộng lớn hình thành tự nhiên trong con người Napoleon.

Chương này đề cập đến bốn khía cạnh chính trong tham vọng của Napoleon về một đế chế rộng lớn: sự mở rộng các vùng sáp nhập và các quốc gia vệ tinh trong khuôn khổ một hệ thống mới; cấu trúc tổ chức quân đội hùng mạnh và vai trò của nó trong việc thiết lập đế chế vĩ đại; những mục tiêu và nỗ lực của Napoleon nhằm làm suy yếu sức mạnh kinh tế nước Anh thông qua chính sách phong tỏa lục địa; mối quan hệ ngày càng tệ với Giáo hoàng Pius VII – mà cuối cùng rơi vào tình trạng tuyệt giao hoàn toàn. Trong hai khía cạnh đầu tiên, mọi việc dù ít hay nhiều đều nằm trong tầm kiểm soát của Napoleon cho đến khi tình thế quân sự đảo chiều trong giai đoạn 1812-1814. Nhưng ở hai khía cạnh sau, những hạn chế trong quyền lực của ông đã sớm bộc lộ.

SỰ CHINH PHẠT, SÁP NHẬP VÀ CÁC QUỐC GIA VỆ TINH

Việc mở rộng lãnh thổ “nước Pháp cũ” đã sớm hoàn thành trong thời gian Cách mạng với sự sáp nhập chính thức của tỉnh Avignon và Comtat

Venaissin ngày 14/9/1791, tỉnh Savoy ngày 27/11/1792 và tỉnh Nice ngày 31/11/1793. Động lực quân sự quá trình mở rộng biên giới tự nhiên của nước Pháp (dãy Pyrenees, Alps và sông Rhine) được khởi đầu bằng các cuộc chinh phạt của quân đội Cộng hòa trong những năm sau trận chiến Fleurus (26/6/1794). Bỉ và Luxemburg cũng được sáp nhập vào ngày 30/9/1795 tạo thành chín khu vực hành chính mới. Bờ trái sông Rhine bị chia thành bốn khu vực hành chính mới của người Pháp vào tháng 1/1798. Thực tế, đây là mảnh đất bị quân đội chiếm đóng cho đến khi hoàn toàn bị sáp nhập vào năm 1802. Geneva và vùng ngoại thành cũng trở thành một khu vực hành chính của nước Pháp vào ngày 26/4/1798. Piedmont cũng nằm trong sự kiểm soát quân sự của Pháp mặc dù điều này tiềm ẩn những nhân tố bất ổn cho đến chiến dịch Marengo tháng 6/1800 và những phần khác thuộc nước Italy cũng trải qua nhiều chuyển đổi bởi những chiến thắng của Napoleon.

Trước thế lực hùng mạnh của đội quân Napoleon, một loạt các nước cộng hòa vệ tinh đã được hình thành nhưng phần lớn chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn: Cộng hòa Batavian (Hà lan) (5/1795), Cộng hòa Cisalpine (6/1797), Cộng hòa Ligurian (6/1797), Cộng hòa Helvetic (5/1798), Cộng hòa Rome (1798- 1799), Cộng hòa Parthenopean (1-6/1799), những nước đều được hình thành trước cuộc nổi dậy Brumaire và trên một vài phương diện, đó là sự bắt chước mô hình Pháp năm 1795. Theo quan sát của nhà sử học Stuart Woolf, trong số 13 thể chế của hệ thống các nước cộng hòa, 11 thể chế đã đi theo mô hình năm thứ III với sự phức tạp, cứng nhắc và không hiệu quả trong cách phân bổ quyền lực.

Theo cách này, người ta cho rằng Napoleon đã kế thừa những giá trị của các nước cộng hòa nằm ngoài biên giới Pháp. Những cuộc chinh phạt liên tục sau này tạo điều kiện cho Napoleon có cơ hội tái thiết thể chế theo chính sách “đế chế của một gia đình”. Đầu tiên, điều mơ hồ này này được phôi thai từ khát vọng về một triều đại trải dài tới bờ sông Nile trong chiến dịch Ai Cập 1798- 1799. Nhưng vấn đề trở nên thực tế và khả thi hơn khi mục tiêu của Napoleon tập trung vào lục địa châu Âu – nơi mà chiến dịch chinh

phạt của Napoleon có những tác động quan trọng. Từ khi Hiệp ước hòa bình Amiens bị sụp đổ từ 5/1803-1812 – thời điểm ông bắt đầu chiến dịch chinh phạt nước Nga – Napoleon đã mở rộng biên giới nước Pháp theo cách mà cuối cùng, biên giới tự nhiên trở thành không tự nhiên. Ông cũng áp đặt các vùng phụ thuộc theo khuôn mẫu phù hợp với tham vọng mở rộng đế chế của mình.

Sau khi các quốc gia thuộc Pháp chính thức được thiết lập, ý tưởng “đế chế vĩ đại” ra đời. Liên minh Thụy Sĩ – trong đó Napoleon đóng vai trò “người trung gian” – hình thành vào tháng 2/1803. Nước Cộng hòa Italy ra đời sau Cộng hòa Cisalpine vào tháng 12/1801, trở thành vương quốc vào tháng 3/1805. Triều được đặt ở Lombardy và ngôi vua được trao cho Napoleon nhưng sau đó, ông bổ nhiệm con trai Eugene de Beauharnais lên nắm quyền với tư cách là phó vương. Vùng đất này, bao gồm cả Bologna, Ferrara và Ravenna, bị sáp nhập với Venetia vào cuối năm 1805, sau khi Napoleon giành thắng lợi trước lực lượng liên minh Áo - Nga tại Ulm (20/10) và Austerlitz (2/12) và hiệp ước hòa bình ký với Áo tại Pressburg (26/12). Tháng 3/1806, sau khi lật đổ Ferdinand – người cai trị trước đây của Bourbon – Joseph Bonaparte trở thành vua của quốc gia vệ tinh Naples mặc dù Hải quân Anh vẫn chia cắt Sicily. Sau khi châm ngòi nổ kết thúc sự tồn tại của khối thịnh vượng Batavian, Napoleon bổ nhiệm Louis làm vua nước Hà Lan tháng 6/1806. Nữ hoàng Hortense de Beauhancus, con gái của hoàng hậu Josephine, kết hôn với Louis Bonaparte năm 1802.

Những năm kế tiếp, khu vực dọc phía đông sông Rhine của nước Đức đã trải qua một cuộc tái thiết chính trị quan trọng. Điều này khởi nguồn từ giai đoạn đặc biệt của Nghị viện Đức vào tháng 2/1803 khi hàng trăm nguyên tắc giáo hội bị “thực dụng hóa” và “ngoại lai”. Những cải tổ, cơ cấu lại trong lĩnh vực chính trị diễn ra trong Liên bang sông Rhine dựa trên Hiến pháp ngày 12/7/1806, trong đó Napoleon là “người bảo vệ chính thống”. Nó bao gồm mười sáu quốc gia, kể cả các vương quốc mới thành lập thuộc Bavaria và Württemberg. Đây là khu vực Napoleon tự phong chức theo chủ

quyền quốc gia và vùng lãnh địa của công tước Berg. Lãnh địa thuộc chủ quyền của nước Pháp này được hình thành vào tháng 3/1806 và giao cho Joachim Murat cai trị (Joachim Murat là một trong những vị nguyên soái của Napoleon và là chồng của Caroline Bonaparte). Sự hình thành này đã làm biến mất Đế chế Hy Lạp linh thiêng cổ xưa, đế chế đã chính thức bị hoàng đế Francis II lật đổ – hiện là hoàng đế Francis I của nước Áo.

Viễn cảnh về một nước Phổ có thể lật đổ liên minh các nước vệ tinh thuộc Đức của Napoleon đã bị đập tan sau khi bại trận thảm hại trên hai trận chiến Jena và Auerstadt vào ngày 14/10/1806. Những mối đe dọa ngày càng lớn từ nước Nga đã gây ra tổn thất nặng nề cho nước Pháp, đặc biệt là trận chiến không phân thắng bại tại Eylau (7 - 8/2/1807). Nhưng sau đó, nước Nga đã bị sa lầy trước chiến thắng quyết định của Napoleon tại Friedland vào ngày 14/6. Sau đó, Alexander đệ Nhất đã tìm kiếm thỏa hiệp với Napoleon bằng Hiệp ước Tilsit ký ngày 7/7. Theo Hiệp ước này, ở chừng mực nào đó, Napoleon được quyền tái thiết phía tây và trung tâm châu Âu trong khi Sa hoàng được phép bành trướng về phía đông với điều kiện phải áp dụng chính sách phong tỏa lục địa chống lại hoạt động thương mại của nước Anh. Hiệp ước Tilsit đã làm rối loạn trật tự Liên minh thứ tư vốn đang suy yếu, đồng thời đẩy nước Anh vào thế cô lập trong cuộc chiến trên biển với Napoleon và sau đó là tại bán đảo Iberian.

Những cuộc chinh phạt quân sự đã dọn đường cho các cuộc sáp nhập quan trọng Liên minh Rhenish diễn ra vào năm 1807. Ngày 1/1, Saxony – khu vực Napoleon đã nâng lên thành vương quốc qua Hiệp ước Rosen với Frederick Augustus – trở thành thành viên của liên minh. Với việc chia cắt một số khu vực mà giống như việc chia đôi đất nước Phổ theo Hiệp ước Tilsit lần 2 vào ngày 9/7, Napoleon tiếp tục đẩy mạnh quá trình này. Cũng trong tháng đó, các vùng đất chiếm được từ phía đông nước Phổ được sáp nhập với Hesse-Cassel, Brunswich, Wolfenbüttel, Nam Hanover và các khu vực nhỏ hơn để trở thành quốc vương vệ tinh thuộc Westphalia – khu vực sau đó cùng tham gia liên minh Rhenish. Napoleon bổ nhiệm em trai nhỏ

nhất của mình, Jerome lên ngôi. Jerome đã lấy lại được tín nhiệm sau khi tuyên bố hủy bỏ hôn ước với Elizabeth Patterson vào năm 1805. Ông đã chấp nhận một cuộc hôn nhân mang tính chiến lược với Catherine, con gái vua Frederick I, nước Württemberg. Mối quan hệ chặt chẽ của ông với hoàng đế hứa hẹn vương quốc mới sẽ được vận hành như “một quốc gia mẫu” thực hiện những cải cách dân sự của Napoleon. Ngày 22/7/1807, Napoleon thiết lập khu vực lãnh địa dành cho công tước của Warsaw từ vùng đất của Phổ tại Ba Lan – vùng đất được nhượng lại theo Hiệp ước Tilsit và đặt khu vực này dưới sự kiểm soát, cai trị của liên minh Saxon, vua Frederick Augustus

Từ 1808-1809, tham vọng của Napoleon đã chuyển hướng sang miền Nam dãy Pyrenees, miền Nam dãy Alps và vào sâu lục địa Adriatic. Đại tướng Junot được giao nhiệm vụ chinh phục Bồ Đào Nha. Tháng 2/1808, ông được bổ nhiệm là Tổng toàn quyền tại quốc gia này. Động thái này đã gặp phải phản ứng từ nước Anh. Trong những tháng tiếp theo, Napoleon đã lập ra một kế hoạch nhằm hạ bệ Ferdinand II, nhà vua Tây Ban Nha, người đã buộc vua Charles IV phải thoái vị vào tháng 3/1808. Liên minh Tây Ban Nha được giao nhiệm vụ thực thi kế hoạch này và họ đã gặp nhau tại Bayonne vào tháng 5-6 theo chỉ thị của Napoleon. Những thành viên thuộc tổ chức này được chính Napoleon lựa chọn để thực hiện mục tiêu. Vụ việc này giúp ông có cơ hội bổ nhiệm anh trai Joseph lên ngôi vua trị vì vương quốc vệ tinh mới Tây Ban Nha, đồng thời Murat và Caroline Bonaparte được điều chuyển từ Berg đến trị vì vương quốc Naples. Cùng năm đó, liên minh Urbino, Macerata, Ancona và Camerino chính thức sáp nhập vào vương quốc Italy. Khu vực này tiếp tục được mở rộng với sự góp mặt của Trentino và miền Nam Tyrol sau khi Napoleon giành thắng lợi trước người Áo tại trận chiến Wagram vào ngày 5-6/7 và Hiệp ước Schönbrunn được ký vào ngày 14/10/1809. Napoleon tiếp tục củng cố những thành quả năm 1805 bằng cách chia tách toàn bộ Istria (cùng với Trieste và Fiume), Dalmatia và những khu vực thuộc Carniola, Carinthia và Croatia ra khỏi đế chế Habsburg. Toàn bộ khu vực này hình thành nên “các tỉnh Illyrian của đế

chế” và được điều hành như một bộ phận không thể tách rời cho đến năm 1814, cho dù người ta vẫn nghi ngờ tính hiệu quả của vùng đất này với danh nghĩa là khu vực chịu sự quản lý trực tiếp của Marshal Marmont và sau đó là Đại tướng Bertrand.

Những sự kiện này chưa nói lên điều gì về sự bành trướng của đế chế Pháp. Tại thời điểm ra đời ngày 18/5/1804, đế chế Pháp gồm 108 khu hành chính, 4 khu nằm tại bờ trái sông Rhine và 6 khu tại Piedmont (sau này giảm xuống còn 5) được sáp nhập vào tháng 9/1802. Ba khu hành chính nữa được hình thành vào ngày 30/6/1805 từ các vùng đất của nước Cộng hòa Ligurian, bao gồm cả cảng Genoa. Parma và vương quốc Etruria cũng được sáp nhập thành bốn khu hành chính vào tháng 5/1808. Khi những người yêu nước Tuscan phản đối, Napoleon lập tức bổ nhiệm chị gái Elisa và chồng cô, Hoàng đế Bacciochi lên cai trị vùng đất Tuscany vào năm 1809, nhưng ông vẫn xem vùng đất này là một bộ phận không thể tách rời của đế chế Pháp. Những vùng còn lại nằm trong các lãnh thổ thuộc Giáo hoàng đã bị nước Pháp chiếm đóng cũng được chính thức sáp nhập vào ngày 17/5/1809. Quá trình kết thúc vào ngày 17/2/1810 khi Rome được tuyên bố là thủ đô thứ hai của nước Pháp. Năm đó, Louis Bonaparte được phong là vua nước Hà Lan. Vùng đất này sau đó được sáp nhập và một phần của Hanover bị Pháp chiếm đóng năm 1804 cũng đi theo lối mòn này. Vụ sáp nhập cuối cùng diễn ra vào tháng 12/1810 và tháng 1/1811, khi những thị trấn thuộc Hense (Hamburg, Bremen, Lübeck) và Oldenburg hợp nhất.

Sự bành trướng lãnh thổ của đế chế Pháp đạt tới đỉnh điểm vào năm 1811 với 130 khu hành chính và tổng dân số đạt 44 triệu người. Nếu tính tất cả các khu vực đã ký kết hiệp ước và gia nhập vào “đế chế vĩ đại”, Napoleon nắm quyền quản lý và cai trị trên 80 triệu dân. Ảnh hưởng của ông vươn tới cả khu vực Baltic. Được sự phê chuẩn của Napoleon, ngày 21/10/1810 Marshal Bernadotte, chồng của Desirée Clary, lên ngôi hoàng đế Thụy Điển và là người thừa kế của vua Charles XIII không có con. Tất cả những điều này không phải là mối quan tâm lớn của Napoleon bởi sau khi ly dị

Josephine, cuối năm 1809, ông đã kết hôn và có người kế vị. Sau khi vấp thái độ lạnh lùng của Alexander đệ Nhất khi ông theo đuổi Archduchess Anna, con gái của Sa hoàng, mới 14 tuổi, Napoleon đã chuyển mục tiêu sang Archduchess Maria-Louise, con gái vua Francis I nước Áo và nhận được sự ưu ái hơn. Nhờ sự giúp đỡ của Count Metternich và đại sứ quán Áo tại Paris, một liên minh mới đã hình thành và một đám cưới được tổ chức long trọng tại Paris vào ngày 2/4/1810. Napoléon-François-Charles-Joseph chào đời vào ngày 20/3/1811 và ngay lập tức được trao tước vị “vua Rome”. Vậy là cuối cùng, đế chế đã có người kế vị. Đây dường như là thời điểm huy hoàng nhất của Napoleon.

Tuy nhiên, toàn bộ quá trình thiết lập đế chế giai đoạn 1804- 1811 có phải là kết quả của một “kế hoạch vĩ đại” mà Napoleon luôn tâm niệm rằng số phận đã trao sứ mệnh lịch sử vào tay mình hay đây chỉ là kết quả của việc tận dụng tốt cơ hội hoặc là sự kết hợp của cả hai? Tuy nhiên, có một điều chắc chắn “Đế chế vĩ đại” được hình thành và phát triển dựa trên các cuộc chinh phạt của Đội quân vĩ đại và chiến thắng trong giai đoạn 1805-1807 (Ulm và Austerlitz, Jena và Auerstädt và Friedland, chưa kể đến Eylau). Đây là những điểm quan trọng trong bước khởi đầu của cuộc hành trình. Cũng rất cần thiết phân tích cặn kẽ các chính sách, cách thức tổ chức và việc huy động các nguồn lực – tất cả những các nhân tố này hội tụ lại và trở thành vũ khí sắc bén trong những cuộc chinh phạt.

ĐỘI QUÂN VĨ ĐẠI

Cụm từ “Đội quân vĩ đại” do chính Napoleon tạo ra trong lúc ở Boulogne trước khi chiến dịch năm 1805 bắt đầu. Độc giả dường như không mấy xa lạ với hình ảnh một đội quân chiến đấu thiện nghệ và những hành động anh dũng nơi chiến trận dưới sự chỉ huy của Napoleon. Những nghiên cứu quan trọng gần đây có thể giúp chúng ta đo mức độ “vĩ đại” thật sự của nó dựa trên những con số thống kê từ các trận chiến đấu và tìm hiểu những vấn đề mà quân đội phải đối mặt trước nạn đói, do tình trạng thương vong và

tử trận ngày càng tăng. Tất cả những vấn đề này liên quan chặt chẽ đến những mối quan hệ giữa quân đội và đế chế nói chung, ít nhất là ở cấp độ từng khu vực. Xét theo khía cạnh này, Đội quân vĩ đại được xem như là vũ khí chiến đấu tinh nhuệ trên mọi mặt trận, một lực lượng cơ động được tung ra để tấn công kẻ thù ngoài biên giới của đế chế, cho tới khi chiến dịch thảm bại cuối cùng của những năm 1813-1814 đem lại tổn thất và tiêu vong lớn cho nước Pháp. Các khó khăn trong vấn đề quân dịch luôn hiện diện trong nước và tình trạng quân sự hóa xã hội trong suốt thời gian chiến tranh kéo dài (1792-1815) đã bị đẩy đến cực điểm. Nước Pháp chưa bao giờ phải trải qua tình trạng tồi tệ này ở đế chế trước đó và những thế kỷ sau khi đế chế Napoleon sụp đổ.

Mục tiêu của tôi không phải là giới thiệu nét khái quát của những chiến dịch do Napoleon lãnh đạo bởi đã có rất nhiều tài liệu đề cập đến vấn đề này và cũng sẽ được liệt kê ở cuối cuốn sách này. Cách tiếp cận của tôi là những quan sát tổng quát hơn. Rõ ràng, Napoleon nhanh chóng tận dụng sự tôn sùng cá nhân vây quanh ông từ những ngày đầu tiên. Con người Napoleon sở hữu những cá tính bẩm sinh của một vị tướng chỉ huy quân sự. Đó là trí nhớ kỳ lạ, khả năng làm việc với cường độ cao, hầu như không cần ngủ và sự hiện diện của ông luôn gây ấn tượng mạnh mẽ cho những người xung quanh. Ông có khả năng ứng biến tài tình trên trận chiến, sự nhạy cảm về thời cơ giúp ông chiến thắng kẻ thù trong những giây phút quyết định và đặc biệt là khả năng truyền ngọn lửa anh hùng, lòng dũng cảm tới quân lính. Đội quân bảo vệ đế chế rất ít khi phải trực tiếp xông pha chiến trận vào những thời điểm quyết liệt nhất mà thường được tung ra vào những giờ phút chiến thắng để tô điểm cho sự huy hoàng và rực rỡ. Tuy nhiên, đội quân này lại có vị trí đặc biệt trong lịch sử anh hùng của Đội quân vĩ đại bởi lòng trung thành của họ đối với Napoleon trong thời điểm lịch sử Một trăm ngày. Những người thuộc Đội quân vĩ đại còn sống sót sau năm 1815 vẫn truyền tụng câu chuyện về lòng trung thành này với sự sùng kính.

Tuy nhiên, nếu nghiên cứu kỹ những chiến lược mà Napoleon đã sử dụng trong chiến đấu, cách dàn trận và vũ khí, có thể nhận thấy thành công của ông bắt nguồn từ sự kiên trì cải tiến và áp dụng những mưu lược, sách lược đã được kiểm nghiệm qua thời gian chứ không phải từ sự sáng tạo, đổi mới hoàn toàn. Như đã đề cập trong Chương 2, việc học tập huấn luyện tại trường quân sự đã tạo cơ hội cho Napoleon tiếp cận nhiều học thuyết chiến đấu của nhân loại, như phương pháp sử dụng bộ binh của Gribeauval và gia đình nhà Du Teil hay thủ thuật sử dụng bộ binh của Bourcet và Guibeit. Ví dụ, cách bố trận tổng hợp là sự kết hợp giữa cách dàn quân truyền thống với một loạt chiến tuyến và sự huy động các cánh đội quân cơ động để có thể nhanh chóng thọc vào sườn hay đánh úp sau lưng kẻ thù. Quân đội Pháp đã chứng tỏ tính hiệu quả của những phương pháp này trong cuộc chiến tranh Cách mạng, ít nhất là trong chiến dịch Italy đầu tiên năm 1796-1797 và các vũ khí cải tiến của họ (súng hỏa mai, súng cabin, súng lục, đại bác và súng bắn đạn trái pháo dùng trong trận địa pháo binh) đã tỏ rõ sự lợi hại. Tóm lại, tất cả những mảnh khóc và mưu lược quân sự này đã được sử dụng hiệu quả trong sư đoàn, trung đoàn và tiểu đoàn bộ binh, trong lữ đoàn kỵ binh vũ trang nhẹ và nặng, pháo binh và máy trước sự kiện Brumaire.

Sau khi trở thành người chỉ huy tối cao, Napoleon tăng cường sử dụng và nâng cao tính hiệu quả của những nhóm nhỏ cơ động (lính bắn súng hỏa mai, lính ném lựu đạn, bộ binh vũ trang nhẹ) và thường huy động lính kỵ binh trinh sát và phát hiện dấu vết của đối phương. Thịnh thoảng các nhóm này còn giữ vai trò là lực lượng truy kích kẻ thù. Những mưu lược này cũng được tôi luyện hơn nhờ các cải tiến phương thức sử dụng hỏa lực và đã mang lại sức mạnh hủy diệt cho khả năng chiến đấu của quân đoàn – đơn vị quân sự lớn nhất của ông. Đây chắc chắn là cải tiến lớn nhất của Napoleon trên chiến trường. Một quân đoàn bao gồm các đội hình độc lập, có quân số dao động từ 20-30 nghìn người đặt dưới sự chỉ huy của một nguyên soái. Các đội hình này có khả năng di chuyển nhanh, độc lập và có toàn quyền quyết định tại một thời điểm và địa điểm nhất định để giành quyền tự chủ. Quân đoàn tạo thành một thể tứ giác vững chắc, trong đó các đơn vị hành

quân độc lập nhưng khi cần có thể hỗ trợ cho nhau. Đây là nhân tố chính đảm bảo tính linh hoạt của đội quân Napoleon và tốc độ vận động lực lượng cho trận chiến. Vai trò của quân đoàn kết hợp với việc sử dụng những mưu lược cổ điển nhằm nhấn chìm kẻ thù trong thời gian ngắn đã đưa phương thức chiến tranh truyền thống lên đỉnh cao nghệ thuật quân sự tại thời điểm trước khi tàu lửa ra đời. Những mưu lược, phương sách này mang lại những chiến thắng thần kỳ trước liên minh Nga - Áo tại chiến trận Ulm và Austerlitz năm 1805, trước lực lượng quân Phổ tại chiến trận Jena và Auerstädt năm 1806. Nhưng chúng lại tỏ ra không mấy hiệu quả tại bán đảo Iberia, nơi có địa hình núi non hiểm trở đã cản trở việc huy động quân chớp nhoáng và tại Nga, nơi địa hình hoang vu rộng lớn và thời tiết khắc nghiệt đã khiến Đội quân vĩ đại của ông phải chịu thất bại thảm hại.

Napoleon không muốn thú nhận những sai lầm của bản thân khi còn là chỉ huy, chiến lược, thậm chí cả thời gian sau khi bị đi đày ở St Helena, tuy nhiên hậu thế đã rút ra những bài học thất bại của ông. Sai lầm lớn nhất của ông là lưỡng lự trong việc trao quyền. Ông khăng khăng ôm lấy quyền chỉ huy kỵ binh, pháo binh dự phòng, chưa kể đến quân đội hoàng gia – lực lượng có những bước phát triển mạnh mẽ về quân số từ 1 nghìn ban đầu tăng lên 112 nghìn người năm 1814 gồm lính kỵ binh, bộ binh, pháo binh, hậu cần và y tế. Một vài người chỉ huy của ông đã chứng tỏ được tầm nhìn và tài thao lược độc lập hay vai trò hỗ trợ quyết định như tướng Masséna trong những chiến dịch mở màn và Davout trên mặt trận Austerlitz, Auerstädt, Eylau và Wagram. Tuy nhiên, cũng có những người khác, kể cả một vài nguyên soái thiếu kỹ năng và khả năng đánh giá tình hình, khi họ không ở bên Napoleon và buộc phải chủ động ra quyết định. Bằng chứng là trên mặt trận bán đảo Iberian, nơi mà Junot, Soult và Marmont tại những thời điểm khác nhau đã phạm phải những sai lầm nghiêm trọng và thậm chí Masséna cuối cùng đã bị giáng chức.

Việc Napoleon chưa dồn hết tâm lực vào Tây Ban Nha cũng là một sai lầm chiến lược. Ông luôn đánh giá quá thấp lòng tự hào dân tộc và sức mạnh

của lực lượng du kích tại đây. Việc xử bắn gây tai tiếng của Murat năm 1808 là một hành động tàn bạo, cái giá mà quân đội của Napoleon tại Thụy Điển phải trả rất đắt. Những nạn nhân của vụ xử bắn này đã trở nên bất tử trong bức tranh của Goya: *Ngày thứ hai tháng 5* và *Ngày thứ ba tháng 5*, mặc dù những tác phẩm này chỉ được công bố sau khi Napoleon thất bại. Việc Pháp bị đánh bại tại Baylen, Thụy Điển (21/7) và Vimiero tại Bồ Đào Nha (21/8) cùng trong năm này tuy chưa đủ sức làm thay đổi cục diện nhưng đã làm lung lay huyền thoại cho rằng thành lũy Pháp là bất khả xâm phạm. Thực tế, tương quan so sánh về số lượng thương vong trong chiến tranh kể từ năm 1808 đã cho thấy sự vượt trội của Napoleon so với những chỉ huy của đối phương không rõ ràng như những chiến dịch trước. Wellington, người vốn bị Napoleon đánh giá thấp, đã học hỏi từ những mưu lược của chính đối phương và áp dụng thành công trong những chiến dịch năm 1812-1813. Các nhà chỉ huy nước Anh cũng đã làm như vậy và tiếp bước như vậy để chống lại chính quân đội Napoleon tại Waterloo vào ngày 18/6/1815. Đây chính là mặt trận mang ý nghĩa quyết định toàn bộ cục diện.

Trong khi con đường chạm tới chiến thắng tại bán đảo còn mịt mù thì toàn bộ chiến dịch chinh phạt nước Nga của Napoleon lại là một thất bại thảm bại – đây là sai lầm lớn nhất và không thể sửa chữa. Ông đã hy sinh quá nhiều binh lính cho chiến thắng Pyrrhic, tại Borodino (7/9/1812), trong cuộc tiến công chống người Áo tại mặt trận Aspern - Essling (21-22/5/1809) và Napoleon đã đẩy đội quân tiên phong tinh nhuệ vào vũng lầy khi người Nga áp dụng chính sách tiêu thổ để cô lập kẻ thù. Ông đã tốn quá nhiều thời gian ở Mátxcova khi cho rằng Sa hoàng Alexander I sẽ quy phục mình trong trận đấu quyết định. Một trận đấu không bao giờ xảy ra. Năm 1812 là thời điểm đánh dấu bước ngoặt của Đội quân vĩ đại khi người Nga quyết định khai chiến tại miền Tây mang lại hy vọng về một liên minh mới và quy mô hơn. Trong năm 1813, nhiều thành viên thuộc liên minh Đức rời bỏ ông, đặc biệt sau trận đánh Leipzig từ ngày 16-19/10 và cuối cùng ông bị đẩy dồn về phía nước Pháp.

Giờ đây để đánh giá được cách thức tổ chức và huy động lực lượng của đế chế trong những năm đầu tiên, chúng ta cần xem xét kỹ lối mòn trong các chiến dịch của Napoleon. Đội quân vĩ đại trên trận chiến chỉ là một mũi nhọn tấn công thuộc lực lượng quân đội, có quy mô lớn hơn và đội ngũ chỉ huy tập trung cho kế hoạch chiến đấu và dịch vụ hậu cần. Bộ Quốc phòng là bộ lớn nhất của Napoleon và bao gồm hai bộ phận là Bộ quốc phòng “hạt nhân” và Bộ quốc phòng hành chính. Bộ quốc phòng hạt nhân chịu trách nhiệm điều hành lực lượng chiến đấu, chủ yếu là việc tuyển quân, vận động lực lượng, vận hành của bộ binh, việc bổ nhiệm, thăng chức và tiền lương. Hai bộ trưởng là Berthier và Charke với nhiệm kỳ phục vụ dài đảm bảo tính liên tục của bộ máy chỉ huy. Sự bổ nhiệm Davout trong giai đoạn Một trăm ngày chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn. Bộ quốc phòng hành chính có nhiệm vụ tổ chức dịch vụ hậu cần cũng như mọi hoạt động giao thông và y tế. Bộ quốc phòng hành chính tham gia vào bộ máy chỉ huy tối cao với Bộ trưởng Dejean (1802-1809), Lacuée de Cessac (1809-1813), những người có ảnh hưởng lớn đến việc hoạch định chính sách quân sự. Người giữ vị trí bộ trưởng hành chính cuối cùng là Daru (1813-1815), là người từng giữ vị trí chỉ huy Đội quân vĩ đại tại các vùng đất thuộc địa của “đế chế vĩ đại”. Thêm vào đó, Napoleon cũng yêu cầu sự giúp đỡ từ các bộ phận quốc phòng đặc biệt của Ủy ban Quốc gia khi thấy cần thiết. Vào giai đoạn cuối của đế chế vĩ đại, hai bộ sáp nhập nguồn nhân lực với tổng số 1.500 người, tăng gấp 3 lần so với trước thời điểm phân chia năm 1802.

Từ bộ não chỉ huy tập trung đó, cơ cấu tổ chức quân đội đã mở rộng tới tất cả các khu vực hành chính của đế chế vĩ đại. Paris có một chỉ huy quân sự từ rất sớm, năm 1804 và danh hiệu này do Marshal Murat đảm nhiệm. Đây là tổ chức quân đội đầu tiên có quy mô lớn. Các bộ phận quân đội đặt dưới quyền quản lý của các tướng chỉ huy khu vực và sự hỗ trợ từ các sĩ quan quân đội. Mỗi đơn vị đóng quân tại một thành phố chính dù độ quan trọng và quy mô từng nơi khác nhau. Số lượng đơn vị lên đến 32 vào giai đoạn đỉnh cao của đế chế năm 1811, bao gồm cả các khu vực hành chính đã được sáp nhập trực tiếp và vương quốc Italy có 6 đơn vị.

Không chỉ có cơ cấu hành chính quy mô lớn, Đội quân vĩ đại còn bao gồm một lực lượng hậu cần với nhiều bộ phận chuyên môn hóa. Trụ sở hoàng gia bao gồm 3 bộ phận: bộ máy nhân sự của hoàng đế, các tướng chỉ huy của Đội quân vĩ đại do Berthier lãnh đạo và tướng sĩ quan quân nhu. Những tiến bộ kỹ thuật xuất hiện sau chiến dịch giai đoạn 1805-1807 phải kể đến 9 tiểu đoàn giao thông mới và một mạng lưới bưu điện chân rết. Những đổi mới đó đã mang lại hiệu quả lớn cho công việc đào tạo quân sự. Trường Đại học Bách khoa ra đời năm 1795 và đóng vai trò quan trọng trong đào tạo sĩ quan pháo binh và kỹ sư. Trường Saint-Germain, một trong những trường do Napoleon thành lập, có nhiệm vụ đào tạo kỵ binh. Và trường quân sự đặc biệt mới thành lập tại Fontainebleau vào tháng 1/1803, sau chuyển thành Trường Saint-Cyr năm 1808 được dành cho học viên trường sĩ quan. Đến cuối giai đoạn đế chế, trường này đã đào tạo được khoảng 4 nghìn sĩ quan.

Những tiêu chí lựa chọn sĩ quan cho Đội quân vĩ đại của Napoleon luôn là đề tài tranh luận của các nhà lịch sử học. Chẳng hạn, trong việc bổ nhiệm và thăng chức, ông đã áp dụng tiêu chí nhân tài và nguyên tắc “cơ hội mở ra cho những người có năng lực” ở mức độ nào? Hay ông lựa chọn dựa trên những mối quan hệ xã hội? Những câu hỏi này liên quan chặt chẽ đến quan niệm về lãnh đạo, danh dự về nhân tài ở khía cạnh xã hội. Hệ thống bổ nhiệm Napoleon thừa hưởng từ Cuộc cách mạng là sự kết hợp khá phức tạp theo hai hướng: một là sự thăng tiến dành cho những tài năng sớm bộc lộ và được nâng đỡ ở những thời điểm thích hợp. Sự nghiệp quân sự của Napoleon là một minh chứng hùng hồn cho điều đó. Hai là sự thăng tiến dựa vào thâm niên công tác. Chúng ta có thể bỏ qua nguyên tắc bầu chọn vì thực chất nó đã biến mất trước sự kiện Brumaire và không có khả năng sẽ quay trở lại sau đó.

Sự thật, Napoleon nhanh chóng tỏ rõ sự độc đoán trong việc bổ nhiệm các quan chức sĩ quan cấp cao, đặc biệt các vị trí nguyên soái và chỉ huy. Năm 1805, ông cho phép đại tá chỉ huy có quyền đệ trình 2/3 ứng cử viên cho

các vị trí trong tiểu đoàn, tuy nhiên vẫn phải thông qua sự phê chuẩn của ông và ông giữ quyền lựa chọn 1/3 vị trí còn lại. Khi bổ nhiệm các vị trí dân sự, ông hiếm khi cho phép những trường hợp nhảy cóc. Chỉ có một vài ngoại lệ hy hữu là trường hợp các tướng chỉ huy khu vực và nhóm nguyên soái đặc biệt (4 người có vị trí danh dự và 14 người trong danh sách lựa chọn) được nêu tên vào ngày 19/5/1804, thời điểm đế chế ra đời. Người ta cũng xét đến trường hợp ông ưu tiên cho gia đình và họ hàng khi bổ nhiệm các vị trí bộ trưởng và nghị sĩ. Tuy nhiên, nguyên tắc bổ nhiệm và thăng chức sĩ quan điều hành lại dựa trên thâm niên phục vụ trong quân đội, vị trí hiện tại và những bằng chứng về lòng dũng cảm. Theo nghiên cứu của nhà sử học Jean-Paul Bertaud, dựa vào việc phân tích mẫu 480 sĩ quan cùng cấp (đại úy, trung úy...), những người đã phục vụ trong quân đội ở giai đoạn 1800-1814, thì Napoleon luôn tin rằng tài năng quân sự chủ yếu được tìm thấy ở những người có địa vị cao trong xã hội – đã được hưởng nền giáo dục bài bản nhờ vào dòng dõi hay tài sản.

Người ta có thể đặt câu hỏi, trong chừng mực nào thì những thước đo chuyên môn và xã hội quyết định khái niệm chuẩn mực đạo đức cơ bản của lòng dũng cảm đã được áp dụng trong giai đoạn Đế chế và nó khác với chuẩn mực dưới thời Cộng hòa cách mạng như thế nào? Đây chính là vấn đề được đưa ra trong tranh luận giữa hai nhà sử học John A. Lynn và Owen Connelly. Nhưng cuộc tranh luận này sớm chấm dứt vài năm sau đó do những lập luận thiếu tính thuyết phục. Trong một bài báo, Lynn lập luận rằng một sự đổi mới quan trọng về đạo đức đang diễn ra trong tư tưởng của quân đội Pháp từ thời kỳ Đế chế cũ sang thời kỳ chiến tranh Cách mạng và sau đó là thời kỳ của đế chế. Thời kỳ Cách mạng bảo vệ ý tưởng về một quân đội chuẩn mực đạo đức, đặc biệt trong giai đoạn 1791-1794, trong đó lợi ích cá nhân hòa vào lợi ích tập thể và nếu cần thiết thì phải hy sinh lợi ích cá nhân vì sứ mệnh cao quý hơn. Một vài chuẩn mực đạo đức thời Cộng hòa vẫn tiếp tục được duy trì trong những năm sau đó bất kể sự can thiệp của thời kỳ đốc chính. Tuy nhiên, dưới thời Napoleon, những chuẩn mực này đã bị vứt bỏ và được thay thế bằng quan niệm “đội quân của danh dự” –

một tiêu chuẩn anh hùng mang đậm dấu ấn cá nhân. Nó ban tặng ánh hào quang và phần thưởng cho cá nhân dựa trên chuẩn mực đạo đức của chế độ quân chủ. Connelly, trong lập luận rằng chúng ta không có một khái niệm thống nhất hay rõ ràng về “đạo đức”, chuẩn mực đã góp phần làm tốt đẹp quân đội Pháp thời kỳ Cách mạng. Vì vậy, khái niệm “danh dự” (theo nghĩa chuẩn mực quân đội) không nhất thiết xung khắc với tước vị và tiền tài mà Napoleon hào phóng ban tặng cho các sĩ quan trung thành. Nhiều sĩ quan cấp dưới và cùng vị trí với Napoleon đã chiến đấu và hy sinh anh dũng vì những chuẩn mực đạo đức truyền thống mà không màng đến phần thưởng sau này.

Không còn nghi ngờ gì, hệ tư tưởng của phái Cộng hòa Giacô- ban đã hình thành một chuẩn mực đạo đức chung trong dân chúng, quân đội và đã được minh chứng trong quá trình thanh lọc chính trị trong nước và các cuộc chinh phạt của quân đội ở nước ngoài. Tuy nhiên, xét trên nhiều phương diện, giả định quân đội cộng hòa đã được truyền thêm sức mạnh từ các nguyên tắc và chuẩn mực đạo đức trên vẫn còn nhiều điểm cần phải bàn. Sự hy sinh lợi ích cá nhân để bảo vệ thành trì tổ quốc là một chuyện, sự cướp bóc trên con đường chinh phạt lại là một chuyện khác. Riêng quy mô của họ đã cho thấy, họ không phải đội quân đem tự do đến cho nhiều người ở vùng đất chiến lược Belgium và bờ trái sông Rhine. Có rất nhiều bằng chứng cho thấy tình trạng cướp bóc tràn lan, kể cả các trường hợp cướp bóc tai tiếng do tư lợi cá nhân trên những vùng đất này. Theo một nghiên cứu của nhà sử học T. C. W Blanning về cuộc chinh phạt của quân đội Pháp dọc bờ sông Rhine, “người Katia mong chờ Socrate²⁷ Socrates (470-399, trước công nguyên): là triết gia Hy Lạp đầu tiên, người được mệnh danh là bậc thầy về truy vấn⁽²⁷⁾ nhưng cái họ nhận được lại là Glaucon⁽²⁸⁾”. Ý nghĩa của các cuộc chiến tranh vì lý tưởng đạo đức, chiến đấu để đem lại cuộc sống giàu sang và hòa bình cho những mái nhà tranh như Girondin đã hùng hồn tuyên bố đã bị bóp méo sang hướng khác. Hội đồng Đốc chính đã giải thích không úp mở thông qua lời chỉ đạo sĩ quan Joubert vào tháng 1/1796.

“Nguyên tắc chung áp dụng đối với tất cả các vùng đất bị chiếm đóng là trên hết, quân đội phải sống và tồn tại”.

28 Glaucon: là triết gia “theo khuynh hướng Socrates”, được nhắc đến nhân vật đối thoại với Socrates trong cuốn sách The Republic (Nền cộng hòa).

Cũng cần tìm hiểu sĩ quan của thể chế Cộng hòa và sĩ quan quân đội Napoleon có điểm chung gì? Trước hết, họ có cùng tham vọng sự nghiệp, điểm này không chỉ tìm thấy trong quân đội mà cả những nhân vật ưu tú trong xã hội. Thứ hai, họ phải đối mặt với vấn đề muôn thuở những người lính phạm lỗi bị kỷ luật mà không ý thức rõ ràng về “đạo đức” hay “danh dự”. Thứ ba, họ được lệnh phải thực thi chính sách tiên quyết là sống sót dựa vào vùng đất thuộc lãnh thổ bị sáp nhập hay chiếm đóng, theo quan niệm chiến binh của tự do sẽ được trang bị và nuôi sống nhờ chiến lợi phẩm. Napoleon kế thừa tư tưởng đó nhưng hệ thống hóa nó ở cấp độ cao hơn. Trong khía cạnh này, không có nhiều sự khác biệt giữa chính sách của sĩ quan Joubert năm 1796 với chính sách của Napoleon khi yêu cầu các sĩ quan phải khai thác triệt để nguồn lực tại các vùng đất thuộc Đế chế vĩ đại. Việc François Rouillet de la Bouillerie, viên chức thu thuế của Đội quân vĩ đại và cũng là Bộ trưởng Ngân khố yêu cầu tăng thuế là ví dụ điển hình về cách thức khai thác các nguồn lợi tức và lương thực để phục vụ cho mục đích của Napoleon.

Rất khó hình thành một động lực đạo đức tinh thần cho số lượng lính nghĩa vụ khổng lồ. Sắc lệnh của Hội nghị quốc gia ngày 21/1/1793 đã hợp nhất quân đội chính quy và tình nguyện thành một hệ thống quân đội thống nhất. Tình trạng khẩn cấp ngày 23/8/1793 đã nâng tổng số quân lên gần 800 nghìn lính và vào thời điểm này, số quân chủ yếu lấy từ lãnh thổ Pháp cũ nhưng không được duy trì lâu. Cơ sở tuyển quân của Napoleon dựa phần lớn vào Luật Jourdan-Delbrel ra ngày 5/9/1798. Bộ luật này xem chế độ tòng quân bắt buộc như là cách để bù đắp sự thiếu hụt lực lượng lính tình nguyện. Theo các điều khoản của Bộ luật này quy định trong giai đoạn khẩn

cấp của quốc gia, tất cả người Pháp phải có nghĩa vụ phục vụ quân đội trong thời gian vô hạn định. Trong những giai đoạn khác, tình nguyện viên độ tuổi 18-30 sẽ tòng quân trong khoảng thời gian 4 năm, sau đó tăng thêm 2 năm. Tất cả thanh niên Pháp đến tuổi 20 sẽ phải thực hiện chế độ tòng quân bắt buộc cho đến năm 25 tuổi. Trong khoảng thời gian từ sau sự kiện Brumaire đến năm 1811, Napoleon đã thay đổi một số nội dung trong bộ luật này, khi các nguyên tắc của Đế chế được luật hóa, ông giữ lại những điều khoản cơ bản. Các điều khoản này bao gồm: thứ nhất, quy định miễn tòng quân đối với những người đàn ông đã có vợ, những góa vợ hoặc bỏ vợ đang là trụ cột gia đình (quy định miễn tòng quân này được chính thức luật hóa vào tháng 9/1808); thứ hai, quy định về tòng quân thay thế, áp dụng cho những người chịu trả một khoản chi phí tài chính, quy định này được rất nhiều người ủng hộ.

Cơ chế tuyển quân theo chỉ tiêu hàng năm dưới thời Napoleon được kiểm soát tập trung. Ban đầu, thị trưởng và ủy ban thành phố giữ vai trò điều hành bên cạnh chính quyền khu vực, nhưng những gì họ làm được tỏ ra không hiệu quả. Napoleon lại một lần nữa dựa vào quận trưởng để giải quyết tình trạng này và theo bộ luật ngày 6/8/1802, họ được ủy ban tuyển mộ lính hỗ trợ. Tổng trở thành đơn vị lớn hơn để tuyển mộ lính. Ủy ban tuyển mộ lính, bao gồm quận trưởng, chỉ huy quân đội khu vực và viên chức tuyển mộ quản lý việc triệu tập và điều động lính. Theo nhà sử học Isser Woloch, cơ cấu, tổ chức của các Ủy ban này dẫn đến bước chuyển dịch quyết định từ chế độ tòng quân địa phương hóa (dựa trên từng địa phương) đến chế độ tòng quân quan liêu và theo lộ trình. Vào ngày 24/9/1805, quyền tuyển chọn và đưa ra chỉ tiêu hàng năm cho từng khu vực chuyển từ Cơ quan Lập pháp sang thượng nghị viện.

Theo những nghiên cứu gần đây, trong giai đoạn 1800-1810, trung bình mỗi năm, chế độ quân dịch đã triệu tập được 73 nghìn lính và từ năm 1805, tổng số quân thường trực lên tới 500-600 nghìn người (con số trên giấy tờ). Con số này bao gồm cả số lượng quân chỉ tiêu lấy từ các khu vực hành chính

ngoài nước Pháp, chiếm tới 1/5 - 1/3 tổng số quân. Các quốc gia vệ tinh như Đức, Italy, Hà Lan (được sáp nhập vào năm 1810) và Ba Lan chiếm phần còn lại. Ví dụ như, Liên minh sông Rhine đã cung cấp 63 nghìn lính trong thời kỳ chiến tranh, trong đó Bavaria đóng góp 30 nghìn lính. Sau năm 1807, vùng đất Warsaw cũng thu hút được lượng lính tòng quân lớn, duy trì truyền thống người Ba Lan phục vụ trong quân đội Pháp Cộng hòa. Người ta sẽ nhớ mãi những đóng góp đặc biệt của họ qua những kỳ tích anh hùng của hoàng tử Joseph Poniatowski, người được Napoleon phong là nguyên soái của nước Pháp hai ngày trước khi chết trên chiến trận Leipzig vào ngày 18/10/1813. Ông là người nước ngoài duy nhất có vinh dự này. Theo cách này, gánh nặng huy động quân lực cho quân đội của Napoleon được đặt trên vai của nhiều vùng đất hơn so với những năm 1790. Trong Đội quân vĩ đại phục vụ cho chiến dịch Nga giai đoạn 1813-1814, chế độ tòng quân nghiêm khắc ở Pháp đóng góp 1/3 số lượng quân. Chỉ đến thời điểm chiến dịch sa lầy cuối cùng giai đoạn 1813-1814, khi chế độ quân dịch trải qua những đợt tuyển lính bất thường thì tổng số quân mới lên tới 1 triệu.

Giống như tất cả đội quân châu Âu giai đoạn này, Đội quân vĩ đại đã phải đối mặt với vấn đề đào ngũ và trốn chế độ quân dịch. Đây là đòn châm chích đánh vào chủ nghĩa anh hùng theo tiêu chuẩn đạo đức hình mẫu cánh đại bàng giai đoạn này. Theo quan điểm của nhà sử học Georges Lefebvre, số lượng lính phạm lỗi bị kỷ luật ngày càng nhiều từ năm 1812 và vấn đề này không được đưa ra trong những nghiên cứu gần đây. Trong một bài nghiên cứu mang tính chất khám phá của Eric A. Arnold, Jr., cho thấy, hai vấn đề đào ngũ và trốn chế độ quân dịch là mối bận tâm lớn nhất trong giai đoạn từ tháng 12/1804-7/1806, thậm chí ngay cả khi danh tiếng của Napoleon đang nổi lên như cờ nhờ chiến thắng Ulm và Austerlitz. Theo như báo cáo của Bộ trưởng Fouché, số lượng lính bị kỷ luật ở những vùng Ariège, Haute-Garonne, Basses-Pyrénées, Haute-Vienne, Ardèche, Gironde, Landes và Deux-Sèvres đã chiếm 1/2 quân số triệu tập được theo chỉ tiêu năm 1806.

Một vài nghiên cứu gần đây đã cố gắng tìm hiểu tận gốc vấn đề này, sự khác biệt giữa các khu vực, những biến động theo thời gian và cách thức quân đội tìm phương pháp giải quyết tình trạng này. Theo Isser Woloch, vấn đề quân dịch bắt buộc đã làm phai mờ tất cả các vấn đề khác của hệ thống hành chính tại nước Pháp và là đề tài tranh cãi giữa những cá nhân và chính quyền địa phương với một quốc gia xa xôi không liên quan. Cuộc tranh luận đầu tiên nổ ra trong nước và trở nên gay gắt tại nhiều khu vực trong biên giới nước Pháp, khi những thanh niên đến độ tuổi tòng quân tìm cách trốn việc tham gia vào quân đội và những người được gọi từ chối báo cáo nghĩa vụ hoặc trốn khỏi vị trí. Đối với những người sử dụng chính sách “thay thế”, đặc biệt khi bộ luật quy định cụ thể trường hợp “thay thế” ra đời vào ngày 26/8/1806, thì phải trả một khoản chi phí tài chính khá cao. Trong tổng số quân tuyển được giai đoạn 1806-1810, tỷ lệ thay thế (không tính những trường hợp chính đáng) là 4,5%, thấp hơn so với năm 1800. Theo Woloch, sự thay thế chủ yếu dành cho những người huấn luyện chuyên nghiệp và giới quý tộc cấp cao. Tuy nhiên, đối với những lính đã bị gọi tham gia quân dịch, việc đào ngũ hay trốn quân dịch sẽ phải hứng chịu những hình phạt nặng nề, chẳng hạn, gia đình người có tội phải chịu phạt một khoản tài chính và người có tội bị những hình phạt tra tấn thể xác từ đội quân cơ động chuyên trách lùng sục và bắt giam.

Một vài đặc trưng của tình trạng đào ngũ và trốn quân dịch đã được chỉ rõ. Theo nghiên cứu của nhà sử học Alan Forrest, trong thời gian từ thời Cách mạng đến thời Napoleon, đây là vấn đề nổi cộm trong binh đoàn bộ binh, gây rắc rối trong binh đoàn pháo binh nhưng không mấy nghiêm trọng trong binh đoàn kỵ binh. Nguyên nhân chủ yếu ảnh hưởng bởi những nhân tố ngăn hạn như: những người lính gốc nông dân muốn trở về gia đình vào thời điểm thu hoạch vụ mùa. Việc trốn chế độ quân dịch chủ yếu diễn ra ở các khu vực miền núi, rừng hay đầm lầy. Tại đây, họ thường tận dụng những hiểu biết về tập quán địa phương, cũng như nơi ẩn náu và giúp đỡ từ cộng đồng, nơi tinh thần đoàn kết bất luận trong hoàn cảnh nào đều mạnh mẽ và vững chãi, ngoan cường. Cũng theo Forrest, tại Pháp, tình trạng đào

ngũ và trốn quân dịch ở những khu vực khác nhau luôn tồn tại song hành với những khu vực tuân thủ nghiêm ngặt. Tình trạng này diễn ra nghiêm trọng nhất tại các tỉnh phía tây, ở trung tâm Massif và ở các khu hành chính phía Bắc giáp biên giới Bỉ và ở vùng Tây- Nam, đặc biệt là Aquitaine. Ngược lại, vùng đồng bằng phía đông và Paris là hình mẫu về sự tuân thủ, lòng yêu nước và sự nhiệt tình cống hiến.

Mĩa mai thay, như Woloch và Forrest đã nhận xét, thể chế Napoleon đã giành thắng lợi trong cuộc chiến áp đặt chế độ tuyển quân bắt buộc vào những năm tháng cuối cùng. Trong khi biện pháp phạt hay động thái hòa giải như ân xá, tha tội chưa đủ, sự nghiêm khắc của đội quân cơ động bắt đầu phát huy tác dụng trong việc giải quyết tình trạng trốn quân dịch. Trong khi vấn đề đào ngũ làm đau đầu chính quyền quân sự, đặc biệt trong giai đoạn 1810-1811, thì tình trạng trốn quân dịch lại giảm và tiếp tục giảm trong nhiều năm. Điều này lý giải chế độ tuyển quân hàng loạt của Napoleon trong những năm cuối đế chế hiệu quả như thế nào nếu so sánh với quy mô của những năm trước đó. Woloch mô tả năm 1811 như một vụ mùa bội thu của chế độ tuyển quân bắt buộc. Chỉ trong ba năm, số lượng quân tuyển được đã bù đắp cho con số đào ngũ. Nhưng sau đó, lời kêu gọi khẩn cấp 300 nghìn lính vào tháng 11/1813 đã bị phản ứng dữ dội, khi những thất bại của Pháp kéo theo lượng binh sĩ tử vong lớn và toàn bộ hệ thống tuyển quân bắt buộc sụp đổ.

Nếu nhìn tổng thể vào chế độ tuyển quân, tình trạng đào ngũ và trốn quân dịch dưới thời Napoleon, người ta có thể có được những kết luận thống kê tương đối chính xác. Theo nhà sử học Arnold, tổng số quân chính thức được tuyển mộ cho quân đội Pháp trong thời kỳ Tổng tài và Đế chế là 2,6 triệu người. Theo tính toán của Gunther, con số này chiếm 7% tổng dân số “nước Pháp cũ”. Con số này sẽ giảm nếu xét đến cả số lượng lớn lính bị kỷ luật. Khó có thể tính toán chính xác tổng số lính đào ngũ và trốn quân dịch trong giai đoạn này. Tuy thế, theo Arnold, trong giai đoạn 1800-1815, con

số đào ngũ có thể lên tới một triệu người, chiếm khoảng 1/5 tổng số quân huy động.

“Người đàn ông như tôi không dành nhiều thương xót cho cái chết của một triệu thanh niên” – Napoleon đã nói như vậy trong bức thư gửi Metternich năm 1813. Khi viết ra những lời di chúc lạnh lùng ấy, ông không hề biết con số đó đã rất gần với sự thật. Vì những ước tính về con số thương vong của quân đội Pháp rất khác nhau, sau khi đã nghiên cứu chi tiết, cuối cùng người ta đi đến sự nhất trí dựa trên những thống kê của Jacques Houdaille(29). Theo ước tính của ông, trong 18 khu hành chính vẫn thuộc về Pháp sau thỏa thuận hòa bình năm 1815, con số thương vong là 1,4 triệu lính (chỉ tính trên đất liền, giai đoạn 1792-1814), trong đó khoảng 500 nghìn lính tử vong trong thời kỳ chiến tranh Cách mạng và 916 nghìn lính hy sinh trong thời kỳ Đế chế. Con số này chỉ là những người bị giết khi tham gia chiến trận, còn chưa tính những người tử vong do bị thương, bị ốm, do mệt mỏi và lạnh giá và tất cả tù nhân chiến tranh. Không có ai có thể đưa ra con số chính xác số lượng người vĩnh viễn mất đi. Chiến dịch Nga năm 1812 có số lượng binh sĩ tử vong lớn nhất. Ước tính ban đầu hơn 400 nghìn lính thiệt mạng đã được điều chỉnh. Nhà sử học Jean Tulard đưa ra tổng số thương vong của quân đội Pháp và đồng minh là 380 nghìn người gồm chết trận, bị kẻ thù bắt giam, đào ngũ. Tổn thất của quân đội Pháp tại cuộc chiến trên bán đảo lên tới 300 nghìn người.

29 Jacques Houdaille: sinh năm 1912, tác giả cuốn *Two Frenchmen Hitchhiking Across 1946 America*

Mặc dù những tổn thất về người không ảnh hưởng nhiều tới quân số mà Napoleon đã triệu tập được từ Đế chế rộng lớn của mình nhưng chúng tác động xấu đến số lượng quân tuyển trong chiến dịch 1813-1814. Tất cả những con số thực tế này là mặt trái của ánh hào quang huy hoàng mà chúng ta cần xem xét khi đánh giá những thành quả quân sự của Napoleon. Là một vũ khí trên con đường chinh phạt, Đội quân vĩ đại được người ta ghi

nhận không chỉ ở chủ nghĩa hy sinh anh hùng. Đây cũng chính là một khía cạnh góp vào bức tranh bi hùng về huyền thoại Napoleon sau năm 1815.

CHÍNH SÁCH PHONG TỎA LỤC ĐỊA

Nhìn từ góc độ nào đó, việc Napoleon dẫn sâu vào cuộc chiến kinh tế với nước Anh có thể xem như một nước cờ thực dụng nhằm mở rộng vị trí quân sự đang mạnh lên ở Bắc Âu. Nhưng nhìn từ góc độ khác, đó dường như là một năm thảm hại trong cuộc xung đột hàng hải kéo dài giữa Pháp và Anh. Cuộc xung đột này là một phần còn sót lại từ cuộc cách mạng và nó giới hạn sự lựa chọn của Napoleon kể từ khi mâu thuẫn bùng phát trở lại sau Hiệp Ước Amiens (từ tháng 3/1802 - 5/1803). Sự mở rộng lãnh thổ của Pháp trong các cuộc chiến tranh Cách mạng được thúc đẩy bởi một tham vọng xâm chiếm cả châu lục, nhưng quá trình mở rộng này cũng đang đe dọa quyền kiểm soát trên biển của nước này. Ngay từ đầu, Napoleon đã nhìn thấy khó khăn trong việc duy trì hoạt động hải quân rộng khắp khi chiến dịch Ai Cập của ông thất bại trước sự phản công của Hải quân Anh. Một điều nghịch lý là những chiến thắng quân sự ngoạn mục của Napoleon từ năm 1805-1807 lại đi đôi với sự suy giảm sức mạnh của Hải quân Pháp, đặc biệt là sau chiến thắng mang tính quyết định của Hải quân Anh tại Trafalgar ngày 21/10/1805.

Trong những năm sau cuộc cách mạng, kim ngạch tái xuất khẩu từ các nước thuộc địa đã chiếm tới 1/3 tổng kim ngạch xuất khẩu của Pháp và 1/5 cho sản lượng công nghiệp mà nước Pháp đã xuất khẩu tới Antilles và thuộc địa Tây Ban Nha. Đế chế Napoleon đã mất nhiều thị trường thuộc địa quan trọng và các nguồn cung từ khi các cuộc chiến Hải quân bắt đầu năm 1793. Sự mất mát này đã ảnh hưởng lớn tới hoạt động thương mại quốc tế của Pháp vốn bị gián đoạn bởi cuộc nổi dậy của nô lệ năm 1791 trên đảo Santo Domingo, một đảo trồng mía đường quan trọng của Pháp. Bản thân việc buôn bán nô lệ của Pháp, một lĩnh vực sinh lợi trong suốt thế kỷ XVIII, cũng bị ảnh hưởng nặng nề bởi các trận đánh ngoạn mục của Hải quân

Anh. Các hải cảng Atlentic từng một thời rất phồn thịnh như Bordeaux hay Nantes cũng bị ảnh hưởng nặng nề. Thêm vào đó, hàng loạt ngành công nghiệp và dịch vụ truyền thống ăn theo cảng biển như công nghiệp đóng tàu, may mặc quần áo thủy thủ, dây thừng, tinh chế đường ăn, sản xuất thuốc lá đều bị suy thoái. Tóm lại, xét về dài hạn, sự suy yếu sức mạnh hải quân đã gây thiệt hại nặng nề tới lĩnh vực thương mại và công nghiệp của Pháp vào thời gian cuối các cuộc chiến tranh Cách mạng.

Theo các điều khoản của Hiệp ước Amiens, Pháp đã lấy lại được các thuộc địa của mình nhưng thời gian hòa bình quá ngắn ngủi không đủ để có một tác động tức thời lên hoạt động thương mại. Sau giai đoạn này, con số thuộc địa của Pháp bị mất lại tăng thêm, việc buôn bán qua bờ Atlantic bị bủa vây trong vòng phong tỏa của Hải quân Anh, còn giao thông với các quốc gia Địa Trung Hải, nhất là tuyến Marseilles với Levant cũng rơi vào thời kỳ khó khăn. Sau khi từ bỏ kế hoạch tấn công bằng đường thủy vào Anh năm 1805, một năm tồi tệ của hạm đội hải quân Pháp, Napoleon nhận thấy tình trạng khó khăn đang diễn ra. Ông phải tập trung vào các cuộc xâm chiếm thuộc địa và ít nhất là trong lúc này, buộc phải để cho Anh nắm quyền kiểm soát vùng biển. Tuy nhiên, một năm sau, khi bị người Áo và Nga đánh bại tại Ulm và Austerlitz, bị người Phổ đánh bại tại Jena và Auerstädt, ông phải lập ra một chính sách khác với ý tưởng ban đầu. Mặc dù không thể trực tiếp đánh bại quân Anh trên biển để duy trì việc mở rộng thuộc địa ra toàn cầu nhưng Napoleon đã khiến Anh thất bại thông qua sự phong tỏa gián tiếp từ lục địa. Mục tiêu của ông là chinh phục hải phận dựa vào lợi thế sức mạnh của đất liền.

Các ý niệm về kinh tế của Napoleon rất ngây thơ và đôi khi được miêu tả như một sự chưa chín muồi của “chủ nghĩa trọng thương”. Ông đã hình thành một ý tưởng từ rất sớm rằng sự thịnh vượng của nước Anh rất mong manh, và nước Anh có thể phải bị cách ly khỏi lục địa châu Âu và phải tự mình vận động. Ông không hiểu cơ chế của thị trường thế giới, hệ thống ngân hàng hay tài chính tín dụng và rõ ràng ông cho rằng đồng bảng Anh sẽ

vận động theo các nhân tố đã ấn định. Đối với nước Pháp, ông cho rằng các nhà sản xuất trong nước sẽ mong muốn và sẵn sàng theo chế độ bảo hộ hơn là tự do cạnh tranh. Điều đó đối với ông là sự mở rộng lợi ích tự nhiên của quốc gia. Tuy nhiên, ông không nhân nhượng với các thương gia muốn buôn bán tự do với nước ngoài, ông lảng mạt và gọi họ là kẻ ích kỷ không có “danh dự và tổ quốc”.

Trên tất cả, Napoleon tin rằng ông có thể điều khiển nền kinh tế Pháp bằng phương pháp quản lý tập trung như đối với bất kỳ khu hành chính nào trong chính quyền và mệnh lệnh của ông sẽ được các nhà sản xuất, các thương gia tuân thủ. Ông đã chứng minh điều này bằng việc áp đặt chính sách đối với các phòng thương mại và công nghiệp được thành lập tại 22 thành phố dựa theo Hiệp ước lãnh sự ngày 24/12/1802 và Hội đồng tư vấn cho sản xuất, nghệ thuật, thủ công mỹ nghệ ban hành ngày 12/4 và 29/7/1803. Ông rất thích thú với khái niệm “các chiến sĩ công nghiệp” Pháp chiến đấu với các đối thủ Anh, và như Metternich đã ghi nhận vào tháng 1/1808, Napoleon nghĩ đến các thủy thủ Pháp như những “thương gia quân sự” và tàu buôn của họ còn cao quý hơn cả các tàu buôn của những công dân yêu chuộng hòa bình khác. Hay như vị Bộ trưởng Chaptal, đã miêu tả quan điểm của Napoleon trong lĩnh vực thương mại của Pháp: “Ông cho rằng mình có thể dẫn dắt thương mại với sức mạnh của một đạo quân và yêu cầu một sự khuất phục hoàn toàn”. Trên thực tế, logic lập luận về công nghiệp và thương mại của Napoleon xuất phát từ quân sự chứ không phải kinh tế.

Do vậy, lập luận này đã lan tỏa và được áp đặt ở các nước khác nhằm tạo ra một luận giải kinh tế chặt chẽ hơn cho kế hoạch của Napoleon về một “Chính sách phong tỏa kinh tế châu lục” hay “Hệ thống châu lục”. Trên thực tế, quy trình này bắt đầu từ năm 1805 và người có ảnh hưởng nhất định đến nó là Montgaillard, một cố vấn kinh tế của Napoleon, người đầu tiên sử dụng thuật ngữ “Chính sách phong tỏa kinh tế châu lục” hay “Hệ thống châu lục”. Chính sách này đã thiết lập và tái xác nhận tất cả các biện pháp kìm hãm thương mại Anh được áp dụng trong thời kỳ Hội đồng Đốc chính,

trong thời gian cuối chế độ tổng tài và đầu thời kỳ Đế chế. Nhưng giờ đây, chính sách này được áp dụng rộng rãi tại các vùng đất đã và đang nằm dưới chế độ cai trị của Napoleon. Yếu tố chính trong luận điểm của chính sách này là nếu nước Anh không bị biển ngăn cách thì sẽ bị phong tỏa bởi tất cả các vùng đất thuộc chủ quyền nước Pháp. Nếu hàng hóa của nước Anh và hàng hóa tái xuất khẩu từ thuộc địa của Anh tới châu Âu bị ngăn cản, các ngành công nghiệp và ngoại thương của Anh sẽ sớm rơi vào cảnh dư thừa. Và nếu cùng một lúc, Anh bị buộc phải chi trả nhập khẩu hàng hóa thiết yếu từ châu Âu bằng tiền vàng thì sự suy giảm lượng vàng dự trữ sẽ khiến đồng tiền nước này mất giá, làm giảm khả năng cung cấp tài chính cho các nước đồng minh khác chống lại Pháp, gây ra mất trật tự xã hội và dần buộc nước này phải tìm kiếm một thỏa hiệp hòa bình. Nói cách khác, những gì Napoleon và các cố vấn đang xây dựng không phải là một sự phong tỏa kinh tế theo cách hiểu thông thường mà là một sự bao vây hay tẩy chay thương mại với Anh.

Tuyên bố chính thức về chính sách phong tỏa kinh tế được công bố cùng với sắc lệnh Berlin ngày 21/11/1806. Tuyên bố này nêu rõ, các đảo Anh nằm trong tình trạng bị phong tỏa và cấm mọi sự giao thương. Việc bắt giữ các tàu và hàng hóa Anh đã được phê chuẩn theo pháp luật và bất kể công dân nào của nước Anh bị phát hiện tại các vùng đất mà Pháp hoặc đồng minh của họ quản lý sẽ bị đối xử như tù nhân chiến tranh. Ngoài việc xâm chiếm Phổ, một nước cờ chiến lược tạo điều kiện tiên quyết cho việc thực thi chính sách này tại Bắc Âu, Napoleon còn tuyên bố mình có lý do hợp pháp để hành động. Ngày 16/5/1806, Hội đồng nước Anh đã đáp trả bằng tuyên bố phong tỏa mọi hoạt động trên biển dọc bờ biển nước Pháp, Napoleon đã phủ nhận sự ngăn cấm này trong phần đầu của sắc lệnh Berlin. Sự đáp trả của Anh hoàn toàn có thể đoán trước. Những mệnh lệnh mới từ hội đồng Anh vào tháng 1 và tháng 11/1807 đã thắt chặt và tăng thêm các điều khoản ngăn cấm các hoạt động trên biển đồng thời bắt buộc các tàu trung lập phải ghé vào một cảng của Anh để kiểm tra hàng hóa, nộp thuế và nộp đơn xin giấy phép đặc biệt để có thể buôn bán với cảng của các quốc

gia kẻ thù. Napoleon, với sắc lệnh Milan ngày 23/11 và 17/12, ngược lại đã mở rộng áp dụng các điều khoản sắc lệnh Berlin đối với các tàu trung. Thực chất của hành động này là đồng hóa các tàu đó với các tàu của Anh.

Từ mùa đông năm 1806-1807 trở đi, toàn bộ quá trình xây dựng đế chế của Napoleon khoác lên mình một đặc trưng kinh tế mới. Chính sách phong tỏa kinh tế đã chính thức được công bố vào nhiều thời điểm khác nhau tới tất cả các khu hành chính lệ thuộc trực tiếp vào đế chế trước tháng 1/1811. Việc chấp nhận các điều khoản của chính sách này trở thành một nhân tố quan trọng ảnh hưởng tới cách chính sách của Napoleon với các quốc gia phụ thuộc. Do vậy, chính sách phong tỏa này đã được mở rộng tới Italy, Thụy Sĩ, liên minh cánh tả và Hà Lan trong suốt năm 1807 và sau đó lan tới bán đảo Iberian năm 1808 và các tỉnh “Illyrian của đế chế” cuối năm 1809. Khi có điều kiện, Napoleon cũng đã gây áp lực lên các quốc gia liên minh – với Nga tại Tilsit năm 1807, với Áo sau khi nước này chấp thuận gia nhập liên minh vào đầu năm 1810 – để củng cố các sắc lệnh chống lại nước Anh. Một trong những đồng minh của Napoleon, vua Frederick VI của Đan Mạch, người đã từ bỏ tình trạng trung lập để theo Pháp vào tháng 9/1807, đã phải chịu một sự trừng phạt ngay sau đó và vô cùng khắc nghiệt khi hạm đội Anh tấn công Copenhagen ngay trong tháng đó. Theo một số nhà nghiên cứu, hai trong số các chiến dịch quân sự của Napoleon nhằm vào Tây Ban Nha năm 1808 và Nga năm 1812 chủ yếu bắt nguồn từ động cơ kinh tế buộc những quốc gia còn do dự phải áp dụng chế độ phong tỏa kinh tế nghiêm túc hơn.

Chính sách phong tỏa kinh tế châu lục của Napoleon được xem là một chính sách khiêu khích nhằm làm suy giảm sức mạnh kinh tế của kẻ thù trong đó quân đội có vai trò quan trọng. Trong khía cạnh này, sức mạnh đó được củng cố bằng việc ông tăng cường đội quân đế chế với trách nhiệm giám sát chặt chẽ các quan chức hải quan tại nhiều các cảng lớn, cụ thể là dọc bờ biển Bắc. Tuy nhiên, kế hoạch phong tỏa lục địa không chỉ dừng lại ở mục tiêu tàn phá. Napoleon và các cố vấn kinh tế luôn hướng vào một

mục tiêu khai thác các thị trường lục địa để làm giàu cho lĩnh vực công nghiệp và thương mại của đế chế. Họ lạc quan tin tưởng rằng, việc tiêu diệt khả năng cạnh tranh từ nước Anh sẽ khuyến khích các nhà sản xuất và thương gia trong nước thực hiện các thương vụ làm ăn nhiều ưu đãi với các quốc gia và các nước trong liên minh. Họ vạch ra một mạng lưới các thực thể kinh tế độc lập được điều khiển hướng tới lợi ích của Đế chế và sẽ bằng cách nào đó bù đắp cho các nguồn lợi từ biển bị mất. Trong một nghiên cứu chi tiết hơn về vấn đề này, tôi đã so sánh mục tiêu này với một “quy hoạch thị trường Pháp” và cho rằng đó là phần không thể thiếu được trong chính sách Phong tỏa kinh tế châu lục của Napoleon, đặc biệt là tại các vùng đất nằm sâu trong nội địa. Tuy nhiên, khi cái gọi là “Quy hoạch thị trường Pháp” đã thất bại trước khu vực kinh tế tự do trải khắp lãnh địa châu Âu và thực tế chưa bao giờ đem lại các đặc quyền thương mại cho các chủ thể kinh tế và các nước trong liên minh, tôi gọi nó là một “thị trường không truyền thống”. Một thị trường cuối cùng đã thất bại hoàn toàn do sự thiên lệch và một chiều. “Nguyên tắc” của Napoleon, như ông đã nêu trong lá thư gửi Eugène de Beauharnais ngày 23/8/1810, là đặt nước Pháp lên trên hết.

Khi việc thực thi chính sách Phong tỏa kinh tế châu lục mở rộng và gặp phải sự kháng cự trong Đế chế và các quốc gia khác, các điều khoản trong chính sách này đã được sửa đổi đáng kể. Khi các thương gia vùng Bordelais phàn nàn rằng các thùng rượu mà họ sản xuất đã chất đầy các kho chứa, Napoleon đã cấp cho họ “giấy phép” đặc biệt cho phép buôn bán với Anh – khách hàng chính và lâu năm. Nhận thấy giá trị tài chính do các nhượng bộ này đem lại, ông mở rộng phạm vi tới các mặt hàng khác và quản lý hệ thống “giấy phép” bằng sắc lệnh Saint-Cloud ban hành ngày 3/7/1810. Trong năm này, khi nước Anh có dấu hiệu mất mùa, ông đã hào phóng cấp “giấy phép” cho phép xuất khẩu ngũ cốc cho kẻ thù từ số lượng ngũ cốc dư thừa của miền nông thôn phía tây nước Pháp. Ông biện luận, mục đích của chính sách phong tỏa kinh tế là ngăn chặn hoạt động xuất khẩu của Anh và khuyến khích nước này nhập khẩu nhằm thu tiền vàng về cho Pháp. Cho dù lý luận này có tính mưu lược hay đơn giản chỉ là hiểu lầm, bằng chứng cho

thấy các thương gia Anh đã không phải dùng nhiều tiền vàng để thanh toán cho lượng ngũ cốc đó.

Hơn nữa, với sắc là thuế Trianon ra ngày 5/8 và 17/9/1810, Napoleon đã mở rộng danh mục hàng hóa thuộc địa (trước kia bị coi là hàng lậu). Những mặt hàng này sẽ được phép nhập khẩu vào Pháp nhưng phải chịu mức thuế nhập khẩu rất cao. Động cơ tài chính của ông biểu hiện quá rõ ràng. Ngược lại, ông cũng có lập trường cứng rắn hơn với hàng hóa do Anh sản xuất. Sắc lệnh Fontainebleau ngày 18/10/1810 đã củng cố toàn bộ cơ cấu giám sát hoạt động thương mại dọc biển Bắc và biển Baltic, đặc biệt là con lạch truyền thống của Anh vào cảng Hamburg trên sông Elbe, nơi một ủy ban được dựng lên chỉ để tịch thu hàng hóa vi phạm. Khối lượng hàng hóa bị tịch thu tăng nhanh trong hai năm sau làm dấy lên làn sóng phản đối từ các thương gia bản địa và người ta vẫn thường gọi giai đoạn này là thời kỳ “khủng bố hải quan”.

Để đánh giá các tác động của chính sách phong tỏa kinh tế châu lục tới nước Anh, lãnh thổ Pháp và châu lục toàn diện hơn, chúng ta cần chú ý tới mục đích kép của chính sách và việc thi hành nước đôi chính sách đó. Dưới vỏ bọc của một “cỗ máy chiến tranh”, chính sách này đã bộc lộ những hạn chế trong năng lực phong tỏa thương mại của Napoleon. Nó không phá hủy được các ngành công nghiệp và nền kinh tế Anh hay buộc nước này phải yêu cầu hòa giải. Hiển nhiên, nó cũng tác động tới xuất khẩu của Anh trong nửa năm 1808 và từ mùa thu năm 1810 cho tới mùa hè năm 1812, khi việc giám sát hoạt động thương mại trên biển trở nên phức tạp do sự rạn nứt trong quan hệ Anh - Mỹ đã ngăn cản hàng hóa xuất khẩu tới các đại lý tiêu thụ dọc bờ Atlantic. Sức ép này lên tới đỉnh điểm vào giai đoạn 1810-1811, khi khủng hoảng kinh tế xảy ra ở Anh, mặc dù không phải tất cả nguyên nhân đều liên quan tới chính sách phong tỏa kinh tế châu lục. Tuy nhiên, trong giai đoạn 1806-1813, khi chính sách phong tỏa kinh tế chính thức có hiệu lực, các nhà sản xuất và thương gia Anh đã xuất lậu hàng hóa vào châu Âu lục địa thông qua việc sử dụng luân phiên các địa điểm để qua mặt

những “quân nhân không được ưa chuộng” hoặc tìm kiếm các thị trường thay thế, trong đó chủ yếu là châu Mỹ.

Nghịch lý là, “cỗ máy chiến tranh” của Napoleon lại gây ra hậu quả lớn tới các nguồn lực của đế chế trong dài hạn. Ông đã sai lầm khi tới Tây Ban Nha và Nga với mục đích thúc đẩy việc áp dụng chính sách phong tỏa kinh tế. Chính việc này đã góp phần vào quá trình tiêu hao ngân quỹ và làm suy yếu khả năng bảo vệ đế chế khỏi sự sụp đổ quân sự. Hơn nữa, chính sách phong tỏa kinh tế đã tạo điều kiện cho hàng lậu và hàng giả phát triển tại những nơi nó được áp dụng, đặc biệt là các vùng biên giới đất liền. Ngoài các hàm ý về đạo đức – khía cạnh mà nhiều nhà quan sát thời kỳ này coi là bản cáo trạng nghiêm trọng dành cho chính hệ thống đó, những chính sách này đã gây ảnh hưởng có hại tới hoạt động thương mại chính thống, các khoản thuế hải quan có thể được thu về cho nhà nước đều bị mất. Như thường lệ, bất cứ khi nào Napoleon mở một chiến dịch và cần đến quân đội thì việc giám sát hải quan lại mất hiệu lực và buôn lậu lại hoành hành. Ta có thể thấy rõ điều này trong chiến dịch Wagram năm 1809 khi Hà Lan là nước gây chiến trước, một sự thật mà vua Louis không hề che giấu, và hành động này đã ảnh hưởng tới quyết định phế truất vua Louis của Napoleon và sáp nhập Hà Lan vào lãnh thổ Đế chế năm 1810. Vấn đề buôn lậu trở nên phổ biến trong suốt chiến dịch năm 1813. Sau tội đảo ngũ hay trốn tránh nghĩa vụ quân sự, tội buôn lậu được xem là hình thức chống tiêu cực phổ biến nhất trong luật lệ của Napoleon thời kỳ áp dụng chính sách phong tỏa kinh tế.

Tất cả mọi dự đoán và kỳ vọng của Napoleon về hiệu quả của hệ thống chính sách do ông gây dựng đã được chứng minh là thiếu cơ sở bằng các số liệu thực tế của nền kinh tế và sai lầm của con người. Có rất nhiều trường hợp tham nhũng tai tiếng của các công chức hải quan, những người thường xuyên phàn nàn về mức lương quá thấp, và có nhiều vụ liên quan tới các quan chức quân đội cấp cao. Do thiếu các nguồn tin cậy, chưa ai có thể dự đoán quy mô chính xác của các vụ làm ăn mờ ám trong nền kinh tế đóng

do chính sách phong tỏa kinh tế gây ra, nhưng nhiều người phỏng đoán rằng đó phải là những khoản lợi khổng lồ. Thậm chí trong thời kỳ “khủng bố hải quan” năm 1810-1812 tại Bắc Âu, các hình phạt nghiêm khắc được áp dụng đối với dân buôn lậu, việc tiêu hủy hàng hóa sung công thường diễn ra rất bừa bãi. Với khát khao kiếm tiền đạt đến tột đỉnh sau thất bại tại Nga, “giấy phép” buôn bán của Napoleon nhiều đến nỗi chính sách phong tỏa kinh tế thực chất đã mất hiệu lực từ bên trong trước khi sự lớn mạnh của các nước đồng minh tại Đức và Tây Ban Nha dẫn tới sự sụp đổ hoàn toàn của chính sách này vào năm 1813.

Đối với quy hoạch thị trường lục địa Pháp, nó không mang lại nhiều lợi ích cho các tàu thuyền tại các cảng biển. Bờ biển Atlantic và phần bờ biển tiếp giáp Địa Trung Hải của Pháp đóng vai trò thương mại quan trọng trong năm đầu áp dụng chính sách, một phần nhờ việc buôn bán ven biển, nhưng chủ yếu là thông qua các tàu trung lập quan trọng (chủ yếu là của Mỹ). Tuy nhiên, các mệnh lệnh của Anh tại hội đồng và các sắc lệnh Milan của Napoleon đã khiến việc vận chuyển trở nên nguy hiểm hơn, và các cảng biển phải trải qua giai đoạn khủng hoảng nhất trong giai đoạn từ năm 1808-1814. Tình trạng của các ngành công nghiệp và dịch vụ tại các vùng nằm sâu trong nội địa cũng ngày càng khó khăn mặc dù cảng Marseilles đã tìm được nguồn bù đắp từ các mối quan hệ thương mại với Rhône và từ việc sản xuất soda nhân tạo có sự hỗ trợ của chính phủ và nguồn tiêu thụ của các xí nghiệp xà phòng trong nước từ năm 1809-1810. Nạn nhân chính chịu thiệt thòi trên thị trường hàng hải là ngành công nghiệp vải lanh, ngành công nghiệp truyền thống đang suy giảm ở mọi nơi.

Tuy nhiên, ở các ngành và các khu vực kinh tế khác, tác động của chính sách phong tỏa kinh tế ở mức độ khác nhau, như tuyến vận chuyển đường biển trước kia đã chuyển hướng sang các tuyến và thị trường lục địa. Paris đã trở thành trung tâm thời trang và sản xuất hàng hóa xa xỉ, với những bước phát triển ấn tượng của ngành sản xuất vải cotton và duy trì vị thế là một thị trường tài chính quan trọng của Đế chế. Ngành công nghiệp lụa của

Lyon vẫn duy trì sản lượng do có sự bảo trợ của triều đình và xuất khẩu lượng lớn sang Nga cho tới khi Sa hoàng Alexander I quyết định bãi bỏ chính sách phong tỏa kinh tế vào cuối năm 1810 và áp dụng các biện pháp trừng phạt đối với hàng hóa Pháp. Các ngành công nghiệp như may mặc, luyện kim của Bỉ cũng dần dần được hưởng lợi từ việc tiếp cận thị trường để chế rộng lớn. Các khu hành chính vùng Rheln cũng được lợi với mức độ ít hơn. Trong nghiên cứu của tôi về Alsace, một tỉnh biên giới phía đông, nơi tập trung các tuyến đường buôn bán nội địa tới Thụy Sĩ, Đức và các vùng xa hơn đã khẳng định lợi ích từ chính sách phong tỏa kinh tế châu lục là rất lớn. Sau năm 1806, việc buôn bán chính thống tại Rhine ở Strasbourg (Bas-Rhin) đã tăng gấp đôi và trong thời kỳ đỉnh cao đã tăng gấp bốn lần. Một số người cho rằng tại thời điểm này, thành phố đã chiếm tới 1/3 ngoại thương của cả Đế chế. Tương tự như vậy, công nghiệp sản xuất vải cotton của Mulhouse (Haut-Rhin), đặc biệt là in vải hoa, trở thành một trong những ngành thịnh vượng nhất tại Pháp lúc bấy giờ. Cơ khí hóa đã đạt được một số tiến bộ đáng chú ý, đặc biệt là trong khâu đánh sợi và trong ngành sản xuất vải cotton của Seine- Inférieure, Eure và khu hành chính Nord. Theo phản ứng dây chuyền, những tiến bộ này cũng tác động tích cực tới ngành hóa chất, chủ yếu là sản xuất các loại thuốc nhuộm nhân tạo và chất tẩy rửa.

Tất cả các lợi ích trên có thể được nhìn nhận như một bước tiến tích cực trong khu vực kinh tế tư nhân của nền kinh tế. Khu vực kinh tế tư nhân cũng như khu vực kinh tế công cộng đều đóng góp lợi nhuận cho các ngành công nghiệp và dịch vụ phục vụ quân đội, nhất là công nghiệp vũ khí, may mặc (đồng phục len), giao thông vận tải, quân nhu chiến trường, thực phẩm dự trữ. Trong một số khu vực, gồm cả các địa điểm đóng quân, các thị trường quân sự này đã tạo ra cú huých cho nền kinh tế mặc dù vẫn còn vài tác động tiêu cực do các hoạt động đầu cơ quá mức và thói quen thanh toán chậm của các đơn vị quân đội. Ngược lại, ngành may mặc quần áo thủy thủ lại đi xuống bởi tình trạng suy giảm sức mạnh hải quân của đế chế.

Ảnh hưởng của chính sách phong tỏa lục địa tới các khu vực và ngành kinh tế rất khác nhau. Và chúng cũng thay đổi theo thời gian. Những năm tháng hòa bình ngắn ngủi từ tháng 7/1807 đến cuối mùa hè năm 1810, không kể đến giai đoạn chiến dịch Tây Ban Nha và Wagram, là thời kỳ thịnh vượng của ngành bông, khu vực kinh tế năng động nhất của đế chế phát triển dựa vào chính sách hạn chế nhập khẩu hàng hóa. Trong giai đoạn này, Pháp tìm đường thâm nhập vào thị trường Đức nhằm mở đường cho hoạt động thương mại đến biển Baltic và Đông Âu. Mặc dù các thị trấn Frankfurt am Main và Leipzig trải qua giai đoạn hoàng kim khá ngắn nhưng chúng vẫn giữ vị trí thị trường quốc tế cho nhiều danh mục hàng hóa và các nhà xuất khẩu của Pháp là những người thu được nhiều lợi nhuận nhất trong những năm tháng này. Bán đảo Italy, nơi Napoleon luôn coi là một “nguồn dự trữ” của đế chế, không những cung cấp lụa thô cho Lyon mà còn là đầu mối tiêu thụ hàng hóa Pháp cho các thị trường ở phía bắc. Trên thực tế, các sắc lệnh của đế chế ban hành ngày 10/6/1806 và ngày 10/10/1810 đã biến vương quốc Italy thành một thị trường dự phòng chính thức cho sản phẩm may mặc và một số hàng hóa khác của Pháp. Các sắc lệnh này vừa hỗ trợ cho các nhà xuất khẩu Pháp nhưng cũng làm xấu đi quan hệ buôn bán truyền thống giữa vương quốc Italy và các nước khác, đồng thời gây cản trở việc trao đổi thương mại truyền thống trong nội bộ nền kinh tế Italy.

Tuy nhiên, rõ ràng chu kỳ kinh tế thịnh vượng ấy đã bị đảo lộn do khủng hoảng kinh tế năm 1810-1811, cuộc khủng hoảng đã ảnh hưởng trước tiên tới các nhà buôn và nhà băng lớn, sau đó lan rộng tới các khu vực sản xuất. Mặc dù không là phải nguyên nhân chính dẫn tới cuộc khủng hoảng nhưng chính sách phong tỏa kinh tế đã khiến hậu quả của cuộc khủng hoảng trở nên trầm trọng hơn. Nguyên nhân chính của cuộc khủng hoảng kinh tế tại Pháp bắt nguồn các cuộc khủng hoảng ngân hàng tại Anh, thị trấn Hanse, Hà Lan và Thụy Sĩ và làn sóng suy thoái này đột ngột lan đến những nước vốn đã đầu tư quá nhiều vào hàng tiêu dùng thuộc địa và các nguyên liệu thô trong suốt các tháng đầu năm 1810. Khi các thương gia và nhà băng thu hồi lại các khoản vay hiện có và từ chối cho vay tiền, các thương gia và nhà

sản xuất đã gặp khó khăn trong trao đổi buôn bán thông thường. Khó khăn thật sự của họ trong mùa đông năm sau là đương đầu với sự dư thừa hàng hóa công nghiệp và thương mại, dư thừa nguồn cung hơn là khan hiếm hàng hóa. Sản lượng mục tiêu đã bị cắt giảm, thất nghiệp trong khu vực công nghiệp tăng lên nhanh chóng. Đó chính là bối cảnh để chính sách “khủng bố hải quan” được đưa vào áp dụng. Tác động cộng dồn của tất cả các yếu tố đó đã phá hủy rất nhiều nhà máy vốn đã thiếu nguồn lực dự trữ để vượt qua khủng hoảng, còn các bài báo khi đó thường nhắc đến sự kiện này như một sự kiện “phá sản hàng loạt”.

Sau thời kỳ khủng hoảng khoảng nửa cuối năm 1811 và cả năm 1812, sự phục hồi diễn ra chậm chạp và khó khăn. Giai đoạn phát triển nhất của quy hoạch thị trường lục địa Pháp đã qua từ lâu. Trên thực tế, những mâu thuẫn nội bộ nảy sinh từ chính sách kinh tế của Napoleon bộc lộ rõ ràng hơn. Nguyên tắc “đặt nước Pháp lên hàng đầu” dự đoán trước sức mua ngày càng tăng hay ít nhất là cũng ổn định giữa các quốc gia ngoài biên giới Đế chế, nhưng làm thế nào các quốc gia này có thể chịu đựng những hàng hóa ngày càng đắt đỏ của Pháp? Cuộc suy thoái đang diễn ra tại hầu hết các nước, rõ nhất là tại Đức, đã khiến các nước này nghèo đi. Nó tác động nhiều nhất đến ngành nông nghiệp và khiến tình hình ngày càng nghiêm trọng hơn bởi đây là ngành kinh tế lớn nhất lúc bấy giờ. Đế chế Pháp ở thời kỳ đỉnh cao không chỉ là một trung tâm buôn bán lương thực khổng lồ và mà còn là nơi tự cung tự cấp lương thực. Pháp không cần nhập khẩu từ nước ngoài vì luôn dư thừa lương thực. Do rất nhiều quốc gia gặp khó khăn trong việc tìm kiếm lợi nhuận từ xuất khẩu lương thực và do chính sách phong tỏa kinh tế đã ngăn cấm việc bán lương thực cho các tàu buôn Anh, sức mua của thị trường nội địa đã dần dần giảm sút. Và điều này đồng nghĩa với sức cầu hàng hóa Pháp thấp hơn.

Dù là lý do khách quan hay chủ quan, thất bại của quy hoạch thị trường lục địa Pháp rất rõ ràng. Các số liệu xuất khẩu của Pháp tới Đức và Italy các năm 1806-1812 và thậm chí là xuất khẩu tới Tây Ban Nha thời kỳ trước

chiến tranh cũng không thể bù đắp được thiệt hại cộng dồn từ các nguồn lợi trên biển. Giá trị thực tế của ngoại thương Pháp trong các năm cuối cùng của chế độ cũ (1787-1789) đã không đạt được mục tiêu đề ra.

Không thể trách Napoleon khi những lợi ích trên biển đã mất, lợi ích mà trong một chừng mực nào đó đã vượt ra khỏi quyền kiểm soát của ông và quân đội hải quân. Ông được ca ngợi vì những nỗ lực bù đắp thiệt hại thông qua chính sách phong tỏa kinh tế và đưa sự tiến bộ đến một số vùng đất nằm sâu trong lục địa và một vài ngành kinh tế như ngành sản xuất vải bông. Tuy nhiên, sai lầm cơ bản trong chính sách kinh tế của ông là tính một chiều. Khái niệm về một thị trường châu Âu rộng đi ngược lại sự tính toán thơ ngây của ông. Nếu như ông áp dụng một chế độ tương hỗ thương mại cho các chủ thể kinh tế và các quốc gia liên minh, hay nói cách khác, nếu ông đưa ra một chính sách khuyến khích thật sự để họ giảm bớt quan hệ buôn bán với Anh, thì liệu có thể đoán được kết cục sẽ khác đi thế nào?

QUYỀN LỰC THỰC TẾ VÀ QUYỀN LỰC TINH THẦN

Sự mở rộng quyền lực của Napoleon thông qua các cuộc chinh chiến quân sự, sự nô dịch hóa chính trị và sự đeo đuổi quyền bá chủ kinh tế đã được phân tích rõ trong các phần trước. Tuy nhiên, trước khi đế chế suy tàn và dần sụp đổ, đã có các dấu hiệu cho thấy ông đang mất ưu thế trong quan hệ với Giáo hoàng Pius VII. Mọi hy vọng hoà giải cuối cùng giữa nhà thờ và nhà nước tại Giáo ước năm 1801 và tại lễ đăng quang năm 1804 đã tan biến trong những năm sau đó. Nếu “Đế chế rộng lớn” được hình thành bất chấp sự rạn nứt ngày càng lớn giữa hai bên thì sự sụp đổ của nó một phần là do thái độ đối xử thô bạo của Napoleon đối với nhà thờ và sự xa lánh của Giáo hoàng khi vị hoàng đế lưu vong đã nhờ giúp đỡ tại St Helena. Mỗi bất hòa giữa quyền lực thật sự và quyền lực tinh thần có nhiều bước ngoặt quan trọng trong giai đoạn 1806-1814 và người ta đã so sánh nó với một số trường hợp đối đầu nổi tiếng thời Trung cổ, như giữa Vua Henry IV và Gregory VII, giữa vua Henry II với Thomas Becket. Trong khi Napoleon

không thể che giấu những lần tới “Canossa” để xưng tội, thậm chí chỉ là để bảo vệ vương miện của mình, ông cũng không tính tới khả năng bị sát hại tại thánh đường. Kết quả của cuộc xung đột này là một sự bế tắc kéo dài, đặc biệt sau khi Giáo hoàng rút phép thông công đối với hoàng đế và sau đó, ông phải sống lưu vong khỏi thành Rome gần 5 năm. Tuy nhiên, cuối cùng Giáo hoàng Pius đã chiến thắng, quyền lực tinh thần của ngài đã được củng cố bất chấp sự phản đối những năm sau đó.

Cũng cần xem xét lại sự xung đột trên phương diện cá nhân. Có nhiều lý do cơ bản, trong đó có một số lý do bắt nguồn từ đế chế cũ nên trước tiên, cần phải phân loại. Về cơ bản, chúng bắt nguồn từ chính quan niệm của Napoleon về cách thức thiết lập mối quan hệ giữa nhà thờ và nhà nước qua Giáo ước thông qua việc vận hành và áp dụng các điều khoản cơ bản. Jean Gordel, trong một nghiên cứu chi tiết về nhà thờ tại khu giáo dân Grenoble (Isère) đã nhận định có ba nhân tố “căng thẳng” ảnh hưởng tới mối quan hệ đó và giải thích tại sao Napoleon lại từ bỏ chính sách nhà thờ của mình một cách thiếu khôn ngoan như vậy. Trước thời kỳ ly giáo của những năm cách mạng, các cuộc xung đột xã hội có liên quan tới nhà thờ Pháp thường xảy ra giữa những người theo chủ trương Giáo hoàng có toàn quyền (những người ủng hộ quyền lực tuyệt đối của Giáo hoàng) và những người theo giáo phái Jansen (những người ủng hộ “quyền tự do Gallican” và chính phủ). Trên thực tế, rất khó phân tách các vấn đề đơn thuần về tôn giáo như thuyết thần học hay quyền phong chức của Giáo hoàng ra khỏi các sự kiện thực tế của đời sống như thuế tăng lữ của Pháp hay ảnh hưởng của chúa Jesus tới giáo dục, luật tôn giáo và quyền kiểm duyệt.

Napoleon tin rằng, dựa vào quyền lực thật sự, ông có thể khai thác lợi ích từ mâu thuẫn của cả hai phe cánh đối lập đó. Mặt khác, nếu ông ủng hộ quan điểm của luật giáo xứ Gallican vốn được biện minh là hành động phòng vệ chính đáng trước sự can thiệp của Giáo hoàng, ông đã chống đối lại liên minh trước đó với các nguyên tắc cơ bản của tín đồ giáo hội Scotland đã được các nhà cải tổ giáo phái Jansen ủng hộ. Do vậy, ông đã nâng cao

quyền của các giám mục so với giới tăng lữ và việc làm này phù hợp với khái niệm quyền hạn theo thứ bậc của ông, nhưng đồng thời ông cũng quyết tâm ngăn chặn sự trỗi dậy của phe trung thành với Giáo hoàng. Ông đã nhiều lần nhắc nhở Giáo hoàng Pius VII rằng có nhiều việc nên được sự chấp thuận và phục tùng như một mệnh lệnh thiêng liêng. Về phần Pius, vốn đã chấp nhận việc mất một số vùng đất thuộc nhà thờ tại Pháp, nay đành tìm kiếm sự bù đắp bằng việc có được sự công nhận rõ ràng giáo quyền của mình tại các nhà thờ ở Pháp. Và nếu mâu thuẫn cũ giữa chế độ giám mục quản lý nhà thờ và hệ thống cai quản giáo hội Scotland đã được giải quyết theo hướng có lợi cho các giám mục, thì mâu thuẫn giữa người theo chủ trương Giáo hoàng có toàn quyền và những người theo phong trào đòi nhà thờ Pháp độc lập với Giáo hoàng lại tái diễn và gây xáo trộn nhà thờ trong suốt thời gian này. “Căng thẳng” thứ ba của Godel liên quan tới sự nhận thức khác nhau của chính phủ và những người Pháp không theo đạo về hiện trạng của giới tăng lữ. Tóm lại, những người trung thành với đạo Thiên Chúa đã không chấp nhận việc các linh mục là những thần dân trung thành với tổ quốc. Các phương thức thực hiện độc đoán của Napoleon đã không thể lay chuyển lòng mộ đạo đã có cội rễ từ nhiều thế kỷ trước.

Rõ ràng là, chính sách nhà thờ của Napoleon không thể thực hiện trôi chảy theo ý muốn của ông. Hơn nữa, ông đã không lường trước được những tác động ngược chiều của chính sách này. Với việc xem Pius VII có vai trò như một bên tham gia chính thức vào các điều khoản cơ bản của giáo ước, ông đã công nhận ngay từ đầu rằng giáo ước sẽ chỉ có hiệu lực khi có sự phê chuẩn của Giáo hoàng, và điều này trở nên khó khăn khi tính độc đoán trong các điều khoản cơ bản ngày càng rõ nét. Thế nên, việc Napoleon kiên quyết đòi hỏi lòng trung thành tuyệt đối từ giới tăng lữ cho thấy quyền lực thật sự của ông đủ để buộc Giáo hoàng quy thuận. Nhưng khi Pius từ chối khuất phục, Giáo hoàng đã châm ngòi cho một cuộc khủng hoảng mới trong giới tăng lữ Pháp và sau đó nó đã được giải quyết theo hướng có lợi cho quyền lực tinh thần của ông. Khi quyền lực của Napoleon suy giảm dần trong những năm cuối cùng của Đế chế, lòng trung thành của tăng giới, tất

cả các bài học về sự quy thuận và phục tùng mà ông đã nỗ lực thuyết phục các giám mục cũng như giới tăng lữ sẽ đi về đâu nếu không phải là về Rome?

Nếu xem xét cụ thể các vấn đề gây chia rẽ mối quan hệ giữa Napoleon và Pius VII trong những năm sau lễ đăng quang, chúng ta sẽ dễ dàng nhận thấy các vấn đề này không chỉ liên quan tới việc thực thi giáo ước tại Pháp. Do chúng liên quan tới tham vọng bành trướng của Napoleon trên toàn lục địa nên còn ảnh hưởng đến quyền lực tinh thần của Giáo hoàng đối với các tín đồ công giáo châu Âu và cả các quyền thật sự của ông tại Italy. Trong khi những nguyên nhân này có liên quan với nhau và không rơi vào một khuôn mẫu nào thì có bốn nguyên nhân nổi bật là: sự mở rộng lãnh thổ tới miền Nam Alps của Napoleon, đáng chú ý nhất là Italy; sự chiếm đóng và thôn tính lãnh thổ của Giáo hoàng mà việc này cũng liên quan tới việc áp dụng chính sách phong tỏa kinh tế tại bán đảo Italy; những tranh luận về vụ ly dị của ông và hoàng hậu Josephine đúng lúc xảy ra rạn nứt giữa Pius và vua xứ Habsburg; và cuối cùng là những nỗ lực không thành trong việc kích động các giáo mục Pháp chống lại Giáo hoàng.

Một trong những lý do khiến Giáo hoàng tới Paris dự lễ đăng quang của Napoleon là ông hy vọng hoàng đế sẽ đánh dấu sự kiện này bằng việc giữ lại các vùng đất giáo xứ Bologna, Ferrara và Ravenna tại Rome. Chỉ vài tháng sau đó, ông phải thất vọng, Napoleon tuyên bố các vùng đất đó là một phần không thể thiếu được của Vương quốc mới Italy của mình. Nếu sự công nhận mối quan hệ giữa nhà nước và nhà thờ của Napoleon tại quốc gia Italy cũ đã khiến Pius thật sự lo lắng, thì kế hoạch chi tiết về cả một hệ thống của Napoleon vào tháng 5- 6/1805, khi ông chuẩn bị lên ngôi vua Italy đã khiến Giáo hoàng, người chưa hề được hỏi ý kiến về vấn đề này, hoang mang hơn. Việc áp dụng luật dân sự Pháp với điều khoản cho phép ly dị mà không cần tới tòa án tôn giáo rõ ràng đã xúc phạm học thuyết công giáo về sự thiêng liêng của hôn nhân. Cũng theo cách đó, các kế hoạch hạn

chế và kiểm soát vai trò của giới tăng lữ trong giáo dục tiểu và trung học tại Italy cũng không kém phần khiêu khích.

Theo quan điểm của Giáo hoàng, những điều tệ hơn diễn ra không lâu sau đó ngày càng vi phạm tới lãnh giáo. Pius không hề tỏ ra nhún mình trong việc ủng hộ kế hoạch xâm chiếm Anh của Napoleon năm 1805 hay truy sát các tàu Anh ra khỏi các cảng biển, nhất là cảng Ancona trên bờ Adriatic. Trong chiến dịch chống lại người Áo năm đó, Napoleon đã ra lệnh chiếm đoạt các cảng của Giáo hoàng nhằm chặn đứng sự phối hợp Áo - Anh tại bờ Adriatic. Giáo hoàng rất tức giận và yêu cầu Ancona phải giữ được cảng. Phản ứng này vấp phải sự đối đáp dữ dội hơn của Napoleon, người đang hùng hực khí thế quyết chiến với người Áo, Nga tại Ulm và Austerlitz. Trong bức thư gửi cho chú của mình là Cardinal Fesch lúc đó là đại sứ tại Rome tháng 1/1806, ông viết: “Vì mục đích của Giáo hoàng, cháu là Charlemagne... Cháu mong muốn Giáo hoàng điều chỉnh cách quản lý của ông ta theo các yêu cầu của cháu. Nếu Giáo hoàng cư xử hợp lý, cháu sẽ không thay đổi gì cả. Bằng không, cháu sẽ giáng cấp của ông ta thành giám mục thành Rome”.

Trong trường hợp đó, Pius không thể ngăn chặn Napoleon không sáp nhập cả Venetia vào vương quốc Italy và sau đó cử em trai của mình là Joseph cai trị Naples, vương quốc mới thành lập vào tháng 3 sau đó. Nghịch lý thay, Ancona đã trở thành một căn cứ hữu dụng cho việc cai trị này. Bây giờ khi Napoleon đã quyết giữ nó, còn hy vọng nào cho Pius lấy lại các vùng đất xa hơn? Để đánh dấu sự thất bại của Giáo hoàng, hoàng đế đã gọi Fesch từ Rome trở về vào tháng 5/1806 và chỉ định người thay thế là một thường dân, Charles Alquier, kẻ phạm tội giết vua theo quy ước quốc gia. Trong tháng sau đó, Giáo hoàng đã miễn cưỡng chấp nhận đơn từ chức của Consalvi sau khi người trợ lý giúp ông viết một lá thư quan trọng gửi tới Napoleon. Trong lá thư này, ông giải thích rõ, vị trí là Giáo hoàng tối cao của các tín đồ công giáo khắp nơi – vai trò khiến ông luôn phải có thái độ trung lập với các quốc gia có mâu thuẫn – sẽ không cho phép ông đuổi công

dân nước ngoài ra khỏi các vùng đất của mình hoặc đóng cửa các cảng biển đối với tàu nước ngoài hay ủng hộ kế hoạch hiếu chiến nhằm tạo ra một liên bang độc lập mới gồm các vùng đất thuộc Italy của Napoleon. Tóm lại, ông sẽ không bao giờ cho phép Rome sáp nhập với một liên bang nào.

Tuy nhiên, đó chỉ là một tuyên bố về quyền lực tinh thần của mình, Pius không có sức mạnh thật sự để chống lại sự xâm chiếm của Napoleon trên bán đảo. Cuối năm 1806, các cảng biển khác của Giáo hoàng đều bị quân Pháp chiếm giữ và quân đội Pháp đã trục xuất dân bản địa ra khỏi Rome. Thực tế Hồng y giáo chủ Maury cũng đã bỏ rơi Giáo hoàng. Do bị tòa giám mục Montefiascone công kích, ông đã phải chấp nhận về phe ủng hộ hoàng đế. Khi vua Habsburg là Francis II từ bỏ tước vị Hoàng đế La Mã thiêng liêng của mình vào tháng 8, Napoleon, hoàng đế mới, thậm chí không còn một đối thủ đáng gờm nào ở phía nam Alps. Các giám mục Pháp, đại diện của Giáo hoàng Caprara và Spina (những người đã từng đại diện cho Giáo hoàng trong các thương lượng về Giáo ước) giờ lại hối thúc Pius chấp nhận vị trí của ông và tiến tới thỏa hiệp với Napoleon. Tuy nhiên, ông đã liên tục từ chối ngay sau đó, và sự từ chối này chỉ có thể diễn tả bằng các ngôn ngữ tinh thần: “Chúng ta nằm trong bàn tay của Chúa, người biết sự ngược đãi của Đức vua đối với chúng ta không nằm trong các luật lệ trên thiên đường nhằm mang lại sự hồi sinh của đức tin và đánh thức tôn giáo trong trái tim của những con chiên cơ đốc giáo”. Kết quả của việc làm này là sự rạn nứt ngày càng lớn trong quan hệ của Giáo hoàng với Napoleon. Trong suốt thời gian xảy ra rạn nứt, vùng đất Caprara đã được thu về từ Paris năm 1808.

Pius VII vẫn còn lại một vũ khí có giá trị: quyền rút phép thông công của Napoleon. Đó là một quyết định mà ông phải đắn đo suy nghĩ trong hơn hai năm và những ảnh hưởng của Pius tới tín đồ công giáo châu Âu đã khiến hoàng đế phải trì hoãn việc sáp nhập chính thức các vùng đất của Giáo hoàng. Tuy nhiên, với việc sáp nhập ngày 17/5/1809, Pius đã không cần phải kiềm chế và sắc lệnh rút phép thông công đối với Napoleon được ký và công bố ngày 11/6. Napoleon, lúc đó đang tham dự vào chiến dịch Wagram,

đã ngay lập tức gửi lệnh (qua Murat, vua của Naples) để “bịt miệng” Giáo hoàng và bắt giữ Hồng y Giáo chủ ngoại trưởng Pacca, người đã ẩn náu với ông trong cung điện Quirinal. Trong sự hỗn loạn chung và thái độ trơ tráo vượt qua mức bất kỳ mệnh lệnh nào từ cấp trên, vị tướng trẻ Radet đã thực hiện ý đồ bắt cóc Giáo hoàng.

Việc bị cưỡng bức rời khỏi Rome của Giáo hoàng dẫn đến một cuộc hành trình khủng khiếp trong cái nóng ngột ngạt của tháng 7/1809. Cuộc hành trình này không những khiến ông khó chịu mà còn ảnh hưởng đến sức khoẻ của ông. Giáo hoàng lúc đó đã 66 tuổi. Khi di chuyển về phía bắc, Elisa – chị gái của Napoleon, đại nữ công tước vùng Tuscany đã cho phép Pius được ở lại Florence. Bị tách khỏi Pacca, người bạn đồng hành của ông trong đoạn đầu hành trình, Giáo hoàng bị đưa đến Alessandria dưới một hình thức hộ tống khác. Tại đó, ông cũng tỏ ra lúng túng trước hoàng tử Borghese, chồng của công chúa Pauline Bonaparte, đồng thời là thị trưởng các khu hành chính phía bên kia dãy Alps của Napoleon. Cuộc hành trình tiếp tục tới Grenoble, nơi một lần nữa Napoleon lại chiến thắng sau trận chiến Wagram cũng đầu tháng đó, và ông cuối cùng cũng có thể trực tiếp đưa ra các chỉ thị của mình. Lúc đầu, Napoleon rất tức giận về vụ bắt cóc mà ông coi là một sự vi phạm quân lệnh của Murat, nhưng sau đó ông lại yêu cầu chuyển Giáo hoàng từ Pháp sang Savona. Trong khi đó, Pacca bị giam tại pháo đài trên núi Fenestrelle tại Savoy.

Và thế là lần lưu đày đầu tiên kéo dài gần ba năm của Pius VII bắt đầu. Tại Savona, ông bị giữ trong lâu đài của giám mục dưới sự giám sát chặt chẽ của tướng Berthier, đại tá Lagorse, đại tá Charbol và quận trưởng khu hành chính Montenotte. Sau khi giải tán tòa giáo hội tại Rome và chuyển các hồ sơ của giáo hội và bộ phận hành chính tới Paris, trong một vài lần Napoleon cũng đã cố dụ dỗ Giáo hoàng song chỉ luôn nhận được một lời từ chối kiên quyết. Một trong các sự kiện khiến công luận chú ý cuối năm 1809 là vụ ly dị của Napoleon. Josephine đã không đem lại điều ông mong muốn hơn bất cứ thứ gì: một người thừa kế. Vì quốc gia và với sự nuôi tiếc sâu sắc, ông

cảm thấy cần phải tìm một người khác nếu như muốn duy trì nòi giống và đảm bảo sự kế thừa đế chế của mình. Sự ủng hộ của Giáo hoàng bằng cách cho phép ly dị sẽ rất có lợi cho Napoleon, nhưng tất nhiên sự hợp tác này dường như là điều không thể.

Napoleon và Josephine đã lần đầu tiên làm lễ cưới theo luật dân sự ra đời sau Cách mạng cộng hòa năm 1796 và sự kiện đó là một chuyện phi lý đối với giáo ước. Để giải quyết vấn đề này, Pius đã thuyết phục họ kết hôn lại theo các lễ nghi Thiên Chúa vào ngày 1/12/1804, một ngày trước lễ đăng quang của Napoleon. Lễ cưới do Hồng y Giáo chủ Fesch chủ trì diễn ra bí mật, và giờ đây ông lại tuyên bố đó là lễ cưới vô giá trị vì Napoleon chỉ lễ cưới không hơn một lễ nghi tôn giáo tượng trưng để làm vừa lòng Josephine và không có một nhân chứng nào làm chứng trong lễ cưới. Giáo hoàng đã bác bỏ câu chuyện đó và khi công bố ý định ly hôn với Josephine vào cuối tháng 11/1809, Napoleon biết rằng ông không có sự ban phước của Giáo hoàng. Thủ tục hủy bỏ hôn nhân trong hoàng gia lúc đó đã chính thức được công bố vào ngày 16/12, một sắc lệnh của Viện Nguyên lão và vào ngày 14/1/1810, một tòa án nhà thờ ở Paris (tòa Officialité) đã khẳng định hiệu lực của nó. Quan hệ giữa Giáo hoàng và hoàng đế ngày càng xấu đi với sự kiện 13 “Hồng y Giáo chủ trong danh sách đen”. Các Hồng y Giáo chủ này vắng mặt trong thánh lễ thành hôn của Napoleon và công chúa nước Áo Marie-Louis tại Paris ngày 2/4/1810 sau đó đã không được nhận sự đón tiếp của hoàng gia tại Tuileries, bị tước áo choàng đỏ và bị tống vào ngục. Phản ứng lại việc này, Pius đã tuyên bố ông chỉ coi các Hồng y Giáo chủ này là các đại diện của ông tại Pháp.

Tình thế bế tắc này kéo dài cho tới cuối năm đó. Điều khiến Napoleon bực mình là nhiều giáo khu Pháp lại thiếu mất giáo mục, còn Giáo hoàng tất nhiên lại không sẵn lòng bổ nhiệm người của ông lấp vào các vị trí đó. Lúc đầu, Napoleon đã giải quyết tình trạng khó khăn này bằng đề xuất là tăng hội Pháp có thể bầu các ứng cử viên là các giáo chức đại diện, những người không có quyền lực tinh thần nhưng có thể đảm nhiệm trách nhiệm của

giám mục. Điều này cho thấy quyền hạn Pius đã bị hạn chế và chế độ cai trị của ông tại Savona trở nên khó khăn hơn nhiều khi mọi giao tiếp với thế giới bên ngoài đã hoàn toàn bị cắt đứt. Tháng 6/1811, Napoleon kêu gọi một hội đồng quốc gia các giám mục Pháp và Italy tại Paris phê chuẩn một kế hoạch khác là việc phong chức các giám mục mới có thể do Pháp thực hiện. Pius, mệt mỏi vì căng thẳng thần kinh, dường như ngay tức khắc đồng ý với các nguyên tắc căn bản của kế hoạch này vào tháng 5 năm đó, nhưng sau đó lại thay đổi ý kiến và quay lại chống đối kế hoạch. Do vậy, các giám mục tham dự hội đồng đã phản đối lời kêu gọi phê chuẩn kế hoạch của Napoleon và hành động này đã khiến Napoleon lên án gay gắt thái độ “thờ ơ với các lợi ích tôn giáo đích thực” của Giáo hoàng, và ra lời tuyên bố về “sự phục tùng thật sự” đối với Giáo hoàng tối cao, người kế thừa của thánh Peter, hoàng tử của Apostle và Giáo hoàng của La Mã.

Nhận thấy việc từ chối giải quyết vấn đề phong chức mà không cần tới sự đồng thuận bằng văn bản của Giáo hoàng, Napoleon đã nhanh chóng giải tán hội đồng và thậm chí bỏ tù một vài giám mục bất đồng ý kiến. Tuy nhiên, cuối năm đó, Pius đã chịu nhượng bộ. Nhận được sự ủy nhiệm khác lớn hơn của các giám mục và các Hồng y Giáo chủ “đỏ” từ hoàng đế, tới Sanova tháng 9, ông cho phát hành một chiếu thư và gửi tới “các giám mục của nhà vua”. Trong chiếu thư, ông chấp nhận việc các tổng giám mục có thể bổ nhiệm giám mục mới sau 6 tháng nếu Giáo hoàng không làm điều đó. Napoleon đã phản ứng bằng cách ra lệnh cho phái đoàn chống lại chiếu thư đó, đồng thời giữ im lặng về tình trạng của giáo khu tại các vùng đất của Giáo hoàng. Hoàng đế rõ ràng cho rằng Giáo hoàng đã “xuống nước” và nhượng bộ nhiều hơn. Tuy nhiên, ông đã mắc phải một sai lầm nghiêm trọng. Khả năng thỏa hiệp đã mất, còn tình trạng bế tắc lại ngày càng nghiêm trọng hơn. Quá mệt mỏi, Napoleon thậm chí đã kêu gọi Giáo hoàng từ chức để nhường chỗ cho một người khác có “đầu óc thông minh hơn”. Tháng 6/1812, Pius được điều chuyển tới Fontainebleau theo lệnh của Napoleon do lo sợ nếu quân Anh đổ bộ lên Sanova có thể dẫn tới việc bắt

cóc tù nhân trong khi ông lại tham dự chiến dịch xâm chiếm Nga. Cuộc di chuyển vội vàng và gian khổ đã khiến Giáo hoàng bị ốm nặng.

Chuyến lưu đày tới Fontainebleau của Giáo hoàng Pius VII khiến việc liên lạc với Napoleon nhanh hơn và cuộc gặp kéo dài hơn 6 ngày vào tháng 1/1813 được công chúng biết đến. Tuy nhiên, không có ghi chép chi tiết nào được lưu lại và không ai cho biết họ đã thỏa thuận với nhau những gì. Các điểm cơ bản của thỏa thuận này chỉ được biết đến sau đó. Một tài liệu bí mật mà Pius đã ký dưới sức ép của hoàng đế được đưa ra ngày 25/1 và các tin tức khái quát về tài liệu này đã được xuất bản trên tờ *Moniteur* hai ngày sau đó. Người ta thường nhắc tới tài liệu này như là một “Giáo ước Fontainebleau”. Với sự hài lòng, Napoleon đã ra lệnh thả các “Hồng y Giáo chủ trong danh sách đen”, các giám mục Pháp bị cầm tù sau sự kiện hội đồng năm 1811, và Hồng y Giáo chủ Pacca. Về phần mình, khi ở Savona năm 1811, Pius đã đồng ý rằng các tổng giám mục có thể bổ nhiệm giám mục mới sau 6 tháng nếu Giáo hoàng không làm điều đó. Nhưng ông chưa bao giờ đồng ý việc thành lập chế độ Giáo hoàng tại Paris hay Avignon và ông cũng đã thuyết phục Napoleon từ bỏ một vài yêu sách không thể thực hiện được liên quan tới chủ quyền của Giáo hoàng tại Rome.

Tuy nhiên, giáo ước mới lại sớm bị vô hiệu. Consalvi (một trong những “Hồng y Giáo chủ trong danh sách đen”) và Pacca sau khi được thả tự do đã trở thành bạn tâm giao và ngay lập tức tìm đường tới Fontainebleau. Họ đã cho rằng Pius không được minh mẫn khi ký giáo ước kia. Họ dễ dàng thuyết phục Giáo hoàng tin rằng, ông đã hành động do bị cưỡng ép trong tình trạng sức khỏe yếu và không có các cố vấn tin cậy bên cạnh. Họ cho rằng Napoleon đã vi phạm tính bí mật của thỏa thuận bằng cách tuyên bố kết quả trên một tờ báo chính thức và đưa nó cho các nghị sĩ phê chuẩn. Họ đã thuyết phục được Giáo hoàng rằng chữ ký của ông trong tài liệu đó không phải không thể hủy bỏ được. Và ngay sau đó, khi đã lấy lại được nhuệ khí, Pius viết một lá thư cho Napoleon nói rằng ông đã bị lừa và chính thức tuyên bố rút lại những gì đã thỏa thuận trong giáo ước. Hoàng đế đang

quá bận tâm đến các vấn đề quân sự nên ông chọn cách đơn giản là phớt lờ lá thư và coi giáo ước mới vẫn còn hiệu lực.

Sự trì hoãn của Napoleon chỉ kéo dài được gần một năm và vị trí quân đội của Napoleon ngày càng giảm sút trong suốt mùa đông năm 1813-1814 đã chứng tỏ điều đó. Bị xúc phạm do Murat vi phạm thỏa ước với các đồng minh mà thỏa ước này hứa hẹn sẽ mở rộng lãnh thổ tới các vùng đất của Giáo hoàng, Napoleon đã quyết định chơi một ván bài cuối cùng với Giáo hoàng. Tháng 1/1814, ông ra tối hậu thư cho Giáo hoàng thông báo ông đang có ý định giữ lại các vùng đất mà Giáo hoàng đã cho ông và phá vỡ âm mưu của Murat. Nhưng Giáo hoàng không hề lung lay và từ chối tham gia vào một hiệp ước mà ông biết các đồng minh sẽ không công nhận. Napoleon đã trút giận theo cách có cá tính hơn. Cùng trong tháng đó, ông đã ra lệnh cho Pius buộc rời khỏi Fontainebleau nhưng không phải đến Rome như người ta đã đồn đại mà lại đến Savona. Tất cả các Hồng y Giáo chủ đã từng ủng hộ Giáo hoàng lại bị tổng giam.

Chuyến đi về phía nam của Giáo hoàng khẳng định chiến thắng của ông khi các đám đông tụ tập khắp nơi để chào đón và lần này tình trạng bị quản thúc của Giáo hoàng tại Savona chỉ diễn ra trong một thời gian ngắn. Tháng 3/1814 khi Paris sắp đầu hàng đồng minh, Napoleon đã ra lệnh di chuyển Giáo hoàng về phía nam nước Ý. Lúc đến Parma, sự hiện diện của quân Áo đã đảm bảo sự tự do cho ông. Ngày 24/5, sau gần 5 năm lưu vong, ông trở về Rome trong sự vui mừng chào đón của dân chúng, quyền lực tinh thần của ông đã được lập lại. Quyền lực thực tế bị giới hạn trong thời gian trước sẽ sớm được lấy lại. Consalvi, người vừa trở lại giữ chức ngoại trưởng đã tiến hành thương thảo các điều khoản với đồng minh nhằm trả lại các vùng đất của Giáo hoàng. Thỏa thuận lãnh thổ cuối cùng ký tại đại hội Vienna đã hoàn tất sự phục hồi của Pius VII thậm chí là ở các vùng đất tranh chấp kéo dài như Bologna, Ferrara và Ravenna.

CHƯƠNG 5. Tăng cường quyền lực xã hội: quý tộc hoàng gia, quý tộc cũ và “hệ thống tước vị”

Vấn đề chính được bàn đến trong chương này là quá trình theo đuổi đến cùng “chính sách xã hội” và mối liên hệ giữa cơ cấu thể chế và chế độ bổng lộc của Napoleon. “Đế chế vĩ đại” được coi là một nhân tố quan trọng trong quá trình hiện thực hóa chính sách xã hội của Napoleon, là biểu tượng cho sự hùng vĩ của Đế chế Napoleon ở nước ngoài. Nó trở thành chất bôi trơn cho hệ thống tước vị tại quê nhà. Toàn bộ tiến trình này diễn ra từ từ. Thực tế và ý nghĩa của nó chỉ được nhận thức đầy đủ khi chúng ta đặt trong bối cảnh sự kiện Brumaire.

Chương này sẽ đi sâu phân tích năm khía cạnh của vấn đề, mặc dù vẫn tiếp cận theo hướng chủ đề hơn là liệt kê các sự kiện. Trong chương này, tôi sẽ đề cập theo một trình tự niên biểu rộng hơn. Thứ nhất, chúng ta cần tìm hiểu quá trình giải quyết các vấn đề ruộng đất cách mạng đã có tác động như thế nào đến xã hội nước Pháp những năm 1790. Thứ hai, quá trình đó ảnh hưởng quan trọng đến danh sách quý tộc chính thức xuất hiện từ thời kỳ đầu của chế độ tổng tài và sau đó phát triển thành một hệ thống xã hội phức tạp hơn. Thứ ba, trong nhóm xã hội rộng lớn đó, tồn tại những người mà Napoleon coi là xác nhận cho chính sách liên hiệp của ông, có một nhóm ưu tú riêng gọi là giai cấp quý tộc đế chế. Bổng lộc vật chất của tầng lớp này phần lớn nhờ vào “hệ thống chiến lợi phẩm chiến tranh” được Napoleon áp dụng tại các vùng đất bị chinh phạt thuộc “Đế quốc vĩ đại” trong và sau các cuộc xâm lược vào giai đoạn 1805-1807. Nội dung cuối cùng là vai trò của tầng lớp quý tộc cũ trong đời sống xã hội: họ là những tác nhân tích cực hay là những kẻ bù nhìn đáng kinh hoàng của xã hội liên hiệp?

GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ RUỘNG ĐẤT CÁCH MẠNG

Nhân tố ảnh hưởng lớn đến sự phát triển xã hội nước Pháp từ cách mạng cho đến thời Đế chế là các thế lực chính trị thay nhau bán đất do nhà thờ tịch thu được hoặc của dân lưu vong. Quá trình này diễn ra khắp nơi, từ thành phố đến nông thôn và thực hiện từng bước một trong ít nhất một thập kỷ chứ không phải là một cú sốc gây chấn động thị trường bất động sản. Đây là nhân tố cốt lõi trong chính sách tài chính của các chế độ tiếp nối nhau. Điều này, tất nhiên, có mối liên hệ hữu cơ với sự phát hành ồ ạt tiền giấy trong lưu thông tiền tệ những tháng đầu năm 1797. Hiện tượng này tác động lâu dài đến phát triển tự nhiên của xã hội nước Pháp, không chỉ dưới thời Napoleon mà còn kéo dài đến thế kỷ XIX, thậm chí cả ngày nay. Trong công trình nghiên cứu vào loại kinh điển và tiên phong về vấn đề đất đai đầu thế kỷ XX, Macel Marion đã không ngại gọi đó là “Cuộc cách mạng đất đai”. Ông nói, chính những kẻ mua được đất đai của nhà nước đã tập hợp nhau lại thành một bộ phận dân cư được hưởng lợi lớn từ cách mạng. Họ tận dụng cơ hội béo bở về các điều khoản mua bán ưu đãi của nhà nước và ngược lại, khi nhà nước bán tổng tháo tài sản với giá thấp hơn nhiều so với giá trị trên danh nghĩa tức là đã tự co hẹp ngân sách của mình.

Quá trình này bắt đầu với công cuộc quốc hữu hóa tài sản của nhà thờ và đất đai của hoàng gia – những diện tích được gọi là “đất gốc” – vào ngày 2/11/1789. Năm sau, họ bắt đầu rao bán đất đai. Ngày nay, người ta cho rằng, phần lớn những chiến lợi phẩm béo bở nhất (các lô đất ở thành phố, những mảnh ruộng màu mỡ và những vườn nho lớn) được “giải quyết” xong trong vòng 2-3 năm. Vì vậy, đất đai của dân lưu vong trở thành miếng mồi và mọi người dân để mắt tới. Ngày 9/2/1792, nhà nước ra lệnh tịch thu tạm thời, sau đó, ngày 27/7, ban hành quyết định tịch thu chính thức. Loại đất này được gọi là “đất cấp 2”, nhưng chúng chỉ bắt đầu được mua bán ồ ạt kể từ cuối năm 1793, khi diện tích đất tăng lên đáng kể nhờ phần đất sung công từ những phần tử chính trị bị nghi vấn và những kẻ phạm tội. Theo số liệu ước tính gần đây của nhà sử học Florin Aftalion, tổng giá trị của hai nguồn đất này lên tới 4 nghìn triệu livre, tính theo giá tiền tệ trước lạm phát năm 1790, tương đương với 1/5 giá trị toàn bộ đất đai nước Pháp vào thời

điểm đó. Tuy nhiên, trước năm 1797, kho bạc nhà nước chỉ nhận được 1.000 triệu Frăng, như vậy có rất nhiều trường hợp gian lận.

Đến nay, đã xác định rõ nguồn gốc xã hội của những người hưởng lợi từ các thương vụ đất đai. Ý kiến coi bán đất là một chính sách đánh dấu quá trình dân chủ hóa quyền sử dụng đất đai tại Pháp ngay lập tức bị bác bỏ. Theo thói thường, thành phần hưởng lợi chính là những người trước kia là chủ sở hữu một tài sản lớn ở các tỉnh lỵ hoặc thành phố, hầu hết là những nông dân giàu có. Những người này mua một diện tích đất tương đối nhỏ để hợp pháp hóa quyền sở hữu diện tích đất mà họ vẫn canh tác trước đây. Tất nhiên, trên thị trường đất, giai cấp tư sản là không thể thiếu. Họ xuất hiện mọi nơi với tư cách là những khách hàng nổi bật nhất và mua đất với diện tích lớn nhất. Nhóm cuối cùng tham gia vào những cuộc giao dịch đất đai này là những kẻ thầu khoán, lái buôn và những nhà sản xuất công nghiệp. Họ sẵn sàng lăn xả vào làn sóng này, cũng như sẵn sàng phụng sự chính quyền cách mạng. Mục đích chủ yếu của nhóm cuối cùng trong những cuộc giành giật này không phải lúc nào cũng chỉ nhằm vào nguồn lợi kinh tế. Trong nhiều trường hợp, mối quan tâm đầu tiên của họ khi tham gia mua bán đất đai là củng cố địa vị xã hội, bằng cách mua lại các dinh thự nổi tiếng ở thành phố lớn hoặc các điền trang ở nông thôn. Một mặt, họ lo lắng về của cải vật chất đã giành được trước đây, mặt khác họ sẵn sàng chi tiền để được xếp vào phe của Napoleon, với mục đích kiếm được chút ít quyền lực dưới sự trị vì của vị hoàng đế mới bằng mọi giá.

Ngược lại, những tên lái buôn đầu sỏ tại phương Tây – những kẻ từng bị ảnh hưởng lớn do sự mất mát thuộc địa Pháp và chính sách phong tỏa của Hải quân Anh trong thời gian chiến tranh hàng hải – lại tìm cách mua đất để cứu nguồn vốn luân chuyển của mình. Mặc dù vậy, những thương vụ này – cách đầu tư từng được coi là một hình thức của “chủ nghĩa tư bản nhất thời” – cũng không hãm nổi quá trình tụt dốc của giới thương nhân cũ. Những hải cảng phồn thịnh nhất dọc bờ Đại Tây Dương thế kỷ XVIII, Bordeaux và Nantes, có nhiều câu chuyện minh chứng cho sự sống sót và suy tàn. Ngược

lại, Cuộc cách mạng bán đất đã tạo ra thị trường màu mỡ cho những chủ buôn, nhà đầu cơ, kẻ bám đuôi chính quyền hoặc những kẻ mới phát lên. Họ sẵn sàng đầu tư mua đất của nhà nước để củng cố địa vị xã hội của mình. Thực tế, họ là những kẻ luôn tìm cách lọt vào giới thượng lưu xã hội Pháp sau cách mạng. Quả thực, từ đó họ được liệt vào danh sách những nhà quý tộc chính thức.

Như đã giải thích ở Chương 3, điểm mấu chốt là Napoleon không những chấp thuận bán ruộng đất cách mạng mà còn cấp cho các ông chủ mới quyền hợp pháp. Trong giáo ước năm 1801, Giáo hoàng Pius VII nhận ra toàn bộ tài sản của nhà thờ đã bị gạt sang cho cộng hòa Pháp và sẽ mãi mãi không được nhận bất cứ đền bù tài chính nào. Trong Bộ luật Dân sự, quyền sở hữu những phần đất chuyển nhượng của dân lưu vong được đảm bảo. Ở khía cạnh này, những điều khoản trong luật dân sự chỉ là sự chi tiết hóa những chính sách đã áp dụng từ nhiều năm trước. Thời kỳ đầu chế độ tổng tài, Napoleon tỏ rõ thiện chí để giành được sự ủng hộ chính trị của dân di cư. Chẳng hạn, trong sắc lệnh ngày 20/10/1800, Napoleon đã hủy lệnh tịch thu đất tạm thời đối với những diện tích đất chưa bán của dân lưu vong – những người đã gạt tên ra khỏi danh sách trục xuất. Sắc lệnh của Viện Nguyên lão ngày 26/4/1802 xác nhận sự nhượng bộ này. Trong khi luật bảo vệ quốc gia ngày 23/12/1795 quy định một số tòa nhà đã qua sử dụng, các khu vực rừng và diện tích rừng đặc biệt lại không được chuyển nhượng. Tuy nhiên, sắc lệnh ngày 18/7/1800 tuyên bố: tất cả những phần đất chuyển nhượng trước đây do người dân di cư thanh toán là không thể thay đổi, cho dù họ không có tên trong danh sách trục xuất. Từ đầu thời kỳ Tổng tài – thời điểm thích hợp để Napoleon trả lại một số phần đất chưa bán cho dân di cư hoặc cho họ quyền ưu tiên mua lại phần đất đó – thì những quy định của luật pháp đã rất rõ ràng. Tất cả phần đất của dân di cư được chuyển nhượng bằng những thương vụ hợp pháp thì không thể thu hồi, trừ khi những người chủ mới sẵn sàng bán lại.

GIỚI QUÝ TỘC

Khái niệm xã hội “quý tộc” dưới chế độ cũ không thể tách rời địa vị pháp lý của giới quý tộc chuyên chế. Trên thực tế, những thuật ngữ như les notables hay les grands thường được dùng để chỉ dòng dõi quý tộc có nguồn gốc từ xa xưa, có địa vị cao quý trong xã hội. Hầu hết đẳng cấp quý tộc thấp và thường dân chen chân vào giới quý tộc đều được miễn thuế đinh – dấu hiệu chung nhất thể hiện quyền lợi, nhưng không có được địa vị xã hội như đẳng cấp quý tộc thượng lưu. Tháng 2/1787, vua Louis XVI triệu tập hội đồng quý tộc tại Versailles để cải cách hệ thống thuế cơ bản. Trong đó, có một nhóm người có ảnh hưởng lớn đến chính trị. Trong 144 quý tộc được triệu tập, có 7 người thuộc dòng máu hoàng thân quốc thích, 14 giáo sĩ, 36 quý tộc, 12 nghị viện, 37 thẩm phán thuộc các tòa án tối cao (đẳng cấp quý tộc mặc áo choàng), các thẩm phán dân sự ở cung điện Paris, 12 nghị viện và 25 thị trưởng thành phố. Tầng lớp sau, về mặt lý thuyết là những người đại diện cho đẳng cấp thứ ba, đều là những quan chức dễ bị mua chuộc bằng địa vị và quyền lợi.

Đối với những động thái mang tính quần chúng và nguyên tắc, hội nghị không tán thành với đề xuất cụ thể của nhà vua về việc thường xuyên đánh thuế các tầng lớp được ưu tiên, tất nhiên những cải cách như vậy chỉ được hiện thực khi cuộc cách mạng nổ ra. Về nguyên tắc, những khác biệt pháp lý trong trật tự xã hội cũ, tức là sự khác biệt giữa tầng lớp quan lại có quyền lực và dân thường (quần chúng nhân dân chiếm số đông và thuộc tầng lớp thứ ba), đã bị loại bỏ khi bản tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền được Quốc hội lập hiến thông qua vào ngày 26/8/1789. Ngày 19/6/1790, Quốc hội lập hiến đã xóa bỏ tầng lớp quý tộc, chức danh và lễ phục. Nói tóm lại, theo hiến pháp năm 1793 và 1795, khái niệm “tầng lớp quý tộc” đã trở thành một từ đáng nguyền rủa và tất cả những thuật ngữ liên quan đã biến mất khỏi ngôn ngữ chính thống khi nói đến công dân trong “nền dân chủ cách mạng”.

Sự tái xuất hiện khái niệm “quý tộc” dưới chế độ Tổng tài đã chứng tỏ quan niệm thứ bậc trong xã hội Pháp của Napoleon và cũng gián tiếp phản ánh

tính lỗi thời của sự khoa trương chủ nghĩa quân bình trong thời kỳ cách mạng. Mặt khác, khi Napoleon áp đặt ý tưởng vào những cải tổ thì “tầng lớp quý tộc” đã mất dần ý nghĩa đã giành được dưới chế độ cũ và những sắc thái cũng bị thay đổi theo. Danh sách đầu tiên của chế độ Tổng tài Pháp được lập ra theo đạo luật Ventôse (Tháng gió – lịch Cộng hòa Pháp) năm thứ IX (4/3/1801) chủ yếu bao gồm tầng lớp quý tộc tại các khu hành chính của Cộng hòa Pháp. Theo danh sách này, việc nắm giữ công việc hành chính, luật pháp ở địa phương chủ yếu là nam giới và đương nhiên họ mang những đặc trưng của nền cộng hòa, bao gồm các quan chức địa phương trong Hội đồng Đốc chính, những người đã điều chỉnh con đường sự nghiệp trong môi trường chính trị sau sự kiện Brumaire. Tiếp đến là tầng lớp chiếm số đông nhất, địa chủ, giành được vị trí trong xã hội qua việc bán đất công. Đáng chú ý nhất là tầng lớp trí thức chuyên nghiệp. Thành phần quân đội có ý nghĩa khác nhau giữa các khu hành chính nhưng nói chung lực lượng này không đóng vai trò quan trọng. Ngạc nhiên hơn có lẽ là đại diện ít ỏi của các ông trùm tư bản thương mại và công nghiệp. Tầng lớp quý tộc cũ chỉ chiếm số lượng nhỏ và giới tăng lữ hầu như không có.

Kể từ khi một thay đổi chính xuất hiện cùng với việc ban hành Sắc lệnh của Viện Nguyên lão vào ngày 4/8/1802, danh sách này đã đưa ra một khái niệm tạm thời về tầng lớp ‘quý tộc’ dưới chế độ tổng tài. Cách tính này tạo ra các tổ chức chính trị được bầu từ các đơn vị hành chính và thừa nhận các thành viên phải được chọn từ 600 người nộp thuế cao nhất trong mỗi khu hành chính đó. Theo cách này, tầng lớp quý tộc giống những kẻ tài phiệt. Do đó, yếu tố quyền sở hữu được xác định và chiếm một tỷ lệ quan trọng, trong khi những người có tiềm lực tài chính, thương mại và công nghiệp không được tính đến ngoại trừ trước đây họ là những địa chủ và phải trả thuế điền.

Chính Napoleon cũng được xem là một địa chủ, dấu hiệu phân biệt chính của tầng lớp quý tộc trong hoàng cung và đa số thuộc hạ của ông cũng gắn kết quyền lực trong xã hội với địa chủ. Rentiers, những người có thể sống

bằng cách tham gia thị trường chứng khoán cũng có chỗ đứng trong xã hội, nhưng chủ yếu trong trường hợp này họ đã đầu tư một vài tài sản có tính thanh khoản vào đất đai. Vấn đề này càng bộc lộ rõ trong danh sách từ 60-80 người có ‘tên tuổi nhất’ ở mỗi vùng địa giới hành chính cai quản. Đây chính là danh sách Napoleon yêu cầu ban hành trong năm cuối đế chế. Nó là bằng chứng tập hợp những người sở hữu đất đai và có ảnh hưởng trong xã hội. Đây là lý do tại sao tầng lớp quý tộc cũ chiếm tỷ lệ đại diện cao hơn nhiều hơn so với tầng lớp địa chủ mới.

Vào giai đoạn huy hoàng nhất của đế chế, tầng lớp quý tộc, dù ở cấp bậc nào, gồm tất cả những người có tên trong các cuộc bầu cử và trưng cầu khu vực cùng với các bộ trưởng và hội đồng giúp việc, đã lên tới 100 nghìn người. Có nhiều người chưa có địa vị rõ ràng, nhưng theo một phân tích có tính toán nhóm xác định được địa vị nghề nghiệp, hai nhà sử học Luis Bergeron và Guy Chaussinand-Nogaret đã xây dựng và xác lập vị trí các nhóm lập hiến. Mẫu gồm 66.735 thành viên được bầu ra từ các khu hành chính trong toàn bộ vương quốc vào năm 1810, các tác giả này nhận ra địa chủ là nhóm chiếm số lượng cao nhất, lãnh chúa chiếm 24,55%, nhóm quan lại bên dưới làm tổng quản ở các địa phương chiếm 18,12%, nhóm quan lại nhỏ được cắt cử ra làm công việc hành chính địa phương là 15,76%. Tỷ lệ phần trăm tương ứng (thành phần xen kẽ) các nhóm khác của giới quý tộc bao gồm: quý tộc làm nghề tự do chiếm 14,37%, thương mại và thủ công nghiệp chiếm 10,79%, lãnh chúa chiếm 8,23%, quân đội chiếm chỉ có 2,35%, đẳng cấp tăng lữ chiếm 1,23% và tất cả những thành phần khác chiếm 4,60%. Cũng theo phân tích tương tự về mức thu nhập của các nhóm nghề nghiệp khác nhau, hai ông đưa ra kết luận: “Chủ sở hữu đất đai là khuôn mẫu xã hội và cũng là khuôn mẫu kinh tế của đẳng cấp quý tộc”.

Câu hỏi đặt ra là mỗi cá nhân cần có mức thu nhập bao nhiêu để được xem là một quý tộc chính thức? Theo nhà sử học Jean Tulard, yêu cầu thấp nhất để được chọn làm tổng quản ở các địa phương là 3 nghìn Frãng thu nhập trung bình hàng năm từ đất đai, tương đương với khoảng 60 nghìn Frãng

tiền mặt. Mức cao hơn áp dụng cho những khu hành chính giàu có hơn, còn ở những khu vực nghèo hơn thì con số này lại giảm xuống.

Phần lớn các quan lại đều là người địa phương không có tiếng tăm, bị tách ra khỏi đẳng cấp uy quyền trong hoàng cung, vì vậy họ không khác gì những kẻ đại diện tầm thường của đẳng cấp quý tộc. Lúc này, bắt đầu hình thành nên một đẳng cấp ưu tú có quy mô ngày càng mở rộng trong xã hội chuyên chế và chứng kiến chính sách hợp nhất chính trị của Napoleon. Theo cách của ông, họ chính là “những viên đá tảng”, là chất men làm thay đổi trật tự xã hội. Như vậy, đa số họ không có triển vọng nắm giữ địa vị trong xã hội, chưa nói đến bổng lộc vật chất gắn với địa vị. Chúng ta sẽ nghiên cứu nhóm được hưởng đặc ân.

GIỚI QUÝ TỘC HOÀNG GIA

Napoleon lại tái sử dụng sự khác biệt trong địa vị xã hội như một công cụ để theo đuổi tham vọng đế chế, điều này không có gì mới mẻ. Thực tế, nguồn gốc của hệ thống địa vị xuất hiện trước khi ông tuyên bố thành lập nhà nước quân chủ chuyên chế. “Đội quân danh dự”, với tư cách là một lực lượng phân biệt xuất hiện trước sự kiện Brumaire và giữa chiến dịch Italy lần thứ hai năm 1800. Điều này phù hợp với Điều 87 Hiến pháp năm thứ VIII “những chiến binh đã chiến đấu cho nền cộng hòa sẽ được trao huy chương quốc gia”. Khi Napoleon nghĩ ra việc ban tặng huy chương Bắc Đẩu bội tinh vào ngày 19/5/1802, ông mong muốn huy chương sẽ mang đến một danh hiệu cao quý và thiêng liêng cho người nhận. Tuy nhiên, về sau phần thưởng này được ban tặng phung phí và dần dần mất đi ý nghĩa trang trọng. Chỉ có 36 thượng nghị sĩ được tặng phần thưởng danh dự này và được hưởng lợi hàng năm khoảng 25 nghìn Frãng. Các khoản tiền cần thiết lấy từ tài sản chưa bán thuộc quyền sở hữu của vương quốc, nhà sử học Luis Bergeron đã ví địa vị của những thượng nghị sĩ này giống như quận trưởng tối cao hay quận trưởng khu vực. Tuy nhiên, như Tulard đã chỉ ra, lợi ích thực tế của tầng lớp này thấp hơn nhiều giá trị danh nghĩa.

Sau ngày 18/5/1804, quy mô và giá trị của các loại huy chương, tước vị mà Napoleon đề ra đều tăng lên, điều này giống như “tái thiết lập trật tự tôn ti” xã hội Pháp. Cùng với sự ra đời của Đế chế, 10 “tước vị cao” và 10 quan chức năm chức vụ triều chính cũng được bầu ra. Tháng 5/1804, “Tước vị quan” và bốn trong tám vị quan phụ trách nghi lễ được trao tước vị danh dự (Kellermann, Lefebvre, Pérignon và Sérurier). Ngay sau đó, họ trở thành thành viên của nghị viện. Theo đúng trình tự, những thái tử trong hoàng cung cũng được trao tước vị danh dự, người được trao đầu tiên vào năm 1806. Ngày 30/3/1806, 22 vị công tước trong hoàng cung được phong tước tại vùng đất chiếm giữ được của Italy, trong đó, 12 vị được nhậm chức ngay chính tại vương triều Italy – (Venice ngày nay), 6 vị từ vương quốc mới của Naples và còn lại ở Massa-Carrara, Parma và Piacenza. Những tước vị mà Napoleon ban cho chủ yếu là tổng chỉ huy quân đội, thống chế và các bộ trưởng. Theo sắc lệnh ngày 30/3/1806, ông đã phong tước công quốc Guastalla cho người chị Pauline, với tước vị này, bà cùng với chồng là thái tử Borghese nắm giữ.

Hệ thống phong tước vị của Napoleon thực sự trở thành hệ thống riêng với các sắc lệnh ban hành vào ngày 1/3/1808. Hệ thống này đề ra các tước vị như Bá tước, Nam tước và Kỵ sĩ của hoàng cung và cũng quy định các tiêu chuẩn để đề bạt vào đẳng cấp quý tộc hoàng gia mới. Chẳng hạn, tước vị Bá tước là dành cho các bộ trưởng, nghị sĩ, hội viên hội đồng phụ trách các vấn đề dân sinh, các viện trưởng tư pháp và tổng giám mục. Tước vị Nam tước dành cho tổng quản các đơn vị hành chính, chủ tịch hội luật sư, tòa án tối cao, giám mục và thị trưởng thành phố. Tước vị Kỵ sĩ của hoàng cung dành cho những người được trao huy chương Bắc Đẩu bội tinh và nó rất phổ biến. Về lý thuyết, những người được phong tước vị hoàng gia phải đưa ra bằng chứng về mức thu nhập tương xứng với từng vị trí quan trong triều, thường ấn định ở mức 200 nghìn Frăng một năm đối với Công tước, 30 nghìn Frăng đối với Bá tước, 15 nghìn Frăng đối với Nam tước và 3 nghìn đối với Kỵ sĩ, nhưng trên thực tế yêu cầu đó không được đáp ứng thỏa đáng.

Hiển nhiên, là Napoleon đã toàn quyền tự ý phong tước vị cho các quý tộc khác, những người không nằm trong bộ máy quản lý nhưng “đã khẳng định bản thân bằng những cống hiến cho quốc gia”. Ông phung phí quyền lực trong việc ban thưởng cho các quận trưởng, đặc biệt là các vị tướng lãnh quân đội. Hầu hết các nguyên soái và chỉ huy quân đội nhận được tước vị Công tước, trong khi đó có một vài thống soái và hai vị quan nhất phẩm được xếp vào hàng thái tử: Bernadotte (thái tử của Ponte Corvo năm 1806), Berthier (Neuchâtel năm 1806 và Wagram năm 1809), Talleyrand (Benevento năm 1806), Cambacérès (Parma năm 1808), Davoul (Eckmühl năm 1809), Masséna (Essling năm 1810) và Ney (Moskwa). Nhiều tước vị quan khác được đề bạt vào tước vị thấp hơn Bá tước, Nam tước và Kỵ sĩ trong hoàng cung. Những phần thưởng đó làm tăng thêm sức mạnh, tiếp thêm nhuệ khí cho binh sĩ. Điều này đã trở thành thông lệ vào các ngày tiến hành cử lễ của triều đình. Thông qua sắc lệnh ngày 13/7/1804, Hoàng đế Napoleon quy định, tại các buổi cử hành lễ quốc gia, nguyên soái đứng trên thượng nghị sĩ, phó tổng nguyên soái đứng trước trưởng tòa phúc thẩm, tổng giám mục, quận trưởng và trưởng tòa đại hình, thiếu tướng đứng trước giám mục, tiểu quận trưởng và quan tòa, sĩ quan dưới cấp đại úy đứng trước thường dân. Nhà sử học Jean-Paul Bertaud nhận xét: “Một đoàn tùy tùng được triệu tập đến đã trở thành hình ảnh thông lệ ở thế kỷ XIX. Các sĩ quan đứng đầu trong đoàn diễu hành, Hoàng đế Napoleon khẳng định đây chính là tầng lớp lãnh đạo trong triều đình”.

Trong công trình nghiên cứu trước đây, tôi liệt kê được 64 danh tước, bao gồm các thành viên của dòng họ Bonaparte và những người có quan hệ hôn nhân, với tiêu đề “Bổ nhiệm và phong tước vị” do Napoleon cắt cử đến năm 1815. Nếu tính cả danh tước ở các nước chư hầu, 46 tước vị mang tên địa điểm nước ngoài, trong đó hầu hết là gắn với các địa danh diễn ra các trận chiến nổi tiếng. Các tước vị triều chính không được miễn giảm thuế hay trách nhiệm pháp lý, nhưng lại được thưởng nhiều đất đai, đơn giản chỉ để khẳng định họ là những nhân vật đứng đầu trong Đế chế. Ở cấp bậc trên, đất được chuyển nhượng thành tài sản thừa kế cho con trai cả. Việc phong

tước vị căn cứ vào các khoản thu nhập bổ sung từ các nguồn như lợi tức hoặc cổ phần ngân hàng và/hoặc kế ước quốc gia. Mức thu nhập dành cho công tước là 20 nghìn Frãng, bá tước là 10 nghìn Frãng và nam tước là 5 nghìn Frãng, còn các kỵ sĩ lại không đủ tiêu chuẩn để có tước vị cha truyền con nối. Nhiều trường hợp, mức lợi tức cao cho phép người được phong tước hội đủ tiêu chuẩn người thừa kế tước vị. Tuy nhiên, tước vị cha truyền con nối chỉ ấn định cho khoảng 200 gia đình, trong đó có 37 bá tước, 131 nam tước, thái tử và công tước trong hoàng cung. Như vậy, đẳng cấp được hưởng lợi có thể là thống chế, tướng lĩnh được ưu ái, bộ trưởng, quan chức hoàng gia và nghị sĩ.

Theo tính toán của Jean Tulard, tổng số tước vị được ban tặng trước lần thoái vị thứ hai của hoàng đế Napoleon vào ngày 22/6/1815 là 3.364 tước vị. Bao gồm: 34 thái tử và công tước, 459 bá tước, 1.552 nam tước và 1.319 kỵ sĩ trong hoàng cung. Các kỵ sĩ này khác với những kỵ sĩ được trao huân chương Bắc Đẩu bội tinh. Khi hoàng đế Napoleon thoái vị lần thứ nhất vào tháng 4/1814, con số lên tới 34.361 trong tổng số 38.163, còn lại 3.802 binh sĩ khác trong quân đoàn. Đây là cách ban thưởng phô trương cho những binh sĩ trung thành, chiếm hơn 90% quân số, điều này giống như là “có tiếng mà không có miếng”. Tulard đã loại tất cả những thành viên trong gia đình hoàng đế Napoleon và những thành viên có quan hệ hôn nhân ra khỏi danh sách quý tộc hoàng gia. Ông cũng thừa nhận những trường hợp sót lại và những trường hợp còn mơ hồ là vấn đề gây khó khăn trong quá trình thống kê. Nếu xét theo quan điểm này, con số thực tế có thể là gần 3.600 binh sĩ. Nếu tính cả nam giới, nữ giới và trẻ em, con số quý tộc hoàng gia và gia đình quý tộc là khoảng 1/7 so với trước năm 1789, khoảng 28 nghìn người.

Về mặt lý thuyết, con số tương đối nhỏ như vậy có thể tạo cho các quý tộc hoàng gia một địa vị và nguồn gốc xã hội đặc biệt. Theo phân tích xã hội của Tulard, 58% có nguồn gốc tư sản, 22,5% thuộc tầng lớp quý tộc cũ, còn lại là 19,5% (là tầng lớp quân đội) thuộc giai cấp bình dân. Vẫn danh sách

đó, nếu tính theo lĩnh vực nghề nghiệp, người ta thấy ưu thế thuộc về lực lượng quân đội, chiếm khoảng 59% so với 22% giới quan chức nhà nước (bộ trưởng, nghị sĩ, giám mục, thanh tra, luật sư), 17% tầng lớp lãnh chúa và các viên tổng quản (nghị sĩ, thành viên của các ngành được bầu ra và thị trưởng), 1,5% thuộc nhóm trí thức (bác sĩ, viện sĩ, thành viên của các viện, nhà lưu trữ, họa sĩ, kiến trúc sư, nhà điêu khắc, nhạc sĩ và các ngành tương tự). Còn lại 0,5% bao gồm các ông trùm thương nghiệp và công nghiệp. Đáng ngạc nhiên là tỷ lệ này rất thấp, không tương xứng với tiềm lực kinh tế thực tế và cống hiến ở lĩnh vực hành chính và tư vấn cho hoàng đế Napoleon ngay ở thủ đô Paris và các tỉnh lỵ khác.

ĐẾ CHẾ VĨ ĐẠI TRONG HỆ THỐNG QUỐC GIA VÀ VÙNG ĐẤT BỊ KHUẤT PHỤC

Nếu xét đến "chính sách xã hội" của Napoleon thì Cuộc cách mạng ruộng đất là một nhân tố quan trọng. Trên thực tế, ông không có sẵn đất công trong vùng lãnh thổ mở rộng của nước Pháp để tặng cho gia đình cũng như các quan lại thuộc tầng lớp ưu tú như ông mong muốn. Ông luôn để mắt ra bên ngoài để tìm cách hiện thực hóa chế độ bổng lộc. Hệ thống tước vị xã hội càng ngày càng phát triển đối lập với tài sản đất đai được quản lý chặt chẽ trong thời kỳ tổng tài và các chiến lợi phẩm chiếm đoạt được trên con đường chinh phục. Sự phát triển xã hội của đế chế không phải một lần là xong, như nắm chỉ mọc qua một đêm; mà phải trải qua từng giai đoạn và phụ thuộc vào niên biểu của các cuộc chiến tranh. Tước vị hoàng gia ra đời cùng với việc ban tặng đất đai xâm chiếm được năm 1805-1807 là sự đánh dấu quyết định cho điểm xuất phát. Chính vì vậy về sau 'chiến lợi phẩm' của các cuộc chiến bắt đầu tăng nhanh, cung cấp nguồn thu nhập cho các nước chư hầu và lệ thuộc. Đây là cơ sở cho các cuộc chinh phạt và ban thưởng về sau.

Trong quá trình vươn lên trở thành "đế chế vĩ đại", Napoleon đã coi các vùng đất chinh phạt không đơn thuần chỉ là khu vực dành cho gia đình

mình, quân đội, mà ông còn muốn áp đặt mô hình thiết kế xã hội cho mình. Cơ chế điều hành hệ thống đất đai bị chinh phạt thô bạo nhưng khá rõ ràng: giới quý tộc phong kiến cũ ở các nước chư hầu bị tước quyền sở hữu rất nhiều đất đai - một số nơi là một nửa hoặc hơn một nửa, lợi tức có được từ quyền sở hữu đất đai được chuyển vào tay Napoleon hay người cai trị nước chư hầu. Trong lá thư gửi anh trai Jerome ngày 4/1/1808, người chỉ ra sự phức tạp trên góc độ luật pháp đối với việc tước quyền sở hữu của vương quốc Westphalia, Napoleon khiển trách:

Sự khác biệt lớn giữa thái ấp của địa chủ phong kiến (sở hữu toàn quyền, không phải nộp thuế) và thái ấp không thuộc địa chủ phong kiến khiến tôi thật sự mệt mỏi. Tôi có ý định giành một nửa đất đai thuộc giới quý tộc cho mình; giờ đây đất đai tôi nói đến là những lãnh địa, thái ấp của địa chủ phong kiến, đất đai bị phụ thuộc. Tóm lại, đất đai của quý tộc, dù muốn gọi thế nào, mà nếu thiếu chúng anh không có gì để đưa cho tôi, có thể kể cả quân đội cũng không có phần thưởng nào.

Trên bước đường chinh phục “quyền lực chính trị”, hoàng đế Napoleon không ngừng tận dụng đất đai của các nước chư hầu như là chất bôi trơn để từ đó ban đặc ân cho tầng lớp ưu tú. Với mục đích này, các vương quốc lệ thuộc như Đức, Italy và Ba Lan cung cấp phần lớn đất đai. Theo tài liệu ở Viện Lưu trữ Quốc gia Paris, nhiều dữ liệu được Helmut Berding phân tích chi tiết trong một chuyên khảo có giá trị, vùng đất Westphalia và Hanover đóng vai trò quan trọng nhất. Nếu gộp lại, chúng chiếm tới 1/3 tổng số đất tiến cống (1.334 trong tổng số 4.042) và hơn một nửa lợi tức hàng năm (10,5 trong tổng số 18,2 triệu Frãng) được tích lũy cho đến tháng 1/1810.

Do tích lũy từ trận thắng Áo của Napoleon vào năm 1805 và từ việc trục xuất Neapolian Bourbons vào năm 1806 nên đất phong của Italy tăng lên đáng kể, tuy nhiên doanh thu lại tương đối khiêm tốn. Mục tiêu ban đầu của quỹ chìm Monte Napoleone, thành lập năm 1805 ở Milan, là thanh toán các khoản nợ công của vương quốc Italy, chiếm 1.844 khoản tiến cống quy ra là

gần 1,5 triệu Frãng, trong khi lợi nhuận từ Parma là 450 nghìn Frãng và Vương quốc Naples là 240 nghìn Frãng, tổng hai khoản tiền này vẫn nhỏ hơn khoản nợ rất nhiều. 27 khoản tiền cống lấy từ lãnh địa Warsaw cộng lại, tạo nên khoản thu nhập là 930 nghìn Frãng. Những khoản này được sử dụng riêng vào đầu tháng 6/1807, thậm chí trước khi lãnh địa chính thức có quỹ này, và được thu từ các vùng đất hoàng gia quốc hữu hóa ở Ba Lan. Giá trị khoản tiền này tăng cao đột ngột là nhờ các khoản lợi từ hiệp ước Tilsit (tháng 7/1807) và hiệp ước Schönbrunn (tháng 10/1809). Các thống chế được ưu ái (Davout, Lannes, đặc biệt là Lefebvre), một số tướng lĩnh của Napoleon và các lãnh chúa Pháp như Monika Senkowska- Gluck độc chiếm các khoản tiền.

Tất cả các doanh thu trên bổ sung vào những khoản cống nạp bằng tiền hay hiện vật mà Đội quân vĩ đại đã áp cho các nước phụ thuộc. Các khoản thuế đóng góp làm suy giảm nghiêm trọng ngân sách của Jerome tại vương quốc Westphalia, đặc biệt khi các vùng đất Hanover giàu có sáp nhập với đế chế vào tháng 12/1810. Những việc này đã làm tài chính công của Công tước Warsaw kiệt quệ. Hai mươi bảy khoản tiền cống ban đầu lấy đi 1/5 quốc khố doanh thu tiềm năng từ các lãnh địa quốc hữu hóa. Khó khăn càng chồng chất kể từ khi nhượng lại lãnh thổ Áo (đặc biệt là Galicia) năm 1809 theo Hiệp ước Schönbrunn, cho phép Napoleon tăng các khoản thu từ lãnh địa. Chi phí bổ sung để duy trì 80 nghìn quân biên giới đã làm thâm hụt ngân sách nghiêm trọng.

Trong kho lưu trữ quốc gia còn phát hiện một tài liệu nữa, đề cập đến giai đoạn từ 30/3/1806 đến 24/6/1813 cho thấy các khoản bổng lộc rất khác nhau về giá trị. Tài liệu liệt kê những người hưởng lợi theo 11 cấp. Đầu danh sách bao gồm 10 vương hầu trong đó, có các chị gái của Napoleon là Pauline và Elisa cùng với các tư lệnh quân đội được ông ưu ái và các quan chức. Theo lý thuyết, những người này được hưởng từ 401 nghìn - 1.5 triệu Frãng với tổng số tiền là 8,6 triệu Frãng. Nhóm ưu ái thứ hai là 8 vương hầu được hưởng từ 201-400 nghìn Frãng với tổng số tiền là 2,8 triệu Frãng. Cấp

cuối cùng bao gồm những người được cấp từ 5-10 nghìn Frãng với tổng số tiền gần 2 triệu Frãng. Thành phần nhận tiền cống khác không thấy liệt kê ở đây nhưng đa phần nhận được số tiền nhỏ hơn. Những người này không được cấp đất phong hay tước vị mà chỉ được phần thu nhập từ chiến lợi phẩm của Napoleon ở nước ngoài.

Hầu hết các khoản tiền cống không phải là đất đai, theo nghĩa là tài sản cố định, mà là tiền do các tổ chức ở Pháp trả cho người hưởng lợi. Giới quý tộc hoàng gia không phải là tầng lớp duy nhất được hưởng. Năm 1814, theo những khảo cứu chính thức được trình lên hoàng đế Napoleon, có khoảng 6 nghìn người được cấp bổng lộc, được 30 triệu Frãng một năm. Con số này thấp hơn so với con số thực tế. Năm 1813-1814, quân Liên minh tấn công, quân đội Pháp rút lui dẫn đến việc toàn bộ hệ thống này bị sụp đổ. Khi Napoleon thoái vị lần thứ nhất, tất cả chính sách bổng lộc bị phá bỏ. Lúc này, quân đội đóng vai trò quan trọng trong hệ thống các vùng đất thu chiến lợi phẩm và hệ thống chính trị. Cuối cùng mọi thứ đều chỉ là một đồng tro tàn.

Đây không phải là lúc kiểm nghiệm chi tiết những ảnh hưởng xã hội rộng lớn từ chính sách của Napoleon đối với các vương quốc chư hầu Đức, Italy và Ba Lan. Những bằng chứng đưa ra tại các quốc gia trong suốt 30 năm cho thấy thời gian của Napoleon quá ngắn để có ảnh hưởng lớn đến cấu trúc nông nghiệp. Các quan lại phong kiến cũ không chỉ phản kháng những cải cách xã hội chính thức được áp dụng của Pháp mà còn tỏ ra tinh táo khi hành động trong giới hạn cho phép để bảo vệ, thậm chí củng cố địa vị của mình. Chẳng hạn như, trong một nghiên cứu áp dụng bộ luật Napoleon ở một số vương quốc thuộc Liên minh cánh hữu từ mùa hè năm 1807, Elisabeth Fehrenbach chứng minh rằng bộ luật này đã bị tầng lớp địa chủ phong kiến lảng tránh hoặc bóp méo. Thuế của các lãnh chúa và những ràng buộc đối với tầng lớp nông dân có thể đã bị cấm trên nguyên tắc. Nhưng thực tế, nó vẫn còn tồn tại ở một số vùng, tuy nhiên kể từ khi xóa bỏ hình thức lao động độc đoán ở các lãnh địa của công tước lớn tại Berg năm 1811,

hiện tượng này đã giảm nhiều. Nói chung, tầm nhìn của hoàng đế Napoleon về một bộ luật thống nhất thay cho thủ tục phong kiến cũ và rời rạc vẫn chưa được thực hiện. Những cải cách của ông thật sự bắt đầu từ các vương quốc chư hầu Đức, Italy và Ba Lan, nhưng các chính khách theo phái liên minh được triệu tập tại Quốc hội Vienna năm 1814-1815 sẽ gặp rất nhiều khó khăn trong quá trình cải tổ trật tự xã hội cũ ở các quốc gia này.

Giờ đây, về mặt luật pháp, Bộ luật dân sự đã không còn hiệu lực về những thông lệ phong kiến còn rơi rớt lại dưới mọi hình thức tại nước Pháp. Như một quy luật chung, những cải cách trong xã hội Pháp, ban đầu được chính quyền cách mạng công bố, về sau được Napoleon soạn lại và bổ sung thêm, đã ảnh hưởng sâu sắc đến những đơn vị hành chính được sáp nhập trực tiếp. Điều này rất hợp lý với những vùng đất như Bỉ, tả ngạn sông Rhenish và Piedmont-Liguria, chúng nằm cạnh nước Pháp và chịu sự cai trị lâu nhất của bộ luật này. Trước năm 1815, những vùng đất cách xa nước Pháp hoặc những khu vực bị Napoleon thôn tính tương đối muộn lại ít chịu tác động từ những chính sách nhằm vào mục đích “phi phong kiến hóa”, “hợp lý hóa”, “hiện đại hóa”. Đối với nhiều nhà nước bên bờ đông sông Rhine và phía nam dãy Alps, cải cách xã hội chỉ bắt đầu với Cuộc cách mạng 1848-1849, thậm chí sau đó không diễn ra ở bất kỳ đâu dưới bất kỳ hình thức nào. Ở những địa phận nằm ngoài biên giới cũ của đế chế, hoàng đế Napoleon đã nói lòng nhưng không phá vỡ những ràng buộc về ruộng đất. Ông đã thúc đẩy giai đoạn “tiến bộ” như một số nhà văn Đức, Italy cuối thế kỷ XIX đã kêu gọi, nhưng không làm mất đi trật tự phong kiến. Đối với những người giàu lòng tự trọng, khi đội quân của ông bị hạ nhục là một cú hích quan trọng, đã đánh thức lòng tự hào tôn dân tộc trong họ, phản ứng như vậy là do lòng trung thành đối với đẳng cấp tăng lữ và chế độ cũ chứ không phải vì họ nhìn thấy tương lai tươi sáng của một nhà nước thế tục và thống nhất.

Điều nghịch lý trong chính sách cai trị của Napoleon đối với các quốc gia phụ thuộc là “hệ thống chức vụ quan trọng” và yêu sách tàn nhẫn của Đội quân vĩ đại đã làm phương hại đến những công bố cải cách xã hội và luật

pháp của ông. Hiến pháp của kiểu nhà nước này có thể coi là mô hình của những nhà nước khai sáng và tạo nên dấu ấn quan trọng để định hướng cho tương lai. Tuy nhiên, ở những vùng nội địa rộng lớn thuộc “Đế chế vĩ đại”, hiến pháp này không được thực hiện quy củ. Tại đây, nguyên tắc bình đẳng trước pháp luật vốn được coi như một báu vật thiêng liêng trong Bộ luật Napoleon khó lòng được áp dụng đầy đủ đối với nhóm đẳng cấp vương hầu ưu ái - một tầng lớp xã hội tạo thành cấu trúc kiểu “nhà nước trong nhà nước” với tư cách là bộ phận lớn được hưởng đặc ân. Điều mà hoàng đế Napoleon cần ở các nước chư hầu chính là quân đội, lương thực và tiền bạc. Trong thời kỳ huy hoàng của Đế chế, tham vọng chính trị và “hệ thống chức vụ quan trọng” càng quan trọng thì mọi thứ càng trở nên cần thiết đối với ông. Để đạt được điều đó, ông thường xuyên bỏ qua hoặc phớt lờ đi những tờ trình về bộ luật của ông. Là người duy thực, ông nhận ra sẽ có lợi hơn nếu chú tâm sắp xếp hợp lý hệ thống quan lại cũ, tầng lớp thống trị ở các vùng đất đã xâm chiếm tại Đức, Italy và Ba Lan. Nói tóm lại, để rút hết các chức vụ quan trọng ở những vùng đất này, ông phải thỏa hiệp với hệ thống phong kiến. Rõ ràng khi ông cai trị, có sự khác biệt lớn giữa các vùng, nhưng về lâu dài, những ảnh hưởng xã hội đó có tính bảo thủ hơn là tiến bộ. Xét riêng khía cạnh này, ông có nhiều điểm chung với những kẻ chuyên quyền bạo chúa thời kỳ khai sáng trước đó, ông mang dáng dấp hoàng đế chiến trận của các triều đại châu Âu xưa hơn là kiến trúc sư của một nhà nước hiện đại.

SỐ PHẬN CỦA GIỚI QUÝ TỘC CŨ

Một trong những câu hỏi gây nhiều tò mò về thời kỳ này là, đâu là chỗ đứng của tầng lớp quý tộc cũ, còn gọi là “cidevants”, trong mối quan hệ với giới quý tộc mới ra đời trong đế chế, họ hòa nhập đến đâu vào hệ thống chính quyền và những danh vị xã hội của chế độ Napoleon? Chúng ta không có câu trả lời chắc chắn vì bằng chứng trong các nguồn tài liệu thứ cấp về những năm tháng của chế độ Tổng tài và Đế chế Pháp rất hạn chế. Để bổ sung những thông tin còn thiếu, chúng ta cần nhiều nghiên cứu sâu

hơn về khu vực, đặc biệt là kiều nghiên cứu Robert Forster đã thực hiện cách đây vài năm về giới quý tộc ở Toulouse thế kỷ XVIII và về những ngôi nhà của người Burgundian tại Saulx-Tavanes trong giai đoạn 1700-1830. Trong một khảo sát tổng quát hơn xuất bản cùng thời gian, nhà sử học Forster dẫn thêm bằng chứng chứng minh giả thuyết giới quý tộc cũ thật sự không phải là những “người thắng cuộc” trong cách mạng.

Theo nguồn bổ sung này, cuối chế độ cũ, giai cấp thứ hai trước đây sở hữu trực tiếp 1/4 lãnh thổ Pháp. Người ta còn đồn rằng lãnh chúa sở hữu nhiều đất đai hơn thế, các lãnh chúa có địa vị xã hội thường gắn với quyền tư pháp lãnh chúa. Tuy nhiên, sau khi cách mạng bùng nổ và quá trình lập pháp diễn ra, hầu hết các gia đình quý tộc đều bị cắt giảm tài sản và địa vị. Do phải tuân thủ luật bãi bỏ các loại thuế trong giai đoạn từ ngày 4/8/1789 đến ngày 17/7/1793 nên các lãnh chúa hưởng lợi từ thuế khóa phải chấp nhận từ bỏ nguồn thu nhập bất kể địa bàn đó rộng lớn thế nào và quan trọng ra sao. Do tịch thu tài sản tư bản nên hầu hết dân lưu vong bị thiệt hại nặng nề. Thông qua việc nhờ vả các tổ chức đại diện cho những người dân lưu vong năm 1790, một số người có thể lấy lại hoặc vớt vát chút ít bất động sản từ đồng đồ nát. Vậy tổng thiệt hại là bao nhiêu? Forster ước tính, trung bình mỗi quý tộc cũ mất khoảng 1/5 đất và 1/3 thu nhập, trong khi đó những quý tộc Paris bị thiệt hại nặng nề hơn nhiều. Hơn thế, toàn bộ đặc quyền lãnh chúa trước pháp luật đều bị bãi bỏ cho dù việc này sẽ thay đổi vị thế xã hội của giới quý tộc trong con mắt của những tá điền cũng như quan niệm của chính giới quý tộc. Tóm lại “trong cách mạng ai cũng có thể chiến thắng, nhưng riêng các chúa đất thì bị mất mát”.

Giờ đây kết luận chung dường như đã rõ ràng, tuy nhiên quy mô thiệt hại lại tương đối cao và có thể thống kê được. Mặc dù trong hơn 200 năm, qua ước tính số lượng quý tộc trước cách mạng có khác nhau, nhưng những học giả đương đại lại ưa những con số thấp hơn. Nếu tính cả nam giới, phụ nữ, trẻ em trong giai cấp thứ hai trước đây, cũng như giới quý tộc Kiêm, Áo choàng và những người khác được liệt vào hàng quý tộc thì con số là

khoảng 200 nghìn. Cách đây hơn 60 năm, theo công trình tiên phong của nhà sử học Donald Greer, có ít nhất 1.158 các nạn nhân chính trị trong Cuộc cách mạng, trong đó có 878 thuộc giới mang Kiếm (quân nhân) và 280 thuộc giới Áo choàng (tăng lữ). Thậm chí nếu có thể làm tròn thì số lượng người chết trong các sự kiện chính trị dưới 1%, mặc dù con số này đại diện cho 8,25% tổng số người chết trong toàn bộ các giai cấp do khủng hoảng và nội chiến ở Pháp.

Theo nghiên cứu mới của Greer, ít nhất 16.431 quý tộc phải di cư nhiều lần trong Cuộc cách mạng, chiếm 16,75% tổng số những người di cư. Còn nếu chỉ so với số lượng quý tộc trong những giai cấp nêu ở trên thì con số này chiếm 8,22%. Foster ước tính 10 nghìn gia đình quý tộc (và tài sản của họ) phải chịu ảnh hưởng của việc di cư, chiếm 1/4 tổng số các gia đình quý tộc. Về chủ đề này, con số trích dẫn mới hơn từ công trình của Vincent Beach có phần hơi khác. Một mặt ông nói trong thời kỳ cách mạng, có khoảng 97 nghìn người di cư có thể xác định được giai cấp xã hội (trong tổng số hơn 150 nghìn người), giới quý tộc chiếm khoảng 17%, tương đương với 16.490 người, gần giống con số ước tính của Greer. Mặt khác ông cho rằng, nó đại diện chỉ khoảng 5% giai cấp của họ, nghĩa là tổng số quý tộc sẽ gần 330 nghìn người, một con số vượt hẳn ước tính của Greer và có vẻ hơi cao. Tuy nhiên, những con số khác biệt như vậy có thể dung hòa, ít nhất có một điểm rõ ràng là: phần lớn giai cấp thứ hai cũ, khoảng 2/3 hay 3/4 không bị ảnh hưởng trực tiếp bởi làn sóng di cư những năm 1790; và không hoàn toàn bị mất đất.

Thực tế, bằng chứng có được từ thời Napoleon cho thấy giới quý tộc cũ vẫn là chủ sở hữu đất lớn nhất ở Pháp, kể cả ở Pa-ri. Sau này dưới thời Napoleon, khi tài sản được phục hồi, kể cả mua lại cũng như bồi thường đất đai (chủ yếu là rừng) những tài sản vẫn thuộc quyền sở hữu quốc gia – đều được ghi chép lại. Nhiều quý tộc có địa vị xã hội vì họ sở hữu một diện tích đất đai rộng lớn vẫn có ảnh hưởng nhất định tới cộng đồng. Hầu hết họ đều né tránh nắm giữ vai trò quan trọng trong đời sống chính trị của chế độ

Tổng tài và Đế chế. Một số người cho rằng sự cộng tác tích cực như vậy là không xứng đáng với phẩm cách và nguyên tắc của họ. Còn đối với các nhà quý tộc quay về Pháp sau những ngày sống lưu vong thiếu thốn, họ ưu tiên tìm lại gia đình, phục hồi tài sản bị sung công và sửa chữa nhà cửa. Sự ân xá của Napoleon vào những năm 1800 và 1802 đã mang lại cơ hội cho nhiều gia đình sau nhiều năm lưu lạc khắp châu Âu. Còn lòng nhiệt thành của những người “theo Napoleon” hoàn toàn ở mức độ rất khác nhau.

Thực tế, khó có thể khẳng định chính xác được mức độ theo Napoleon của giới quý tộc cũ. Trong giới quý tộc cũ, khoảng 750-760 người chấp nhận danh vị quý tộc hoàng gia có ý thức. Tuy nhiên, những người theo Napoleon tích cực nhất có thể xác định chính xác thông qua chức vụ họ nắm giữ trong các thời điểm như bộ trưởng, quận trưởng, thị trưởng, quan chức ngoại giao, thành viên của hội đồng nhà nước, Viện Nguyên lão và hội đồng lập pháp. Để công bằng, cũng cần đề cập đến những người thuộc giới quý tộc cũ giữ vai trò tích cực trong các hội đồng cấp tỉnh, thành viên các đơn vị hành chính, chủ tịch các hiệp hội, đoàn thể và các con cháu gia đình dòng dõi quý tộc Áo choàng nhưng đảm nhận vị trí chính thức trong hệ thống tòa án thời Napoleon. Cuối cùng là những nhà quý tộc cũ đã từng phục vụ trong quân đội của Napoleon. Sự xuất hiện hiếm hoi của giai cấp quý tộc cũ trong danh sách tầng lớp quý tộc chính thức là một tiêu chí dễ bị nhầm lẫn nhất. Vì với tư cách là địa chủ quan trọng, họ là những người có ảnh hưởng tới hầu hết các bộ cho dù vai trò của họ trong đời sống xã hội bị hạn chế hay bị động.

Phân biệt theo trình tự thời gian giúp chúng ta hiểu rõ những khó khăn này. Những năm đầu, khi người dân lưu vong tiếp tục trở về Pháp và khi tương lai của đế chế Napoleon còn chưa được xác định thì tầng lớp quý tộc cũ chỉ có vai trò mờ nhạt trong số những người nhiệt tình theo Napoleon. Điều này thể hiện rõ trong quân đội cũng như lực lượng cận vệ của chính quyền trung ương. Riêng tại Pháp, trong khi điều tra lấy số liệu chính thức, Tulard phát hiện trong danh sách giới quý tộc liệt kê lần đầu tiên năm 1801, số lượng

các nhà quý tộc cũ chưa đến 3%. Con số này tăng lên rất nhiều trong danh sách các nhà quý tộc tiêu biểu những người thành lập ra hội đồng bầu cử các bộ trong những năm sau mốc 4/8/1802, nhưng cũng không vượt quá 10-15%. Chỉ sau này, chủ yếu từ năm 1810 khi có nhiều thống kê về các tước vị cá nhân bổ sung thì các nhà quý tộc cũ tăng lên 1/5 (chiếm 20%). Nhiều nhà nghiên cứu đi giải thích sự tăng lên đáng kể này là do kết quả của những nỗ lực có chủ ý của Napoleon. Sau cuộc hôn nhân của ông với quý bà người Áo và sự ra đời của người thừa kế đất nước đã tạo cho nước Pháp một thể chế mang hơi hướng quý tộc hơn so với việc chỉ định các nhà quý tộc cũ giữ cương vị chính thức và nhiều chức danh quan trọng khác. Có thể vì lý do đó mà ngày càng xuất hiện nhiều những nhà quý tộc cũ sẵn sàng ủng hộ hoàng đế, người mà dường như đã thỏa mãn với cuộc hôn nhân của mình tại lâu đài cổ Habsburg. Tuy nhiên, tên tuổi của các nhà quý tộc cũ trong danh sách chính thức xuất hiện nhiều không phải là chứng cứ thuyết phục của giới quý tộc cũ tham gia tích cực vào chính quyền Napoleon.

Những dự báo như vậy có thể có trong các nghiên cứu cá nhân hoặc những mẫu nghiên cứu sâu, rộng bằng phương pháp minh họa. Rõ ràng là ban đầu, một số quý tộc cũ đã chuẩn bị tâm thế đón nhận vị trí nhân viên trong văn phòng bộ trưởng hay thành viên của các cơ quan nhà nước dưới thời Napoleon. Điển hình là ngài Talleyrand – bộ trưởng bộ ngoại giao từ năm 1799-1807, ngài Champagny – Bộ trưởng Nội vụ (1804-1807), sau đó giữ chức Bộ trưởng Ngoại giao (1807-1811), ngài Montalivet – Bộ trưởng Nội vụ (1809-1814) và ngài Caulaincourt – Bộ trưởng Ngoại giao (1813-1815). Ngoài ra, những điển hình khác đến từ giới quý tộc Áo choàng cũ như Cambacérés (tổng tài thứ hai và có những khoảng thời gian ngắn làm bộ trưởng bộ tư pháp vào đầu và cuối thời kỳ này), Roederer (hội viên hội đồng nhà nước) và Molé (bộ trưởng bộ tư pháp từ 1813-1814). Một minh chứng khác là Berthier – người quản lý nhân sự trong một thời gian khá dài thời Napoleon, sau đó làm bộ trưởng bộ quân sự từ 1799-1800 và 1800-1806. Thời bấy giờ, Berthier là một trong những người được kính trọng nhất mặc dù ông là con trai của một anobli – người được hưởng nhiều ân

huệ của hoàng gia từ triều đình trước. Các trường hợp tương tự có thể thấy trong Viện Nguyên lão. Đây là nơi có số thành viên lên đến 140 người (tính đến năm 1814), vượt xa con số 80 người theo dự tính ban đầu. Có được con số này là nhờ sự cất nhắc phóng khoáng của Napoleon. Chế độ hộ dân quan có lẽ tồn tại quá ngắn ngủi và gây ra nhiều rắc rối. Hình ảnh một hội đồng lập pháp có thể làm minh chứng cho hoàn cảnh lúc bấy giờ, nhưng cơ quan lập pháp ít nhất cũng đưa ra được một diện mạo xã hội thú vị. Trong thời gian từ 1800 đến 1814, ít nhất có trên 700 nam giới là những nhà lập pháp. Con số này cho thấy dường như người ta không còn quan tâm đến nguồn gốc các thành viên nữa, không cần biết họ có thuộc giới quý tộc cũ hay không. Một số ví dụ có sẵn lại đưa ra tỷ lệ phần trăm, tăng khoảng 10% từ 1811-1813.

Theo quan niệm chung thì tất cả những ví dụ trên được coi là minh chứng cho việc chấp nhận vai trò chính trị của giới quý tộc cũ dưới thời Napoleon. Ba người nêu ở trên là nằm trong số 10 người có quyền lực cao nhất của đế chế lúc bấy giờ. Họ là Talleyrand (phó trưởng ban bầu cử), Berthier (phó nguyên soái) và Cambacérés (đại pháp quan). Hai người khác là Champagny (tổng cai quản hoàng gia) và Caulaincourt (tổng quản ngựa của đất nước) nằm trong số các quan chức dân sự đáng kính nể của vương quốc và cái tên Berthier quen thuộc cũng gia nhập đội ngũ này với tư cách là tay săn bắn bậc thầy. Xét về nhóm thì các quan chức dân sự cao cấp được coi trọng hơn trong vương quốc. Có lẽ vì lý do này mà chúng ta có thêm điển hình về vị trí giới quý tộc cũ trong đế chế mới. Đó là: Ségur (ông chủ của những nghi lễ), Montesquiou-Fezensac (trưởng thị thần), Rémusat (thị thần đầu tiên) và De Lucay (quận trưởng đầu tiên). Trong gia đình hoàng hậu Josephine còn có Rohan (người phát chẩn đầu tiên), tương tự còn có phu nhân de Rémusat, de Lucay, de Lauriston và de Talhouet. Thực tế, tại các thời điểm khác nhau và bằng tất cả năng lực, luôn có một nhóm người thuộc giới quý tộc cũ phục vụ lĩnh vực dân sự của đế chế, ví dụ d'Aubusson de la Feuillade, Bouillé, Choiseul-Praslin, Croy, d'Haussonville, La Rochefoucauld, Mercy-Argenteau, Montmorency, Rochechouart-Mortemart

và Turenne. Gần như tất cả các tên tuổi đều đã liệt kê ở trên, ngoài ra còn rất nhiều người khác nữa cũng được nhận chức danh của hoàng gia, trong một vài trường hợp các chức danh này còn sinh lợi nhiều hơn.

Xét cho cùng, giới quý tộc cũ đã mang lại những thành quả đáng kể cho công việc quản lý ở các bộ phận cấp cao. Một trong những đóng góp quan trọng chính là đội ngũ quận trưởng, đội ngũ hình thành nên xương sống cho chính quyền hành pháp của Napoleon tại các tỉnh nước Pháp. Nhờ những phân tích chi tiết của nhà nghiên cứu Edward Whitcomb, chúng tôi có được nhận định thú vị về vị trí xã hội của 281 người đàn ông phục vụ trong đội ngũ này tại một thời điểm nhất định của chế độ tổng tài và đế chế. Tính đến lần thoái vị đầu tiên của Napoleon vào tháng 4/1814, có tới 53 quận trưởng đương nhiệm (chiếm 43% tổng số quận trưởng) xuất thân từ hàng ngũ quý tộc cũ, tỷ lệ đó lớn trong các quận quan trọng khác. Đây là tỷ lệ cao nhất của giai đoạn lịch sử này, tuy nhiên, Whitcomb còn phát hiện tốc độ cất nhắc nhanh nhất (tăng từ 23-37%) của giới quý tộc cũ diễn ra vào khoảng từ 1800 -1807. Những quận trưởng xuất thân từ giai cấp quý tộc tư sản luôn chiếm đa số, mặc dù con số đó giảm từ 77 % xuống còn 53% trong khoảng năm 1800-1814. Vào cuối thời kỳ Đế chế, xuất hiện ngày càng nhiều đại diện đến từ giới quý tộc cũ, sự thay thế đó không phải vì bất kỳ một chính sách có chủ ý nào. Nguyên nhân của hiện tượng này là Napoleon đã rất ưu đãi cất nhắc các quý tộc cũ vào các vị trí bị bỏ trống cũng như những chức danh trong các đơn vị hành chính mới thành lập từ 1810-1811, đặc biệt tại Đức. Các nghiên cứu của Whitcomb trong lĩnh vực ngoại giao của chính quyền Napoleon cũng tìm thêm được 200 người nữa càng chứng minh điều đó. Những bằng chứng của nhà sử học này còn cho thấy tỷ lệ giới quý tộc cũ trên cấp bộ trưởng và thư ký cũng tăng đáng kể từ sau năm 1809.

Những nhà quý tộc cũ đã từng phục vụ trong quân đội của Napoleon có tầm quan trọng ở cả ba cấp. Với cấp cao nhất của quân đội là cấp nguyên soái thì giới quý tộc cũ cũng có những đại diện đáng kính. Trong số 18 nguyên soái được chỉ định vào ngày 19/5/1804 thì 5 người (trong đó 3 chức vị danh

dự) có xuất thân từ triều đại cũ. Cha của Berthier được phong quý tộc vào năm 1763, Davout xuất thân từ một gia đình quý tộc ở Burgundy, Kellerman đến từ vùng Alsatian được tập tước vào năm 1788, còn nguồn gốc gia đình của Pérignon và Sérurier thì xuất phát từ giai cấp quý tộc thấp hơn. Ba trong số 8 nguyên soái được bổ sung trong suốt thời kỳ Đế chế có vị thế xã hội tương tự. Marmont (chỉ định vào năm 1813) xuất thân từ dòng họ quý tộc nhỏ, Poniatowski (phong chức vào năm 1813) vốn là một thái tử của Ba Lan và Grouchy (năm 1815) xuất thân từ một gia đình quý tộc Kiêm.

Những người giành được quân hàm cấp tướng là một minh chứng thứ hai và phong phú hơn. Những công trình nghiên cứu vô giá đầu tiên của Georges Six xuất bản cách đây 50 năm cho biết, có ít nhất 305 vị tướng, phục vụ dưới thời Napoleon xuất thân trong giới quý tộc cũ. Trong đó có 174 người được chỉ định vào chức danh này trước năm 1789, sau đó họ phục vụ cho quân đội Pháp trong suốt thập niên 1790. Còn lại 131 người được chỉ định vào sứ mệnh này trong thời kỳ cách mạng. Six đưa ra bằng chứng tỷ lệ giới quý tộc cũ trong tổng số người mang quân hàm cấp tướng dưới sự trị vì của Napoleon giảm mạnh từ 30% trong thời kỳ cách mạng xuống còn 20% vào cuối thời kỳ Đế chế. Giới quý tộc cũ giữ chức chỉ huy tối cao trong quân đội Napoleon vẫn chiếm số lượng lớn hơn những người đeo quân hàm cấp tướng xuất thân từ tầng lớp lao động.

Cuối cùng, những phân tích có chọn lọc về số lượng người phục vụ ở cấp đại đội của Jean-Paul Bertaud cho thấy, thành phần xã hội của họ khác xa so cấp chỉ huy cao hơn. Ông dẫn ra 480 đại úy, trung úy và thiếu úy đang phục vụ năm 1814 chỉ đại diện cho khoảng 2% của hơn 20 nghìn người nắm giữ những chức vụ này dưới thời Napoleon. Hầu hết những sĩ quan này đều phục vụ quân đội trong một thời gian dài. Trong số 137 người được chỉ định trước năm 1800, không có ai thuộc giới quý tộc cũ. Trong khi đó, sau năm 1800, với 343 người được chỉ định thì chỉ có 4,9% thuộc tầng lớp này. Họ hầu hết đều xuất thân từ những gia đình cựu quân nhân. Trên thực tế, những

phát hiện của Six và Bertaud gián tiếp khẳng định, phần lớn quân nhân của Napoleon dưới cấp nguyên soái đều xuất thân từ những gia đình thuộc các dòng dõi tư sản khác nhau. Thậm chí ở cấp đại đội, những người có nguồn gốc tư sản chiếm một tỷ lệ khá lớn (khoảng 30%), thường là con trai của chủ đất hoặc con trai của nông dân ở các trang trại.

Nghiên cứu từ các mô hình chỉ cung cấp cho độc giả những ví dụ chung chung, không mang màu sắc cá nhân. Vì vậy chương này có thể kết thúc với hai phản ứng trái ngược nhau đối với đế chế Napoleon. Thứ nhất là trường hợp của Hầu tước De Lafayette anh hùng của cuộc chiến tranh với Mỹ và là thành viên quan trọng của Cuộc cách mạng Pháp trong những năm ông kiên quyết bảo vệ nguyên tắc tự do cá nhân trong một nền quân chủ lập hiến. Khi thể chế này thất bại vào tháng 8/1792, ông đã bỏ trốn sang Bỉ. Tại đây, trước khi được thả theo các điều khoản của Hiệp ước Campo Formio năm 1797, ông đã bị bắt và ngồi tù 5 năm tại nhà tù của Áo ở Olmutz. Trở lại Pháp năm 1800 ngay sau cuộc đảo chính của Napoleon, ông là một người “theo Napoleon”. Chức tổng tài đầu tiên được chuẩn bị sẵn sàng để đón chào ông. Tháng 5/1800, ông không còn tên trong danh sách những kẻ bị trục xuất.

Tuy nhiên, trong thời kỳ đầu, quan hệ cá nhân của họ khá thân mật, Lafayette vẫn thể hiện rất rõ thái độ phản đối đối với thể chế mới bằng cách lịch sự từ chối quyết định bổ nhiệm làm đại sứ tại Mỹ, từ chối một ghế trong Viện Nguyên lão hay trở thành thành viên của tổ chức Bắc đấu bội tinh. Tháng 3/1802, ông nộp đơn xin ra khỏi quân đội, nhưng mỗi rạn nứt chỉ thật sự xảy ra vào cuối năm đó, khi ông công khai phản đối hình thức chấp chính suốt đời của Napoleon. Những năm còn lại của chế độ tổng tài và đế chế, hầu như ông sống tại tư gia – biệt thự De La Grange ở Seine-et-Marne (bên bờ sông Seine), ông không hề tư tưởng gì đến đời sống chính trị nữa, trở thành một "castaway" - kẻ bị ruồng bỏ như ông tự mỉa mai mình. Ông tái xuất rất ngắn ngủi với tư cách đại diện cho một nhóm người nổi lên trong sự kiện 100 ngày nhằm kêu gọi Napoleon thoái vị sau thất bại ở

Waterloo, sau đó ông lại lui về sống lạng lẽ. Câu chuyện này chẳng có gì gay cấn nhưng nó dẫn đến một suy luận khá chắc chắn. Ai biết được có bao nhiêu quý tộc, đặc biệt là những người thuộc bộ phận dân lưu vong, cũng giống như Lafayette, dễ dàng nhận thấy ông vắng mặt trên chính trường Pháp thời Napoleon? Tuy chúng tôi không có chứng cứ chính xác, nhưng Tulard ước tính con số này lên đến gần 80% số quý tộc cũ, những người vẫn được gọi là "kẻ lưu vong trong nước". Số này từ chối đứng trong hàng ngũ những người theo Napoleon. Nếu sự thực đúng như vậy thì tính hiệu quả của "nền chính trị hợp nhất" của Napoleon phải nhìn với góc độ khác. Thậm chí, chúng ta cần thận trọng hơn với những khái quát hóa dễ dãi về sự liên hợp các tầng lớp xã hội dưới thể chế Napoleon.

Một trường hợp khác liên quan đến vận mệnh gia đình La Tour du Pin. Đây là câu chuyện về sự sống sót của một dòng dõi quý tộc đồng thời đem đến cách nhìn hiện thực ở một góc độ khác. Nó cho thấy tác động từ sự điều chỉnh sự nghiệp của một cá nhân đến những thay đổi của cả nền chính trị thực tại. Bá tước De Gouvernet xuất thân từ một gia đình quý tộc Kiếm cổ xưa tại Dauphiné. Trước cách mạng, sau một thời gian phục vụ trong quân đội hoàng gia, ông được gửi sang Hague làm công sứ Pháp. Năm 1794, vào cuối Cuộc cách mạng, khi được thừa kế tước hiệu bá tước De La Tour du Pin de Gouvernet (dòng họ này chính thức bị xóa sổ theo chiếu chỉ ngày 19/6/1790) thay thế cha ông vốn là cựu bộ trưởng bộ quốc phòng (1789 - 1790), ông và gia đình đã hai lần bị trục xuất và phải sống lưu vong, lần đầu ở Mỹ, lần thứ hai ở Anh (1789-1790). Trở về Pháp sau Hội đồng đốc chính sụp đổ, ông nghỉ ngơi cùng gia đình tại lâu đài Le Bouilh, gần Bordeaux trước khi phụng sự Napoleon với tư cách là một quận trưởng ở Brussels (một đơn vị hành chính của Dyle) từ 1808 đến cuối 1812, sau đó làm quận trưởng Amiens (đơn vị hành chính của Somme) nhiệm kỳ ngắn hơn. Tại đây, ông có trách nhiệm nghênh đón vua Louis XVIII trong chuyến hành trình từ Boulogne đến Paris thời kỳ khôi phục thứ nhất năm 1815. Phần thưởng cho ông là chức công sứ Pháp tại Hague, giữ một chân trong số các đại diện toàn quyền Pháp tại quốc hội Vienna. Năm 1815 ông trở thành

thượng nghị sĩ Pháp. Năm 1820, ông được phong là hầu tước de la Tour du Pin và được chỉ định làm đại sứ Pháp tại Turin. Ông làm ở đây cho đến ngày nghỉ hưu vào năm 1830.

Như vậy, trong hơn 40 năm, ông đã phục vụ cho vương triều Bourbon với tư cách là một người lính, cho cách mạng với tư cách là một nhà ngoại giao, cho Napoleon với tư cách là nhà tổng quản hàng đầu, sau đó lại phụng sự triều đình Bourbon với vai trò như một nhà ngoại giao nhưng ở địa vị cao hơn. Ông từng chứng kiến nỗi đau cả dòng họ bị hành hình, những rủi ro của cuộc sống lưu vong, những mất mát về quyền lợi của gia đình, mặc dù gia đình ông không bị tịch thu toàn diện tích đất đai. Bên cạnh sự nghiệp lâu dài của ông là hình ảnh của người vợ đáng kính. Tên khai sinh của bà là Henriette-Lucie Dillion. Bà có một nhan sắc huyền thoại, đã từng sống chung nhà với hoàng hậu Marie-Antoinette. Hồi ký của bà viết từ năm 1820 cho đến khi bà qua đời 1853 nhưng khá lâu sau mới được xuất bản là một bằng chứng sinh động cho tinh thần kiên cường, vượt qua hàng loạt biến cố chính trị ảnh hưởng đến tính mạng. Bà và ngài hầu tước sống sót nhưng vĩnh viễn mất đi đứa con mới lên 6 tuổi.

Những dòng cuối cùng này dành để nói về bà hầu tước, nhằm cung cấp một góc nhìn lý thú về thái độ của Napoleon đối với tầng lớp quý tộc cũ những con người hết lòng phục vụ ông – cũng như thái độ của họ đối với vị hoàng đế này. Đầu năm 1813, khi nghe tin chồng bị bãi nhiệm chức quận trưởng ở Brussels, bà yêu cầu gặp riêng hoàng đế tại phòng tiếp khách của ông ở Trianon. Dưới đây là những ghi chép của bà về cuộc yết kiến này:

Cửa mở, một người hầu ra hiệu cho tôi bước vào và đóng cả hai cánh cửa lại. Tôi đang đứng trước mặt Napoleon. Ngài đi về phía tôi, giọng nói rất ôn tồn:

Thưa phu nhân, tôi sợ bà không hài lòng với tôi.

Tôi cúi đầu tỏ ý tán thành lời nói của ngài và cuộc đối thoại bắt đầu. Tôi đã đánh mất những trang ghi chép lại cuộc yết kiến khá lâu này – 59 phút và bây giờ, sau nhiều năm, tôi không còn nhớ chi tiết nữa. Nội dung chính là Hoàng đế cố gắng thanh minh với tôi những việc ngài làm hoàn toàn là do ép buộc. Sau đó, tôi miêu tả ngắn gọn cho ngài biết ngài đã giành được sự kính trọng từ phía người dân Brussels, khác với những người tiền nhiệm.

Trong khi ngài bước đến và đi đi lại lại trước ghế salon, tôi bước đi cạnh ngài, ngài đã nói những điều thật ngạc nhiên: “Ta đã sai, nhưng liệu ta có thể làm được gì để sửa sai?” Có lẽ đó là lần duy nhất trong đời, ngài thốt lên những lời thú nhận như thế, còn tôi là người duy nhất có đặc quyền được nghe.

Tôi trả lời ngài, tất cả đều phụ thuộc vào quyền lực của ngài để sắp đặt mọi việc đúng đắn hơn. Đặt tay lên trán suy nghĩ, ngài nói: “Đúng, sẽ có một bản thông báo về vấn đề quận trưởng. Bộ trưởng Nội vụ sẽ về đây vào tối nay”. Ngài liệt kê ra 4 hay 5 đơn vị hành chính và nói thêm: “Còn Amiens. Như thế liệu có vừa ý bà?”.

- Tôi đáp, không một chút ngần ngại: “Thật lý tưởng, thưa ngài”.

“Vấn đề này coi như đã được quyết định rồi nhé. Phu nhân có thể đến báo cho Montalivet biết”. Với nụ cười quyến rũ vẫn thường vẫn được người ta nói tới, ngài nói thêm: “Bây giờ, liệu tôi đã được tha thứ chưa?”. Tôi đáp lời lễ độ là tôi cũng cần xin được tha thứ vì đã thẳng thắn như thế. Ngài nói: “Ồ, phu nhân làm như vậy là hoàn toàn đúng”. Tôi cúi đầu chào và ngài đích thân ra mở cửa cho tôi.

CHƯƠNG 6. Quyền lực, ủng hộ và chống đối: dư luận, giáo dục và nghệ thuật

Chế độ tổng tài và Đế chế dường như là giai đoạn buồn thảm của tự do ngôn luận và sáng tạo văn hóa. Nhiều khi những phạm trù này bị đẩy vào bước đường cùng. Nó tuyên truyền cho thể chế chính trị thông qua sự kiểm soát của báo chí, nhà hát, chính sách giáo dục và tận dụng nghệ thuật như một công cụ. Tất cả đều được sử dụng theo cách này hay cách khác nhằm tuyên truyền rộng rãi tới công chúng. Tuy nhiên, xét từ góc độ khác, lời nhận xét này hơi nghiêm khắc. Mặc dù nhà nước có thể can thiệp khắp nơi, nhưng không thể bóp nghẹt sự sáng tạo. Quan điểm của công chúng và sự sinh tồn của nghệ thuật vẫn nảy mầm rất tinh tế và kín đáo. Cuối giai đoạn này, những thành tựu đạt được vô cùng phong phú và có giá trị trường tồn. Các chiến binh không phải là ngoại lệ, họ cũng có lúc ủng hộ hoặc phản đối, tuy nhiên lại thường là những lời chỉ trích và đánh giá về Napoleon.

Theo ngôn ngữ nghệ thuật, thế kỷ Cách mạng và thời Napoleon đánh dấu bước chuyển giao giữa thời kỳ khai sáng và chủ nghĩa lãng mạn. Một số nhà phân tích xem đây là giai đoạn phôi thai của chủ nghĩa hiện thực sau này. Nếu nghệ thuật chính thống là sợi chỉ đỏ thì đó chính là khuynh hướng nhằm ca ngợi sự hùng vĩ lớn lao của đế chế. Trong khi đó nghệ thuật không chính thống lại là bước chuyển giao từ chủ nghĩa tân cổ điển sang chủ nghĩa lãng mạn. Mục tiêu tuyên truyền của đế chế là khuấy động tinh thần công chúng vốn dễ lay động và tái hiện hình ảnh Napoleon dưới ánh sáng huy hoàng nhất. Chính sách giáo dục nhằm phục vụ yêu cầu thực tế của quốc gia. Các nhà phê phán cho rằng những chính sách này là sự nịnh nọt, bợ đỡ. Họ vô cùng phẫn nộ trước sự xâm hại quyền tự do nghệ thuật và tri thức.

Trong giai đoạn này, chúng tôi nhận thấy có sự khác biệt giữa nền văn hóa chính thống và không chính thống, giữa hoạt động do nhà nước bảo trợ và những sáng tạo cá nhân. Tuy nhiên, cả hai mảng đều để lại những di sản

nghệ thuật cho hậu thế. Chương này sẽ cố gắng tìm hiểu các quan điểm trái ngược nhau, quan điểm chung và riêng của từng cá nhân. Ở giai đoạn này, các vấn đề được xử lý không theo kiểu lấy mẫu thử nghiệm từ môi trường xã hội mà theo bối cảnh các nhà giáo dục, nhà tuyên truyền, nhà kiểm duyệt, nghệ sĩ và nhà văn hành động, cư xử, đối phó với nhà nước theo cách phản chiếu tâm tư, suy nghĩ.

CÁ NHÂN HÓA QUYỀN LỰC: NGHỆ THUẬT TRỰC GIÁC

Thể hiện sự hùng cường của đế chế, Napoleon lấy hình ảnh của chính mình làm tâm điểm của những biểu hiện phô trương ra bên ngoài. Đỉnh cao của đế chế thể hiện khi kỷ niệm tôn vinh người anh hùng, đây là sự tự ý thức về bản ngã, về giá trị cá nhân và vào tâm điểm chú ý. Vì vậy, cần phải bắt đầu nghiên cứu từ những tự liệu ghi lại quan niệm, suy nghĩ của Napoleon về quyền lực. Tất nhiên, quyền lực gắn với ánh hào quang trên mặt trận quân sự. Khi khả năng mang lại những chiến thắng kỳ diệu của Napoleon suy giảm, quyền lực của ông cũng phai tàn theo.

Huy hiệu và biểu tượng là vấn đề đáng lưu tâm. Chúng phản chiếu những thay đổi trong tham vọng khẳng định bản ngã của Napoleon. Chỉ một vài tuần sau ngày 18/5/1804, chế độ tổng tài cộng hòa chuyển sang đế chế cha truyền con nối bằng một thông báo quốc gia có hình và chữ trên huy hiệu mới. Biểu tượng con chim đại bàng xuất hiện thay cho hình chóp đỏ trên chiếc rìu và huy hiệu của vệ sĩ thời La Mã. Đó là lựa chọn của Napoleon trong hàng loạt gợi ý Ủy ban hoàng gia. Đây chính là chủ tâm của Napoleon nhằm hòa hợp biểu tượng đế chế của ông với đế chế Charlemagne. J-B-Isabey được giao nhiệm vụ thiết kế biểu tượng mới và kết quả cuối cùng là hình ảnh con chim đại bàng đang sải rộng đôi cánh. Quân đội và lực lượng hải quân đều coi biểu tượng mới này như một chuẩn mực trên chiến trường. Cờ tam tài cộng hòa Pháp cũng được gắn biểu tượng này nhưng ở vị trí phụ. Vì vậy, chim đại bàng trở thành biểu tượng của “đế chế hùng vĩ” và “đội

quân hùng vĩ”. Napoleon được mệnh danh là “con đại bàng”, còn vua La Mã thì có biệt hiệu “đại bàng con”.

Napoleon kế thừa giá trị truyền thống của đế chế Pháp theo nhiều cách khác nhau, điều này xét về mặt lịch đại, đôi khi người ta còn nghi ngờ tính chính xác. Một dẫn chứng là trong lễ đăng quang, Napoleon thay vì sử dụng huy hiệu vua Pháp, lại sử dụng hình ảnh con ong vàng làm huy hiệu trên áo choàng của hoàng tử và những người có quyền cao chức trọng của hoàng gia và trong giới quý tộc. Theo June K. Burton, Napoleon có niềm tin vào con ong vàng, vì nó từng là huy hiệu của Childeric, cha của Clovis, vương triều Mérovinge (cai trị Pháp từ năm 500-751), tổ tiên triều đại Frank. Cá nhân hóa quyền lực được thể hiện rõ nhất ở chữ cái viết tắt, chữ N với vòng nguyệt quế bao quanh, cài trên áo choàng của Napoleon trong lễ đăng quang, trên ngai vàng tại Fontainebleau, trên tường cung điện hoàng gia và ở một số công trình công cộng. Chữ J cũng xuất hiện nhưng là để thỏa mãn tính ưa phô trương của hoàng hậu Josephine.

Hình ảnh Napoleon không những là tâm điểm cho các biểu tượng chung mà còn được in trên các thể loại tiền đồng, trong các công trình chạm trổ, hội họa, trang trí nội thất, kiến trúc, điêu khắc... Người ta cho rằng dưới thời Napoleon, ông đã ra lệnh Monnaie de Paris thiết kế nhiều loại huân chương hơn bất kỳ thời kỳ nào. Ông can thiệp, kiểm soát sát sao Ủy ban hoàng gia trong việc xuất bản cuốn sách về đế chế Napoleon vĩ đại, một dự án theo phong cách tân cổ điển. Chế độ cộng hòa cách mạng coi nữ thần tự do là biểu tượng của quốc gia, với hình ảnh gần giống như biểu tượng của phụ nữ, phôi thai hình ảnh Đức mẹ Maria. Sau năm 1802, biểu tượng chế độ cộng hòa thay đổi, trong khi đó, tất cả đồng tiền đã khắc hình Napoleon, mặc dù ấn đặng sau đó là hình ảnh người tu hành khổ hạnh thời La Mã.

Sau năm 1807, chiến thắng dồn dập trên mặt trận quân sự, đất đai bành trướng, Napoleon muốn các loại tiền đồng mang phong cách hoàng đế hơn. Hình ảnh hoàng đế với vòng nguyệt quế trở thành biểu tượng của ánh hào

quang. Vì vậy, Bắc đấu bội tinh, và các danh hiệu quý tộc được gắn với các phù hiệu trang trí tỉ mỉ khác nhau. Các biểu tượng này đều có điểm chung là thể hiện thái độ yêu mến của Napoleon dành cho quá khứ anh hùng, cho những thành công mà ông đã mang lại cho nước Pháp. Môtíp tân cổ điển và Carolingian kết hợp với phong cách bắt nguồn từ Ai Cập đã chuyển tải tốt mục tiêu của Napoleon.

Những cơ hội trong nghệ thuật trực giác đặc biệt hấp dẫn. Rõ ràng, các nhà họa sĩ, kiến trúc sư, nhà trang trí nội thất không có khả năng hoạt động độc lập như cộng đồng trí thức. Nguyên vật liệu của họ khó tìm hơn và hoạt động nghệ thuật lại phụ thuộc nhiều vào sự bảo trợ. Bảo trợ cá nhân chịu sự chi phối của quá trình di cư và nền tài chính của các gia đình quý tộc trong thời kỳ Cách mạng, trong khi đó tòa án hoàng gia lại vắng mặt nên làm mất đi những thẩm mỹ điển hình truyền thống. Nhà nước Cách mạng không những là nhà tài trợ chính cho nghệ thuật trực giác mà còn phải xác định không gian để loại hình này xuất hiện trước công chúng. Điều đó ảnh hưởng quyết định đến thị hiếu thẩm mỹ. Tuy nhiên, ảnh hưởng của Napoleon lại ở cấp độ quy mô hơn. Lời ngợi ca phong cách của đế chế Nietta Apra phản chiếu sự giàu có, phong phú trong nghệ thuật đồ gốm, thủy tinh, kim loại, trang trí nội thất... Cung điện hoàng gia giành được nhiều sự yêu mến và trở thành hình mẫu cho các gia đình quý tộc bắt chước để trang trí cho ngôi nhà của mình. Theo Apra, chính hoàng đế là người áp đặt phong cách nghệ thuật hướng tới sự hùng vĩ và giản dị, hoa lệ và phóng khoáng...

Tại Pháp, các tác phẩm hội họa thế kỷ XVIII mang phong cách tân cổ điển, thiên về sự giản dị, phản ứng lại thuyết duy cảm của phái suy đồi và phong cách cầu kỳ, phù phiếm. Với Cuộc cách mạng, thông qua hoạt động kỷ niệm các ngày lễ của chế độ cộng hòa, ý chí chính trị càng được củng cố. Tại đây, việc thu hút có tính biểu tượng là vô cùng quan trọng. Nguyên tắc xử thế khắc kỷ tán thành cách trưng bày mô phạm này và thường ưu tiên thúc đẩy ban hành các nguyên tắc của chế độ cộng hòa hơn là khoa trương

sự oai hùng của các nhà lãnh đạo chính trị. Điểm nhấn dưới thời Napoleon lại hoàn toàn khác. Điều chỉnh phong cách tân cổ điển và lãng mạn là nhằm phản chiếu ánh hào quang của vị hoàng đế đầu tiên. Hình ảnh cái đầu thời La Mã, các trận đánh quy mô lớn hay lễ đăng quang đều mang đậm phong cách hoàng gia. Những mô típ lấy từ nước ngoài và hình ảnh gợi nhớ Ai Cập – tất cả đều là nguồn cảm hứng đặc biệt cho các nghệ sĩ. Theo Burton, Napoleon quan tâm tới nghệ thuật không phải ở tính thẩm mỹ mà ở tính công chúng, ông cho rằng vẻ đẹp phải gắn với sự hùng vĩ.

Con đường sự nghiệp của Jacques-Louis (1748-1825) là cầu nối tài hoa chế độ cũ với nền Cộng hòa và đế chế Napoleon đây là giai đoạn hình thành trên con đường phát triển nghệ thuật Pháp. Tư liệu đầu tiên xuất bản năm 1855 của một học trò trung thành với Jacques-Louis, Etienne-Jean Delecluze. Ông đem đến cái nhìn cận cảnh cho các công trình nghệ thuật của người thầy tài hoa và trường học của ông. Đây là một lời ngợi ca và ngưỡng mộ chân thực, mang tính phê bình, minh chứng cho các mối quan hệ sóng gió của David với các nghệ sĩ khác và với chính quyền hoàng gia. Con đường trở thành họa sĩ đầu tiên của hoàng đế năm 1804, người được trao bảu đấu bội tinh và hiệp sĩ của nhà vua, là một chặng đường đầy chông gai với những bước thăng trầm của lòng trung thành về hệ tư tưởng. Theo nghiên cứu của nhà sử học Anita Brookier, vào những năm tiền cách mạng, quan điểm chính trị của David khá trong sáng và chưa định hình rõ ràng. Một số nhà phê bình xem đây là dự báo quan điểm phê phán chế độ cộng hòa của ông sau này. Những tác phẩm hội họa đầu tay như “Cái chết của Seneca”, “Lời thề của Horatti (một tác phẩm nghệ thuật theo trường phái tân cổ điển lần đầu tiên được trưng bày tại Rome năm 1785), “Cái chết của Socrate” và “Brutus nhận thi thể con trai” phản ánh quan điểm về đạo đức thể hiện qua các hành vi cao thượng. Nhưng sức mạnh thật sự của chúng nằm trong cảm xúc dày vò của David nhiều hơn những linh cảm về Cách mạng tại Pháp.

Phải khẳng định rằng Cuộc cách mạng là một tác nhân ảnh hưởng đến quá trình chính trị hóa cảm quan nghệ thuật và sự nghiệp công chúng của ông. Đây là cơ hội để ông làm hòa với Viện hàn lâm hoàng gia hội họa, mà theo ông nguyên nhân chính là do tổ chức chuyên chế bạo ngược tồn tại trong sự nghiệp quần chúng. Trong quá trình chiến dịch nổ ra ngày càng gắt gao, ông cắt đứt quan hệ với người thầy, J.-M. Vien, cuối cùng ông đạt được mục tiêu của mình. Đại hội quốc gia ban hành sắc lệnh Viện hàn lâm hoàng gia hội họa chấm dứt tồn tại và sáu ngày sau đó các Viện hàn lâm thuộc các lĩnh vực khác cũng không được phép hoạt động. Điểm nhấn trong các tác phẩm hội họa của David là những sự kiện quan trọng của Cách mạng cho đến năm 1794. Các tác phẩm đáng chú ý là “Lời thề của Jeu de Paume” (đây là bức tranh chữ không phải bức vẽ sơn dầu) và các tác phẩm tái hiện hình ảnh những người tử vì nghĩa – của chế độ cộng hòa – bị ám sát năm 1793: Leppetier (một bức tranh sơn dầu sau đó nhiều năm bị chính con gái của nạn nhân, một người thuộc dòng dõi hoàng gia phá hủy sau khi cô mua tác phẩm từ tay người thừa kế David), Marat và Bara.

Công chúng đón nhận ba tác phẩm nghệ thuật này là do bị ảnh hưởng từ những thay đổi chính trị tại Hội nghị quốc gia mùa hè năm 1793, khi phái Girondins bị lật đổ và phái Montagnards tự thành lập chính quyền mới. David được bầu làm nghị sĩ của Đại hội nhiệt thành đi theo con đường của tổ chức này khiến một số đồng nghiệp của ông nghĩ ông là kẻ điên cuồng. Các hoạt động nghệ thuật gây tiếng vang trong dư luận của ông rõ ràng đi theo chỉ dẫn của Ủy ban nhân dân và an ninh quốc gia. Ông đã từng phục vụ cho cả hai tổ chức này vào những thời điểm khác nhau và chúng có những ảnh hưởng sâu sắc đến công chúng trong các lễ kỷ niệm của cách mạng – nơi ông luôn đóng vai trò chủ đạo. David trở thành bậc thầy của chế độ cộng hòa Gia-cô-banh, tác giả của hàng loạt tác phẩm có biểu tượng hoành tráng làm bằng giấy, nhựa hay bạc. Có lẽ điều đáng nhớ nhất là những công trình hội họa của ông tại lễ hội ngợi ca Chúa trời 8/6/1794.

Sau khi những nhà lãnh đạo phái Montagnard bị tiêu diệt vào cuối tháng 7/1794, David may mắn sống sót vì phản động phái Thermidorian. Thực tế ông bị bắt giam hai lần nhưng cuối cùng được thả tự do vào cuối tháng 10-1795. Toàn bộ những trải nghiệm này làm giảm nhuệ khí chính trị của ông và đem đến những u buồn trong tác phẩm nghệ thuật của ông. Brookner đã nói rất kỹ về sự im lặng của mình trong hoạt động nghệ thuật giai đoạn 1795-99. Ông cảnh giác trước liên minh chính trị mới. Ông không còn gắn bó mình với các tổ chức, mà gắn bó với các nguyên tắc. Mặc dù ông bắt tay vẽ bức chân dung Napoleon sau khi Napoleon trở về Paris tháng 12/1797 trong ánh hào quang rực rỡ (dù không hoàn thành). Ông từ chối lời mời hộ tống cho đội quân hùng vĩ và vẽ tranh cổ động tại đây. Ông cũng từ chối cả lời mời của Napoleon tham gia cuộc viễn chinh sang Ai Cập, với lý do tập trung vào tác phẩm hội họa của mình. Tác phẩm “Sự can thiệp của phụ nữ Sabine” là kết quả của quá trình phôi thai ý tưởng khi ông bị giam cầm và được hoàn thành năm 1799. Đây là công trình thể hiện độ chín trong ý đồ nghệ thuật của ông hơn bất kỳ tác phẩm hội họa nào trước đó và nó cho thấy tâm tư của ông hòa hợp với những thay đổi trong tư duy chính trị tại nước Pháp. Ý nghĩa của tác phẩm là: sự xuất hiện của trẻ em, bàn tay của những người phụ nữ không cầm vũ khí mang sức mạnh hàn gắn và ngăn chặn xung đột giữa các chiến binh. Đây được xem như là lời ước nguyện chân thành về khả năng hòa giải dân tộc, thể hiện mong muốn cá nhân của người họa sĩ muốn làm hòa với kẻ thù và thu hút sự chấp thuận rộng rãi hơn trong công chúng.

Sau khi Napoleon giành thắng lợi tại chiến dịch Marengo năm 1800, ông đã củng cố lại sức mạnh quân đội sau một vài bất ổn, sự nghiệp của David bước sang trang mới. Thật ra giai đoạn này khó có thể nói về tính chân thành trong sáng tác. Những tác phẩm ngợi ca người anh hùng dưới đế chế và chế độ tổng tài là những công trình làm theo mệnh lệnh. Tuy nhiên, David vẫn theo đuổi cảm hứng riêng: sau 14 năm nỗ lực bị gián đoạn, tác phẩm “Leonidas tại Thermopylate” cuối cùng cũng được hoàn thành vào năm 1814. Napoleon không thích bức tranh này vì nó tái hiện nguy cơ thất

bại quân sự khiến người ta nghĩ đến một kết cục định mệnh. Bắt nguồn từ nhiều lý do khác nữa, kể cả chi phí ngày càng cao trong sáng tạo tác phẩm của David, mối quan hệ giữa hai người ngày càng xa cách.

Tuy nhiên, sự thật là dưới thời Napoleon, David vẫn là họa sĩ có tên tuổi nhất. Đóng góp của ông trong xây dựng hình tượng huyền thoại về người anh hùng và kích thích lòng sùng bái là vô cùng to lớn. Bức tranh “Napoleon vượt qua Saint- Bernard (1801) hoàn thành ý nguyện của Napoleon mặc dù Napoleon không ngồi làm mẫu hay có sự hợp tác thật sự nào. Cách mô tả theo hướng anh hùng ca đã che mờ tính chân thực của lịch sử. Thực tế Napoleon cưỡi con la vượt qua Saint- Bernard trong một ngày đẹp trời chứ không phải cưỡi con ngựa trắng xông lên trong giông tố. Ấn tượng là cái đích David hướng tới. Đây chính là lý do một số nhà phê bình cho bức tranh là sự hòa phối không thành công giữa lãng mạn và tính lặng im, quá chuẩn mực và lý tưởng hóa. Những dòng chữ khắc trên đá dưới chân con ngựa có sức biểu cảm lớn: Hannibal – mối đe dọa của Carthagian đối với La Mã, Charlemagne – đế chế Frank vĩ đại và Bonaparte – người anh hùng vĩ đại, một Caesar mới.

David là người nhận được những lời ngợi ca và tôn vinh trong lĩnh vực hội họa từ chế độ cộng hòa sang đế chế. Các công trình dành cho hoàng gia bao gồm: “Lễ đăng quang”, và “Nhân rộng biểu tượng chim đại bàng” – được coi là biểu trưng cho sự hùng mạnh của vương triều Napoleon. “Lễ đăng quang” (hoàn thành vào cuối năm 1807, thời điểm David đã hoàn thành bức họa Pius VII năm 1805) gây nhiều ấn tượng. Đây là bức tranh sơn dầu khổng lồ. Bức tranh không tập trung vào lễ kỷ niệm tại Notre-Dame vào 02/12/1804, khi Napoleon lấy vương miện từ tay Giáo hoàng và đội lên đầu mình để tránh sự chống đối từ phía quần chúng. Tiếp theo là cảnh Napoleon trao vương miện cho hoàng hậu. Các chi tiết vẽ có tính phương pháp luận được sắp xếp khoa học, nó được thể hiện trong những nét phác thảo còn lưu giữ lại các chi tiết không có trong lịch sử. Bà Mere, người phản đối lễ đăng quang lúc ấy, đang ở La Mã đã không tham dự buổi lễ và Cardinal Caprara

cũng vậy. Tuy nhiên cả hai đều xuất hiện trong bức tranh. Yêu cầu chính của Napoleon là lột tả sự lộng lẫy và tán dương tuyệt đối. Tháng 1/1808, lần đầu tiên nhìn thấy bức tranh, Napoleon đã phải thán phục tính hiện thực của nó và thốt lên với người họa sĩ “Tuyệt, rất tuyệt. Người thấu hiểu những suy nghĩ của ta và vẽ lên hình ảnh của ta đúng là một hiệp sĩ người Pháp”.

“Nhân rộng biểu tượng chim đại bàng” là một điểm nhấn theo thời gian. Sự kiện trong tranh xảy ra ba ngày sau lễ đăng quang, 5/12/1804, lúc này Napoleon và Josephine, đoàn tùy tùng và biệt đội quân tinh nhuệ rời thủ đô đến Ecole Militaire. Mặt chính của tòa lâu đài biến thành phòng trưng bày rộng lớn với những chiến lợi phẩm chiến tranh và y phục hoàng gia, đáng chú ý nhất là tượng những con đại bàng vĩ đại đậu trên đỉnh cột vươn thẳng lên bầu trời. Trong không gian như vậy, Napoleon yêu cầu và lắng nghe lời thề trung thành từ các vị tướng lĩnh, người đại diện... Bức tranh của David chỉ hoàn thành đến năm 1810, thời điểm này Napoleon đã ly dị Josephine (người buộc phải xóa khỏi bức tranh), do đó danh tiếng của người nghệ sĩ đã ít nhiều suy giảm.

Các nhà phê bình nhìn nhận bức tranh “cánh chim đại bàng” như tác phẩm trang trí, không có chiều sâu nghệ thuật, một công trình mang đậm chủ nghĩa lãng mạn gợi nhớ đến những lời tuyên thệ trong quá khứ, thậm chí là tái hiện trật tự xã hội trung thành với người lãnh đạo mới – người đảm bảo quyền lợi của họ từ Cuộc cách mạng. Ý tưởng nghệ thuật dường như đã được cường điệu hóa và tập trung vào hình ảnh những công dân đáng kính của Đế chế. Nhân vật đáng kính nhất ở đây có lẽ là Comte François de Nanté, người ủng hộ chế độ cộng hòa hiện đã vươn lên tước vị bá tước và hội viên hội đồng quốc gia. François điển hình cho giọng nói của tầng lớp quý tộc mới của Đế chế. David đã nắm bắt thần thái tự mãn của François từ dáng đứng của ông trong bộ áo choàng quan chức.

Cho dù mục đích nghệ thuật của David là gì thì ngôi sao trong tác phẩm của ông đang bị lu mờ. Tòa án hoàng gia giờ càng trở nên xa cách với

Napoleon, một phần là vì tính cách ngang ngược của ông, một phần là yêu cầu ngày càng cao của Napoleon về những chi phí khổng lồ và danh vị cao quý. Điều này rất khó chịu và nặng nề. Năm 1812, xuất phát từ ý đồ nghệ thuật của chính mình, David đã hoàn thành tác phẩm “Napoleon đang làm việc”. Napoleon bận rộn với những kế hoạch chuẩn bị cho chiến dịch Nga, nhưng ông lại bị chứng mất ngủ triền miên hành hạ. Bức tranh tái hiện hình ảnh Napoleon trong tư thế truyền thống, tay phải chống thắt lưng sẵn sàng làm việc, thậm chí khi bình minh chưa thức dậy, trên bàn là tập hồ sơ với dòng chữ “bộ luật”. Ấn tượng toát lên từ bức tranh là hình ảnh của một nhà cầm quyền làm việc không biết mệt mỏi trong khung cảnh đời thường. Tuy nhiên, đây là hình ảnh phi lý thậm chí rất mong manh trong những năm tháng chứng kiến cảnh quân sự thất bại thảm hại chưa từng có của Napoleon.

Những năm cuối của Đế chế, vai trò của David bị mờ nhạt dần vì những công trình độc lập và mang tính sáng tạo của học trò ông, điển hình là Gros, Girodet, Guerin, Gerard, Ingres và nhà tiểu họa Isabey. Trong số những người này, Antoine-Jean Gros (1771-1835) là người cạnh tranh đáng chú ý nhất, vì ông vẽ phục vụ cho sứ mệnh của Đế chế và để lại những tác phẩm đáng nhớ nhất về Napoleon theo phong cách lãng mạn cổ điển. Gros diện kiến Napoleon, tham gia phục vụ trong chiến dịch chinh phạt Italy và cho ra đời hàng loạt tác phẩm lấy bối cảnh từ chiến dịch này, trong khi đó David lại từ chối phục vụ ngôi sao quân sự mới nổi – Napoleon. Gros tiếp tục cho ra đời hàng loạt công trình nghệ thuật phục vụ sứ mệnh của đế chế. Tác phẩm của ông “Napoleon vượt cầu tại Arcola” (1796) được vẽ ngay trên không khí chiến trận. Napoleon rất thích và đánh giá cao tác phẩm này hơn tác phẩm “Napoleon vượt Saint-Bernard” của David hoàn thành một vài năm sau đó. Trong khi David không thể hiện được tài năng trên lĩnh vực vẽ trực tiếp, thì tác phẩm đầu tay của Gros lại chứng tỏ tài năng nắm bắt hiện thực và chuyển tải vào tranh vẽ.

Sau khi khẳng định vị trí là nhà tuyên truyền của Napoleon, Gros cố gắng khai thác những khía cạnh khác trong huyền thoại người anh hùng. Trong tác phẩm “Napoleon thăm bệnh viện điều trị dịch bệnh tại Jaffa” (1804) lấy bối cảnh từ chiến dịch Ai Cập, Napoleon được tái hiện là hình ảnh vị tướng lĩnh đầy cảm thông, sẻ chia đau đớn cùng những người lính nhiễm dịch, bàn tay diệu kỳ của ông xoa dịu mọi nỗi đau như bàn tay của thánh Louis và những vị vua trong cuộc viễn chinh chữ thập. Ấn tượng bức tranh đối nghịch hoàn toàn với câu chuyện kinh hoàng mà kẻ thù của Napoleon thù ghét nên, cho rằng Napoleon đã ra lệnh thủ tiêu tất cả binh lính bị dịch bệnh để đẩy nhanh quá trình điều trị. Hình ảnh một Napoleon đầy cảm thông và chia sẻ với nỗi đau đớn của binh lính còn được tái hiện rõ hơn trong tác phẩm “Trận chiến Eylau” được Gros hoàn thành năm 1807. Trận chiến lịch sử vào tháng 2 năm đó diễn ra trong bão tuyết, cuối cùng rơi vào tình thế lưỡng nan và gây thiệt hại nặng nề cho cả hai phía Pháp và Nga, tuy nhiên trong bức tranh này nó lại tái hiện như một chiến thắng nổi tiếng.

Sau khi Napoleon sụp đổ, tương lai không còn nằm trong tay người thầy – người họa sĩ tiên phong mà ở các cựu học trò của ông. David bị đẩy đi đày tại Bỉ tháng 1/1816. Tại đây ông dồn hết những năm tháng còn lại cho nghệ thuật và quay lại trường phái Tân cổ điển – đánh dấu sự xuất hiện của ông trong lòng công chúng. Gros ngay lập tức điều chỉnh ngôi cọ của mình để phục vụ đế chế mới. Ông được giao nhiệm vụ tu sửa tòa lâu đài Pantheon. Vào thời điểm ông hoàn thành công việc, mọi dấu vết, hình ảnh về Napoleon và Đế chế La mã bị loại bỏ hoàn toàn khỏi cấu trúc tòa lâu đài. Để thưởng công cho những nỗ lực của Gros, vua Charles X đã phong tặng ông tước Nam tòng. Suốt thời gian tu sửa Pantheon, Gros còn theo đuổi những tác phẩm khác theo yêu cầu của hoàng gia, trước khi thay đổi những thị hiếu công chúng, cuối cùng ông bị cô lập. Năm 1835, trước sự nhạo báng của quần chúng tại Salon, ông phản ứng lại bằng chính mạng sống của mình – một kết cục đầy bi kịch.

Một nhân vật khác có tầm ảnh hưởng lớn đến nền nghệ thuật của Đế chế là Dominique Vivant Denon (1747-1825). Được bổ nhiệm là người quản lý hệ thống viện bảo tàng từ cuối năm 1802, ông có vai trò riêng biệt. Ngày 10/8/1793, Louvre trở thành viện bảo tàng, sau đó tháng 7/1803 chính thức đổi tên thành “Viện bảo tàng Napoleon”. Denon đã đóng góp đáng kể vào phong cách nghệ thuật của Đế chế qua các tác phẩm điêu khắc lấy nguồn cảm hứng từ những trải nghiệm anh hùng của ông tại chiến dịch Ai Cập. Nhưng người ta biết đến tên tuổi Denon nhiều hơn trong vai trò nhà sưu tầm vĩ đại không biết mệt mỏi vì lợi ích chung. Cho dù biện pháp ông sử dụng là chiếm đoạt thô bạo hay thuyết phục ngoại giao tinh vi, thì cũng phải khẳng định rằng ông đã rất nỗ lực mới có thể mang các công trình nghệ thuật từ những vùng đất bị chinh phục về cho nước Pháp. Khi còn đương nhiệm, ông xây dựng bộ sưu tập công phu các bức tranh, đồng xu, đồ sứ, thảm thêu... Phần lớn những tác phẩm nghệ thuật này đều bị Đồng minh lấy lại và trao trả cho người chủ đích thực của chúng sau thời kỳ Một trăm ngày. Một trong số những người có đủ can đảm cất tiếng nói phản đối sự chiếm đoạt này là Antonio Canova, nhà điêu khắc người Italy. Tuy nhiên, điều này không ngăn cản ông nhận phần thưởng từ Napoleon, từ các thành viên trong gia đình ông và từ những người có quyền cao chức trọng khác trong Đế chế. Một trong những công trình nổi tiếng nhất của ông là tượng thần vệ nữ đứng nghiêng, dựa từ hình mẫu khoả thân của Pauline Borghese (Bonaparte).

Mặc dù rất ngưỡng mộ Canova, Napoleon chưa bao giờ thuyết phục được nhà điêu khắc tài ba, người mà trong huyết quản luôn chảy dòng máu yêu nước Italy này, cam kết phục vụ sứ mệnh của Đế chế. Kiến trúc và điêu khắc là hai lĩnh vực có khả năng thể hiện hình ảnh vĩ đại của Đế chế nhưng khi tài trợ cho lĩnh vực nghệ thuật này ông lại bị phụ thuộc vào lao động nghệ thuật của người Pháp. Họ sẵn sàng làm những gì ông giao, điều này gần giống như “chính sách chỉ huy nghệ thuật tập trung”, đặc biệt ở Paris. Conseil des Batiment Civils, tổ chức hỗ trợ Bộ nội vụ, chịu trách nhiệm quản lý toàn bộ công trình kiến trúc tại thành thị. Louis Bruyere được bổ

nhiệm là quản lý các công trình kiến trúc công cộng tại thành Paris năm 1811 đã củng cố được quản lý tập trung. Các cung điện hoàng gia được giao phó cho Pierre Fontain (chính thức được công nhận là “nhà kiến trúc sư tiên phong” của Đế chế năm 1813) và Charles Percier tu sửa và trang trí lại. Đây là hai đại diện có ảnh hưởng lớn đến phong cách nghệ thuật của đế chế. Họ hợp tác với nhau trong vòng 35 năm. Ngoài việc trang hoàng cho Malmaison, Saint-Cloud, Versailles, Tuileries, Compiègne, Fontainebleau và Elysee, tại các thời điểm khác nhau, họ còn đảm trách công việc tại một loạt các công trình tòa nhà thành thị, đài tưởng niệm, đáng chú ý nhất là Louvre, Arc de Triomph du Carrouel và thánh đường Gloire (Madelein)

Napoleon hiểu biết về kiến trúc và điêu khắc rất tự phụ và không chuyên nghiệp. Trong một bức ghi chú nhỏ ngày 14/5/1806 về kiến trúc vòm cung, ông viết:

Quan trọng là tất cả các thiết kế đều thống nhất với mô tả chung. Một là công trình ghi nhớ Marengo, hai là Austerlitz. Tôi cũng muốn có các công trình khác dựng lên ở Pari, công trình Hòa bình và công trình Tôn giáo. Với bốn thiết kế này, tôi tin sẽ cấp kinh phí cho các tượng đài điêu khắc ở Pháp trong vòng 20 năm. Nói chung, không được bỏ lỡ cơ hội nào để làm giảm giá trị của người Anh và Nga.

Tầm nhìn vĩ đại này chỉ ít cũng có kết quả thực tế, ngoài những công trình dành riêng cho cung điện hoàng gia, các công trình kiến trúc và điêu khắc chính tập trung vào giai đoạn 1806- 12. Phần lớn kinh phí tài trợ cho các công trình này là từ nguồn tiền bồi thường chiến tranh của những kẻ thù bị khuất phục.

Kế hoạch xây dựng được thực hiện với tầm quy mô lớn sau những chiến thắng quân sự vĩ đại của Napoleon giai đoạn 1805- 7, bao gồm các đài tưởng niệm, tòa nhà công cộng, vòi phun nước, vườn cây, quảng trường, đường phố, thậm chí một số công trình chức năng tiện dụng như cầu bắc qua sông Seine, các chợ lớn tại thủ đô. Có lẽ đài tưởng niệm được nhiều

người biết đến nhất ngày nay là Arc de Triomphe de l'Etoile, đài tưởng niệm này được xây dựng trên độ cao của Champs-Élysées, quy định trong sắc lệnh công bố năm 1806 và giao cho Jean Chalgrin và Arnaud Raymond phụ trách. Tuy nhiên đến năm 1811, dưới thời kỳ chế độ quân chủ tháng 7, công trình này mới được chính thức thực hiện. Nhiều công trình khác được tài trợ và đã để lại dấu ấn nghệ thuật lưu danh như cột Place Vendome và Paris Bourse. Vào ngày sinh của hoàng tử kế vị ngai vàng năm 1811, quyết định xây dựng Palais du Roi de Rome ra đời. Nhưng sau năm 1812, thế trận quân sự bị đảo ngược làm gián đoạn xây dựng. Ngay từ những ngày đầu của chế độ tổng tài, mục tiêu của Napoleon là dựng xây Paris thành thành phố không những đẹp nhất đã từng tồn tại mà là đẹp nhất có thể có. Cháu trai của ông, Napoleon III đã ủng hộ chương trình tương tự và tái thiết lại thành phố nửa thế kỷ sau đó. Sứ mệnh này do Baron Haussmann thực hiện.

Những cống hiến của Napoleon cho nghệ thuật hình ảnh chủ yếu là ở quy mô các công trình với phương châm kỳ vĩ là cái đẹp, chứ không phải là ở sáng tạo phong cách và phương pháp. Theo Claude Bergeron, hầu hết các kiến trúc sư và nhà điêu khắc đều được đào tạo vào thế kỷ XVIII. Tuy nhiên, mãi đến triều đại của Đế chế, họ mới có cơ hội hiện thực hóa ý tưởng về các tòa nhà và hàng cột vĩ đại vốn có từ trước nhưng chưa thể thực thi vì thiếu nguồn tài trợ. Claude Bergeron cũng cho biết, dưới thời Napoleon việc giảng dạy về kiến trúc dựa vào các hình mẫu thế kỷ XVIII và nó ảnh hưởng từ những quan điểm hội họa hội tụ trong Louvre, sau khi các viện hàn lâm nghệ thuật cũ bị xóa bỏ năm 1793. Điều này phản ánh sự lấn lướt của những nguyên tắc nghệ thuật trong bộ phận thứ tư của Học viện. Phương pháp giảng dạy tiên tiến về kiến trúc, nhấn mạnh vào sự bền vững, tiện ích sử dụng và hiệu quả kinh tế nhiều hơn là vào những trang hoàng lộng lẫy có ở thế kỷ XIX. Khởi đầu là công trình của J-L-N Durand tại Ecole Polytechnique năm 1795, khuynh hướng mới này dần tìm được chỗ đứng trong Viện nghệ thuật Ecole, đặc biệt tại đây một trong những học trò của J-B Rondelet trở thành chuyên gia năm 1806/17.

Napoleon trao phần thưởng cho các tác giả phục vụ cho nền nghệ thuật hình ảnh không chỉ bằng tiền thưởng mà còn bằng các danh vị xã hội cao quý. Cho đến ngày đế chế sụp đổ, có ít nhất 28 nghệ sĩ (không kể người nước ngoài) được trao Bắc đẩu bội tinh, một người ở chức vị chỉ huy, một người là sĩ quan và 16 người còn lại là hiệp sĩ. Bên cạnh David, người được nhắc đến trong tư cách sĩ quan, có 4 học trò của ông: Guerin, Gros, Gerard và Girodet. Tuy nhiên, nếu nhìn nhận thuật ngữ “nghệ sĩ” theo nghĩa rộng, có tám người được trao vinh dự gia nhập vào giới quý tộc của Đế chế giai đoạn 1808-1811. Danh hiệu hiệp sĩ của Đế chế được trao cho David, Visconti, Vivant Denon, Regnault và nhà điêu khắc Houdon, danh hiệu nam tước được trao cho Forbin và Turpin de Crisse và danh hiệu bá tước được trao cho Vien, người cũng được bổ nhiệm là thượng nghị sĩ. Napoleon không vung tay trao tặng các danh hiệu danh dự cho các nghệ sĩ nhiều như vua Louis XV và Louis XVI trước thời kỳ Cách mạng nhưng ông lại hào phóng hơn vua Louis XVIII và Charles X trong thời kỳ phục hồi Bourbon.

KIỂM DUYỆT VÀ CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN BÁO CHÍ CỦA NHÀ NƯỚC

Từ những ngày đầu tiên của Đế chế, báo chí đã thực hiện kiểm duyệt, đồng thời những quy định hạn chế tự do ngôn luận cũng ra đời. Những quy định về báo chí xuất hiện đầu tiên khi một sắc lệnh của chế độ tổng tài được ban hành đã làm giảm số lượng đầu báo hàng ngày từ 73 xuống 13. Từ đây, báo chí bị kiểm soát chặt chẽ qua cơ chế quản lý của Bộ Cảnh sát. Năm 1810-1811, kiểm soát lên đến đỉnh điểm khi bùng ra một cơ cấu quan trọng bị áp đặt vào báo chí thành Paris và các tỉnh lỵ. Sau khi những sắc lệnh hà khắc này được ban hành, chỉ có bốn tờ báo có giấy phép phát hành tại Paris, tờ Gazette de France, tờ Journal des Debats, tờ Journal de Paris và tờ Moniteur. Tất cả đều là phát ngôn viên hay tiếng nói của chính quyền. Những tờ báo đơn lẻ được cấp phép ở các khu vực hành chính cũng phải hòa theo giọng điệu của những tờ báo trung tâm này. Tờ Moniteur trở thành công cụ cho những luận điệu tuyên truyền của Đế chế và phải chịu sự theo

đôi, kiểm soát chặt chẽ từ những bộ có liên quan. Thêm vào đó, kể từ năm 1811, tất cả các bài báo chính trị viết cho tờ Moniteur phải qua bàn tay biên tập của ngoại trưởng Meret, người kiểm soát của chính phủ.

Công tác tuyên truyền của chính phủ đảm bảo hai chức năng và nhiệm vụ. Bên cạnh việc dập tắt các làn sóng dư luận phản đối, nó còn đảm đương sứ mệnh nâng cao tinh thần đạo đức cho binh sĩ – công dân và dân cư tại các vùng đất thuộc Đế chế thông qua các lễ kỷ niệm chiến thắng và tôn vinh Đế chế. Những thất bại của quân Pháp đều phải nói giảm, nói tránh. Napoleon cố gắng độc quyền quản lý cả những lễ kỷ niệm tôn vinh bản thân. Để đạt được mục tiêu đó, ông sử dụng hai công cụ: các bản tin và lệnh trong ngày như là bước đệm để thu hút quần chúng. Thực tế, người ta không thể nghi ngờ những ảnh hưởng nặng nề của các phương tiện truyền thông như “bản tin của Đội quân vĩ đại”. Mục này xuất hiện trong nhật báo Monieur từ ngày đầu của chiến dịch Napoleon năm 1805 và được tuyên truyền đến các tỉnh lỵ thông qua các quận trưởng, thị trưởng và giới tăng lữ. Số seri của chúng trở thành dấu hiệu thường xuyên của các chiến dịch do Napoleon khởi xướng sau đó. Tài liệu này đã khuếch đại những chiến thắng của Napoleon, gieo bản hòa âm anh hùng ca trong lòng độc giả là nam giới và đi vào huyền thoại sau năm 1815. Chúng làm dấy lên nỗi niềm luyến tiếc quá khứ huy hoàng trong những tác phẩm nghệ thuật sau này.

Theo cách này, trong quá trình viết lịch sử của bản thân, Napoleon đóng một vai trò chủ động và tích cực. Mặc dù mục đích tuyên truyền của ông tập trung vào toàn bộ người dân Pháp nhiều hơn vào binh lính, nhưng tầm ảnh hưởng của nó lên công chúng khó có thể đo bằng con số cụ thể. Theo con số ước tính tạm thời của nhà nghiên cứu Roederer, độc giả của tờ nhật báo tại Paris và các khu vực hành chính vào khoảng 30 nghìn người, trong đó, thành Paris chiếm 1/3, các khu vực nông thôn chính chiếm 1/6. Nếu con số trên đáng tin cậy thì chỉ 1% dân số Pháp dưới thời Đế chế có thể tiếp cận được những thông tin này. Kỳ tích của Napoleon là đã tìm ra con đường thâm nhập vào văn hóa quần chúng. Những bài thơ của nhà yêu nước P-J.

Beranger đã thổi phồng hình ảnh về người anh hùng Napoleon. Những năm sau này, khi đã nổi tiếng hơn, ông đã thu hút sự quan tâm của quần chúng đến ngày kết cục Đế chế.

Tuy có những hạn chế nhưng trong thời kỳ chiến tranh, công tác tuyên truyền đã trở thành một công cụ quan trọng của Đế chế nhằm vào các binh lính chưa qua giáo dục và viên chức thu thuế. Bộ máy Đế chế hy vọng và kiên quyết duy trì nhận các bản báo cáo của quận trưởng về cách nghĩ, cách tư duy của người dân. Nó cũng sử dụng các thủ đoạn để bôi nhọ kẻ thù, đặc biệt là nước Anh. Các biện pháp này phần lớn là rất thô bỉ. Thậm chí, Napoleon còn hướng sự ủng hộ tới các hoạt động quân sự thông qua nhật báo tôn giáo thuộc quyền kiểm soát của nhà nước, tờ *Journal de Cures*. Năm 1811, tờ báo này có phần chiếm ưu thế, lấn lướt tất cả các đầu báo tôn giáo khác cho đến khi nó sáp nhập với tờ *Journal de Paris*. Napoleon cũng độc quyền quản lý các ngày lễ quốc gia. Dưới thời kỳ chế độ tổng tài, có hai ngày lễ chính là 14/7 (kỷ niệm Bastille năm 1789) và 21/9 (kỷ niệm ngày suy vong của nền quân chủ Bourbon và ra đời của nền cộng hòa 1792). Tuy nhiên sau khi Đế chế hình thành, những ngày lễ này dần bị lu mờ và được thay thế bằng các ngày lễ khác mang đậm tính quân sự. Do Lễ Đức mẹ thăng thiên trùng với ngày sinh của Napoleon, 15/8, nên kể từ sau năm 1806, nó được kỷ niệm như là ngày của thánh Napoleon. Người ta dễ dàng dự đoán các ngày lễ khác của Đế chế: 14/10 (chiến dịch Jena), 9/9 (sự kiện 18 Brumaire) và 2/12 (kỷ niệm lễ đăng quang và trận chiến tại Austerlitz). Chính ngày 2/12 này là ngày được kỷ niệm vào chủ nhật đầu tiên của tháng ở nhà thờ.

Không có gì ngạc nhiên khi nhà hát, lĩnh vực Napoleon đánh giá có sức mạnh ghê gớm nhằm khơi dậy tâm lý phản loạn dưới sự kiểm soát chặt chẽ, hà khắc của người quản lý, được ủy quyền tại Pari, Remusat. Sắc lệnh ban hành ngày 29/7/1807 đã làm giảm số lượng nhà hát tại Paris từ 33 xuống còn 8 và các tác phẩm được công chiếu bị kiểm soát rất chặt chẽ. Ngay sau đó, việc thắt chặt quản lý cũng được áp dụng tại các tỉnh lỵ. Các vở kịch bị

xem là đe dọa chính quyền cũng như các tác phẩm có khuynh hướng chống tôn giáo đều bị cấm. Cùng thời gian đó, chính quyền sẵn sàng bảo trợ và rót tiền cho những nhà hát tuân thủ theo luật lệ và nguyên tắc, cụ thể là họ đã tài trợ hào phóng cho nhà hát Français (trước năm 1803 có tên là Française), Odeon, Opera và Opera Comique.

Đối với Napoleon, rõ ràng công tác tuyên truyền và biện pháp kiểm duyệt là nhiệm vụ quan trọng để gây dựng hình ảnh của ông trong lòng người dân Pháp. Ông cố gắng điều chỉnh và kiểm soát tiếng nói công chúng theo mục tiêu của mình. Ông hy vọng các bộ trưởng và quan chức khác cũng phục vụ cho sứ mệnh này. Ông đã từng nói: “Sự thật không quan trọng bằng điều người ta tin là sự thật”. Tuy nhiên, hệ thống do ông vận hành không mấy hiệu quả, một phần vì ông ngần ngại trao quyền, một phần vì một số quan chức kiểm soát hoạt động quá độc lập và tách biệt với các quan chức của các bộ khác. Bên cạnh Philippe Lagarde, người đứng đầu cục quản lý báo chí của Bộ Cảnh sát, và Maret, ngoại trưởng, còn có thêm hai bộ trưởng khác (Bộ Ngoại giao và Bộ Nội vụ) có quyền kiểm duyệt. Trong số đó, tổng quản lý Imprimerie et de la Librairie, một đơn vị trực thuộc Bộ Nội vụ, đóng vai trò quan trọng nhất. Kể từ khi thành lập vào tháng 2/1810, theo sự điều hành của Pommereul, sau đó là Portalis, đơn vị này quản lý ấn phẩm sách vì đây chính là lĩnh vực có nhiều xung đột giữa cơ quan quản lý và các tác giả. Sự kiện năm 1809 cho thấy Napoleon đã thái quá khi bịt miệng dư luận, ông cho xuất bản *Nurembiurg*, còn Johann Palm bị xử tử vì cho phép xuất bản tập thơ yêu nước *Germany in her Lowest Absement* (Nước Đức chìm trong nhục nhã).

GIÁO DỤC PHỔ THÔNG VÀ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Giáo dục là một lĩnh vực mà thông qua đó, các chức năng, các quy định xã hội của nhà nước được phổ biến rộng rãi đến người dân. Xu hướng nhìn nhận giáo dục quần chúng của Napoleon mặc dù mang tính thực dụng vị lợi, áp đặt mô hình quân sự cùng với các quy tắc thống nhất và quyền lực

thứ bậc tập trung tồn tại ở các ban ngành khác trong phép tắc cai trị thần dân, nhưng ông đã đạt được nhiều thành quả đáng kể. Một số thành quả đã chứng minh được sự trường tồn của chúng. Những cải tổ của ông thực ra ít tác động tới những người được tiếp cận nền giáo dục, nhưng rõ ràng ông đã nỗ lực khai thác tài năng của các công dân ưu tú đương thời và tái tổ chức lại cơ cấu nghề nghiệp, thông qua đó họ có thể phục vụ cho chế độ của ông.

Phải thừa nhận là Napoleon và các nhà giáo dục cùng thời đều xuất phát từ một nền tảng tương đối thấp. Dưới chế độ cũ, đầu tư của nhà nước cho giáo dục toàn dân thật sự rất ít tiến bộ. Lúc đó, các trường học thuộc nhà thờ hoàn toàn chiếm ưu thế ở cả cấp tiểu học và trung học. Thực tế này cho thấy, học thuyết khai sáng được xây dựng công phu tác động rất hạn chế đến thực tiễn giáo dục tầng lớp dân chúng. Có một vài nghị sĩ hạ nghị viện trong thời kỳ Cách mạng Pháp đề ra sáng kiến táo bạo hơn, ví dụ như Condorcet đại diện cho Ban chỉ đạo lập pháp của nhân dân, đã không giúp hiện thực hóa những lời hứa hoa mỹ của họ. Một kế hoạch do Hội nghị quốc gia thông qua tháng 2/1795 là trường học trung ương, nhằm làm cho loại hình giáo dục quốc gia vốn đã chuẩn hóa lại dễ dàng tiếp cận hơn ở cấp trung học. Điều này khiến cho các kết quả bị lẫn lộn dưới chế độ Hội đồng đốc chính. Do đó, mục đích hợp nhất các trường tiểu học công (đã ban bố trước đó) với mô hình tương tự này sẽ áp dụng vào tháng 10 năm đó không có kết quả khả quan. Vì thiếu quyết tâm chính trị hay đầu tư không thỏa đáng; thiếu giáo viên phi giáo hội có trình độ; các chương trình thực chất không đa dạng, nên trước thời Brumaire các trường học công có rất ít tác động tới quần chúng. Một chuyên gia nghiên cứu đề tài này kết luận, đây chỉ là “sự thành công hạn chế” dành cho giai cấp ủng hộ chế độ cộng hòa. Trong khi đó, vẫn tồn tại những định kiến chống giáo hội của pháp luật cách mạng đối với các trường học nhà thờ và các trường học này bị các chiến dịch “chống công giáo” tàn phá, cho dù mức độ thiệt hại không nhiều.

Thực tế, chưa có một hệ thống giáo dục tầm cỡ quốc gia nào, vì thế Napoleon đã bắt tay vào xây dựng nền tảng cho hệ thống giáo dục với sự

bảo hộ của nhà nước phi giáo hội. Ông giữ lại các nguyên tắc tập trung hóa, chuẩn hóa và hướng tới xây dựng một mô hình có thể chế chắc chắn. Ở khía cạnh này, cấu trúc quản lý chính phủ càng độc đoán thì càng phù hợp với mục đích của ông. Ông sẽ tập trung vào các ngành chức năng, không chỉ có ngành đào tạo các nhà lãnh đạo quân sự tương lai của Pháp mà còn có cả ngành giáo dục quần chúng. Hiến pháp ngày 1/5/1802 ra đời đã mang lại sự đổi mới thật sự. Hiến pháp này phần lớn là sản phẩm trí tuệ của A.-F. Fourcroy, một nhà bác học kiệt xuất và thành viên của hội đồng nhà nước Napoleon, một nhà cải cách giáo dục có uy tín. Hiến pháp quy định các trường tiểu học, các trường học trung học cấp xã và các trường đại học sẽ thuộc về Ban chỉ đạo nhân dân do một hội viên Hội đồng nhà nước thuộc Bộ Nội vụ lãnh đạo.

Thực tế, với vị trí lãnh đạo của Ban chỉ đạo nhân dân, Fourcroy có vai trò độc lập trong khi thi hành kế hoạch của mình. Quan tổng tài thứ nhất sẽ điều hành công việc của trường tiểu học ở các tòa thượng thẩm và người đứng đầu của Ban chỉ đạo nhân dân. Tại thời điểm này, thành lập được tất cả 45 trường, trong đó có 4 trường tại Paris, và ngay từ đầu chế độ Napoleon đã tác động trực tiếp tới việc tuyển sinh. Trong 6.400 học bổng của nhà nước cho các trường này, có hơn 1/3 (2.400) được chính phủ chọn là con trai của các quân nhân và quan chức chính phủ, hay là những đứa trẻ sinh ra trong các gia đình mới “đoàn tụ” trong các khu hành chính. Bốn nghìn học bổng còn lại (về lý thuyết) dành cho học sinh tại các trường trung học nổi nhất cạnh tranh với nhau. Thực chất, số lượng học bổng này hầu hết là dành cho con em các gia đình giàu có. Quan chức quản lý các trường tiểu học đều do Napoleon chỉ phối từ trên xuống dưới. Yêu cầu tất yếu ở những trường học mới thành lập này là phải phụ thuộc và trung thành với chính phủ. Các trường này đều phải thực thi dưới chế độ Spartan, chế độ đặc biệt áp dụng trong quân đội, mà thực tế nó không hấp dẫn đối với nhiều gia đình. Ban đầu chương trình học cơ bản gồm hai phần, một phần là tiếng Latinh và phần còn lại là toán học. Nhưng sau đó, có nhiều chương trình

học hơn và chủ yếu tập trung vào những lời răn tôn giáo được chính phủ chấp nhận.

Các trường tiểu học và trung học thống nhất và phục tùng chế độ Napoleon theo nhiều cách. Chẳng hạn, năm 1808, thạc sĩ được coi như một chứng chỉ để tuyển dụng giáo viên. Thế nên, năm 1809 các kỳ thi tú tài được áp dụng nhằm chuẩn hóa chương trình học tại các trường tiểu học để sát với thực tế hơn. Quy định của các trường trung học cấp xã và của trường tư (đặc biệt là nhà thờ) cũng tăng dần. Quá trình này bắt đầu từ rất sớm. Tháng 10/1803, tất cả các trường trung học tư thực buộc phải chấp nhận Hội đồng hành chính. Thành viên của hội đồng này đã được chính phủ xét duyệt kỹ càng, và các quận trưởng trở thành công cụ quản lý đặc lực nhất. Năm 1811, chính sách này đã đạt tới đỉnh điểm, đồng thời các biện pháp cứng rắn được ban hành để ngăn chặn ảnh hưởng của nhà thờ tới giáo dục tư. Tuy nhiên, các biện pháp chỉ là giơ cao đánh khẽ. So sánh với thập kỷ Cách mạng, giới tăng lữ tham gia quản lý dạy và học đã được phục hồi trong suốt thời Đế chế, tại cơ quan nhà nước và các trường. Tình trạng này hoàn toàn là do có quá nhiều giáo viên phi giáo hội không đủ trình độ.

Ngược lại, nguyên tắc cơ bản trong kiểm soát tập trung không mở rộng tới các cấp giáo dục cao hơn. Những cấp này ẩn dưới một hình thức tinh vi như “trường đại học đế chế” – “trường đại học của tôi”, cách Napoleon gọi vào năm 1815. Trên thực tế, “Trường đại học của tôi” chưa bao giờ là một trường đại học theo cách hiểu thông thường. Nó chỉ tập hợp các ban đào tạo nhằm hình thành sự độc quyền bao trùm lên giáo dục công trong các chương trình sau trung học. Mục tiêu này đến năm 1814 vẫn chưa đạt được. Trong đạo luật ngày 19/5/1806, lần đầu tiên đề cập đến ý tưởng về một “trường đại học Pháp”, đặc biệt bị ảnh hưởng tư tưởng của Fourcroy. Trong một báo cáo gửi lên cơ quan lập pháp bốn ngày trước đó, ông tuyên bố: “Giáo dục giống như kiến thức và nguyên tắc, nó phải đến được với tất cả các cá nhân sống trong xã hội để họ có thể tiếp nhận sự hiểu biết như nhau và làm việc vì những điều tốt đẹp trên cơ sở thống nhất quan điểm”.

“Trường đại học đế chế được thành lập thông qua sắc lệnh ngày 17/3/1808. Cấu trúc của trường đại học này là cấu trúc thứ bậc điển hình và ngay từ đầu, trường đã nhận được trợ cấp hàng năm của nhà nước. Louis de Fontanes, hiệu trưởng đầu tiên của trường, do đích thân Napoleon chọn và trao quyền lãnh đạo. Từ những vị trí chỉ huy đó, quyền lực được chuyển qua một hệ thống cấp bậc quan chức tại 27 trường ở các tỉnh, thậm chí tại các trường địa phương đồng tham gia thành lập “trường đại học đế chế”.

Ý định ban đầu của Napoleon là tạo điều kiện bổ nhiệm các giáo viên phi giáo hội và các nhà quản lý hành chính thông qua “trường đại học”, nhưng không phải lúc nào ông cũng vừa lòng. Fontanes, bạn của Chateaubriand, cũng là người cảm thông và ủng hộ phục hồi đạo Thiên Chúa, có uy tín trong việc bổ nhiệm thông qua sự hợp tác từ những người dưới quyền. Do vậy, “trường đại học đế chế” trở thành một chiến trường cải đạo. Tại đây, có những người tiến bộ ủng hộ cho giáo dục nhân dân dựa trên các ngành khoa học phi tôn giáo luôn xung đột với những người theo chủ nghĩa truyền thống đã đấu tranh ngoan cường để bảo vệ tầm quan trọng của con người và vị trí của nhà thờ. Sự thống nhất hệ thống phi tôn giáo theo ý tưởng ban đầu đã bị xói mòn trong khi nhiều người làm việc trong hệ thống không trung thành với Napoleon. Khi thời cơ đến, Fontanes dễ dàng điều chỉnh sự nghiệp của mình theo con đường của phái phục hồi Bourbon.

Đối với các nhà bác học ở các tổ chức giáo dục cao hơn, trên thực tế, rất nhiều người được hưởng quyền tự do tương đối khi thực hiện và trao đổi các công trình nghiên cứu của mình. Năm 1793, bảo tàng cũ “Jardin du Roi” chuyển thành bảo tàng lịch sử tự nhiên. Năm 1795, trường Đại học Pháp thay thế cho trường Đại học Hoàng gia. Cũng trong năm đó, Học viện Pháp cũ và một vài học viện hoàng gia khác, đã bị xóa bỏ cách đây hai năm, giờ sáp nhập thành Viện Khoa học và Nghệ thuật Quốc gia. Napoleon luôn khuyến khích, động viên các tổ chức này nhưng ông đã kỳ vọng quá nhiều vào họ để củng cố thanh danh của mình. Các tổ chức này cũng từng phải chịu những cơn giận giữ của ông. Tháng 1/1803, ông đã giải tán tổ chức

này vì các “nhà lý luận” thuộc khoa thứ hai (khoa học chính trị và đạo đức) của học viện này đối đầu với ông về bản Giáo ước cũng như lập ra các tòa án đặc biệt và xóa bỏ các trường học trung ương. Học viện này được sắp xếp lại thành bốn khoa, trong đó những người phê bình bị loại bỏ và những người khác buộc phải im lặng. Khoa thứ hai mới được lập (Văn học và Ngôn ngữ Pháp) bao gồm “bốn mươi viện sĩ”, trong đó có cả một vài Viện sĩ Hàn lâm cũ và những người mà Napoleon tôn trọng. Với hành động này, người ta coi ông là một kiến trúc sư sáng lập lại Viện Hàn lâm.

Sự khâm phục và giao hảo của Napoleon với một vài nhà bác học kiệt xuất cũng đem lại nhiều lợi ích. Ví dụ trường hợp nhà toán học Laplace, một linh hồn quan trọng nhất của Hội Arcueil, và cũng là người đã có uy tín trong mảng khoa học Vật lý của học viện, đã là Bộ trưởng Nội vụ trong một thời gian ngắn từ thời gian đầu chế độ tổng tài. Sau đó không lâu, ông được bổ nhiệm vào Viện Nguyên lão. Ở đây vị trí, thân thế và thù lao của ông được tăng lên rõ rệt, về sau ông được nhận huân chương Bắc đẩu bội tinh và danh vị bá tước. Chaptal, một trong những người kế nhiệm mẫu mực có tâm niên phục vụ Bộ Nội vụ và là một thành viên của hội đồng nhà nước, nổi tiếng là một nhà Hóa học lý thuyết và Hóa học công nghiệp. Sau này, ông trở thành cố vấn kỹ thuật cho chính phủ, cụ thể là cho Hội đồng Thương mại và Công nghiệp. Khi chuyển khỏi văn phòng Bộ Nội vụ, ông được bổ nhiệm làm thượng nghị sĩ và được phong chức bá tước xứ Chanteloup – nơi thực hiện một số thí nghiệm của ông về chiết xuất đường từ củ cải đường. Cùng thời với ông còn có Berthollet, một nhà hóa học nổi tiếng và kỳ cựu của Hội Arcueil, đã chia sẻ những khó khăn và giúp Napoleon chuẩn bị về mặt khoa học cho chiến dịch quân sự đánh Hy Lạp. Ông trở thành thượng nghị sĩ với chế độ đãi ngộ hấp dẫn, một bá tước của Đế chế và được trao huân chương Bắc đẩu bội tinh.

Còn nhiều ví dụ khác về những người có học vấn rộng về khoa học và phục vụ ông hết mình đã được Napoleon hết sức đãi ngộ. Nhà hóa học Fourcroy, người đóng vai trò quan trọng trong việc hoạch định chính sách giáo dục, là

một trong số các sáng lập viên trường Đại học Bách khoa Pháp, trường Sante tại Paris trong thời kỳ Cách mạng, và có vai trò tích cực tại Học viện ngay từ những ngày đầu. Năm 1809, trước khi chết, ông được phong là bá tước của Đế chế. Monge, nhà toán học và khoa học, với một hồ sơ học vấn xuất sắc tại trường Đại học Bách khoa Pháp, đã tham gia cuộc viễn chinh tới Hy Lạp và được tôn vinh là chủ tịch Học viện Hy Lạp. Sau sự kiện Brumaire, ông đã góp phần sáng lập Hội khuyến khích Công nghiệp Quốc gia (1801). Napoleon đã bổ nhiệm ông vào Viện Nguyên lão (năm 1806 ông trở thành chủ tịch) với vị trí cán bộ cấp cao, được tặng Bắc đẩu bội tinh và trở thành Bá tước xứ Peluse vào năm 1808. Cuối cùng là Lagrange, một trong những nhà toán học hàng đầu của thế kỷ XVIII, ông được bổ nhiệm vào Viện Nguyên lão trước khi được tặng Bắc đẩu bội tinh, và sau đó cũng trở thành bá tước của Đế chế.

Đó là những phần thưởng hậu hĩnh nhất dành cho giới bác học và đạo tạo của Pháp thời kỳ đó, nơi thể hiện sự bảo trợ và vinh quang. Trong một vài trường hợp, dễ dàng nhận thấy những bước thăng tiến xã hội không hề ngẫu nhiên của những người đã chia sẻ tình bằng hữu cũ với chiến thắng tương lai của Brumaire, dù ở Hy Lạp, học viện hay trong cuộc đảo chính. Những người ủng hộ Brumaire đều được hưởng đặc ân của chế độ.

Số còn lại, nhiều người đã được hưởng lợi từ sự quan tâm nhất quán và thiện ý của Napoleon nhằm khuyến khích tất cả các loại hình đào tạo kỹ thuật có ích. Điều này thể hiện rõ khi ông bảo trợ cho trường Nghệ thuật và Thương mại tại Paris, cho các trường chuyên về thương mại ở thị trấn các tỉnh, cho Hội khuyến khích Công nghiệp Quốc gia và trao phần thưởng cho các phát minh cơ khí xuất sắc nhất. Để thực hiện, ông thường dựa vào các chuyên gia ở các học viện đã nổi tiếng trong thời kỳ Cách mạng. Đáng chú ý nhất là trường Đại học Bách khoa sau khi được khôi phục. Ngôi trường này đã cung cấp các ngành đào tạo đặc biệt, qua đó phục vụ kỹ thuật cho nhà nước. Chính các trường đào tạo đặc biệt này là cơ sở đào tạo chuyên nghiệp nhân sự cho nhà nước và quân đội. Ngày 1/5/1802, ngoài trường

quân sự chuyên ngành mới thành lập năm 1803, đã có các trường chuyên về luật, y học, lịch sử tự nhiên, vật lý, hóa học, địa lý và vài ngành học khác được thiết lập theo một đạo luật đầy tham vọng. Các trường y vốn sẵn có truyền thống từ thời cách mạng và tiếp tục phát triển mà không có biến cố lớn nào. Nhưng trong số các ngành mới trù tính lập ra, chỉ có ngành luật được thi hành hiệu quả dưới thời Đế chế; những ngành khác không phát triển qua nổi giai đoạn kế hoạch. Felix Ponteil đã mô tả các trường chuyên môn này giống như bước bổ sung của trường trung học Pháp, vì học sinh nhập học phải đáp ứng yêu cầu là đã học một trong số những trường chuyên này. Ngược lại, các quan điểm của Napoleon về giáo dục dành cho nữ giới rất lỗ mãng. Những gì xảy ra tiếp theo có thể làm cho độc giả ngày nay coi trọng bình đẳng giới cảm thấy bị xúc phạm. Song tất nhiên, vì chúng ta đang nghiên cứu tâm lý nảy nở trong tư duy của người dân xứ Corsie trước kia và từ sự quyết đoán của người lính có cá tính chỉ huy được bộc lộ rõ ngay trong những ngày đầu. Christopher Herold đã kể lại cuộc trao đổi vội vàng giữa Napoleon và quý bà de Stäel trong bữa tối tại nhà của Talleyrand năm 1799. Bà hỏi ông: “Ông thấy người đàn bà nào tuyệt vời nhất từ trước đến nay không kể là đang sống hay đã chết?”. Ông trả lời: “Đó là người đàn bà sinh nhiều con nhất”. Một lần nữa, trong khi ngự trị lâu đài của Finkenstein, lúc ông vẫn còn duy trì tình bạn thân thiết với Maria Walewska, Napoleon đã tuyên bố trong bức thư ngày 15/7/1807 như sau:

Niềm tin tôn giáo là một vấn đề quan trọng hơn tất cả tại các trường nữ sinh. Dù mọi người có nói gì thì đó vẫn là sự che chở chắc chắn nhất của người mẹ và người chồng. Nền giáo dục không chỉ dạy cho phụ nữ nên nghĩ gì mà phải dạy cho họ nên tin vào điều gì. Những đòi hỏi đối với người phụ nữ như: bộ óc yếu đuối, suy nghĩ thiếu ổn định, vị trí trong xã hội, đức tính cam chịu, vị tha và bao dung thì chỉ có niềm tin tôn giáo mới có thể đáp ứng được, một niềm tin tôn giáo cao cả và độ lượng.

Cuối cùng, trong cuộc nói chuyện về thánh Helena năm 1817, khi lời nói của ông không có trọng lượng nữa, ông giải bày: “Phụ nữ ở Pháp nhận được

quá nhiều sự quan tâm. Họ không nên được coi ngang bằng với đàn ông: thực chất họ chỉ là những cái máy để mà thôi”.

VĂN HỌC

Các quan điểm trên không làm quý bà de Stäel, một trong những người có tư tưởng tự do và cũng là nhân vật có khiếu văn chương trứ danh, thích thú. Bà có rất nhiều quan điểm trái ngược với Napoleon và với các bộ trưởng của ông. Những ghi chép về các quan điểm trái ngược ấy đã được lưu lại. Chúng biểu hiện cho một mối quan hệ ngày càng xấu giữa họ và mối quan hệ này chấm dứt khi bà bị trục xuất khỏi Paris năm 1802, sau đó khỏi Pháp năm 1803. Tuy nhiên, những năm đầu, bà có thái độ bợ đỡ, thậm chí là ngợ nghếch vì đã quá tin người đàn ông đầy quyền lực với những chiến công quân sự tuyệt vời sẽ là người giải phóng vĩ đại của nước Pháp. Las Cases đã thuật lại một chương trong quyển Hồi ức về thánh Helena năm 1823 như sau:

Giờ đây, cuốn tiểu thuyết Delphine của quý bà de Stäel trở thành một đề tài bàn luận ở các bữa tiệc tối. Hoàng đế đã phân tích thế này: chỉ có vài chi tiết trong tiểu thuyết là không khiến ông tức giận. Suy nghĩ bất thường đã kích động những chỉ trích của ông: có những lỗi tương tự từng khiến ông phải tránh xa tác giả cho dù bà ta đạt được nhiều tiến bộ và nhận được nhiều lời ca tụng. Ngay sau chiến thắng đã làm nên tên tuổi bất tử của vị tướng trẻ quân đội Ý, quý bà de Stäel vốn không hề quen biết ông, với mong muốn đơn giản là chia sẻ niềm vui chiến thắng, ngay lập tức đã bày tỏ cùng ông những xúc cảm nhiệt huyết trong cuốn Corine. Bà viết cho ông nhiều lá thư dài chưa đựng sự hóm hỉnh, tưởng tượng phong phú và học vấn uyên bác: Bà cho rằng, đó chỉ là một sai lầm bắt nguồn từ thể chế con người khi kết hợp ông với quý bà Bonaparte để bảo và nhu mì. Chính một linh hồn đầy nhiệt huyết như linh hồn bà de Stäel đã dự tính sẽ trở thành người đồng hành của một anh hùng.

Tôi liên hệ đến các chiến dịch tại Italy để chỉ ra rằng, chỉ gặp gỡ một lần thôi thì không thể thấy được sự ngạo mạn xác xược của quý bà de Stäel. Đức vua nói: Với sự kiên nhẫn miệt mài, sau này bà đã tạo dựng được sự quen biết nhất định, thậm chí còn được phép đến thăm và bà đã quá lạm dụng đặc ân này. Vị tướng mong muốn bà có thái độ hợp lý hơn. Một ngày kia đưa tin cho bà bằng cách xin lỗi là ông đang không mặc gì, bà đáp lại nhanh chóng và sốt sắng: điều đó thật sự không quan trọng đối với một thiên thần không giới tính.

Rõ ràng cuốn *Delphine* (1802) và *Corine* (1807) luôn là cái gai trong mắt Napoleon. Trong cuốn tiểu thuyết *Delphine*, quý bà de Stäel một lần nữa đưa ra vấn đề bình đẳng giới khiến ông tuyên bố: “Ta ghét đàn bà có tính khí đàn ông hơn đàn ông có tính nết đàn bà. Mỗi người nên bằng lòng với vị trí của mình trong thế giới này. Tất cả sự tinh quái của trí tưởng tượng có ý nghĩa gì? Trí tưởng tượng ấy rốt cuộc còn lại gì? Chẳng là gì cả. Tất cả những điều này là một mớ lý thuyết suông ướm át, là sự rối loạn của trí tuệ. Cơn giận này bùng phát khoảng năm 1803. Năm 1816, trong cuộc nói chuyện về thánh Helena, nội dung cuốn *Corine* lại khơi ra sự bác bỏ tương tự: “Gia đình quý bà de Stäel là một gia đình kỳ lạ. Cha bà (Necker), mẹ bà (Suzanne Curchod) và bản thân bà, cả ba đều quỳ gối trước người khác với sự sùng bái suốt đời, ca tụng nhau với những lời tâng bốc và lừa phỉnh công chúng”. Nhưng cùng năm đó, ông phát biểu trong một dịp khác, “ta không hề nghĩ hay nói rằng bà ấy là người xấu: thực tế là ta và bà ấy đã khởi xướng một cuộc chiến tranh nho nhỏ, chỉ vậy thôi”.

Sự rạn nứt với chế độ Napoleon khiến cho việc xuất bản cuốn *De l'Allemagne* (Từ nước Đức) của bà de Stäel tại Pháp bị trì hoãn, một trong số các tác phẩm văn học phê bình theo chủ nghĩa lãng mạn vĩ đại nhất thời đó. Savary và sau đó là Bộ Công an đã ra lệnh tịch thu 100 nghìn bản. Một vài nhà phê bình vốn xuất thân là người Thụy Sĩ và theo đạo Tin Lành giải thích: bà đã quan tâm đến thẩm mỹ và lòng mộ đạo của người Đức từ lâu. Đầu năm 1802, trong lời mở đầu cuốn *Delphine*, bà viết “người đàn ông

thiên tài nên tự làm giàu bản thân bằng cách tìm hiểu ý tưởng ban đầu của các nhà văn Đức trước khi thuyết phục các nhà văn Pháp. Có rất nhiều tác phẩm tại Đức thể hiện sâu sắc và giàu cảm xúc qua một nguồn năng lượng mới”. Mục tiêu chính của bà là trung hòa “cảm xúc” và “năng lượng” tại Pháp. Nội dung trong các cuộc thảo luận của bà với các vị khách Đức tới thăm nơi ở của bà tại Coppet, Thụy Sĩ, gần Geneva, cũng như các cuộc viếng thăm của bà tới Đức (năm 1804 và 1809) và tới Vienna (1809) đều được đưa vào cuốn *De l'Allemagne* và được chỉnh sửa giống với các chi tiết ban đầu. Thời kỳ này, các nhà văn Pháp thường có xu hướng nhìn nhận các tác phẩm của nước Đức kém hơn nhiều so với các tác phẩm của họ. Cũng như các nhà sử học, mãi gần đây mới có xu hướng nhìn nhận tác phẩm Aufklärung như một tác phẩm nhái theo cuốn Ánh sáng của Pháp. Nhưng ở đây, bà de Stäel đồng tình với tác phẩm trước đó của Charles de Villers, một người di cư, đã dám tranh luận: người Pháp còn phải học nhiều điều về sự nhạy cảm nghệ thuật của người láng giềng quanh vùng sông Rhine (biên giới tự nhiên giữa Pháp và Đức).

Mối thù ngày càng sâu của quý bà de Stäel với Napoleon đã ảnh hưởng tới quan điểm của bà về nước Đức. Một nước Đức đã bị nô dịch hóa và xét trên một vài phương diện là một vùng đất điển hình, những con người văn minh của đất nước này đã bị bẽ mặt và tổn thương vì sự nhẫn tâm của những kẻ đi chinh phục tầm thường. Phản ứng đối với cuốn *De l'Allemagne* tại Pháp đến rất nhanh và có thể dự đoán được. Trong lá thư của mình gửi tới quý bà de Stäel ngày 3/10/1810, Savary không những ra lệnh cấm mua bán sách mà còn thắt chặt các điều khoản trục xuất bà. Ông viết: “Đối với ta, dường như ngay cả không khí của đất nước này cũng không đồng tình với bà. Chúng ta chưa ai chịu nhượng bộ đi tìm mẫu hình trong số những người bà cảm phục. Tác phẩm gần đây nhất của bà không hề có một chút chất Pháp nào”⁴². Tác phẩm *Dix années d'exil* (Mười năm lưu đày) viết từ 1810-1813 nhưng đến năm 1821, 4 năm sau ngày mất của bà, mới xuất bản. Trong cuốn sách này, quý bà de Stäel đã mắng nhiếc chế độ Đế chế kịch liệt. Còn trong bài luận đầy khiêu khích năm 1813, bà đã bỏ ngoài lề những lời khen

ngợi về thượng viện, cơ quan lập pháp, tất cả như “sự hòa ca của những lời tán dương khoa trương” và như “tổ chức bảo tồn những lời xu nịnh về Đế chế”. Bằng những lời lẽ hùng biện, trong đoạn kết, bà kêu gọi các quốc gia châu Âu tập trung xây dựng và tập hợp lực lượng nhằm lật đổ Napoleon, tái lập hòa bình.

Trong hai năm, ước muốn của quý bà de Stäel đã trở thành hiện thực. De Stäel tiếp tục thù hằn với Napoleon cho tới sau khi ông sụp đổ, khi đó bà mới có cảm giác an toàn. Trong cuốn *Considérations sur les principaux événements de la Révolution française* (Nghiên cứu các sự kiện chính của Cách mạng Pháp) xuất bản năm 1818, sau khi bà mất, bà viết:

Tôi rất lo lắng vì không có một tình cảm chân thành nào có thể khiến ông ta cảm động. Ông ta coi con người chỉ như một đồ vật và chưa bao giờ đối xử bình đẳng. Ông ta không yêu cũng không ghét... Sức mạnh ý chí của ông ta nằm trong những tính toán bắt nguồn từ tính ích kỷ trong con người ông; ông là quân át chủ bài và kẻ thù là tất cả nhân loại... Không có một lý tưởng nào, một hấp dẫn nào hay lòng sùng đạo nào khiến ông từ bỏ mục đích của mình... Tôi cảm nhận được linh hồn lạnh giá như thép của ông. Tôi cảm nhận được sự mỉa mai không tốt đẹp trong tâm trí của ông, thậm chí số phận của chính ông là một bằng chứng: ông coi thường quốc gia có dã tâm xâm chiếm và không có nhiệt huyết nào được trộn lẫn vào ước muốn của ông khiến loài người phải sửng sờ.

“Cuộc chiến tranh nhỏ” của Napoleon với các nhà văn xuất chúng thời đó cũng bắt nguồn từ lý do tương tự: họ không phục tùng và không yêu nước. Quan điểm của ông về vấn đề này rất thô bạo. Khi tìm ra được chút thời gian để viết cho Cambacères ngày 21/12/1806, một ngày tồi tệ của sắc lệnh Berlin khi công bố chính sách phong tỏa kinh tế, ông phản kháng lại: “Trong khi quân đội làm tất cả mọi việc cho quốc gia vì vinh dự tổ quốc, thì các nhà văn lại cố gắng làm ô danh nó... Mọi người phàn nàn chúng ta không có một nền văn học nào: đó là lỗi của Bộ Nội vụ (Bộ trưởng Nội vụ).

Thật hài hước vì ở đây có thể tìm thơ đồng quê từ một bài thơ chính thống giống như yêu cầu may một chiếc áo cà sa từ một thợ chuyên may váy cho phụ nữ. Sự đối lập giữa quyền tự do sáng tác nghệ thuật và bàn tay can thiệp của nhà nước rõ ràng đã tuột khỏi Napoleon. Trong nhận xét ngắn ngủi của ông năm 1817, có một điểm nghiêm túc: “Tiếng Pháp không phải là thứ ngôn ngữ hoàn hảo. Tôi đã phải hệ thống hóa lại ngôn ngữ này”.

Những mâu thuẫn tư tưởng của một vài nhà văn về chế độ thời Napoleon được minh họa sắc nét trong sự nghiệp văn chương và chính trị của Benjamin Constant, người tình của quý bà de Stäel trong nhiều năm và cũng là tác giả của các cuốn tiểu thuyết lãng mạn *Aldophe và Cecile*. Đầu chế độ tổng tài, ông được bổ nhiệm vào vị trí hộ dân quan. Nơi đây, ông phải đối đầu với quan tổng tài thứ nhất về quan điểm tự do của mình, và cũng là một trong những người bị trục xuất trong đợt “thanh trừng” năm 1802. Tiếp đó là thời kỳ chính trị điêu tàn kéo dài khi ông bị lưu đày và ông đã dồn hết sức lực cho sáng tác. Tình yêu văn chương đã truyền cảm hứng cho các tác phẩm của ông. Năm 1813, khi đang ở Đức, ông đã xuất bản cuốn *De l'esprit de conquête et de l'usurpation* (Tính dỏm của cám dỗ và tiếm quyền), một bài luận khiêu khích, trong đó ông đã lột trần không thương tiếc bản chất của Napoleon. Nhưng chỉ hai năm sau đó, kiểu viết như vậy không còn an toàn nữa, ông đột ngột thay đổi thái độ và trở lại hoạt động xã hội với tư cách là một ủy viên hội đồng nhà nước trong suốt thời kỳ Một trăm ngày. Ông đã có ảnh hưởng tới việc soạn thảo “Đạo luật bổ sung vào các bản hiến pháp của đế chế”. Thông qua hiến pháp này, Napoleon hy vọng nhận được sự hỗ trợ của giai cấp tư sản tự do mà được nhắc đến như những “đệ tử của Benjamin”. Sự can thiệp này là một sai lầm đắt giá, còn động cơ của ông thật sự rất khó hiểu. Sau sự kiện phục hưng lần hai, lúc đầu ông đến Brussels và sau đó là London, nơi ông đã xuất bản cuốn *Aldophe* năm 1816. Rốt cuộc ông đã giảng hòa với vua Louis XVIII, ông quay lại Pháp năm 1818, xây dựng lại sự nghiệp chính trị với vị trí là một nhà báo và một lãnh đạo của phe tự do đối lập tại hạ nghị viện. Theo cách đó, dưới một chế độ khác, sự nghiệp của ông đã tiến triển thuận lợi.

Chính quý bà de Stäel là người đầu tiên mang Benjamin Constant đến với một nhóm nhà văn và triết học khác, nhóm được người ta nhắc đến với cái tên “các nhà tư tưởng”. Bà đã biến phòng tranh nổi tiếng của mình tại đường du Bac thành một lò đào tạo các nhà chính trị phe đối lập và những người theo chủ nghĩa tự do. Như Napoleon hồi tưởng trong buổi nói chuyện về thánh Helana tháng 10/1816:

Nhà của quý bà (de Stäel) đã trở thành một kho vũ khí chống lại tôi: mọi người tới đó để trở thành hiệp sĩ vũ trang. Bà ấy cố gắng tạo ra nhiều kẻ thù chống lại tôi. Ngay lập tức bà ấy đến Armida và Clorinda... Tóm lại, quý bà de Stäel là một người phụ nữ vô cùng đặc biệt được trời phú cho nhiều tài năng và sở hữu một trí thông minh sắc sảo. Bà ấy sẽ tiếp tục truyền lại cho thế hệ tiếp theo. Bà ấy đã hơn một lần bóng gió với ta cốt muốn ta mềm yếu theo ý bà ấy, rằng bà là một đối thủ đáng gờm, tuy nhiên lại cũng có thể trở thành một đồng minh có ích. Rõ ràng nếu thay vì sỉ vả ta như bà đã làm, bà tán dương ta thì đó là thuận lợi cho ta: vị trí và khả năng cho bà ta quyền lực tuyệt đối đối với các lò đào tạo của bà và ảnh hưởng của chúng tại Paris thì ai cũng biết.

Nếu nhìn ở góc độ triết học, quý bà de Stäel và Benjamin Constant không phải là những “nhà tư tưởng”. Tuy nhiên, họ liên minh với những nhà tư tưởng khác nhằm chia sẻ các quan điểm chính trị, đặc biệt là trong thời kỳ chế độ tổng tài.

Bản thân các nhà tư tưởng được miêu tả như một nhóm các nhà triết học và nhà văn, những người đã mở rộng khái niệm thuyết duy cảm, đầu tiên gắn với Condillac, đặc biệt là trong cuốn *Traité des sensations* (1754) và *Logique* (1780). Cả hai cuốn này đều bị ảnh hưởng nặng nề từ tư tưởng của John Locke. Họ tìm kiếm mọi cách để thể hiện các khái niệm về tính hoàn thiện của con người qua khoa học tâm lý dựa trên các phản ứng hệ thống có thể quan sát được. Họ cho rằng, các biểu hiện nghệ thuật, ví dụ thông qua các tác phẩm văn chương sáng tạo, cần được đánh giá qua ấn tượng mà

chúng tạo ra dù bằng lý trí hay cảm nhận của con người. Xu hướng chính trị của những người này là theo phái cộng hòa, sau đó dưới thời Napoleon là chế độ tự do. Lãnh đạo của nhóm là Destutt de Tracy (1754- 1836), trước đây là thành viên của ban chỉ đạo nhân dân (1799- 1800) và là một người bảo vệ trung thành cho các trường học trung ương thời Cách mạng, người đã xuất bản một số tập sách với tên *Éléments d'idéologie* trong thời gian từ 1801-1815.

Năm 1800, chính Napoleon nghĩ ra cái tên “nhà tư tưởng” với ý nghĩa lãng mạn, hàm ý nói về một nhóm các nhà siêu hình kiêu căng, tự phụ với các khái niệm nguy hiểm cho cách mạng. Họ thực chất là một nhóm người đa dạng chứ không phải là một “dòng” tư tưởng, vài người trong số họ sẵn sàng đảm đương các vị trí do Napoleon bổ nhiệm. Ngoài các nhà triết học, họ còn có Cabanis – người vốn nổi tiếng về các công trình nghiên cứu y học, Volney – nhà nghiên cứu Đông phương học, nhà soạn kịch Marie-Joseph Chénier và một số các nhà phê bình trực tính khác của Napoleon trong cơ quan hộ dân quan.

Trong số những người di cư trở về Pháp theo lệnh ân xá năm 1800 của Napoleon có bá tước Chateaubriand (1768-1848), người được nhớ đến nhiều nhất vì công trình vĩ đại cuối cùng của ông, tượng đài ký ức về các ngôi mộ. Ông có một thời gian bị lưu đày tại Mỹ (1791-1792), một kỷ niệm được ông chọn lọc đưa vào các cuốn tiểu thuyết lãng mạn như *Atala* (1801), *René* (1805) và *Les Natchez* (1826). Năm 1804, ông bất hòa với Napoleon, sau vụ sát hại công tước d'Enghien, và đã từ bỏ vị trí ngoại giao tại Rome. Những năm sau đó, ông thường xuyên đến Hy Lạp, Trung Đông và Tây Ban Nha. Trên đường quay về Pháp, ông tập trung vào văn chương và báo chí, viết bài thường xuyên cho báo *Mercure de France* và cho tờ *Journal des de'bats*. Năm 1811, ông được chọn vào Viện Hàn lâm bất chấp sự giận dữ của Napoleon.

Một trong những tác phẩm đầu tiên, *Génie du christinanisme* (Thiên thần đạo Cơ Đốc), xuất bản năm 1802, Chateaubriand đã nhận được sự quan tâm đặc biệt của công chúng, đặc biệt là trong bối cảnh năm này. Ông chia sẻ mối quan tâm nghệ thuật về tôn giáo và tín ngưỡng của quý bà de Stäel, nhưng trong tác phẩm này, ông cũng đã chuyển hướng tập trung vào nước Pháp và liên tục cho ra đời một loạt bài luận để biện giải cho đạo Cơ Đốc. Các bài luận này xuất hiện đúng lúc mọi người chú ý nhất, đó là khi Giáo ước giữa Napoleon và Giáo hoàng Pius VII được ký kết. Chateaubriand không phải là người duy nhất cảm nhận được sự thay đổi tâm khí đó. Cùng một lúc, nhiều nhà văn khác cũng đáp lại mối quan tâm mới về biểu hiện tôn giáo sau thời gian bị vùi dập trong Cách mạng. Các tác phẩm *La Dot de Suzette* (Của hồi môn) của Suzette năm 1798, tác phẩm *Du sentiment considéré dans ses rapports a vec la littérature et les arts* (Những cảm nhận trong mối quan hệ so sánh giữa văn học và mỹ thuật) của Ballanche năm 1801, tác phẩm *La Duchesse de Vallière* (Nữ công tước xứ Valliere) năm 1804 của quý bà de Genlis và cuốn *Mathilde* năm 1805 của quý bà Cottin đều phản ánh sự kiện này. Tuy nhiên, cuốn *Génie du christianisme* (Thiên thần đạo Cơ Đốc) có ảnh hưởng lớn nhất đến việc gìn giữ văn học và dành sự tôn trọng cho triết học, đức tin tôn giáo truyền thống. Tác phẩm này ảnh hưởng đến các tác phẩm thần học của Louis de Bonald và Joseph de Maistre, những người được xem là những nhà thần học đầu tiên thời Phục hưng đạo Thiên chúa sau năm 1815.

Tác phẩm này gồm bốn phần: tín điều và học thuyết, thi pháp, nghệ thuật và văn chương, nghi lễ tôn giáo. Từ bốn góc độ này, tác phẩm hướng đến việc phục hồi giáo lý cơ đốc, biến nó trở thành sức mạnh đạo đức và nhấn mạnh vẻ đẹp của tôn giáo này như một tôn giáo mang chất thơ và có tính người nhất trong các loại tôn giáo, nó ủng hộ nền tự do. Có thể coi đây là một bài luận chống triết giáo, một lời kêu gọi đổi mới tinh thần của Pháp, một nỗ lực nhằm đưa ra lựa chọn thay thế cho chủ nghĩa duy lý thông qua sự nhấn mạnh vào nhân chứng lịch sử và tinh hoa nghệ thuật. Người ta chú ý đến tác phẩm này ở sự công phu nghệ thuật, tầm nhìn thơ ca cá nhân chứ không

phải sức mạnh của những lời biện giải. Trong tác phẩm này, hai yếu tố tạo cảm hứng lãng mạn đã hợp lại làm một: Đó là cảm nhận chủ quan – niềm tin vào giá trị kinh nghiệm cá nhân, vào tâm hồn và tình cảm như những đấng sáng chế của thế giới này hơn là nơi chứa đựng hữu cơ cho thế giới bên ngoài, chủ nghĩa lịch sử với kiến thức uyên bác về quá khứ, hình ảnh các di tích cổ xưa, tinh thần dân gian, thậm chí cả việc thờ cúng người đã mất. Ở khía cạnh đề cập sau cùng, ít nhất tác phẩm đã đoán trước được thuyết định mệnh của *La Vie de Rancé* (Cuộc sống của Rancé) (1844) và các phần trong *Mémoires d'outre-tombe* (Ký ức về các ngôi mộ), trong đó Chateaubriand dường như bị ám ảnh, bao gồm cả sự hành hạ về thể xác. Đó là một trong những phản ứng mạnh mẽ nhất của ông đối với sự kỳ vọng vào khoa học, đối với sự tầm thường của cách mạng và đối với những gì ông coi là triết lý thất bại.

Giờ đây, ảnh hưởng của Chateaubriand đã có tác động đến trình độ văn chương, ở đó mỗi quan tâm nghệ thuật và trí tuệ tôn giáo không phải lúc nào cũng phù hợp với sự cung kính. Chính vua Louis XVIII đã quan sát, nhận xét và châm biếm: “Tất cả những bày tôi trung thành vĩ đại trên án thờ thật khó tiếp cận. Ta sẽ rất vui khi biết danh tính giáo sĩ xưng tội của ông Chateaubriand”. Ấn tượng sâu sắc về các tác phẩm của Chateaubriand là sự u sầu hơn là hy vọng và vui vẻ. Nếu ông quan tâm tới tự nhiên là chân thành và không thay đổi, thì ông đã tìm thấy sự đồng cảm với các tâm trạng u ám gợi nhớ của quê nhà, mảnh đất tổ tiên của ông tại Combourg, gần Saint Malo, quê ông. Ở đây, trong những cái tinh hoa nhất của Pháp có Weltschmerz lãng mạn, nơi mà chúng ta đã liên hệ với cuộc vận động văn học bão táp và tấn công của Đức.

Chateaubriand đã mong mỏi không bờ bến, hay những gì ông từng gọi là “sự hài lòng về nhận thức sâu muện”. Nếu tôi đặt cạnh ông quý bà de Stäel và Benjamin Constant cùng những nhà “tư tưởng” ở cùng một ngã tư Khai sáng và lãng mạn, đó là vì bản thân ông đã ý thức được sự có mặt của mình tại đó. Như ông từng viết: “Ta nhận thấy bản thân mình đang tồn tại giữa

hai thế kỷ như tại ngã ba của hai dòng sông: ta lao xuống con nước, tránh xa với tiếc nuối bến bờ cũ nơi ta sinh ra, lặn ngụp trong hy vọng để tới những bờ bến lạ”. Sự xáo trộn trong chiến đấu của ông đưa đến một cảm giác bất ổn kéo dài, đôi khi là tự thương xót mình. “Giống như một công việc”, ông than vãn trong tác phẩm *Mémoires de ma vie* (Ký ức cuộc đời) tới năm 1826: “Tôi nguyện rửa cái ngày tôi sinh ra”. Một đồng nghiệp của ông, Stendhal, người có các giác quan có thể điều chỉnh niềm vui cũng như đau khổ của thế giới, đã có cách diễn đạt cho những dẫn giải này trong cuốn *Sturm und Drang* (Bạn và tôi). Trong tác phẩm tự sự của ông, Vie de Henry Bruland viết mấy năm sau đó, ông miêu tả Chateaubriand như một “ông vua của những kẻ tự đại”.

Tính tự đại: một từ đại diện cho quyền lực đã được thảo luận ở chương này. Những vinh quang quân sự và uy quyền nhân dân biểu hiện ra vượt trội nhất. Đó là một sự hồi tưởng bị bóp méo và mang lại sức hấp dẫn cho truyền thuyết Napoleon sau năm 1815. Napoleon và những người tùy tùng chính thức của ông đã biến đạo đức anh hùng được cá nhân hóa thành một hệ thống phát triển, hệ thống chia sẻ với tất cả chủ thể sẵn sàng đi theo nó. Dưới dạng nguyên sơ nhất, việc tuyên truyền của nhà nước là một trong những phương tiện phổ biến nhất, mặc dù có thể có người sẽ nghi ngờ liệu bằng cách nỗ lực cá nhân hóa lòng yêu nước của người Pháp có thật sự thuyết phục quần chúng thời kỳ đó. Dưới một hình thức tinh tế hơn, không còn nghi ngờ gì nữa, đạo đức anh hùng đã tác động tới phản ứng của những cá nhân ưu tú của Đế chế dù sự đồng cảm chính trị và niềm tin vào hệ tư tưởng của họ như thế nào. Các nhà văn, nhà tư tưởng, khoa học, giáo dục, họa sĩ, kiến trúc sư, điêu khắc và nghệ sĩ nói chung, dưới chế độ Napoleon, đã phải phản ứng theo cách nào đó để hướng tới thực tế chính trị và quân sự. Dù họ ủng hộ hay chống lại hoàng đế, thì những phản ứng cá nhân của họ cũng đã đóng góp rất nhiều vào sự tồn tại của Đế chế. Can thiệp nhiều vào văn hóa, Napoleon có thể đã thất bại trong việc tìm kiếm mục tiêu vĩ đại, nhưng với vai trò là người xúc tác văn hóa, ông có sức mạnh vĩ đại và

cuối cùng cũng nhận được phản hồi từ những người ngưỡng mộ cũng như kẻ thù.

CHƯƠNG 7. Quan niệm về quyền lực theo dòng lịch sử

Nhân dịp kỷ niệm 200 năm Cuộc cách mạng Pháp năm 1989, một cuộc tranh cãi lịch sử lại nổ ra. Đối với hầu hết các tác giả, Cuộc cách mạng đã và vẫn là một trong những sự kiện quan trọng nhất trong lịch sử nước Pháp dù những điều nó mang lại là tốt hay xấu. Người ta có thể bỏ qua thực tế rằng, những nghiên cứu về Napoleon trong suốt hai thế kỷ qua đã chứng minh được tính đa dạng, phong phú và đặc trưng của Cuộc cách mạng đó. Trên thực tế, khoảng 30 năm gần đây, hai vấn đề này được nhìn nhận như là những bộ phận không thể tách rời của tiến trình lịch sử, để có một thể chế và đặc trưng xã hội Pháp ngày nay.

Số lượng lớn các bài viết về Napoleon và lịch sử thời đại của ông đã được nhà nghiên cứu Pieter Geyl phân tích rất chi tiết trong một công trình nghiên cứu lịch sử rất hấp dẫn, *Napoleon: For and against* (Napoleon: những quan điểm ủng hộ và chống đối), xuất bản lần đầu tiên cách đây gần 50 năm. Những bài phê bình mang tính chất khiêu khích cũng như những nghiên cứu chuyên sâu từ thời kỳ đầu tới giai đoạn ngừng chiến của thế kỷ này vẫn còn nguyên giá trị, nhưng nó vẫn chỉ giới hạn trong cách nhìn nhận của các tác giả người Pháp. Bên ngoài nước Pháp, ở những quốc gia từng là thuộc địa của đế chế hùng mạnh, lịch sử và văn học về thời kỳ cai trị của Napoleon cũng đáng chú ý. Đặc biệt, trong giai đoạn hưng thịnh nhất của đế chế và những năm sau khi Napoleon mất tại St Helena (năm 1821), khá nhiều tác giả người Đức và Italy đã sáng tác các tác phẩm cũng rất thú vị, thể loại thơ hoặc kịch. Hầu hết họ đã trải qua thời kỳ cai trị của Napoleon, thậm chí vài người đã có cơ hội tiếp xúc với Napoleon. Nhưng đáng tiếc là những tác phẩm này hầu như không viết bằng tiếng Anh.

Cho đến Chiến tranh thế giới thứ hai, những nghiên cứu lịch sử về Napoleon có ba đặc điểm chính. Thứ nhất, hầu hết các tác giả trong giai đoạn đầu có xu hướng coi Napoleon như một thể lực siêu hình vượt ra khỏi

ranh giới thông thường. Dù có thật sự ngưỡng mộ ông hay không, họ đều cố dựng lên hình ảnh một “siêu nhân”, nhà chỉ huy quân sự tài ba, nhà cầm quyền lỗi lạc, hiện thân của sức mạnh siêu nhiên, hiện tượng có một không hai trong lịch sử nhân loại. Đặc điểm thứ hai và cũng là đặc điểm tồn tại trong một thời gian dài là, các tác giả sau này đều nỗ lực tái hiện hình ảnh Napoleon trong quá khứ ở thế giới hiện tại. Nói cách khác, các thế hệ nhà văn sau năm 1815 đã phân tích đế chế Napoleon theo quan điểm chính trị và những hệ tư tưởng đương thời bằng thứ ngôn ngữ bóng bẩy. Không mấy ngạc nhiên khi những cuộc bút chiến với chủ đề kiểu như ”bài học cho thời đại chúng ta” được thể hiện trong các tác phẩm văn học Pháp viết về Napoleon. Tuy nhiên, mọi việc không dừng lại ở đó. Đặc điểm thứ ba được thể hiện rõ nhất trong khoảng 2-3 thập kỷ trước chiến tranh thế giới là kiểu “tư tưởng lớn” được một số nhà văn nổi tiếng thể hiện. Họ đều muốn thâm tóan quan điểm của mình về tham vọng và thành tựu Napoleon đạt được bằng một hình ảnh chủ đạo. Tuy có những ý kiến trái ngược nhau nhưng rốt cuộc họ đều cùng tìm kiếm một “nhịp điệu chung”.

Mục đích của tôi không phải là đi sâu tìm hiểu xu hướng nghiên cứu lịch sử thời Napoleon gần đây. Các nghiên cứu tập trung vào thể chế làm nên triều đại Napoleon hơn là tìm hiểu về con người và hành động của ông. Vấn đề này sẽ được đề cập trong một mục ở cuối chương. Hai mục đích chính của chương này là: thứ nhất, xác định những đặc điểm chính về tham vọng và cách nhìn nhận về quyền lực của Napoleon. Vì thế, tiểu mục đầu tiên đưa ra đánh giá ngắn gọn về lời phát biểu của Napoleon về những vấn đề có liên quan trong các giai đoạn khác nhau trên con đường sự nghiệp của ông. Những tuyên bố được các tác giả đương thời và một số tác giả sau này đã thể hiện mong muốn thật sự của Napoleon. Những luận điểm đó được trích dẫn trong rất nhiều tác phẩm dù đôi khi chúng vẫn có mâu thuẫn với nhau.

Mục đích khác của tôi là nhằm phân tích những xu hướng nghiên cứu biểu tượng sức mạnh “điển hình” trong các tác phẩm viết về Napoleon được tiếp cận theo phương pháp của những người theo khuynh hướng xét lại hơn 40

năm qua. Những tác phẩm ban đầu hoàn toàn không có kiến thức chuyên môn vì lúc đó các tác giả không có những kiến thức tường tận về nguồn gốc lịch sử và chưa phân biệt giữa quan điểm chủ quan của tác giả và khách quan của lịch sử. Các phương pháp định lượng vẫn chưa được cải thiện bằng những phát minh khoa học kỹ thuật với sự có mặt của máy tính hiện đại. “Lịch sử vĩ đại” mới chỉ được nhìn nhận như một sự mở mang văn học, các phong trào văn hóa, diễn thuyết chính trị hay tranh luận về hệ tư tưởng. Các tác giả, bao gồm cả các nhà chính trị tài ba, không hề ngại tham gia tranh luận. Tranh luận hay thành kiến mà ngày nay là phong cách cá nhân thật sự là một đặc điểm nổi bật của văn học thời kỳ này. Trong ba tiểu mục cuối của chương, với mục đích điếm lại những chủ đề xuất hiện nhiều nhất trong nghiên cứu về Napoleon của thập kỷ đầu, sẽ cung cấp cho độc giả một ví dụ về cuộc tranh luận này. Mặc dù các tác giả Pháp chiếm phần đông trong các cuộc tranh luận nhưng các tác giả nước ngoài lại được chú ý vì đã khởi xướng cho cuộc tranh luận.

NAPOLEON NÓI VỀ MÌNH

Ở chương trước, chúng ta biết Napoleon là một trong những người đầu tiên viết tiểu sử về mình. Vì giá trị lịch sử của những tài liệu này còn là một dấu hỏi nên chúng tôi sẽ không quan tâm nhiều đến nó. Thay vào đó, chúng tôi sẽ đề cập đến quan điểm của Napoleon trong việc thực thi quyền lực cũng như những tham vọng và số phận của ông, được chắt lọc từ nhiều nguồn khác nhau, cho dù phải chấp nhận những thay đổi cũng như mâu thuẫn tồn tại trong quan điểm của ông.

Chỉ tính riêng các ấn phẩm chính thức của ông được sưu tầm và xuất bản theo lệnh của Napoleon III(30) cũng lên tới 32 quyển. Ngoài những ấn phẩm đó và một số được thu thập sau này, nhiều bài phát biểu trước công chúng hoặc cá nhân của Napoleon đã được những thế hệ kế cận ghi chép lại dưới dạng bài báo, hồi ký hay các thể loại khác. Trong số những tác phẩm sau này, cuốn *Mémorial de Sainte-Hélène do Count Emmanuel de La Caes*,

một người bạn cũng bị lưu đày với Napoleon, ghi chép lại và xuất bản năm 1823, là một tài liệu đặc biệt quan trọng vì nó đã ghi chép lại thời khắc Napoleon bị phế truất.

30 Napoleon III: Louis – Napoleon Bonaparte (1808-1873), là tổng thống đầu tiên của nền cộng hòa Pháp và là hoàng đế duy nhất của Đế chế Pháp thứ nhì.

Tóm lại, từ những bằng chứng có giá trị, chúng ta đã có được một nguồn tài liệu đồ sộ để xây dựng một hình ảnh con người Napoleon. Rõ ràng là ông đã tạo sợi dây liên hệ mật thiết giữa sức mạnh chính trị và sức mạnh quân sự. Chính nó tạo nên tính cách bạo ngược của ông. Trong lá thư gửi anh trai Jerome ngày 2/6/1805, ông viết: “Tôi là người như thế nào? Tôi là người có sức mạnh ý chí, nghị lực và sự táo bạo.”. Vào khoảng năm 1811, theo hồi ký của Bourrienne(31), Napoleon đã thẳng thừng thừa nhận: “Quyền lực của tôi có được là nhờ vào vinh quang, vinh quang của chiến thắng. Tôi sẽ mất đi quyền lực nếu tôi không có thêm vinh quang, không có thêm chiến thắng. Các cuộc chinh phục đã làm nên con người tôi; chỉ có các cuộc chinh phục mới đem lại cho tôi quyền lực.”. Cùng trong thời gian đó, Napoleon cũng thừa nhận với Chapatal rằng ông còn thiếu tính hợp pháp cho một vương triều thật sự: “Ở bất kỳ nơi nào, trong cũng như ngoài nước, tôi thống trị dựa trên nỗi sợ hãi của mọi người. Nếu tôi từ bỏ quyền lực của mình, tôi sẽ bị phế truất nhanh chóng. Đây là vị trí của tôi và là động lực thúc đẩy tôi”. Chỉ ít thì về mặt này, ông cũng tỏ ra nhất quán và đề cập đến nó nhiều lần trong thời gian bị lưu đày. Ví dụ, trong một cuộc trao đổi với Las Cases(32) vào ngày 7/9/1816, ông đã một lần nữa khẳng định: “Ở vị thế như tôi, khi bị tước quyền lực, quyền công dân, tôi buộc phải tránh các đối thủ; tôi phải dững cảm, phải quyết đoán và bạo ngược”.

31 Bourrienne (1769-1834): nhà ngoại giao Pháp.

32 Las Cases (1766-1842): sĩ quan trong lực lượng hải quân Pháp.

Quyền lực, theo cách nhìn nhận của Napoleon, được biểu hiện ở nhiều sắc thái khác nhau trong các giai đoạn của cuộc đời. “Quyền lực là bà chủ cuộc đời tôi”. Năm 1804, ông nói với Roederer: “Trước sự thèm muốn của kẻ khác, tôi đã quá vất vả để tranh giành, giữ gìn nó. Cho dù anh có cho rằng quyền lực tự tìm đến với tôi, song tôi cũng phải trả giá bằng những mất mát, những đêm không ngủ và cả những mưu toan”. Đó cũng là năm Napoleon trở thành hoàng đế nước Pháp. Vào năm 1809, sau một thời gian dài chìm đắm trong những lời tán dương, khen ngợi, ông lại đề cập vấn đề này một lần nữa với Roederer: “Tôi quá yêu quyền lực, tôi yêu nó bằng tình yêu của một nghệ sĩ. Tôi yêu quyền lực như một nhạc công yêu cây đàn... Tôi yêu nó vì những âm thanh, những giai điệu, những bản nhạc”. Trong tuyên bố sau đó gửi cho Benjamin Constant(33) vào ngày 10/4/1815, trong thời kỳ 100 ngày, ông tỏ vẻ không mấy quan tâm tới lần thoái vị đầu tiên một năm trước: “Tôi muốn thống trị cả thế giới. Để làm được điều đó, tôi phải có quyền lực vô biên. Thế giới muốn được tôi cai trị; các quốc gia, dân tộc tranh giành nhau để có được tôi”. Không đầy ba tháng sau, một hội đồng tối cao đã buộc ông phải thoái vị và đày ông tới một vùng xa xôi hơn, lần lưu đày này là vĩnh viễn.

33 Benjamin Constant Botelho de Magalhães (1836-1891): là nhà chính trị, quân sự Brazil.

“Thế giới mong muốn được tôi cai trị!” Không còn nghi ngờ gì nữa, Napoleon thật sự tin vào điều này và lý do chính là: Cảm giác mạnh mẽ về chính vận mệnh của ông. Trên thực tế, có ba yếu tố tác động đến suy nghĩ của ông là số phận, sự may mắn và cá tính, đôi lúc còn có sự mê tín và sùng bái do sở thích đọc các tác phẩm cổ điển đã khiến cho Napoleon tin vào điều đó. Trong ba yếu tố trên, có lẽ số phận ảnh hưởng tới ông mạnh mẽ nhất. Theo quan điểm của ông, số phận đã được định trước cho một số người, những người có khả năng thay đổi lịch sử. Số phận, một bà chủ nghiêm khắc và khó lường, vừa là bạn vừa là kẻ thù của những người lính, hóa ra lại là một cái gì đó rất dễ bị tổn thương, giống như thất bại quân sự,

bị lưu đày hay một cái chết bất ngờ. Thời cơ hay may mắn ít mang lại hiểm họa cho Napoleon. Ông luôn tin rằng, nắm bắt được cơ hội hay để tuột mất chúng đều tùy thuộc vào sức mạnh của ông. Chẳng hạn, trong chiến dịch ở Nga, ngày 23/10/1812, khi biết rằng Kutuzov đã cắt đứt đường lui của mình ở đại lộ Maloyaroslavets, ông tự hỏi liệu có phải may mắn bỏ rơi ông hay chính ông để tuột mất nó. Nhưng chỉ một vài tháng sau, khi nói chuyện với Baron Fain vào thời điểm bắt đầu chiến dịch năm 1813, thái độ của ông còn buông xuôi hơn: “Tôi đã tính toán tất cả, còn lại đều phải trông chờ vào số phận”.

Qua một số nhận xét để đời của Napoleon trong những năm trước sự kiện Brumaire ta có thể thấy rõ sự tương tác giữa số phận, vận mệnh và quyền lực. Trong bản thảo *Discours sur le bonheur* ông viết năm 1791, có đoạn: “Thiên tài là những ngôi sao băng có sứ mệnh thấp sáng thời đại của họ.”. Điều này khiến người ta liên tưởng tới hình ảnh ngôi sao chổi như một linh cảm kỳ lạ khi ông mất ở St Helena, một hiện tượng hiếm hoi từng xuất hiện khi Cesar qua đời. Một lần nữa, trong lá thư gửi Manfredini vào ngày 1/2/1797, ông viết: “Sẽ có những điều viết trong cuốn sách của số phận xảy ra dù người đó có làm gì chẳng nữa”. Gần như ngay lập tức, ông đã giành chiến thắng đầu tiên tại Italy. Mười năm sau, trong lá thư viết ngày 27/3/1807, ông nói với Josephine: “Cả đời ta, ta đã phải hy sinh mọi thứ cho số phận, sự thanh thản, sở thích cá nhân và cả hạnh phúc riêng tư”. Ngay cả khi còn ở đỉnh cao quyền lực, những câu nói cho thấy ông luôn ý thức được trách nhiệm phải hoàn thành sứ mệnh làm bá chủ của mình. Điều này không quá bất ngờ. Nhưng điều đáng nói là ngay cả khi quyền lực không còn thì niềm tin đó cũng không hề lung lay. Trong một cuộc nói chuyện trên tàu chiến của Anh, Bellerophon, nơi ông tạm trú sau lần thoái vị thứ hai, Las Cases đã ghi lại những lời của Napoleon vào ngày 2-3/8/1815 như sau: “Một người đàn ông phải hoàn thành số mệnh của mình. Đây là niềm tin của tôi: hãy để tôi hoàn thành nó”. Thậm chí, ở St Helena, Napoleon nhìn nhận những gì ông đã mất bằng thái độ rất ương ngạnh. Như lời ông nói với Las Cases vào ngày 2 tháng 11/1816: “Người ta nói số phận

của tôi rất khác mọi người. Thất bại có thể hạ thấp nhân cách của một người đàn ông, nhưng đối với tôi thất bại lại nâng tôi lên một tầm cao mới. Mỗi ngày qua đi là một ngày tôi mất đi chút quyền lực”.

Như chính ông thừa nhận, yếu tố còn lại về quyền lực trong quan điểm của Napoleon là tham vọng. Đây có lẽ cũng là yếu tố khó hiểu và khó nắm bắt nhất, vì quan điểm về quyền lực của ông thường mâu thuẫn nhau. Nói chung, người ta có thể cho rằng Napoleon tự hình thành tham vọng gắn với cảm giác về số phận và rồi dùng quân sự làm phương tiện để đạt được hai thứ cùng một lúc. Nhưng tham vọng xuất hiện trong con người ông khi nào và ông đã kiên quyết theo đuổi tham vọng đó như thế nào? Chẳng hạn, trong cuộc đối thoại với Roederer vào năm 1804, dường như Napoleon đã né tránh vấn đề:

Theo tôi, tôi không có tham vọng, hoặc nếu có thì điều đó cũng hết sức tự nhiên đối với tôi, nó tồn tại giống như dòng máu đang cuộn chảy trong người tôi, như không khí tôi đang thở vậy. Nó không khiến tôi hành động nông nổi hay khác đi so với bản chất của tôi. Tôi chưa bao giờ phải tuân theo hay chống lại nó. Tham vọng chưa bao giờ đi trước tôi mà luôn song hành cùng tôi trong mọi hoàn cảnh và suy nghĩ.

Đây là lời lẽ của một người đàn ông trong những năm còn giữ ngôi vị hoàng đế. Nó ám chỉ rằng việc ông đạt đến đỉnh cao danh vọng là hoàn toàn tự nhiên, hợp với hoàn cảnh chứ không phải là sự tình cờ. Sau đó một thời gian, Napoleon trở lại chủ đề này một lần nữa tại St Helena và tuy tâm trạng mỗi lúc một khác, ông vẫn diễn giải bằng lời lẽ tương tự. Theo cách đó, ông tâm sự với Las Cases vào ngày 11/11/1816:

Thật sự, tôi chưa bao giờ làm chủ bản thân và luôn bị hoàn cảnh chi phối... Tôi không làm chủ được hành động vì tôi đã nỗ lực gắn kết các sự kiện theo cách riêng của mình. Ngược lại, tôi hướng suy nghĩ của mình theo những chuỗi sự kiện không thể lường trước được. Điều này có vẻ bấp bênh và

không nhất quán, và vì sai lầm này mà đôi khi tôi bị buộc tội không công bằng.

Tâm trạng hơi khác lạ này còn kéo dài vài ngày sau đó. Vào ngày 20/11, ông nói: “Tôi thấy khó xác định được chắc chắn đâu là suy nghĩ của tôi về một vấn đề”.

Tuy nhiên, khi bị giam cầm, quan điểm của ông về vấn đề tham vọng lại tập trung vào một khía cạnh hoàn toàn khác. Nếu xét kỹ thì thấy, dường như chiến dịch đầu tiên đánh Italy đã ảnh hưởng tới “lối suy nghĩ khái quát của ông”. Theo những ghi chép của Las Cases về cuộc đối thoại vào ngày 1-6/9/1815 trên chuyến tàu HMS Northumberland tới St Helena, Napoleon nói: “Mãi đến sau Lodi (trận đánh ngày 10/5/1796), tôi mới nảy sinh ý nghĩ trở thành nhân vật chủ chốt trong các sự kiện chính trị. Đó là lúc tham vọng của tôi bùng cháy”. Ít nhất ông cũng liên tưởng đúng đắn tham vọng vừa trỗi dậy của mình với sức mạnh quân sự, điều duy nhất làm cho nó trở thành hiện thực. Tuy nhiên, khi ông sống ở St Helena và bàn luận về vấn đề này kỹ lưỡng hơn, ông lại lý giải nó bằng ngôn ngữ khá kỳ lạ và khác thường. Ngày 1/5/1816, Las Cases đã ghi lại một trong những cuộc đối thoại như vậy:

Liệu tôi có bị buộc tội vì tham vọng quá nhiều? Tôi được phép có niềm đam mê và nó thật sự rất lớn lao; Có lẽ tham vọng của tôi là tham vọng lớn nhất đã từng tồn tại!... Tham vọng thiết lập và mở ra một triều đại của lẽ phải, thỏa mãn mọi nhu cầu của con người! Các nhà sử học sẽ cảm thấy hối tiếc nếu không thực hiện được những tham vọng như vậy!

Liệu vinh quang của một vị hoàng đế mà Napoleon có được có phải là do thành công trên con đường chinh phục quân sự hay những trận chiến không ngừng trên khắp các mặt trận? Ngày 11/11/1816, Napoleon đã trả lời một người bạn tù:

Khi ký hòa ước Amiens (ngày 25/3/1802), tôi cho rằng là số phận của nước Pháp và cả châu Âu đã được định đoạt; tôi hy vọng chiến tranh sẽ chấm dứt. Tuy nhiên, một lần nữa, nội các Anh lại bùng lên ngọn lửa chiến tranh. Chỉ có nước Anh phải chịu trách nhiệm cho tất cả mất mát mà châu Âu đang phải gánh chịu khi bị tấn công. Về phần tôi, tôi muốn cống hiến cho lợi ích của nước Pháp; tôi tin là mình đã làm được những điều kỳ diệu. Lẽ ra tôi không bị mất vinh quang, lẽ ra tôi phải chinh phục được cả châu Âu, cái mà sau này tôi có được nhờ sức mạnh quân sự. Tôi đã bị cướp đi quá nhiều vinh quang!

Kẻ thù luôn cho rằng tôi say mê chiến tranh, Nhưng chẳng phải đây là tôi tự vệ sao? Mỗi khi tôi giành được thắng lợi, chẳng phải ngay lập tức tôi đưa ra lời đề nghị hòa bình sao?

Thật khôi hài khi Napoleon luôn tự cho mình là một người mong muốn hòa bình nhưng không được đáp lại. Điều này không có sức thuyết phục. Tuy nhiên, đối với những người tôn thờ ông, đây là sự thật và tồn tại trong truyền thuyết về ông. Ngày 21/10/1816, ông nói với Las Cases: “Thực tế một phần tạo nên lịch sử, chỉ lời nói thì không thể làm nên lịch sử. Nỗ lực tiếp theo là cần phân biệt giữa thực tế và lời nói”.

MỌI NGƯỜI NHÌN NHẬN VỀ NAPOLEON: NHỮNG SÁNG TÁC ĐẦU TIÊN

Hồi ký của bá tước Las Cases đã góp phần tạo ra mặt tích cực trong hình ảnh “siêu nhân” Napoleon. Nó cũng ảnh hưởng sâu sắc tới những người truyền bá huyền thoại về ông, những người luôn quan tâm đến hành động và huyền thoại anh hùng của ông. Tất cả đều tôn thờ ông như một người có trí thông minh tuyệt vời, một thế lực làm nên những thay đổi cần thiết, tạo ra những điều tốt đẹp, một người đã quét sạch vết tích của chế độ cũ ở Pháp và những vùng đất được sáp nhập, một người luôn cố gắng làm những điều tương tự ở các thuộc địa của Pháp và toàn châu Âu, một người luôn lái các cuộc chiến tranh để giành hòa bình, nhưng luôn bị các liên minh ở nước

ngoài và những kẻ căm ghét sự tiến bộ cản trở chính sách cải tổ và tái cơ cấu của ông. Theo cách nhìn nhận này, ông được xem như một thần đồng, một người kế thừa thật sự của Cuộc cách mạng Pháp, vị hoàng đế đã hình thành nên lý tưởng cao đẹp và đặt dấu chấm hết cho những hành vi bạo ngược. Trật tự được lập lại, hỗn loạn, biến động đã nhường chỗ cho sự ổn định, thống nhất thay cho chia rẽ, bè phái và sức mạnh thế chỗ cho sự yếu đuối. Hình ảnh lý tưởng này đã khắc sâu trong tâm thức những người sùng bái Napoleon vào cuối thế kỷ XIX.

Napoleon đã cử Baron Bignon, một quan chức ngoại giao của hoàng đế, người đã từng phục vụ trong khu vực của công tước Warsaw, đặc biệt cũng có ảnh hưởng sâu sắc đối với truyền thống ca tụng, đến St Helena để viết tiểu sử về triều đại của ông. Trên thực tế, Baron Bignon đã để lại một tác phẩm có giá trị, *Lịch sử nhiều tập về triều đại Napoleon* ra đời vào cuối thời kỳ Phục Hưng. Là người từng phục vụ chính thức dưới triều đại Bourbons và Louis-Philippe, Bignon đã để lại một tác phẩm về Napoleon có giá trị hơn mong đợi. Thời gian đã khiến ông nguội lạnh với lời thề đấm máu năm nào. Vì vậy, dù rất ngưỡng mộ Napoleon nhưng ông vẫn nhận ra ông chủ của mình là kẻ rất chuyên quyền, độc đoán. Điều này thật là đáng tiếc, song đó lại là những biện pháp cần thiết để lập lại trật tự trong chính phủ Pháp và khôi phục danh dự quân đội của nước này. Armand Lefebvre, có tác phẩm xuất bản năm 1895, bốn năm sau khi Bignon mất, đã củng cố cho lý giải của Bignon. Ngoài lòng khâm phục dành cho Napoleon như một người khôi phục chính quyền hùng mạnh và vĩ đại của nước Pháp, cả Bignon và Lefebvre đều căm ghét nước Anh. Tuy nhiên, Lefebvre thể hiện tình cảm sâu sắc hơn và từ đó đề ra luận điểm của thuyết định mệnh lịch sử. Lefebvre cho rằng, những chính sách ngoại giao mà Napoleon đã áp dụng với nước Anh là hoàn toàn hợp lý cho dù có mắc một số sai lầm đáng tiếc.

Phe đối lập đã tạo một hình ảnh hoàn toàn trái ngược với một “siêu nhân”. Nó dựng lên hình ảnh Napoleon như một thế lực xấu xa và có sức mạnh hủy diệt. Điều đó bắt nguồn từ những bài viết của các tác giả đương thời mà

nổi bật là những sáng tác của nữ nhà văn de Stäel và Chateaubriand(34) trong thời kỳ hoàng kim của đế chế Napoleon cũng như sau khi đế chế sụp đổ. Tất nhiên, hai tác giả này đều nhìn nhận chế độ của Napoleon ở những khía cạnh khác nhau. Đối với bà de Stäel, ban đầu là rất tôn thờ Napoleon nhưng về sau lại thẳng thừng chống đối ông, bởi chính Napoleon từng là vị tướng thắng trận của Cuộc cách mạng và được đặt rất nhiều kỳ vọng, nhưng vì quá lạm dụng quyền lực nên ông đã tước đoạt tất cả những đạo lý tốt đẹp nhất. Năm 1803, sau khi bị trục xuất khỏi nước Pháp, bà càng chỉ trích Napoleon cay độc hơn. Bà chế diễu Napoleon đã không kìm chế được những tham vọng và sự cao ngạo và ngày càng dấn sâu vào danh vọng cá nhân, trở thành con người chuyên quyền, độc đoán, nhấn tâm với nỗi đau của những cuộc chiến liên miên, độc ác khét tiếng cả trong và ngoài nước, khắt khe với nghệ thuật và không khoan dung đối với bất kỳ ai có ý định chống đối. Tóm lại, bà đã dựng lên hình ảnh một Napoleon tàn bạo, một kẻ vô lương tâm với tất cả mọi người xung quanh, một kẻ ngoại đạo không quan tâm đến tổ quốc và là một vết nhơ của lịch sử.

34 Chateaubriand (1768-1848): nhà văn, chính trị gia, nhà ngoại giao.

Benjamin Constant, bạn thân của bà de Stäel, không được tham gia vào các hoạt động công chúng trong suốt thời kỳ chính quyền tổng tài ở Pháp vì bị khai trừ ra khỏi tòa án năm 1802, cũng là phê phán mạnh mẽ triều đại Napoleon. Tuy nhiên, thái độ chống đối của ông cũng rất khó hiểu. Trong thời kỳ Một trăm ngày, ông đột ngột quay lại phục tùng con người mà chỉ một vài tuần trước đó, ông còn gán cho cái tên “Attila” hay “Genghis Khan” thời hiện đại. Ông nhận lời gặp ủy ban chính phủ mới phục hồi của Napoleon và cùng thảo ra đạo luật bổ sung cho hiến pháp của triều đại. Tuy nhiên, sáng kiến phi chính trị này không tồn tại lâu và khiến ông phải trả giá bằng ba năm lưu đày, trước khi được trở lại với cuộc sống bình thường ở Pháp. Trường hợp này, sự tha thứ của Louis XVIII, một con người cũng đã từng ủng hộ những lời chỉ trích của Bernadotte đối với ngai vị của nước Pháp vào năm 1814, thật sự rất cao thượng.

Về phần Chateaubriand, một người thuộc dòng dõi hoàng tộc trước đây, cũng từng được Napoleon bổ nhiệm tới Rome và đã tuyệt giao với Napoleon kể từ sau cái chết của Công tước d'Enghien vào năm 1804. Là một trí thức theo đạo Thiên Chúa rất có cá tính, Chateaubriand phản nộ trước những chính sách kiểm soát đối với nhà thờ của Napoleon và việc giam cầm vua Pius VII. Về sau, ông đã coi Napoleon là kẻ thù thật sự của tôn giáo. Ngay sau lần thoái vị đầu tiên của Napoleon vào tháng 4/1814, Chateaubriand đã có cơ hội thể hiện sự chống đối của mình đối với vị hoàng đế “ngã ngựa”. Không giống với Bà de Staël (mất năm 1817), Chateaubriand đã trải qua những ngày hoàng kim của triều đại Napoleon. Cho đến trước khi chết năm 1848, ông đã nhiều lần dùng ngòi bút để phản đối lại triều đại Napoleon, đặc biệt là trong tác phẩm *Mémoires d'outre-tombe*. Nếu ảnh hưởng của ông đối với chủ nghĩa lãng mạn Pháp được nhiều người biết đến thì ảnh hưởng của các nhà văn theo đạo Thiên Chúa thế kỷ XIX đối với nhà thờ của Napoleon còn rộng hơn, ít nhất là trong bối cảnh hiện tại.

Những tác phẩm đầu tiên từ bên ngoài nước Pháp viết về ông còn cho thấy quan điểm trái ngược về con người và hành động của Napoleon. Hầu hết các tác phẩm, trực tiếp hay gián tiếp, đều đề cập đến những chủ đề quan trọng là lòng yêu nước thậm chí là chủ nghĩa dân tộc – bắt nguồn từ giới quý tộc ở những vùng đất sau này trở thành một phần lãnh thổ của nước Pháp. Tác phẩm của các nhà văn Đức, Italy gây chú ý nhiều hơn bởi chúng không chỉ dừng lại ở mức độ vừa phải mà còn kiểm chứng được những biểu hiện của lòng yêu nước. Những tác phẩm này có ảnh hưởng đến những cuộc tranh luận về hệ tư tưởng nhằm thống nhất chính trị ở cả hai quốc gia trong suốt nửa thế kỷ, sau đại hội Vienna. Điểm xuất phát quan trọng ở đây là nền tảng lịch sử. Trong khi cách mạng Pháp diễn ra và Napoleon khởi xướng các cuộc chiến tranh thì nhiều bang của nước Đức và Italy vẫn đang tồn tại chế độ cũ và ở những thời điểm nhất định, vẫn chịu sự cai trị và kiểm soát của nước Pháp. Trong một số trường hợp, cụ thể là nước Bỉ năm 1795 phải sáp nhập trực tiếp; một số trường hợp khác, xảy ra nhiều hơn trên thực tế,

các nước này buộc phải trở thành các nước chư hầu trong những nhóm chính trị mới của Napoleon ở phía đông sông Rhine và phía nam dãy Alps.

Những phản ứng trước sự cai trị của nước Pháp rất khác nhau ở hai quốc gia. Nhưng trên thực tế, cả hiện tại và sau khi chế độ này sụp đổ năm 1814, người Đức vẫn thù hận Napoleon hơn. Mặc dù các chính trị gia và các thương nhân Đức có thể hợp tác với Pháp khi sự nghiệp chính trị hay lợi ích kinh tế của họ bị đe dọa nhưng các tác giả vẫn có xu hướng lên án đế chế Napoleon. Nếu ai đó chỉ nghĩ đến triết gia Fichte, nhà văn người Đức C. F. Ruhs hay thủ tướng Áo Friedrich von Gentz mà lại bỏ qua hàng loạt tác giả ít tên tuổi hơn, hình ảnh mà gần đây các nhà sử học Đức gọi là “Napoleonbild”, là một điều rất đáng tiếc. Những điểm nhấn quan trọng ở đây là sức tàn phá của chế độ cai trị của nước Pháp tới những nước bị xâm lược: hy sinh quân sự, bóc lột kinh tế và (có lẽ phổ biến hơn cả) Napoleon đã xúc phạm niềm tự hào dân tộc, bản sắc văn hóa và niềm tin tôn giáo của những người Đức bị xâm lược.

Đối với những tác giả này, quan điểm về đế chế Napoleon cũng có sự mâu thuẫn. Chẳng hạn, trong cuốn *Geist der Zeit*, Arndt gọi đó là “một quốc gia quân sự chuyên chế”. Ngược lại, cuốn *Wars of Liberation* (những cuộc chiến vì tự do) được tung hô như là một làn sóng tinh thần của người Đức chống lại sự thống trị của ngoại bang. Ở đây, chúng ta thấy được một sự tiên đoán thú vị về những tác phẩm bằng tiếng Pháp của các tác giả sau này viết về triều đại Napoleon như hai nhà sử học Sybel và đặc biệt là Tretshke, khi mà cảm nhận chủ nghĩa dân tộc tại nước Đức mới thống nhất Reich được biểu hiện trên cơ sở chính trị và quân sự. Sự liên kết quan trọng này cho thấy cái gọi là “Napoleonbild” vẫn tiếp tục bao trùm trên văn đàn Pháp ít nhất là đến những năm 1880, sau giai đoạn đó, sự thù địch ngày càng gia tăng trong hải quân và triều đình Anh - Đức đã làm xuất hiện quan điểm nhìn nhận Napoleon như là một tấm gương anh dũng dám chống lại nước Anh.

Trong số những tác phẩm của các tác giả Đức trên, quan điểm của họ trái ngược nhau quá lớn nên khó có thể đưa ra một sự đánh giá công bằng và mang tính chuyên môn. Người ta có thể nhận thấy, nhà sử học người Đức Droysen cũng giống các nhà văn Đức khác, đều có thái độ không mấy thiện cảm với Napoleon. Nhưng mặt khác, ông cũng khá công bằng khi thừa nhận những mặt tích cực trong cách cai trị của Napoleon ở Đức. Ông cho rằng, sự cai trị đó đã góp phần thúc đẩy những thay đổi cần thiết ở đây, nhất là ảnh hưởng của các đạo luật và những phương thức quản lý thống nhất hơn. Ông cũng có cái nhìn rất sâu sắc về ảnh hưởng lâu dài mà Cuộc cách mạng Pháp và Napoleon mang tới cho xã hội. Thậm chí trước khi Marx áp đặt phép biện chứng bất di bất dịch về giai cấp của mình lên tiến trình lịch sử, Droysen đã biện luận rằng, những thành quả mà Napoleon đạt được đã củng cố thêm cho thắng lợi của Cuộc cách mạng tư sản Pháp. Nhà sử học Niebuhr, trong một bài viết, cũng đã phân tích rõ những nhận định của mình theo trình tự thời gian. Ông cho rằng, ban đầu Napoleon là người thống trị và cũng có đem lại một số lợi ích thiết thực trong việc khôi phục trật tự nước Pháp sau những biến động của Cuộc cách mạng, nhưng sau đó, việc Napoleon liên tục gây ra các cuộc chiến đã hủy hoại chúng. Trong cả hai trường hợp, Niebuhr đều quan tâm đến con người và hành động của Napoleon nhiều hơn là những chuyển biến xã hội của thời đại.

Tuy nhiên, trong số các tác phẩm của Đức thì tác phẩm của Ranke(35) đánh giá đầy đủ và sâu sắc nhất về con người Napoleon. Việc ông phản đối mạnh mẽ những nguyên tắc và cách thức của Cuộc cách mạng Pháp khiến cho nỗ lực nghiên cứu khách quan về Napoleon, kẻ đã từng xâm chiếm quê hương ông trong cuộc chiến tranh Pháp-Phổ và chia cắt nó trong thời bình, là rất đáng chú ý. Ông nhìn nhận Napoleon không chỉ như là người kế thừa của Cuộc cách mạng Pháp mà còn là một con người xuất chúng, hội tụ nhiều tài năng và lòng nhiệt tình, là hiện thân của tinh thần nhiệt huyết. Mỗi quan tâm của ông về lịch sử ngoại giao đã đưa tới kết luận rằng, những chính sách ngoại giao của Napoleon chỉ được hiểu đúng đắn nhất khi đặt trong bối cảnh quan hệ Pháp-Anh. Do đó, vấn đề Anh quốc đóng vai trò then chốt.

Đối thủ đã khiến Napoleon phải huy động mọi nguồn lực của cả lục địa châu Âu để đối phó. Vì Đức là một nhân tố quan trọng trong căn cứ quân sự của Napoleon nên lý lẽ đưa ra là rất hợp lý để biện chứng cho quan điểm “Carolingian”(36) về tham vọng thật sự của Napoleon (sẽ được đề cập ở cuối chương này). Trung thành với phương pháp nghiên cứu của mình, Ranke không đánh giá mặt đạo đức của Napoleon, điều khiến ông khác với các tác giả cùng thời.

35 Ranke (1795-1886): nhà sử học người Đức thế kỷ XIX

36 Carolingian: quan điểm thần học nổi bật trong văn chương thời kỳ Phục Hưng thế kỷ XIX.

Sau đó, cũng phải kể đến một số ít tác giả luôn khâm phục và biện hộ cho Napoleon. Trong số những người bị ảnh hưởng từ sức hấp dẫn của huyền thoại Napoleon, có lẽ các nhà văn chiếm số đông hơn các nhà tư tưởng, nổi bật nhất là nhà thơ Heine và Grabbe. Họ ủng hộ quan điểm của một vị hoàng đế hùng mạnh, người đã từng trị vì hầu hết các nước phương tây và Trung Âu, rồi cuối cùng thất bại, chịu cảnh lưu đày và chết đau đớn trên một hòn đảo hoang vắng. Vận mệnh, quyền lực và vinh quang nhưng cuối cùng vẫn phải chuốc lấy thất bại, đó thật sự là hình ảnh lãng mạn của một vị anh hùng. Xuất thân tôn giáo của Heine đã lý giải phần nào cách nhìn nhận quá ưu ái của ông đối với những hành động của Napoleon, được coi là người giải phóng người dân Do Thái nhưng trên thực tế lại không hề mang lại tự do cho họ mà nhằm mục đích kiểm soát tổ chức thông qua Sanhedrin. Thật sự, huyền thoại về Napoleon được xem như là hiện thân của tự do – người đã hoàn thành những lý tưởng ban đầu của Cuộc cách mạng Đức – được rất nhiều người ủng hộ ở đây. Một số các tác giả như Rotteck, Schloser, Muller, Aretin, Vogt và Hebel đều coi khoảng thời gian dưới sự thống trị của nước Pháp là một điều tất yếu để phá bỏ những trói buộc truyền thống. Dĩ nhiên, họ cũng nhận ra rằng phương pháp của Napoleon rất chuyên quyền và sự chinh phục nước Đức là một sự sỉ nhục đối với triều

đại cũ. Tuy nhiên, họ cũng cho rằng từ những biến động này, nhiều kết quả tốt đẹp đã xuất hiện. Ảnh hưởng của nó đã phá vỡ cấu trúc trật tự phong kiến cũ, xóa bỏ những đặc quyền dành cho giới quý tộc và những giáo sĩ cơ đốc cũng như chế độ La Mã, vì thế nó dọn đường cho sự thống nhất chính trị của nước Đức. Hơn nữa, khi nhìn lại làn sóng giải phóng chống lại hệ phái bảo thủ Metternich phát triển vào cuối những năm 1820 thì những cải cách của Napoleon đáng được đánh giá cao hơn. Giả định rằng ông đã củng cố cho lợi ích của giai cấp tư sản, những luật lệ mà ông đưa ra lớn hơn đặc quyền pháp luật và ông đã ủng hộ việc mở rộng thị trường trong nước vốn bị cản trở bởi những rào cản về thuế và hải quan và dù trên thực tế còn có những nghi ngờ thì tất cả những điều này đã gợi mở tư tưởng tự do thương mại cho Đức. Tuy nhiên, nếu thời gian đã giúp có thêm những người ủng hộ thì sau thất bại của Cuộc cách mạng năm 1848, lối suy nghĩ tự do của người Đức cũng dần mất đi. Giai đoạn tiếp theo thiên về hệ tư tưởng dân tộc, những người mà có tầm nhìn về nước Đức thống nhất thường độc đoán hơn, quân phiệt hơn và đồng cảm hơn với người dân Phổ. Chiến thắng của Jena Auerstadt đã làm dấy lên sự thù địch, thậm chí họ còn định báo thù cho sự hy sinh của cháu trai của ông trong cuộc chiến tranh Pháp - Phổ năm 1870-1871.

Vẫn còn một nhân vật kiệt xuất là Goethe, người cùng thời với Napoleon và xét về nhiều mặt là một trong số những tác giả Đức khó hiểu nhất. Là một quan sát viên quân đội Phổ tại chiến trường Valmy (ngày 20/9/1792), ông đã ca ngợi chiến thắng của những chiến sĩ cách mạng: “Tại đây và hôm nay, một kỷ nguyên mới đã mở ra trong lịch sử thế giới”. Rất lâu sau đó, khi quân đội Pháp đang chiếm ưu thế, ông đã gặp Napoleon ba lần vào tháng 10/1808, lần đầu tiên là ở Erfurt và hai lần sau là ở lâu đài Weimar. Những người từng chứng kiến cuộc gặp này đã thuật lại rằng, hai ông đã ngay lập tức thể hiện sự khâm phục lẫn nhau, Napoleon đã có những lời ca tụng nhà thơ có tác phẩm *voilà un homme!*. Sau đó, Napoleon mời Goethe tới Paris làm nhà viết kịch chính thức cho hoàng gia. Napoleon luôn thích các nghệ sĩ hay nhà văn nổi tiếng phục vụ cho mục đích truyền bá của mình và coi

nhà hát là một nơi lý tưởng để tìm kiếm sự ủng hộ của quần chúng. Nhưng Goethe là một cận thần trung thành của Công tước August nên đã một mực từ chối lời mời. Và thật khó có thể hình dung ông lại là một kẻ xu nịnh cho bất kỳ triều đình ngoại quốc nào.

Tuy nhiên, ông cũng đã bị giọng điệu của Napoleon thuyết phục. Điều này có thể thấy qua những bài viết của ông. Trong một lá thư gửi cho Knebel vào ngày 3/1/1807, ông đã gọi hoàng đế là một “hiện tượng kỳ lạ nhất trong lịch sử” kể từ sau thời Caesar và Alexander. Đó là những lời biểu lộ lòng khâm phục và tình cờ sau này nhà văn Pháp Stendhal đã nhắc lại lời nói này khi thể hiện sự ngưỡng mộ của mình trong tác phẩm *Vie de Napoleon* năm 1807. Cùng trong thời gian đó, theo những ghi chép của một phóng viên, ngày 7/1/1809, Goethe đã nói về “hoàng đế của tôi”. Vài năm sau đó, khi lời nói đó không còn phù hợp, ông lại bày tỏ quan điểm của mình về Napoleon bằng những từ như “một bộ óc thông minh tuyệt đỉnh” (1815) “một bản trích yếu của thế giới” (1826) “đứa con của chúa” (1828), “vô ước” (1829). Bài viết riêng của ông về những cuộc gặp gỡ năm 1808, được viết lại sau 16 năm, càng làm sáng tỏ một điều rằng ông xem đó là những sự kiện đặc biệt trong cuộc đời mình. Lòng ngưỡng mộ của ông dành cho Napoleon không hề suy giảm trong suốt những năm đó, ông luôn trân trọng niềm vinh hạnh được phục vụ cho hoàng đế từ sau cuộc gặp tại Erfurt. Ông luôn coi Napoleon là một nhân vật kiệt xuất, là hiện thân của Manichean trong lịch sử và không thể đánh giá bằng những tiêu chuẩn của người bình thường. Nhiều lần ông bào chữa và biện hộ cho những hành động tàn bạo của Napoleon như là những hành động cần thiết cho đất nước.

Tóm lại, khác với đồng bào của mình, ông luôn giữ trong mình hình ảnh một “siêu nhân” được kính trọng và ngưỡng mộ sống mãi trong lòng người dân Đức. Về mặt này, ông đã hơn hẳn Schopenhauer, người cũng đã từng gặp Napoleon và cũng từng nhận xét: “Bonaparte là hiện thân tốt đẹp nhất cho sức mạnh ý chí con người”. Hegel, một quan tòa đồng cảm, là người có cảm giác đặc biệt khi có sự hiện diện của hoàng đế. Như lời ông viết cho

Niethammer sau cuộc chiến Jena vào ngày 13/10/1806, sau khi chứng kiến cảnh Napoleon tiến vào thành phố trên lưng ngựa, ông tin rằng mình đã thấy được “tinh thần của cả thế giới”. Những hình ảnh đó sau này đã được các nhà văn Đức tái hiện lại vì nhiều mục đích khác nhau. Chẳng hạn, triết gia người Đức Nietzsche khi miêu tả chi tiết lý thuyết “tái sinh” từ những triển vọng lịch sử và hệ tư tưởng khác nhau cũng chọn Napoleon là hình mẫu của một nhân vật kiệt xuất.

Ở Italy, những phản ứng tiêu cực của các tác giả đối với Napoleon xuất hiện sớm hơn. Điều này là bình thường nếu chúng ta nhớ lại những ảnh hưởng mạnh mẽ của chiến dịch Ý đầu tiên. Ở một vài khía cạnh, bối cảnh lịch sử rộng hơn của nước Italy cũng rất khác so với nước Đức. Niềm vinh dự về một đế chế La Mã đã tồn tại trong văn hóa của người dân Italy hơn một thiên niên kỷ và từ lâu nó cũng đã mất mọi thể thức chính trị. Có một thực tế, các nhà thờ Thiên Chúa giáo thường được dựng lên dựa theo vai trò của người kế thừa, và rằng nước Italy không bị chia rẽ chính trị như ở nước Đức. Tuy nhiên, nếu quyền lực tinh thần của Đức Giáo hoàng bao trùm lên toàn bộ người dân Ý thì quyền lực thực tế của ông lại bị hạn chế rất nhiều. Điều này chỉ tồn tại ở những nước có sự hiện diện của Đức giáo hoàng, bao gồm miền Trung nước Ý, Rome và những vùng lân cận ở Patrimony, Umbria, Marches, Romagna và Legations.

Trong giai đoạn cuối của cuộc xâm lược Pháp, sự chia cắt chính trị của nước Ý là rất rõ ràng và chủ nghĩa địa phương thịnh hành ở khắp nơi. Tuy nhiên, điều này cũng không thể so sánh với sự phức tạp của Kleinstaaterei ở Đức, đất nước có hơn 300 bang nhỏ, mỗi bang có chủ quyền riêng đã từng tồn tại dưới thời Napoleon. Khái niệm lòng trung thành với triều đình, đặc biệt là lòng trung thành với một triều đình ngoại bang không mang nhiều ý nghĩa với những người dân Italy yêu nước. Từ năm 1718, triều đại Sardinia-Piedmont-Savoy đã không có được lòng trung thành của người dân trên toàn đất nước. Tại những vùng đất Venice và Genoa, những nước cộng hòa độc lập, quyền lực nằm trong tay chính quyền địa phương những người

không đồng quan điểm về tinh thần dân tộc. Ở những vùng còn lại, ý tưởng giải phóng dân tộc trước sự tấn công của ngoại bang dường như đã thu hút được những người yêu nước. Lẽ dĩ nhiên, truyền thống về sự chuyên chế đã được khai sáng ở Italy, đáng chú ý nhất là ở Lombardy và Tuscany tuy nhiên, nó không vững chắc như ở Đức.

Năm quan trọng nhất là năm 1796. Như các nhà sử học hiện đại sau này đã ghi chép lại thì: “Cuộc cách mạng đã đặt chân lên bán đảo; lịch sử hiện đại Italy được đánh dấu bởi sự hiện diện của quân đội Pháp”. Điều này đã lý giải tại sao nhiều tác giả Italy lại quan tâm đến sự xâm lược của người Pháp hơn là các tác giả người Đức. Thái độ thù địch của họ đối với sự cai trị của chế độ cũ cùng với tâm lý bài Anh mạnh mẽ và nhận thức về khả năng yếu kém của quân đội là những lý do khiến họ chào đón vị tướng người Pháp gốc đảo Corsica như một người anh hùng. Pindemonte, Fantoni, Monti, Cesarotti và Giordani, tất cả đều coi Bonaparte là người anh hùng giải phóng dân tộc vĩ đại và hy vọng công cuộc tái thiết nước Italy sẽ đánh dấu một bước khởi đầu mới cho họ. Thái độ của họ cũng nhận được sự đồng thuận của một số ít tác giả. Đôi khi những tác giả này thường quá phô trương nên họ bị coi là những nhà sử học tư lợi. Nhưng thực tế, người ta cũng cần phải xét đến sự hiện diện của những người kiểm duyệt và áp lực của việc truyền bá chính thức tập trung xung quanh họ, nhất là sau chiến thắng của quân đội Pháp ở Marengo, tháng 6/1800. Mong muốn lấy lòng chính quyền mới phần nhiều do bản chất tự nhiên của nghề nghiệp.

Một lý do khác cũng khiến chúng ta quan tâm đến những phản ứng của giới nhà văn đối với sự xâm lược của Pháp. Họ không phải là những người đại diện cho quan điểm của người dân Italy, nhất là khi đối mặt với những tình cảm ủy mị – một đặc trưng của nền cộng hoà, và chống tăng lữ thái quá của người Pháp. Stuart Woolf nhắc nhở rằng, ông từng phải đối mặt với sự ác cảm của người dân Ý, những người tham gia và ủng hộ chủ nghĩa vô thần. Bị giới quý tộc và tăng lữ xúi dục, một số cuộc nổi dậy của nông dân ở nhiều vùng đã diễn ra trong những năm đầu của nền cộng hoà, nhất là vào năm

1799 khi quân đội Áo - Nga buộc Pháp phải rút khỏi bán đảo. Trên thực tế, như Woolf đã nhận định: “Những cuộc nổi dậy đã đánh dấu thời kỳ thống trị của Napoleon ở nước Italy”.

Như thế, rõ ràng là một số tác giả có thái độ thù địch với người Pháp trong khi những người khác thì có thái độ nước đôi. Ở nhóm đầu, Alfieri(37) là người có vai trò rất quan trọng. Cho đến trước khi mất năm 1803, ông không bỏ lỡ bất kỳ cơ hội nào để biểu thị sự khinh miệt của mình đối với Cuộc cách mạng, với Napoleon và bất kỳ điều gì liên quan đến trật tự mới ở Pháp. Trong mắt ông, những người Pháp xâm lược là những kẻ man rợ, là kẻ thù của tự do. Foscolo(38) cũng mất nhiều năm mới trút bỏ được sự hận thù trước việc Napoleon bội ước hiệp định Campo Formio, tháng 10/1797. Sau đó ông thể hiện thái độ khoan nhượng hơn và chấp nhận sự thống trị của Napoleon với hy vọng việc đó sẽ đem lại những điều tốt đẹp cho nước Italy. Tuy nhiên, ông vẫn bày tỏ thái độ chống đối hoàng đế trong lúc nhiều người khác lại tỏ thái độ quy lụy. Ban đầu, phản ứng của Gioia đối với Napoleon rất trái ngược. Vào năm 1796, ông tin rằng Napoleon là ”thần hộ mệnh của nước Italy” và sự lạc quan của ông kéo dài từ chiến thắng Marengo đến giai đoạn đầu của nền cộng hòa Italy. Nhưng đến năm 1802, thái độ của ông đã thay đổi hẳn, ông hoàn toàn thất vọng trước phương thức chính trị mà người Pháp mang đến. Tuy ngoài mặt, ông vẫn tỏ ra hợp tác với Pháp nhưng sự tôn kính thật sự dành cho Napoleon đã không còn mà chỉ do tâm lý bài Anh và niềm tin rằng cuối cùng người Italy sẽ đánh bại quân xâm lược.

37 Vittorio Alfieri (1749-1803): nhà viết kịch người Italy.

38 Foscolo (1778-1827): nhà thơ, nhà văn người Italy.

Một số tác giả người miền Nam khác luôn thể hiện quan điểm ôn hòa và thực tế hơn. Đối với họ, sự cai trị của nước Pháp là bước tất yếu đem lại tự do cho một bán đảo thống nhất và riêng với Lomonaco, điều này đồng nghĩa với việc giải thoát khỏi sự kìm kẹp của nhà thờ thiên chúa giáo. Vì

thế, họ cho rằng đây không phải là điều tệ hại. Họ tin rằng, trước hết, người Italy phải học cách xây dựng một chính phủ có năng lực từ người Pháp trước khi họ nhận ra lý tưởng yêu nước tự trị. Nói cách khác, họ coi Napoleon là một phương tiện để đạt được mục đích cuối cùng và kết thúc nằm ở tương lai. Một điều ngạc nhiên là các nhà các nhà quan sát đương thời giờ đây được xem như những nhà tiên tri quan trọng của Risorgimento.

Chúng ta cũng cần có cái nhìn xa hơn về tất cả những thay đổi của nền văn học Italy dưới sự cai trị của Napoleon. Chủ đề này đã được nhà nghiên cứu Eileen Millar xem xét trong một nghiên cứu sau giai đoạn 1796-1821. Bà chỉ ra rằng, các tác giả Italy đã có những phản ứng khác nhau trong từng giai đoạn có sự hiện diện của người Pháp: từ chiến dịch Italy đầu tiên năm 1796-1797 đến giai đoạn xen giữa của các nước chư hầu và đến khi nó sụp đổ vào năm 1805, tới giai đoạn đỉnh cao của thời kỳ sáp nhập và triều đại lệ thuộc của Italy và của Naples trong “đế chế hùng mạnh”, tới sự tan rã của triều đại Napoleon trên bán đảo từ 1813-1815. Xét tổng thể, những phản ứng như thế đã để lại một di chứng lâu dài và có ảnh hưởng quan trọng tới những tư tưởng khơi mào cho các phong trào đấu tranh vì một nước Italy độc lập và thống nhất.

Rõ ràng, nền văn học Italy đã không thiếu những ngòi bút chống lại sự cai trị của Pháp nhưng những phản ứng tích cực vẫn điển hình hơn. Sau năm 1815, những chủ đề về người anh hùng Napoleon vẫn được nhắc đến nhiều hơn, đặc biệt là sau năm 1821, khi chúng bị ảnh hưởng bởi chủ nghĩa lãng mạn và huyền thoại về Napoleon. Sự trở lại của người Áo và Neapolitan Bourbons, đặc biệt là sự khôi phục lại cơ cấu chính trị cũ tại Nghị viện Vienna đã khiến cho nhiều tác giả có xu hướng ca ngợi thời kỳ cai trị đã mất của đế chế. Điều này được thể hiện rõ nhất trong bài thơ *Il Cinque Maggio* của Manzoni nói về nỗi đau khổ khi nhớ về một người vĩ đại đã bị lưu đày đến St Helena. Bài thơ được viết ngay khi tác giả biết tin Napoleon chết vào năm 1821. Hình ảnh một con người đáng kính đã ra đi, người đã vượt ra khỏi những chuẩn mực thông thường, là một hình tượng vĩ đại trong

truyền thuyết về ông. Ba năm sau đó, Carlo Botta(39) đã xuất bản 4 tập đầu cuốn sách *Storia d'Italy dal 1789 al 1814* (câu chuyện về nước Italy từ 1789-1814) và từ đây, những nghiên cứu lịch sử về Napoleon vốn rất hạn chế, đã có những bước xuất phát đầu tiên. Botta, người trước đây đã từng hợp tác với chính phủ Pháp tại quê hương Piedmont và cũng nhận được sự tôn vinh cho những công hiến của mình, đã không nghi ngờ gì về hậu quả mà những phương pháp cai trị bạo ngược của Napoleon đem lại cho nước Italy. Tuy nhiên, cũng giống như nhiều tác giả khác, ông cũng kính sợ Napoleon, thừa nhận đó là một thiên tài có một không hai và có cảm giác “ngạc nhiên lẫn lộn, kinh hoàng, tiếc nuối, hãnh học, thỏa mãn” khi nhớ về Napoleon.

39 Carlo Botta (1766-1837): nhà sử học người Italy.

Ngược lại, ở Anh, những phản ứng thù địch của các nhà văn đương thời đối với Napoleon rõ ràng hơn người Italy dù với những lý do rất khác nhau. Từ một quan điểm chính thống, điều này được mong đợi sẽ đem lại sự củng cố cần thiết cho tinh thần của quần chúng cũng như huy động nguồn lực vật chất cho cuộc chiến lâu dài với Pháp giai đoạn 1793- 1815. Tuy nhiên, chủ đề có vẻ quan trọng và hấp dẫn này lại bị lãng quên kể từ khi tác phẩm đầu tiên của F.J. Maccunn được xuất bản cách đây hơn 80 năm. Lý lẽ mà tác giả đưa ra đã chứng minh một điều rằng, quan điểm về Napoleon có thể được tìm thấy trong các bài viết của các chính trị gia, các nhà ngoại giao, nhà báo. Thực tế, những phản ứng như thế xuất phát từ chiến dịch Ai Cập của Napoleon năm 1798-1799, khi mối quan tâm của nước Anh đối với các chiến lược quân sự của Napoleon trở nên rõ ràng hơn. Những phản ứng này tiếp tục kéo dài trong những năm của chế độ tổng tài, đế chế và đến khi ông bị lưu đày ở St Helena. Một số người Anh khi đến thăm Pháp trong thời kỳ hòa bình đã có những bài viết giá trị về tình hình đất nước dưới sự cai trị của Napoleon những năm 1802-1803 và sau khi ông thoái vị năm 1814-1815.

Chẳng hạn, những bài phát biểu được các tác giả như Pitt, Fox, Sheridan và Windham xuất bản đã đưa ra cái nhìn sâu sắc về sự đồng thuận của nghị viện, cơ quan tập hợp nhiều đảng phái nhằm chống lại sự đe dọa của Napoleon đối với nước Anh và lợi ích của quốc gia này ở Levant(40). Tương tự như thế, các bài báo và nhật ký của các nhà ngoại giao như Castlereagh, Malmesbury, Sir Arthur Paget và Cornwallis – những người đã điều hành các phiên đàm phán hòa bình với Pháp trong những thời điểm khác nhau – đã phản ánh rõ những quan điểm khác nhau trong giới chính trị gia Anh. Quan điểm của nhà nghiên cứu Wellington cũng thể hiện sự quan tâm đặc biệt mặc dù hầu hết chúng chỉ được ghi lại thông qua những hồi tưởng của ông. Một số tập san có lượng độc giả rất lớn. Tờ *Courier*, thực tế là phương tiện tuyên truyền của thời chiến, thường coi Napoleon là kẻ thù không đội trời chung. Tờ *Times* thậm chí lớn tiếng và khăng khăng vạch trần ông là một kẻ mạo danh hèn nhát. Tờ *Quarterly*, cũng góp phần không nhỏ vào bản nhạc này. Trong một số những ấn phẩm thường kỳ như *Anti-Jacobinn* (1789) và *Anti-Gallica* (1803), Napoleon thường bị coi là một nhà quân sự thô lỗ, có những quyết định vô ý thức, cướp bóc, tiêu diệt không thương tiếc những kẻ bại trận. Sự tàn bạo của ông được miêu tả nhằm tạo ra sự khiếp sợ cho các độc giả người Anh. James Gillray, một họa sĩ biếm họa đã từng vẽ “Little Boney” như một sinh vật bé nhỏ đang sợ sệt trước sức mạnh của John Bull, cũng đã vẽ một số tranh biếm họa Napoleon bằng cái nhìn ác cảm nhất. Tờ *Edinburgh Review* lại có cái nhìn ôn hòa hơn và có những đánh giá công bằng hơn cũng như cung cấp nhiều thông tin hơn.

40 Levant: Đảo nhỏ nằm ở Địa Trung Hải.

Và dù có sử dụng phương pháp diễn đạt gì thì người Anh đều cho rằng Napoleon là một kẻ tâm thần, không có nền tảng giáo dục cơ bản của giới thượng lưu và một kẻ gây chiến nguy hiểm với những tham vọng bá quyền cần phải được ngăn chặn. Họ xem ông như là kẻ kế tục Jacobin, một người hiếu chiến và không tôn trọng pháp luật. Họ lên án tất cả các hành động của ông mà không có sự phân biệt nào. Những người đã từng giữ chức vị bộ

trường thời Pitt và Addington luôn tỏ ra rất tức giận trước những can thiệp quân sự của Napoleon đối với các quốc gia Ý, Thụy Sĩ và Ai Cập cũng như trước kế hoạch tấn công vào Malta và Thổ Nhĩ Kỳ. Họ cho rằng, Napoleon là người duy nhất phải chịu trách nhiệm trước sự thất bại nhanh chóng của hiệp ước hòa bình Amiens, năm 1803. Vượt qua sự khủng hoảng sau thất bại của Hochetrong kế hoạch tiến quân vào Ireland năm 1797, người Anh thật sự lo lắng trước kế hoạch Boulogne của Napoleon năm 1803-1805 nhằm mở một cuộc tấn công trực tiếp vào miền Nam nước Anh. Trong thời kỳ này, bên cạnh việc gia tăng sức mạnh cho tuyến phòng thủ bờ biển Channel, việc tuyên truyền nhằm chống lại Napoleon đã đạt tới đỉnh điểm.

Nỗi lo sợ được xoa dịu sau trận chiến Trafalgar vào tháng 10/1805 được thay thế bởi nỗi lo sợ mới khi chính sách phong tỏa lục địa của Napoleon được chính thức tuyên bố vào năm 1806. Sau khi Anh trực tiếp tham gia vào cuộc chiến Peninsular năm 1808 và sự kiện Napoleon xâm chiếm Hà Lan năm 1810 làm dấy lên nỗi lo ngại về khả năng Anh sẽ là mục tiêu xâm lược tiếp theo của quân đội Pháp, toàn bộ khu vực xung đột đã được mở rộng đáng kể. Khi nền kinh tế trong nước lâm vào khủng hoảng và xã hội trở nên bất ổn, tinh thần của dân chúng khá bệ rạc. Đặc biệt là sau sự sụp đổ của chính phủ Bồ Đào Nha kéo theo thất bại hoàn toàn của chuyến do thám Walcheren năm 1809. Bộ máy tuyên truyền của nước Anh phải làm việc hết công suất để vực dậy tinh thần của dân chúng. Việc này được duy trì cho đến khi tin tức về việc quân đội Napoleon gặp thất bại ở Nga năm 1812, sự kiện đã nâng cao quyết tâm đánh đuổi quân Pháp ra khỏi bán đảo của người Anh, đồng thời trợ giúp cho các liên minh để đánh bại Napoleon. Tuy nhiên, trong thời gian trước khi cuộc chiến nổ ra, không có những chỉ trích nào quá nặng nề và cũng không có bức biếm họa nào quá thô tục để lăng mạ hình ảnh Napoleon, mặc dù lúc đó ông đang ở đỉnh cao của quyền lực trên toàn lục địa.

Những chính trị gia và những nhà xuất bản, những người không làm việc trong giai đoạn này, thường công kích Napoleon vì những lý do khác nhau.

Nhiều người trong số họ tỏ ra rất ủng hộ giai đoạn đầu của cuộc chiến. Một số người gọi lại cuốn *Reflections* của Burke(41) năm 1790 bằng cách so sánh nó với cuộc Cách mạng Anh năm 1688-1689. Theo họ, Napoleon là một sự đối nghịch hoàn toàn, một bạo chúa quân sự, người đã tước đoạt những nguyên tắc tốt đẹp nhất của một cuộc cải cách hòa bình. Ví như lời chỉ trích mạnh mẽ của William Burdon, trong cuốn *The conduct and Character of Napoleon Bonaparte* xuất bản năm 1804, năm Napoleon lên ngôi hoàng đế. Nhưng cùng thời điểm này, sự đồng thuận chính trị giữa những người cấp tiến không nhất quán như những người bảo thủ. Một vài người như Fox và Sheridan đầu tiên có quan điểm ủng hộ sự kiện Brumaire, đặc biệt là khi Napoleon có động thái nhiệt tình hơn trong việc đàm phán hòa bình với Anh. Họ có ác cảm với Bourbons, người đã cải tổ các nguyên tắc mà họ chống đối. Mặc dù những người này vẫn duy trì thái độ thù địch với Napoleon nhưng đã suy yếu và mất dần kể từ sau cái chết của Fox năm 1806 và sự thất bại của chính phủ liên minh năm 1806-1807. Thậm chí “những người bạn hòa bình”, những người không theo quốc giáo và phần lớn những người cấp tiến ngoài xã hội, những người đã phản đối nỗ lực phá hoại Cuộc cách mạng Pháp bằng chiến tranh của Pitt cũng không ưa Napoleon. Một vài người rất lỗi lạc trong phong trào yêu nước đấu tranh chống Pháp. Và nếu chủ nghĩa hòa bình được theo đuổi trong suốt cuộc chiến của đế chế thì đó là vì họ tin rằng hòa bình với ông là có lợi cho nước Anh.

41 Burke (1729-1779): chính trị gia, nhà văn, nhà sử học.

Tuy nhiên, trong bất cứ tình huống nào, những người cấp tiến cũng không bao giờ công khai chống lại Napoleon. Một số ít người cũng có sự ủng hộ ngầm đối với cải cách của Napoleon ở Pháp mặc dù vẫn còn khá thận trọng. Những người cấp tiến như William Cobbett, Francis Burdett, Samuel Whitbred và J. C. Hobhouse cũng được xem là những người biện hộ cho Napoleon dù điều này có thể trái ngược với thành kiến của họ đối với những người bảo thủ. Điều này được thể hiện rất rõ trong trường hợp của

nhà phê bình William Hazlitt. Trong khi sự cấp tiến và thù hận của ông đối với chính phủ Anh bắt nguồn từ việc ông không theo quốc giáo và xuất thân là người Ireland, ông cũng bị lôi cuốn bởi cuộc chiến dũng cảm của Napoleon chống lại chế độ chuyên quyền thất thế của châu Âu. Sự ngưỡng mộ của ông đối với Napoleon chưa bao giờ suy giảm và trong tác phẩm *Life of Napoleon* (Cuộc đời của Napoleon) xuất bản rất lâu sau đó, vào năm 1830, ông đã ca ngợi những phẩm chất của người anh hùng, người đã nỗ lực hơn bất cứ ai để chống lại những nguyên tắc vô lý về đặc quyền của nhà vua.

Tuy nhiên, đây là một trong những trường hợp hiếm hoi, còn hầu hết các nhà văn Anh luôn có thái độ thù địch. Hình ảnh một Napoleon xấu xa luôn xuất hiện trong các tác phẩm của họ cho dù họ có quan điểm chính trị khác nhau. Nhà văn Coleridge, người có thái độ đối kháng sâu sắc với Napoleon, thể hiện rõ điều này qua các tác phẩm văn xuôi của mình. Trong khi những người khác lại chọn cách thể hiện là thơ. Hai nhà thơ Wordsworth và Southey (sau này trở thành những nhà thơ của triều đình vào năm 1813) nổi trội nhất trong số những tác giả cấp tiến – những người tỏ ra thất vọng trước sau Cuộc cách mạng Pháp, đặc biệt những gì xảy ra sau sự kiện Brumaire. Ngay từ giai đoạn đầu của cuộc chiến, Wordsworth đã gọi Napoleon là “Robespierre trên lưng ngựa”, hình ảnh được nhà thơ ví như một kẻ cướp, và đây là khởi nguồn cho lời nhận xét của Carlyle sau này khi cho rằng “Napoleon là đồng đảng với lũ cướp”. Wordsworth cũng tin rằng tại các thời điểm khác nhau, tinh thần dân tộc của người Phổ, người Tây Ban Nha, người Áo, Tyrolese, người Nga và dĩ nhiên cả người Anh cuối cùng sẽ đánh bại Napoleon.

Walter Scott, người cũng xây dựng hình ảnh Napoleon giống như một tên cướp, đã góp một tiết tấu đầy phong cách vào bản nhạc lãng mạn Napoleon. Sự căm thù Napoleon chủ yếu xuất phát từ sự tôn sùng chế độ phong kiến và ông là người rất bảo thủ, luôn muốn duy trì trật tự xã hội cũ. Về mặt này, thái độ của ông ngược với những người theo trường phái Hazlitt(42). Ông

đã miêu tả Napoleon là một kẻ có xuất thân thấp hèn, một kẻ vũ phu, bị lòng tham điều khiển để rồi dẫn đến những hành động dã man. Sở thích văn chương của hoàng đế trải rộng từ lòng yêu mến dành cho Ossian, Rousseau và Goethe tới toàn bộ những tác phẩm cổ điển nói chung bị những người say mê sự tinh tế trong phong cách hiệp sĩ mới của trường phái Gothic phục hồi coi là sự giả tạo tầm thường. Định kiến xã hội của Scott đối với Napoleon được bộc lộ yếu ớt qua những bài thơ như *Hình ảnh về Don Roderick* (1811) và *Chiến trường Waterloo* (1815). Tuy nhiên, sự căm thù của ông được thể hiện rõ ràng nhất trong 9 tập thơ “Cuộc đời của Napoleon” xuất bản năm 1827. Thực tế, đây là một tác phẩm nghiên cứu nghèo nàn, không có nhiều giá trị lịch sử và không nhận được sự ủng hộ của giới phê bình văn học. Đối với Byron, thời gian cũng làm thay đổi thái độ và ngôn từ của ông. Việc ông tỏ ra coi thường vị hoàng đế đương quyền cũng giống như thái độ coi thường tất cả những kẻ chuyên quyền và sau này ông tỏ ra cảm thông hơn đối với vị hoàng đế bị cầm tù. Sự thay đổi này xuất phát từ thái độ căm ghét Liên minh Holly được lập ra năm 1815, nhưng trên hết có lẽ do ông xúc động trước số phận của Napoleon ở St Helena, tình cảnh khiến người ta nhớ tới hình ảnh Prometheus bị xích vào đá.

42 Hazlitt (1894-1993): nhà văn, nhà phê bình văn học người Anh.

Bất chấp những quan điểm chính trị khác nhau, các tác giả Anh đương thời có một điểm chung trong thái độ đối với Napoleon. Không giống người Ý, người Đức, họ chưa phải trải nghiệm cú sốc quê hương bị xâm lược và dĩ nhiên họ chưa bao giờ chịu sự thống trị của nước Pháp, họ cũng không phải dùng mưu mẹo để hợp tác với kẻ thù. Đất nước chưa bao giờ bị bóc lột về kinh tế. Sau trận Trafalgar, người Anh đã trở thành ông chủ của biển cả và chuẩn bị cho kế hoạch bành trướng ra toàn thế giới. Sự thù địch mà hầu hết các tác giả Anh dành cho Napoleon hay sự thân thiện hiếm hoi từ một số người khâm phục ông thường được bộc lộ trong bối cảnh mà chính Napoleon hay kẻ thù của ông đều không hiện diện. Phản ứng của họ bắt

nguồn từ những nguyên tắc mà Napoleon đặt ra và bởi sức hút từ con người ông đối với giới văn nghệ sĩ thời kỳ đó.

Hầu hết các chính trị gia ưu tú của Anh, thậm chí hệ thống nghị viện chưa được cải tổ, đã nuôi dưỡng ý tưởng về một dân tộc tự do được cai trị bởi một thể chế đã được kiểm nghiệm và khai sáng. Nếu đem so sánh thì đế chế của Napoleon giống như một mạng lưới chuyên quyền quân sự được mở rộng. Chính sách phong tỏa lục địa năm 1806-1813 đã đe dọa nghiêm trọng đầu ra của các ngành nghề truyền thống của Anh ở thị trường nước ngoài và đây có thể coi là một chính sách không khả thi, ra đời từ sự tuyệt vọng. Để chống lại điều đó, người Anh đã dựa vào uy lực của Hải quân Anh, vào khả năng phong tỏa kẻ thù dọc bờ biển và bản chất nhanh nhạy của giới công thương Anh. Từ năm 1808, Anh không phải mở những chiến dịch quân sự dai dẳng đối với châu Âu lục địa. Với sự trợ giúp các đồng minh trong lục địa, Anh đã đạt được mục đích bằng con đường ít chông gai hơn. Tóm lại, dù vẫn luôn quan tâm đến Napoleon và dành sự khâm phục đối với tài năng quân sự của ông, nhưng những người Anh đương thời vẫn nhìn nhận Napoleon với một thái độ tự cao. Có lẽ chính thái độ đó đã khiến cho nước Anh phải đối mặt với những cuộc khủng hoảng liên tục và phải chống đỡ những áp lực chiến tranh với Pháp và điều này chỉ kết thúc khi chiến thắng cuối cùng xuất hiện.

TỪ QUÁ KHỨ ĐẾN HIỆN TẠI

Rõ ràng là tất cả những lời ngợi ca hay chê bai Napoleon đều bắt nguồn từ những bài viết của các tác giả đương thời ở thời kỳ đầu, không chỉ giới hạn ở các tác giả Pháp. Mặt khác, sự tái hiện truyền thuyết về Napoleon bằng những ngôn ngữ và hình ảnh mang tính răn dạy cho thế hệ sau là một đặc điểm nổi bật nhất của những nghiên cứu tại Pháp trong suốt Chiến tranh thế giới thứ hai. Về khía cạnh này, chúng ta phải nhìn nhận Napoleon là một phần của quá trình thay đổi xuyên suốt từ Cuộc cách mạng Pháp tới triều đại Napoleon. Bước ngoặt lịch sử không phải là năm 1799 hay năm 1804 và

cũng phải bất kỳ một năm cụ thể nào khác mà là cả một giai đoạn 1789-1815, khi cuộc sống của người Pháp có những biến chuyển lớn. Bourbon có thể quay trở lại nhưng đó là một trật tự mới ở Pháp chứ không phải là chế độ cũ. Những gì xảy ra sau năm 1815 chính là trở lại của các cuộc xung đột tư tưởng giai đoạn trước, khi các triều đại nối tiếp nhau từ thời phục hưng Bourbon tới triều đại tháng bảy từ nền Cộng hòa đệ Nhị tới Đế chế thứ hai và cuối cùng là nền Cộng hòa đệ Tam. Vì thế, Cuộc cách mạng vĩ đại và Đế chế thứ Nhất đã trở thành một mảnh đất màu mỡ cho các tác giả với những hệ tư tưởng khác nhau khai thác dựa trên những vấn đề chính trị của thời đại. Dù ủng hộ hay chống đối Napoleon, dù coi ông là nhà lãnh đạo vĩ đại của Cuộc cách mạng hay là một tên bạo chúa chuyên quyền, thì mọi quan điểm đều phản chiếu thái độ của tác giả đối với chế độ mà họ đang đề cập tới.

Đối với những người trung thành với thiên chúa giáo, Cuộc cách mạng vẫn được xem là một điều tồi tệ, đã phá hủy mối quan hệ tốt đẹp giữa nhà thờ và triều đình. Theo họ, nó đã đẩy lên làn sóng vô thần được khuấy động bởi những kẻ tham lam và không kính chúa, những kẻ đã báng bổ nhà thờ và những nơi linh thiêng khác. Và vai trò của Napoleon, nhất là khi ông lạm dụng giáo ước với Pius VII, đã làm gia tăng sự tức giận của nhà thờ bởi nó đe dọa giới tu sĩ, giam cầm những giám mục cấp cao và đưa ra hành lang pháp lý việc tịch thu và bán đất đai thuộc về nhà thờ. Vấn đề này được thể hiện rất rõ trong các tác phẩm của Joseph de Maistre, Chateaubriand và được tái hiện lại nhiều lần trong tác phẩm gồm 5 tập của *d'Haussonville, L'Eglise romaine et le premier Empire*, xuất bản năm 1868-1869. Quan điểm của d'Haussonville rõ ràng là đã thay đổi đáng kể. Là một người theo đạo thiên chúa tự do, d'Haussonville lấy phần lớn cảm hứng từ Lamennais và không có quan hệ tốt đẹp với Rome. Ông cũng khâm phục Bà de Staël, người đã được nuôi nấng trong một gia đình Thụy Sĩ theo đạo Tin Lành và là họ hàng xa của ông.

Ngược lại, những người cấp tiến và những người cộng hòa lại hoan nghênh những nguyên tắc chủ đạo của Cuộc cách mạng Pháp và coi Napoleon như kẻ cướp mất viễn cảnh nhân đạo, tốt đẹp của cuộc cải tổ. Không bận tâm đến sự chệch hướng của những nguyên tắc đã làm xói mòn kết quả thực tế của Cách mạng năm 1789. Không bận tâm đến sự độc ác quá mức của Giacobin. Không quan tâm đến những vùng đất bị sáp nhập, chiếm đóng trong cuộc chiến tranh chinh phạt. Lý tưởng “tự do, bình đẳng, bác ái” đã bù đắp cho những điều đó. Cũng hợp lý khi các tác giả này kết luận rằng, Napoleon đã bóp méo và phá hoại lý tưởng cao đẹp bằng sự chuyên quyền và những cuộc chiến liên miên.

Một vài người như Francois, Mignet, Auguste Barbier và Jules Michelet chắc chắn vẫn theo đuổi những luận điểm này. Riêng với Michelet, một người anh hùng của Cuộc cách mạng, có xuất thân là một dân thường, đã không tán thành sự quy lụy của họ đối với triều đại Napoleon.

Tuy nhiên, có một sự thật thú vị là các tác giả cộng hòa khác ở nửa sau thế kỷ XIX lại tỏ thái độ nước đôi trong việc tái hiện lại hình ảnh của Napoleon. Họ gặp khó khăn khi phải đối mặt với chủ nghĩa quân phiệt được ẩn giấu trong lòng chế độ cũ và sự ngưỡng mộ đối với Napoleon. Cùng thời điểm đó, Giáo ước được xem như một phương tiện để nhà nước bảo vệ “nền tự do Gallican” cũ.

Huyền thoại Napoleon được lưu giữ không chỉ trong tâm trí những người thủ cựu và hậu duệ của họ mà còn đi vào thơ ca dân gian Pháp dưới nhiều hình thức khác nhau. Vậy những người ngưỡng mộ Napoleon sau này lý giải như thế nào về sự kính trọng của người dân Pháp khi thi hài của ông được đưa về Paris năm 1840? Làm sao có thể lý giải cho sự hiện diện của huyền thoại Napoleon trong các tác phẩm nổi tiếng của Stendhal(43), Hugo hay Balzac? Làm sao huyền thoại lại có thể đi vào trong các tự truyện Confession d'un enfant du siecle (1836) của Musset hay trong thơ Chansonniers của P-J Beranger và Émile Debraux? Làm sao có thể truyền

cảm hứng tới những người ủng hộ nước ngoài như người Mickiewicz (người Ba Lan), những người Ba Lan để họ tiến hành các nghi lễ bày tỏ sự tôn kính tại đền thờ Napoleon như một nghi lễ tôn giáo? Làm sao mà bức tượng đồng của nhà điêu khắc Francois Rude tại Fixin ở Burgundy, bức tượng tạc Napoleon như hình ảnh của chúa Jesus đang phục sinh lại thu hút nhiều người hành hương đến thăm sau khi hoàn thành vào năm 1847 đến vậy?

43 Stendhal (1783-1842): nhà văn Pháp thế kỷ XIX.

Thật sự, làm thế nào để có thể hiểu tường tận sự nghiệp của Louis Napoleon và Hortense de Beauharnais? Có thể sẽ rất hữu ích khi phân biệt huyền thoại Napoleon, thường được thể hiện qua những tác phẩm nghệ thuật và những nghi thức thờ cúng thần bí khác sau năm 1815 với chủ nghĩa Bonapart trong những dạng thể chế và chính trị thực tế. Tác phẩm nghệ thuật của Frédéric Bluche đã giải thích được mối quan hệ giữa hai điều này mặc dù nó mới chỉ nghiên cứu ở giai đoạn nửa đầu thế kỷ XIX. Gần đây vấn đề này cũng được Robert Gidea phân tích trong một bài luận rất hay. Ông đã đưa ra một cái nhìn bao quát hơn. Ông xem chủ nghĩa Bonapart như một chủ đề chính trong lịch sử văn học hiện đại Pháp và cho rằng yêu cầu tính hợp pháp về mặt chính trị là một trong những nét đặc trưng được lặp đi lặp lại nhiều lần. Những triều đại không được thừa nhận rộng rãi trong giới thượng lưu Pháp năm 1815 hay ở bất kỳ cấp độ nào vào năm 1870, các tuyên bố đều dựa vào giả định về sự ủy trị. Nguồn gốc đầu tiên của sự ủy trị này nằm ở những cuộc trưng cầu dân ý của Napoleon được tổ chức vào năm 1800, 1802, 1804 và 1815, đưa ra vấn đề quản lý đất nước. Trong số những người có đủ tư cách đi bỏ phiếu có rất nhiều người đã không tham gia. Nó dựa chủ yếu vào sự tập hợp tự phát quần chúng tạo thành “liên bang” liên kết với triều đại được khôi phục của ông trong suốt thời kỳ Một trăm ngày. Tiêu biểu là nhân sự hành chính tại các tỉnh như Rennes và Dijon và thợ thủ công tại Pari.

Sau năm 1815, những ký ức về một Bonaparte sống mãi trong những huyền thoại, thậm chí cả khi xã hội Pháp bị cuốn vào thời kỳ công nghiệp hóa và đô thị hóa. Nhà nghiên cứu Bernard Ménéger đã chứng minh được những huyền thoại về Napoleon đã góp phần làm tăng số phiếu ủng hộ Louis Napoleon như thế nào. Bất chấp những thất bại thảm hại trong nỗ lực đảo chính tại Strasbourg (10/1839) và tại Boulogne (8/1840), thật khó để lý giải sự hình thành học thuyết Bonapart trong tác phẩm *Des Idees Napoleoniennes* lại có ảnh hưởng tới sau này như vậy. Mặc dù tác giả chưa biết cách liên kết và tập hợp các hoạt động quân sự của Napoleon với nhau nhưng ông lại thấu hiểu đâu là những điểm mấu chốt để thu hút sự quan tâm của độc giả. Ông biện luận rõ ràng những luật lệ mà hoàng đế đã lập ra “công bằng đi đôi với nguyên tắc dân chủ; hệ thống cấp bậc đi đôi với những nguyên tắc trật tự, ổn định; nền tảng của chế độ là sự dân chủ bởi tất cả sức mạnh đều xuất phát từ người dân trong khi tổ chức là một hệ thống trật tự.”. Những sự thật giản dị này, đặc biệt lý luận cho rằng chủ nghĩa Napoleon đại diện cho quyền và lợi ích của người dân, cho trật tự xã hội và chính phủ thậm chí đã có ảnh hưởng tới kết quả của cuộc bầu cử tổng thống Cộng hòa đệ Nhị (12/1848). Cuộc bầu cử được tiến hành trên cơ sở trưng cầu dân ý. Ban đầu, Louis phải thích nghi với những gì đang có của nền cộng hòa. Sau cuộc đảo chính (2/12/1851), ông có cơ hội biến những huyền thoại về vị hoàng đế thành một thực tế chính trị mới.

Đúng một năm sau đó, đế chế thứ hai của Napoleon đệ Tam chính thức tuyên bố thành lập. Bản thân danh hiệu của ông tuân theo các quyền triều đại xem giữa của hoàng đế Napoleon II không ngại, con trai của vị hoàng đế đầu tiên từng là vua của thành Rome với công nương Reichstadt, người đã mất tại lâu đài Shonbrunn vào năm 1832. Những trải nghiệm thực tế với hệ thống đế chế mới tái thiết đã đẩy lên làn sóng phản ứng lại huyền thoại Napoleon đầu tiên, đồng thời chống lại quan điểm của Thiers. Sự chứng minh của Tocqueville(44) về các nguyên tắc đạo đức của chủ nghĩa tự do trong một bài viết nổi tiếng viết năm 1856 là rất rõ ràng. Sự phê phán của ông đối với biện pháp chuyên quyền núp dưới bóng dân chủ, trưng cầu dân

ý đáng lẽ cần phải tế nhị hơn, nhưng rõ ràng chúng không sai. Ông xem những điều đó là một dạng biến thể mới của quá trình tập trung quyền lực giống như đế chế cũ. Victor Hugo, người từng bị cuốn hút trước những huyền thoại về Napoleon, đã thể hiện sự mất lòng tin khi ông đặt tên cho tác phẩm *Napoleon le Petit* được xuất bản năm 1852. Vốn đi theo phe cộng hòa với vai trò là một trợ lý, ông đã rút lại sự ủng hộ của mình đối với Louis Napoleon một năm sau đó. Tự đày mình khỏi Pháp sau cuộc đảo chính, Victor Hugo sống một thời gian dài ở Jersey và sau đó là ở Guernsey.

44 *Tocqueville (1805-1859) nhà chính trị, nhà sử học người Pháp, nổi tiếng với tác phẩm Democracy in America (Nền dân chủ Mỹ).*

Ít nhất đã có hai học thuyết lịch sử đáng chú ý có thái độ chống lại quan điểm của Thiers và huyền thoại về Napoleon được xuất bản những năm 1860, trong khi các nhà sử học hiện đại cho rằng, Napoleon III đã có những điều chỉnh chính sách dẫn tới sự ra đời của cái gọi là “đế chế tự do”. Trước sự kiện năm 1851, Edgar Quinet, một người bạn và từng là đồng nghiệp của Michelet tại trường College de France đã buộc phải tìm kiếm nơi ẩn náu tại Thụy Sĩ. Là một cây bút chiến ủng hộ tự do và chống lại mọi hệ thống giáo điều, Edgar Quinet đã đưa ra những lý lẽ riêng. Ông nổi tiếng là người chống lại thiên chúa giáo bằng những lời lẽ công kích chúa Jesus. Sau đó, trong một bản tường thuật Cuộc cách mạng xuất bản năm 1865, ông đưa ra một mục tiêu rõ ràng hơn. Ông tập trung sự công kích trực tiếp vào chính phủ trung ương nói chung và chống lại những người ủng hộ Jacobin trước đây nói riêng – những người có mối quan hệ thân thiện với Jesuits. Nhấn mạnh tính chất độc tài của chế độ này, ông coi Napoleon là người thừa kế thật sự của nó, tuy nhiên ông đã không tiếp tục luận điểm xoay quanh lễ đăng quang hoàng đế vào tháng 12/1804.

Nếu so sánh, những tập đầu tiên trong tác phẩm *Histoire de Napoleon* (Lịch sử về Napoleon) của Pierre Lanfrey xuất bản năm 1867 có vẻ như mang tính hàn lâm nhiều hơn. Chúng có giá trị hơn vì tác giả này đã lật lại quan

điểm của Thiers và những huyền thoại về Napoleon được thể hiện rất chi tiết có hệ thống. Tuy nhiên, trong khi theo đuổi mục đích, ông không còn giữ được tính khách quan như ban đầu. Ông cũng may mắn hơn Thiers trong một số khía cạnh quan trọng. Ông tiếp cận với hầu hết những ấn bản của Napoleon. Chúng đã giúp ông có những lý luận sắc sảo và chuyên nghiệp. Sự lựa chọn thiên lệch những tài liệu cung cấp cho ông lý lẽ mà ông thấy cần để công kích mạnh mẽ. Hình ảnh một Napoleon xuất hiện như là kẻ hiếu chiến, cả con người và các biện pháp cai trị bạo ngược đều không vĩ đại. Khi tái hiện lại hình ảnh đó, Lanfrey đã thiên vị hơn. Ông muốn đả kích cả nhân cách và chế độ của Napoleon III.

Những tác động đạt được phần lớn là nhờ kết quả của những xung đột quân sự hơn là do ảnh hưởng của bất kỳ một tác giả nào. Sau thất bại trước Phổ năm 1870, những người ủng hộ huyền thoại Napoleon đã than khóc trong cơn cuồng nộ. Mâu thuẫn hình thành giữa những người chứng kiến cảnh đổ máu và cái chết của vị hoàng đế 1873 cùng con trai ông trong cuộc chiến Zulu năm 1879. Cuối cùng, một tác giả tên tuổi là Hippolyte Taine(45) đã đẩy lên một cuộc công kích mới chĩa vào Napoleon và những huyền thoại về ông. Vốn là người tích cực ủng hộ tự do trong Cuộc cách mạng 1848, Hippolyte Taine đã rất thất vọng trước sự kiện công xã Paris 1871. Ba tập đầu trong tác phẩm *Les origines de la France Contemporaine* của ông được xuất bản năm 1876 đã vạch trần bản chất Cuộc cách mạng vĩ đại. Ông chỉ trích sự hủy diệt mà Cuộc cách mạng gây ra bằng những lời lẽ cay độc. Trong hai tập sau viết về triều đại Napoleon, Taine đã thể hiện mình là một nhà phê bình cực đoan. Tất cả những việc hoàng đế đã làm, tất cả thể chế ông thiết lập được mô tả như là sự mở rộng đáng ghê sợ của một tính cách tàn nhẫn, thể hiện lòng ích kỷ và là bằng chứng của tham vọng thống trị không ngừng. Đây là ví dụ hoàn hảo của làn sóng chống đối Napoleon. Nó được khuếch trương và thậm xưng đến mức vô lý.

45 Hippolyte Taine (1828-1893): nhà sử học, nhà phê bình văn học người Pháp.

Tuy nhiên, Taine cũng đã bỏ lỡ thời điểm quan trọng, ông tham gia vào cuộc luận chiến về Napoleon quá muộn và không thể giữ vai trò là tiếng nói chủ đạo trong một thời gian dài. Chống đối lại phần lớn quan điểm của Taine là một người ít thông thái hơn, hoàng tử Napoleon, con trai thứ hai của Jerome Bonaparte. Cương lĩnh chính trị của ông hình thành bằng những ngôn từ gần với phái cộng hoà, kết hợp giữa chủ nghĩa chống tăng lữ và trưng cầu dân ý, thường được coi là phiên bản cấp tiến nhất của chủ nghĩa Bonapart. Nhưng điều này bị giới chính trị cấp cao của nền Cộng hòa đệ Tam nghi ngờ. Tuy nhiên, cuộc tranh luận giữa Taine và hoàng tử không phải là lý do chính cho sự sống lại huyền thoại về Napoleon những năm 1880-1890. Điều quan trọng là cách nhìn nhận của quần chúng về những yếu kém và tham nhũng trong giới cộng hòa.

Sự kiện Boulanger đạt tới đỉnh điểm vào năm 1888-1889, chính là sự thể hiện tâm trạng và thái độ của người dân. Vụ xìcăng- đan Wilson, Panama và Dreyfus và ảnh hưởng của cuộc Đại khủng hoảng như đổ thêm dầu vào lửa, nhân lên cảm giác ghét bỏ và thất vọng đối với cả cách tả và cánh hữu. Thứ nhất, và rõ ràng nhất là giữa những người muốn khôi phục những thành phố đã mất Alsace và Lorraine sau khi bị người Đức cướp năm 1832. Thứ hai, có nguyên do sâu xa hơn là sự trỗi dậy của tâm lý bài Anh. Điều này càng trở nên căng thẳng trước những đợt tranh luận vào cuối thế kỷ XIX và sự kiện Fashoda(46) năm 1898 bùng nổ. Anh được coi là một ví dụ điển hình của chủ nghĩa nghị viện tự do suy yếu và những bộ trưởng của phái Cộng hòa cơ hội bị nhìn nhận là những kẻ tham lam không có khả năng chống lại tham vọng hoàng đế của Albion(47).

46 Sự kiện Fashoda: Cuộc chiến tranh giành thuộc địa giữa Anh và Pháp tại Đông Phi năm 1898.

47 Albion: Tên cũ của nước Anh.

Bằng cách so sánh đó, những nhà sử học yêu mến huyền thoại về Napoleon được xem là đã làm sống lại ký ức về một người anh hùng thật sự. Có ba

người nổi bật trong giai đoạn này. Henry Houssaye(48) với ý kiến cho rằng lợi ích và vận mệnh bi thảm của hoàng đế vĩ đại có nhiều điểm tương đồng với con người Pháp. Đáng tiếc, lý lẽ của ông lại không mấy thuyết phục do tầm nghiên cứu của ông trong giai đoạn 1814- 1815 không đủ rộng và sâu, thậm chí ông không thể tìm ra nguyên nhân tại sao Napoleon lại rơi vào thế tuyệt vọng. Một lần nữa, tác giả Arthur-Lévy với hai tác phẩm xuất bản năm 1892 và 1902 đã xem xét khái quát toàn bộ sự nghiệp của. Nỗ lực của ông trong tác phẩm đầu tiên là nhằm đưa ra cái nhìn sâu sắc và cận cảnh về tâm hồn phóng khoáng và rộng rãi của Napoleon. Điều đó đã khiến tác phẩm có một sức hấp dẫn nhất định, tuy nhiên, cùng lúc ông lại làm hỏng tác phẩm của mình do sa vào những phân tích ủy mị và quá tập trung mũi nhọn công kích vào Taine. Trong tác phẩm thứ 2, Arthur -Lévy lại quan tâm nhiều đến chính sách đối ngoại của Napoleon. Ông tập trung vào những bản ghi chép tại St Helena của Las Cases để tiếp tục bảo vệ ý kiến rằng Napoleon là một vị hoàng đế yêu hòa bình, chiến tranh là điều nằm ngoài mong muốn của Napoleon và chính ông đã phải trả giá đắt cho việc quá nhân nhượng với những kẻ thù cứng đầu trong những năm cầm quyền.

48 Henry Houssaye: (1848-1911), nhà sử học, viện sĩ hàn lâm người Pháp.

Bá tước Albert Vandal cuối cùng cũng đã có chung quan điểm bài Anh và chống nghị viện với các tác giả cùng thời khác. Ông đã không còn dành tình cảm đặc biệt cho Cuộc cách mạng vĩ đại hay cho việc Napoleon đã hoàn thành những lý tưởng tốt đẹp nhất của nó. Mà ngược lại, tác phẩm *L'Avennement de Bonaparte* (1903) nhắc lại những luận điểm cũ rằng Brumaire là một sự kiện có tính bước ngoặt, đã cứu trật tự xã hội ra khỏi sự hỗn loạn, chia bè phái và tình trạng suy thoái của đất nước. Đó chính là bức thông điệp khẳng định chiến dịch của Napoleon đã được tuyên truyền nhiều lần và trên mọi khía cạnh. Vandal có xu hướng diễn tả lại chính ngôn ngữ của Napoleon. Trong ba tác phẩm đầu, ông đã ca ngợi sự vĩ đại của hoàng đế trong các chính sách đối ngoại bằng một bài viết về quan hệ của hoàng đế với Sa hoàng Alexander I từ 1807-1812. Vandal kết luận rằng mục đích

đầu tiên của Napoleon là hòa bình cho thế giới và việc Nga bị Pháp tấn công vào năm 1812 chắc chắn được coi là một sự kiện kỳ lạ.

NGHIÊN CỨU MỘT CHỦ ĐỀ LỚN LAO

Trong số hàng nghìn các tác phẩm viết về Napoleon được xuất bản trước Chiến tranh thế giới thứ hai, mỗi tác phẩm là một nốt nhạc riêng biệt trong bản hòa âm. Các tác giả được đề cập ở đây đều cố gắng giải thích những thành tựu của Napoleon bằng một ý kiến tổng quát nhất và nhất quán trong một hình ảnh chủ đạo. Họ có một điểm chung là cùng đi tìm chìa khoá giải mã cho tham vọng của Napoleon. Dĩ nhiên, lời giải thích đã ngầm đưa ra trong một số bài viết trước đó và việc đi sâu phân tích vấn đề này xuất hiện đầu tiên ở tác phẩm lớn của Theirs. Bằng cách hành văn kể chuyện, Theirs đã kết luận rằng tham vọng lớn nhất của Napoleon là xây dựng một đế chế thống nhất. Theo tác giả này, tầm nhìn của Napoleon không chỉ giới hạn ở châu Âu mà còn vươn rộng ra toàn cầu. Tác giả cho rằng, ước vọng cao nhất của Napoleon là chinh phục thế giới. Tuy nhiên, Theirs đã không dự đoán được rằng, Napoleon sẽ không thực hiện được tham vọng nếu không có một lực lượng hải quân hùng mạnh, vào thời điểm mà nước Anh đang là bá chủ.

Khoảng 30-40 năm sau đó, quy mô nghiên cứu đã được thu hẹp trong tác phẩm chính của hai tác giả tài năng. Người đầu tiên là giáo sư Abert Sorel. Lòng khâm phục của ông dành cho Napoleon được khẳng định bằng quan điểm rất khách quan và theo ông một người vĩ đại nhất cũng bị buộc hành động trong vòng hạn chế của hoàn cảnh lịch sử. Tác phẩm *L'Europe et la Révolution française* gồm 8 tập được xuất bản giữa các năm 1885-1904, trong đó có tới 4 tập viết về chính sách đối ngoại quân sự của Napoleon. Sợi chỉ đỏ xuyên suốt những tác phẩm này là việc nhấn mạnh vào khía cạnh lục địa của vấn đề. Sorel đặc biệt nhấn mạnh tầm quan trọng của biên giới tự nhiên của nước Pháp (dãy Pyrenees, dãy Alps và sông Rhine) như là một nhân tố quyết định cho tham vọng của Napoleon. Xét ở góc độ nào đó,

những biên giới này phải thuộc sự cai trị của nước Pháp vĩnh viễn và nếu cần thiết sẽ tạo ra các nước làm đệm. Chính điều này đã thúc đẩy các chiến dịch quân sự, chính trị và dập tắt triển vọng về một nền hòa bình lâu dài với các cường quốc thù địch khác.

Từ giả định này, Sorel đã phát triển luận điểm về lý thuyết định mệnh của lịch sử. Theo đó, dường như Napoleon không thể làm chủ vận mệnh của mình mà bị thúc ép bởi hoàn cảnh nhằm giữ được biên giới tự nhiên bằng mọi giá. Về mặt này, ông chỉ là người bảo vệ một sứ mệnh cũ. Sứ mệnh mà tự nó đã đánh dấu sự tiếp nối trong chính sách ngoại giao của Pháp kể từ Cuộc cách mạng. Tuy nhiên, dòng chảy lịch sử và logic địa lý không tránh khỏi những điểm trớ trêu. Người ta có thể thắc mắc, đâu là lợi ích sống còn của nước Pháp hoặc thậm chí là của Đế chế Pháp mở rộng? Bỏ qua nhiều nguồn tư liệu của nước ngoài, quan điểm của Sorel về sức mạnh quân sự của Napoleon đã không đủ để lý giải cho vị thế đàm phán của Liên minh trong những thời điểm khác nhau của cuộc chiến. Ở khía cạnh này, các nhà phê bình như Raymond Guyot và Pierre Muret cho rằng tác phẩm của Sorel quá hệ thống và cứng nhắc.

Ngược lại, đối với Frédéric Masson, người luôn dành sự khâm phục cho Napoleon, những thành tựu Napoleon đạt được là dựa trên một kế hoạch tự nguyện và ông coi thất bại là những sai lầm thường tình ở một con người. Tập 13 cuốn *Napoleon et sa famille* xuất bản những năm 1897-1919, đã lý giải tham vọng của Napoleon dựa trên tinh thần dòng tộc người Corsica. Theo hướng này, Napoleon đã bị thúc đẩy bởi cảm giác rằng thành công cá nhân cũng sẽ nâng cao quyền lực và danh dự gia đình và cuối cùng có thể hình thành cột trụ cho triều đại châu Âu hoàng kim của ông. Kế hoạch này bắt nguồn bằng sự tiến thân khá khiêm tốn của các anh chị ông sau khi ông trở thành tướng quân trong các cuộc chiến tranh cách mạng. Sau đó, khi đã trở thành hoàng đế nước Pháp, ông nâng nó lên thành một kế hoạch “ngôi nhà gia đình” khi sắp đặt ngai vàng tại các nước vệ tinh của Đế chế vĩ đại cho những thành viên trong gia đình. Theo Masson, mục đích này đáng

khen ngợi và được thực hiện nhờ vào tấm lòng rộng mở của Napoleon. Tuy nhiên, gia đình đã khiến ông thất vọng. Việc không tuân lệnh, vô ơn và sự phản bội là cái giá mà Napoleon phải trả khi đặt trọn niềm tin vào họ. Không có ông, họ không thể tiến xa đến thế và vì vậy, khi ông thất bại, kết cục bi thảm mà họ phải nhận là không tránh khỏi. Tóm lại, tác phẩm của Masson là sự tái hiện lại câu chuyện của một con người không tên tuổi trở thành một hoàng đế vĩ đại và cuối cùng kết thúc trong bi kịch. Với việc tìm lại gốc rễ của sự kiện và phân tích bản chất người Corsican trong sự phát triển tham vọng của Napoleon, cách xử lý vấn đề của Masson được đánh giá là đặc biệt sâu sắc và đi vào bản chất.

Tuy nhiên, các tác giả khác lại đi theo hướng làm sống lại quan điểm cho rằng Napoleon ôm tham vọng bành trướng vượt ra khỏi giới hạn Trung Âu. Chẳng hạn, Émile Bourgeois xây dựng một luận điểm khá hấp dẫn dựa trên luận điểm “ảo tưởng phương Đông” trong chính sách đối ngoại của Napoleon. Ý kiến cho rằng tham vọng sâu kín của Napoleon là hình thành một trung tâm buôn bán lớn về phía đông, giúp nước Pháp làm chủ Địa Trung Hải và con đường buôn bán giàu có Levantine(49). Điều này được ông trình bày rất kỹ trong phần 2 của tác phẩm *Manuel historique de politique étrangère* được xuất bản trong giai đoạn 1892-1926. Mặc dù những bằng chứng và tài liệu sử dụng cho nghiên cứu này chỉ rải rác và mang tính giả định nhưng vì giá trị của nó, Bourgeois vẫn tận dụng tất cả. Ông chỉ ra sự quan tâm của Napoleon ở Adriatic(50) từ nửa sau những năm 1790 với hy vọng chiếm đảo Ionian đến chiến dịch Ai Cập 1798-1799 (mà kết cục là sự rút lui của quân đội Pháp năm 1801), tới kế hoạch xung đột ở Constantinople và tìm kiếm đồng minh thân cận với Thổ Nhĩ Kỳ, đến sự sáp nhập các tỉnh Illyrian năm 1809, những điều đó là bước đệm chiến lược vào Balkan. Nếu kế hoạch kỹ càng này từng tồn tại trong ý nghĩ của Napoleon, chúng ta có thể đồng ý với kết luận của Bourgeois rằng những mảnh khoe của nó đã hủy hoại sự hợp nhất ngoại giao châu Âu và gây hại đến lợi ích của nước Pháp. Tuy nhiên, kế hoạch đó chỉ là một ảo tưởng nhất thời. Theo Levan mối quan tâm ban đầu của Napoleon rất đúng đắn, nhưng

việc hải quân Pháp dần suy yếu sau sự kiện Trafalga khiến cho tất cả những ước vọng ban đầu trở nên xa vời.

49 Levantine: Vùng cận Đông.

50 Adriatic: vùng biển thuộc Địa Trung hải, nằm phân cách bán đảo Italy với đảo Balkan.

Thuyết phục hơn là luận điểm của Édouard Driault được trình bày trong tác phẩm *Napoleon et l'Europe* (1917-1927) dài năm tập. Tác phẩm cho rằng tham vọng của Napoleon được khuấy lên từ ý tưởng La Mã. Dĩ nhiên đây không phải là ý tưởng đầu tiên. Mười lăm năm trước đó, tác phẩm của Edgar Quinet đã chỉ ra điều tương tự khi cho rằng mục đích của Napoleon là một kiểu chính quyền La Mã thống nhất. Tuy nhiên, Driault phát triển luận điểm này lên tầm cao hơn. Ông cho rằng nó bao hàm không chỉ là khát vọng chinh phục và đồng hóa toàn bộ nước Italy dưới sự cai trị của nước Pháp (tại một thời điểm nhất định điều này đã thật sự đạt được) mà còn là tham vọng thiết lập một đế chế Pháp rộng lớn ở Địa Trung Hải. Ông củng cố lý luận của mình qua những biểu hiện bên ngoài của Napoleon: danh pháp chính trị, nghệ thuật, huy chương, tiền, lâu đài, đài tưởng niệm... Vị hoàng đế này muốn tất cả mọi vật đều có thể cất tiếng nói về Đế chế Napoleon.

Tuy nhiên, sức mạnh của kế hoạch vĩ đại ấy xuất phát từ đâu? Driault đưa ra một câu trả lời rõ ràng: từ chính sức mạnh của Cuộc cách mạng Pháp. Cuộc cách mạng vừa mang tính hủy diệt vừa mang tính xây dựng và Napoleon đã vận chúng vào trong chính mình. Là người có sức mạnh và bản lĩnh trong Cuộc cách mạng, Napoleon đã trở thành người truyền bá hiệu quả nhất tư tưởng của Cuộc cách mạng ra ngoài nước Pháp, quét sạch tàn dư thể chế chính trị và xã hội của các triều đại trước. “Lý tưởng La Mã” trở thành phương tiện thúc đẩy những thay đổi mang tính cách mạng. Theo quan điểm của Driault, cả hai đã tìm được sợi dây gắn kết trong tư tưởng và

chính sách của Napoleon. Vấn đề này đáng để bình luận là từ những bằng chứng để lại dựa trên những lời phát biểu của Napoleon.

Tuy nhiên, nó phụ thuộc quá nhiều vào vẻ bề ngoài, vào sự thể hiện của Đế chế, vào thói thích khoa trương của hoàng đế. Driault nhìn nhận vấn đề từ nước Pháp. Ông không đưa ra giải rõ ràng cho những sắc màu khác nhau trong thái độ của người Italy trước sự cai trị của Napoleon, kể cả một vài cuộc bạo động ở một số nơi. Ông quan tâm đến ý chí của Napoleon thông qua hành động. Và một lần nữa, những vấn đề của hải quân lại bộc lộ. Vào giai đoạn đỉnh cao của Đế chế, lực lượng hải quân đã không đảm bảo được con đường tiếp cận an toàn trong lục địa Italy chưa nói đến những thánh thức đe dọa tại các hòn đảo xa hơn và các cảng biển Địa Trung Hải.

Công trình nghiên cứu của Driault cũng được cấu thành từ một khuôn mẫu khác, lý thuyết Carolingian, và ông xem đây là giai đoạn chuyển giao trong tham vọng của Napoleon trước khi ý tưởng về một đế chế La Mã vĩ đại chiếm lĩnh tất thảy. Tuy nhiên, đối với nhiều tác giả, lý thuyết Carolingian có tính thuyết phục hơn. Nó được đề cập đến trong tác phẩm *Le grand-duché de Berg* (1806-1813) của *Charles Schmidt* năm 1905, và sau đó trong tác phẩm *Napoleon et l'Allemagne* của *Marcel Dunnan* năm 1942. Cả hai công trình này đều đậm tính hàn lâm. Hellmuth Rössler cũng lật lại vấn đề này dựa trên những tác phẩm đi trước. Các tác giả nhấn mạnh nền tảng Latinh và Teutonic trong việc hình thành Đế chế Napoleon. Người ta có thể nhận thấy sự tương đồng trong cấu trúc và lộ trình của nó với Đế chế Charlemagne. Nó giải thích việc hình thành Đế chế Napoleon mang tính logic trong phạm vi lục địa hơn là ở tầm toàn cầu và trên biển. Nó soi sáng những cơ hội lựa chọn cho Napoleon dọc bờ sông Rhine, dãy Alps và phản chiếu các chính sách ông theo đuổi tại những vùng đất này. Tất cả chủ yếu dựa trên kinh nghiệm.

Điều này không có nghĩa là lý thuyết Carolingian không có vai trò gì trong lịch sử thế kỷ XIX. Ngược lại, nó gắn với huyền thoại Napoleon ngay từ

những ngày đầu vì một lý do đơn giản: Napoleon là khởi nguồn của nó. Khi lên ngôi ở Notre-Dame, ông tự khoe khoang biểu tượng của tổ tiên Frank như là biểu tượng của sự thừa kế. Tại buổi lễ đăng quang lên ngôi vua Italy vào tháng 5/1805, ông thừa nhận vương miện bằng sắt của Lombardy. Tại cuộc họp với Sa hoàng Alexander I tại Erfurt năm 1808, ông lại một lần nữa biểu dương địa vị của Carolingian như chủ quyền của một đế chế phía tây mới với 34 chư hầu hay hoàng tử đồng minh của nước Đức. Cũng trong nhiều dịp khác, ông tự giới thiệu mình là “Charlemagne mới” hay “Caesar mới”, một hoàng đế đã vượt qua tất cả những nhân vật khác trong lịch sử.

Và dù chúng ta đi theo nguồn ý kiến nào thì những “ý tưởng lớn” vẫn hướng chúng ta trở về với nguồn gốc chủ yếu đã khởi nguồn cho nó: Napoleon. Lịch sử về Napoleon đã kết thúc ở nơi nó bắt đầu với một sự nghiên cứu tỉ mỉ về tầm nhìn của hoàng đế và những hành động anh hùng. Trong chương này và những chương trước tôi đã cố gắng đưa ra những quan điểm tại các cuộc tranh luận dựa trên những ghi chép lịch sử nhằm phân biệt quyền lực thực tế của Napoleon với những huyền thoại được thêm dệt sau này. Với tất cả những huyền thoại dù huy hoàng, anh dũng hay những khoảng tối trong cuộc đời và sự nghiệp của Napoleon, chúng ta có thể tự hỏi có bao nhiêu kế hoạch và những thành tựu mà Napoleon đã đạt được còn tồn tại sau sự sụp đổ của vương triều. Kết luận theo sau là nỗ lực trả lời câu hỏi trên cơ sở thực nghiệm.

CHƯƠNG 8. Kết luận: Truyền thuyết chân thực

Thời kỳ Một trăm ngày (20/3 - 22/6/1815) sau “Chuyến bay của đại bàng” được tổ chức từ nơi lưu đày trên hòn đảo Elba chắc chắn là một trong những sự kiện kỳ diệu nhất trong lịch sử các đế chế. Dư âm chiến thắng từ chuyến trở về Paris của Napoleon và cuộc rút quân vội vã của Bourbons sau gần một năm tái chiếm là bằng chứng khẳng định uy tín cá nhân của hoàng đế đối với những người ủng hộ và là nỗi khiếp sợ cho những kẻ chống đối. Đối với những người từng chứng kiến sự kiện đáng kinh ngạc này, đó dường như là những nỗ lực cuối cùng trong sức mạnh ý chí của ông. Những nỗ lực phi thường đã làm đảo ngược dòng chảy của lịch sử và thậm chí quyết định đến cả định mệnh khó thay đổi nhất.

Tuy nhiên, từ góc độ khác, trong toàn bộ sự kiện này còn có những điều do con người khéo léo tạo ra. Việc tái thiết một phần cơ cấu tổ chức và nhân sự của thể chế đã được sửa đổi đáng kể nhằm chiến thắng lại những kẻ chỉ trích ông, thực tế chỉ là một trò lừa bịp. “Bộ luật bổ sung vào Hiến pháp của Đế chế” được ban hành ngày 22/4 rất có thể chỉ là một lá bài chính trị, có hoặc không có sự trợ giúp quan trọng của Benjamin Constant. Nếu nó thật sự được phê chuẩn bằng một cuộc trưng cầu dân ý thì tỷ lệ phiếu trắng cao của các nhóm quan chức và dân cư được quyền bỏ phiếu đã cho thấy sự thờ ơ của dân chúng và thái độ thù địch của nhiều người đối với sự thay đổi này. Chế độ dân quan cũ đương nhiên đã bị xóa bỏ hoàn toàn vào tháng 8/1807. Cơ quan lập pháp, lần cuối triệu tập hai phiên họp vào năm 1813, đã chính thức bị trì hoãn vào tháng 1/1814 vì Napoleon phải hành quân ra chiến trận để chống lại liên minh xâm lược, mặc dù một số nhà lập pháp đã họp lại nhằm phế truất ông vào tháng 4 sau đó. Trong suốt thời kỳ Một trăm ngày, Hội đồng lập pháp đã không được cơ cấu lại theo hình thức cũ. Theo những điều khoản của “Bộ luật bổ sung”, Hội đồng lập pháp được thay thế bằng một hội đồng đại diện mới, mở rộng và do các cử tri lựa chọn trực tiếp. Thượng nghị viện của Đế chế được thành lập sau khi Napoleon bị phế

truất và chính phủ lâm thời mới ra đời một năm trước đó cũng được thay thế bằng một thượng nghị viện mới. Cơ quan này là sự mô phỏng máy móc mô hình của vua Louis XVIII và dạng biến thể của hình thái cha truyền con nối.

Những dự định mới của Napoleon với tư cách là một nhà cầm quyền dân chủ có sứ mệnh cải cách, đảm bảo sự công bằng trước pháp luật và tự do báo chí đã không bao giờ được đưa ra thử nghiệm. Sự quyết tâm nâng cao sức mạnh của quân đội và khơi lại các cuộc chiến tranh dường như là một nước cờ mâu thuẫn. Kết quả thảm bại ở Waterloo vào ngày 18/6/1815 đã đẩy lên một làn sóng phản đối lan rộng trong lòng nước Pháp, buộc ông phải từ chức và công chúng một lần nữa lại chờ đợi sự trở lại của Bourbons trong “chuyến tàu đầy hành lý của quân Đồng minh”. Việc các liên đoàn dâng cao làn sóng biểu tình đòi bảo vệ Đế chế ở một số thành phố, bao gồm cả một số khu vực của Thủ đô Paris trong thời kỳ Một trăm ngày không phải là tiếng nói đại diện cho ý kiến và nguyện vọng chung của nhân dân. Nhưng sức sống của chúng trong những huyền thoại về Napoleon đã khiến cho chủ nghĩa anh hùng và huyền thoại về “chủ nghĩa Bonapart” trở nên bất tử. Đối với các môn đồ sau này, khoảng cách thời gian chỉ làm cho trái tim họ trở nên cuồng nhiệt hơn.

Tuy nhiên, khi đánh giá kết quả thực tế, thời kỳ Một trăm ngày thực chất không đem lại nhiều đổi mới cho nhà nước dân sự. Không có cải cách nào về hiến pháp và chính trị trong thời gian này còn tồn tại sau khi ông bị lật đổ. Những ảnh hưởng xã hội của lối sống vương giả, vốn tồn tại từ những năm đầu tiên của đế chế như: danh vị thượng nghị sĩ, tước vị dành cho giới quý tộc và những vùng đất đai rộng lớn gắn liền với họ cũng dần biến mất trước và trong thời gian diễn ra cuộc thoái vị đầu tiên, ngày 4-6/4/1814, mặc dù vua Louis XVIII vẫn ban thưởng hào phóng cho các công thần cũ. Ngoại trừ Davout(51), các thống chế còn lại dưới thời Napoleon đều nhận được huân chương Bội tinh theo lệnh của Thánh Louis. Victor, Oudinot, Marmont (những “kẻ phản bội” đã từ bỏ Paris để gia nhập quân Đồng minh

năm 1814), Macdonald và Gouvion Saint-Cyr (những người đã không gia nhập quân Napoleon trong suốt thời kỳ Một trăm ngày) đều được hưởng ân điển đặc biệt của Bourbons.

51 Davout (1770-1823): là một sĩ quan xuất sắc nhất trong lịch sử quân sự Pháp, có biệt danh “thống chế thép”.

Quyền chủ động về quân sự của Napoleon trong thời kỳ Một trăm ngày và tầm ý nghĩa ngoại giao của nó dĩ nhiên đã kết thúc trong thảm họa. Trong giai đoạn đầu, trước Hiệp ước Paris (30/5/1814), quân Đồng minh sẵn lòng nhường cho nước Pháp quyền kiểm soát biên giới của mình, gồm vùng đất bao quanh của cựu Giáo hoàng Avignon và vùng Comtat Venaissin; những vùng đất của nước Bỉ và bờ trái sông Rhine; và vùng Savoy. Như vậy, vùng Bourbons đã bị chia nhỏ nhưng vẫn là phần quan trọng trong “biên giới tự nhiên”. Hơn nữa, theo Hiệp ước này, Pháp đã giành lại quyền kiểm soát các thuộc địa nước ngoài từ nước Anh, ngoại trừ St Lucia, Tobago, và Mauritius. Mặc dù đến năm 1814, phần diện tích lãnh thổ mà vua Louis XVIII được thừa hưởng ở châu Âu ít hơn so với những gì Napoleon đã đạt được vào năm 1799, nhưng ở ngoài biên giới châu Âu, diện tích lãnh thổ mà vua Louis XVIII có được lại nhiều hơn rất nhiều lần những vùng đất mà Napoleon đã từng có do đoạt được hoặc do thừa kế.

Công ước Hòa bình của Paris lần thứ 2 (20/11/1815), dựa trên những điều khoản phức tạp đã được đồng ý tại Vienna ngày 9/6 năm đó, là một văn bản phức tạp hơn nhiều. Sau hiệp ước, Pháp trở lại với mốc biên giới của năm 1789 mặc dù vẫn được phép giữ lại vùng Avignon và Comtat Venaissin, cũng như Mulhouse dưới dãy Alsace (“hợp nhất lại” với Cộng hòa Pháp năm 1798) và tất cả vùng Alsace-Lorraine. Những phần diện tích rộng lớn hơn mà Napoleon chiếm đoạt được từ Cuộc cách mạng cộng hòa và sau sự kiện Brumaire đều đã bị mất. Nhìn lại hình dáng của nước Pháp sau hội nghị Vienna, ta sẽ thấy những thành tựu mà Napoleon đạt được đã hoàn toàn sụp đổ. Những dấu ấn còn lại chỉ là những đài kỷ niệm, tượng anh

hùng, những bức tranh chiến thắng và những biểu tượng khác về thời kỳ huy hoàng đã qua. Nhưng đây có phải là cái giá để 900 nghìn người Pháp và những nạn nhân của chiến tranh phải chiến đấu ác liệt để rồi tử trận? Bên cạnh các điều khoản đất đai khắc nghiệt, Hiệp ước Hòa bình Paris lần thứ hai đã áp đặt cho nước Pháp mức bồi thường chiến tranh là 700 triệu Frãng trả trong vòng 5 năm và chưa kể đến chi phí bồi thường cho việc chiếm đóng của 150 nghìn quân Đồng minh ở biên giới phía bắc và phía đông. Cho đến cuối năm 1815, dư âm còn sót lại sau những chiến thắng huy hoàng chỉ đủ thắp lên một thứ ánh sáng leo lét ở Pháp, nhưng nó lại làm cho sức nóng về huyền thoại Napoleon sau này trở nên rực rỡ hơn.

Tuy nhiên, Napoleon đi vào huyền thoại của nước Pháp không chỉ với tư cách một vị chỉ huy quân đội hay một nhà chinh phục đế chế tài ba. Những gì còn sót lại sau khi ông bị lật đổ vẫn có giá trị lâu dài và hầu hết chúng đều nằm ở phương thức cai trị dân sự của ông. Trên thực tế, dường như có quá nhiều đạo luật của Bộ luật Dân sự này không xuất hiện trong thời hoàng kim của Đế chế mà được bắt nguồn từ thời kỳ sớm hơn, đặc biệt là trong thời kỳ Chế độ tổng tài. Những văn bản ghi chép theo thứ tự thời gian sau đó đã xác nhận quan điểm này: Ngân hàng nước Pháp (ngày 6/1/1800), các quận trưởng (ngày 17/2/1800), Giáo ước của nhà thờ Catholic (ký ngày 16/7/1801 và chính thức xuất bản ngày mùng 8/4/1802), các trường trung học công lập hay *Lycées* (ngày 1/5/1802), tiêu chuẩn lưỡng kim hay “*franc de germinal*” (ngày 28/3/1803) và điển hình nhất là Luật dân sự (ngày 21/3/1804).

Tất cả những cải cách này đều xuất hiện trước khi Đế chế chính thức ra đời vào ngày 18/5/1804, và trở thành luật lệ cơ bản của Đế chế. Bằng cách này hay cách khác, tất cả những văn bản này vẫn tồn tại bất chấp sự sụp đổ của Napoleon, kể cả những văn bản còn nhiều điểm nghi vấn và không đáng tin cậy, điển hình là Giáo ước. Các biện pháp cai trị của Napoleon như Bộ luật Hành chính dân sự (1806), Bộ luật thương mại (1807), Bộ luật Hình sự hoặc Bộ luật Thủ tục hình sự (1808), và Bộ luật Hình phạt (1810), cũng như

Ủy ban Trọng tài đều đã được áp dụng ở hầu hết các thị trấn lớn từ/3/1806 nhằm giải quyết các tranh chấp trong công nghiệp. Rất lâu sau lần thoái vị thứ 2 của Napoleon vào ngày 22/7/1815, các đạo luật đó vẫn giữ nguyên giá trị và tầm quan trọng trong thể chế lập pháp của nước Pháp, tất nhiên là đã được chỉnh sửa.

Ở những khía cạnh này, Napoleon rõ ràng đã dân sự hóa các di sản ông để lại và trong chừng mực nào đó, ông đã thành công. Những tranh cãi lịch sử sau này chủ yếu tập trung nghiên cứu về ông giống như là một Caesar hay Charlemagne mới, trong khi điểm đáng tập trung của ông chính là khía cạnh giống như một Justinian mới bởi những cải cách về mặt thể chế của ông đã ảnh hưởng đến đa số người Pháp sau năm 1815. Tất nhiên, những thành tựu ông đạt được với tư cách một nhà làm luật chủ yếu là do ông đã gắn kết những cải cách trong Cuộc cách mạng trước đó vào những sáng kiến của mình. Quan trọng hơn tất cả, ông đã tạo ra một sắc lệnh có tính pháp lý đầy đủ và rõ ràng về việc mua bán đất đai, bắt buộc cả nhà thờ và giới quý tộc (với một vài ngoại lệ) phải chấp nhận sự thua thiệt khi chuyển nhượng đất đai trong suốt những năm 1790. Về mặt này, ông được xem là ông vua của giai cấp tư sản bởi ông luôn tích cực bảo vệ những quyền lợi vật chất mà giai cấp này có được từ Cuộc cách mạng. Nhưng chúng ta cũng nhớ rằng, có rất nhiều nông dân giàu đã mua được đất đai của quốc gia và được bảo vệ quyền sở hữu theo Bộ luật Dân sự. Kết quả là, một khái niệm mới về “tầng lớp quan trọng” đã giành được địa vị chính thức dưới chế độ tổng tài và đế chế. Việc xác định địa vị xã hội dựa vào quyền sở hữu đất đai thời Napoleon giờ đây được áp dụng trên một nền tảng xã hội lớn hơn rất nhiều so với đế chế cũ. Những giá trị đó đã hình thành nên phần lớn tầng lớp ưu tú hậu Cách mạng. Họ bảo vệ lợi ích vật chất của mình không chỉ trong thời kỳ trở lại của giới quý tộc và tầng lữ mà cả dưới thời tái thiết Bourbon. Họ và những người thừa kế vẫn duy trì địa vị cao trong xã hội và giới chính trị Pháp trong suốt thời gian còn lại của thế kỷ XIX.

Người ta vẫn đặt ra một câu hỏi lớn hơn về những di sản mà Napoleon đã để lại cho hậu thế và câu hỏi này cũng đã được nêu lên trong chương trước của cuốn sách. Trong chừng mực nào, ông được xem là người tiên phong của nhà nước hiện đại? Những giá trị lâu dài và bền vững mà chính phủ của Napoleon đã để lại trong lịch sử nước Pháp chính là hệ thống phức tạp của chế độ nhà nước tập trung. Nguyên tắc quản lý từ trung tâm, từ trên xuống dưới thông qua một chế độ cấp bậc quan chức thống nhất đã trở thành một nét đặc trưng của nền chính trị Pháp sau này. Bộ khung thể chế nước Pháp vẫn tồn tại sau rất nhiều sự thay đổi của chế độ lập hiến và thậm chí cấu trúc của nó vẫn tồn tại trong chế độ dân chủ nghị viện của Nền cộng hòa thứ năm ngày nay. Những năm 1850, trong những bài viết của mình, Alexis de Tocqueville cho rằng, hầu hết quá trình tập trung hóa chính trị và hành chính đều có nguồn gốc từ chế độ cũ và vẫn tiếp tục duy trì cho đến thời kỳ của ông. Xét trên khía cạnh nào đó, quan điểm này sai lầm và hạ thấp vai trò của Napoleon trong lĩnh vực này. “Hiện đại”, “mở rộng cửa cho những người có năng lực” và “chế độ nhân tài” là những điều mà chính phủ của Napoleon không phải lúc nào cũng làm được. Nhưng những giá trị mà ông để lại cho các thế hệ sau, cho dù họ có ủng hộ hay không, là một cấu trúc nhà nước tập trung mạnh mẽ và hiệu quả hơn bất kỳ thể chế nào trước đó, thậm chí ngay cả các đời vua Bourbon, những người luôn phản đối những chính sách của Napoleon nhưng lại giữ lại và duy trì hệ thống quận trưởng. Lý do rất đơn giản vì nó là cánh tay đắc lực hỗ trợ cho nhà nước mới. Chính Hội đồng lập pháp của vua Louis XVIII cũng đã phải thừa nhận điều này trong bản tuyên bố ngày 4/6/1814.

Tuy nhiên, nếu chúng ta muốn tìm hiểu những ảnh hưởng lâu dài của Bộ luật Dân sự thời Napoleon tới những quốc gia ngoài nước Pháp thì đó là điều rất khó bởi những ghi chép còn lại rất rời rạc và chắp vá. Mô hình nhà nước hành chính của ông thật sự có ảnh hưởng tới những lãnh thổ liền kề nước Pháp và những vùng bị sát nhập như Bỉ và Luxemburg (1795), khu vực bờ trái sông Rhine (hình thành đầu năm 1798 và sáp nhập hoàn toàn vào năm 1802) và Piedmont-Liguria (1802- 1805). Tại đây, quá trình phi

tôn giáo trong nhà trường cũng đã diễn ra quyết liệt hơn cho đến những ngày cuối cùng của Đế chế. Nhưng ở những khu vực khác, bao gồm các miền đất ở Italy, Illyria, Hà Lan, Đức sáp nhập sau đó và những vùng đất thuộc địa được hình thành từ những khu vực bị chinh phục trong thời gian 1805-1808 đã diễn ra sự chống đối quyết liệt những cải cách của Napoleon. Ở những nước mà đặc quyền lãnh chúa và chế độ nông nô đang thịnh hành, chính sách “hợp lý hóa”, “hiện đại hóa” cơ cấu điền địa của Napoleon thường làm dấy lên làn sóng phản đối, và những cải cách luật pháp, xã hội của Pháp hầu như không áp dụng được vào thực tiễn. Trên thực tế, chính sách khai thác các chiến lợi phẩm của ông đã phá hủy mục đích cải cách ở nhiều khu vực thuộc Ý, Đức và Ba Lan. Chế độ phong kiến vẫn duy trì và quyền lực của giới quý tộc sở hữu nhiều đất đai vẫn tồn tại trước những cải cách của Đế chế. Rõ ràng, những ảnh hưởng xã hội vẫn dè dặt, chưa triệt để và di sản Napoleon để lại không có nền tảng vững chắc tại những vùng đất này. Điều này khiến cho những nhà chính khách trong Hội nghị Vienna nhanh chóng ủng hộ những nguyên tắc hợp pháp của triều đại phong kiến và khôi phục rất nhiều trật tự xã hội cũ ở những quốc gia này.

Nếu xét đến thực tế, việc áp dụng những chính sách bóc lột tàn bạo của Napoleon ở các quốc gia bị chinh phạt và sự phiến diện trong Chính sách phong tỏa lục địa dựa trên nguyên tắc “nước Pháp là ưu tiên số 1” đã chứng tỏ rằng những việc mà Napoleon đã làm bên ngoài nước Pháp dường như không phù hợp với mục tiêu đem lại hòa bình và những ảnh hưởng tích cực như đã tuyên bố. Đối với hầu hết những người thuộc “Đế chế vĩ đại”, sự cai trị của ông thực chất là một hệ thống bóc lột có tính toán nhằm đem lại lợi ích cho chính ông. Mặc dù như thế, tôi vẫn cho rằng trong dịp kỷ niệm 200 năm sự kiện Brumaire, một số nhà chính trị và nhà bình luận của Pháp, vì lý do nào đó, lại ngợi ca Napoleon như một kiến trúc sư vĩ đại của lý tưởng hợp nhất châu Âu, đấu tranh cho một châu Âu không biên giới. Giống như rất nhiều thế hệ trước đã từng làm từ năm 1815, họ sẽ tìm ra những bằng chứng đáng ngạc nhiên về huyền thoại của Napoleon để chứng minh cho

quan điểm này. Tuy nhiên, di sản thật sự mà ông để lại không hàm chứa nhiều ý nghĩa như vậy.

BẢNG NIÊN ĐẠI

- 1768 Pháp giành đảo Corsica từ Cộng hòa Genoa.
- 1769 ngày 15/8 Ngày sinh của Napoleon, tại Ajaccio.
1779. tháng 4 Napoleon gia nhập trường quân sự ở Brienne
- 1784 tháng 11 Chuyển từ Brienne tới Học viện Quân sự Hoàng gia ở Paris
- 1785 tháng 9 Tốt nghiệp Học viện Quân sự Hoàng Gia với quân hàm chuẩn Trung úy tại
- 1785 tháng 11 Bắt đầu phục vụ trong Trung đoàn La Fère (Anh em) tại Valence và sau đó được phong hàm Trung úy
- 1788 tháng 6 Gia nhập trường Pháo binh ở Auxonne.
- 1789 tháng 5 Hội nghị Hội đồng Nhà nước ở Versailles.
- 1789 tháng 9 Napoleon rời Auxonne, nghỉ phép 18 tháng tại đảo Corsica.
- 1791 tháng 2 Quay lại nhiệm vụ tại Auxonne.
- 1791 tháng 4 Được thăng cấp lên hàm Trung úy thứ nhất.
- 1791 ngày 14/9 Louis XVI chấp nhận Hiến pháp Quân chủ. Pháp sáp nhập Avignon và Comtat Venaissin.
- 1791 ngày 1/10 Hội nghị thứ nhất của Hội đồng lập pháp.
- 1791 tháng 10 Napoleon gia nhập quân tình nguyện Bảo vệ Hoàng gia Corsica.
- 1792 Ngày 1/4 Được bổ nhiệm sắc vị trung tá tại Đội quân bảo vệ Hoàng gia Corsica.
- 1792 Ngày 8-12/4 Nổi loạn ở Ajaccio.

- 1792 ngày 20/4 Pháp khai chiến với Áo (và Phổ).
- 1792 ngày 28/5 Napoleon được nâng hàm đại úy.
- 1792 ngày 26/6 Liên minh đầu tiên (Áo và Phổ) chống Pháp.
- 1792 ngày 10/8 Phế truất Louis XVI.
- 1792 ngày 21/9 Hội nghị Quốc gia công khai đầu tiên chính thức công bố sự bãi bỏ nền quân chủ và khai trương Cộng hòa Pháp.
- 1792 ngày 27/11 Pháp sáp nhập Savoy
- 1793 ngày 31/1 Pháp sáp nhập Nice.
- 1793 ngày 1/2 Pháp khai chiến với Anh và Hà Lan.
- 1793 ngày 7/3 Pháp khai chiến với Tây Ban Nha.
- 1793 tháng 3 cuộc nổi dậy của các nhà yêu nước Corsica chống lại Pháp.
- 1793 tháng 12 Pháp đoạt lại Toulon từ Anh, ngay lập tức sau khi Napoleon nâng hàm lên Thiếu tướng.
- 1794 tháng 2 Napoleon được phái đến Italy với chức vụ Chỉ huy Pháo binh.
- 1794 ngày 27-8/7 Sự kiện 9-10 Thermidor năm II hạ bộ chính quyền Gia-cô-banh.
- 1795 tháng 5 Napoleon từ chối chuyển tới Quân đội miền Tây.
- 1795 ngày 15/9 Xóa bỏ khỏi danh sách sĩ quan.

- 1795 ngày 23/9 Tuyên bố Hiến pháp cộng hòa của năm thứ III.
- 1795 ngày 30/9 Pháp sáp nhập Bỉ và Luxemburg.
- 1795 ngày 5/11 Napoleon đàn áp một cuộc nổi loạn của những người quân chủ ở Paris, ngày 13 tháng Vendémiaire năm IV.
- 1795 ngày 16/11 Được nâng hàm lên Tư lệnh sư đoàn trong Quân đội nội vụ.
- 1795 ngày 26/1 Được nâng hàm tổng tư lệnh.
- 1795 ngày 1-3/11 Nhậm chức ủy viên Hội đồng chính trị.
- 1796 ngày 2/3 Napoleon được bổ nhiệm làm chỉ huy của Quân đội Pháp ở Italy.
- 1796 ngày 9/3 Kết hôn với Josephine de Beauharnais.
- 1796 tháng 4 Bắt đầu chiến dịch đầu tiên ở Italy.
- 1797 ngày 2/2 Mantua thuộc về Pháp.
- 1797 ngày 19/2 Hiệp ước Tolentino với Giáo hoàng.
- 1797 ngày 18/4 Đàm phán sơ bộ Hiệp định Hòa bình cho Leoben, kết thúc chiến dịch đầu tiên ở Italy.
- 1797 ngày 4/9 Những người quân chủ ngăn cản hành động của chính phủ (18 Fructidor năm IV)
- 1797 ngày 17/11 Hiệp ước Campo Formio với Áo.
- 1798 tháng 1 Thiết lập khu hành chính Pháp tại Đức bên bờ trái sông Rhine.

- 1798 ngày 26/4 Pháp sáp nhập Geneva.
- 1798 tháng 5 Bắt đầu chiến dịch Ai Cập của Napoleon. Thành lập Liên minh thứ 2 (Nga, Áo, Nga, Naples và Thổ Nhĩ Kỳ) chống Pháp, bắt đầu từ tháng 5 nhưng tới tháng 6/1799 mới hoàn thành.
- 1798 ngày 5/9 Luật Jourdan-Delbrel thiết lập quy định tòng quân trong quân đội Pháp.
- 1799 Tháng 8 Napoleon rời Ai Cập.
- 1799 tháng 11 Napoleon trở về Paris.
- 1799 ngày 13/12 Hiến pháp năm VIII bổ nhiệm Bonaparte làm quan Tổng tài thứ nhất, Cambacérés thứ hai và Lebrun thứ ba.
- 1799 ngày 22/12
- 1799 ngày 27/12
- 1800 ngày 1/1 Thành lập khung luật pháp.
- 1800 ngày 6/1 Thành lập Ngân hàng Pháp.
- 1800 ngày 7/2 Trưng cầu ý dân cho bản Hiến pháp năm VIII.
- 1800 ngày 17/2 Cải cách luật pháp cơ bản Chính phủ Pháp (quận, dưới quận, bang, công xã).
- 1800 ngày 2/3 Đặc xá người nhập cư.
- 1800 tháng 5 Bắt đầu chiến dịch thứ hai của Napoleon tại Italy.

- 1800 ngày 14/6 Trận Marengo kết thúc chiến dịch.
- 1800 ngày 20/10 Đặc xá lần nữa cho người nhập cư.
- 1800 ngày 24/12 Âm mưu chống lại Napoleon.
- 1801 ngày 9/2 Hiệp ước Lunéville với Áo.
- 1801 ngày 16/7 Ký giao ước với giáo hoàng Pius VII (phê chuẩn ở Rome ngày 15/8 và ở Paris ngày 10/9).
- 1801 tháng 8 Quân Pháp đầu hàng quân Anh tại Ai Cập.
- 1802 Ngày 26/1 Napoleon thống chế Cộng hòa Italy.
- 1802 tháng 1-3 Chỉnh sửa lại luật pháp.
- 1802 ngày 25/3 Hiệp ước Amien với Anh.
- 1802 ngày 8/4 Công bố chính thức điều ước với Điều khoản cơ bản.
- 1802 ngày 26/4 Đặc xá người nhập cư.
- 1802 ngày 1/5 Thiết lập luật giáo dục cấp trung học.
- 1802 ngày 19/5 Xây dựng hệ thống huân chương Bắc đẩu bội tinh.
- 1802 ngày 4/8 Hiến pháp năm X/công bố Napoleon thống chế suốt đời.
- 1802 ngày 11/9 Pháp sáp nhập Piedmont.

- 1803 tháng 1 Thành lập Ủy ban Nghị viện.
- 1803 ngày 19/2 Napoleon điều đình với liên minh Thụy Sĩ.
- 1803 ngày 11/3 Thiết lập trại Boulogne chống xâm lược quân Anh.
- 1803 ngày 28/3 Cải cách tiền tệ.
- 1803 tháng 5 Hiệp ước hòa bình cho Amien đổ vỡ và tái chiến với Anh.
- 1803 ngày 1/12 Giới thiệu hồ sơ công nghiệp.
- 1804 tháng 2 – 3 Đàn áp âm mưu Cadoudal chống lại Napoleon. Công bố Luật dân sự.
- 1804 ngày 21/3 Hiến pháp năm XII/công bố người thừa kế của Napoleon.
- 1804 ngày 18/5 Kỷ niệm năm thứ 18 của Đế chế.
- 1804 ngày 19/5 Lên ngôi hoàng đế tại Notre-Dame.
- 1804 ngày 2/12
- 1805 tháng 3 Thành lập Vương quốc Italy.
- 1805 ngày 26/5 Napoleon làm Hoàng đế Italy tại Milan.
- 1805 ngày 7/6 Bổ nhiệm Eugène de Beauharnais làm tổng trấn Italy.
- 1805 ngày 30/6 Pháp sáp nhập Cộng hòa Ligurian (Genoa).
- 1805 tháng 8 Thành lập Liên minh thứ 3 (Anh, Áo và Nga) chống Pháp.

- 1805 ngày 20/10 Đầu hàng tại Ulm.
- 1805 ngày 21/10 Trận Trafalgar.
- 1805 ngày 2/12 Trận Austerlitz.
- 1805 ngày 26/12 Hiệp ước Pressburg với Áo.
- 1806 tháng 3 Joseph Bonaparte trở thành hoàng đế của Naples và công tước Murat của Berg.
- 1806 tháng 6 Louis Bonaparte trở thành Vua Hà Lan.
- 1806 ngày 12/7 Thành lập liên minh sông Rhine.
- 1806 tháng 7 Thành lập Liên minh thứ tư (Anh, Phổ, Nga và một vài quốc gia nhỏ khác) chống Pháp.
- 1806 ngày 6/8 Đế chế La Mã linh thiêng tan rã.
- 1806 tháng 8 Phổ huy động quân.
- 1806 ngày 14/11 Trận Jena (Napoleon) và Auerstädt (Davout).
- 1806 ngày 21/11 Berlin ra chính sách phong tỏa đại lục chống Anh.
- 1807 ngày 2/2 Trận Eylau.
- 1807 ngày 14/6 Trận Friedland.
- 1807 ngày 7/7 Hiệp ước Tilsit với Nga. Hiệp ước Tilsit với Phổ.
9/7

- 1807 tháng 7 Thành lập Vương quốc Westphalia (Jerome Bonaparte) và công tước xứ Warsaw (Frederick Augustus của Savony).
- 1807 ngày 19/8
- 1807 tháng 11 Bãi bỏ chế độ hộ dân quan.
- 1807 ngày 23/11 Sự chiếm đóng của Junot với Lisbon bắt đầu chiến tranh Peninsular
- 1807 ngày 17/12 Milan ra sắc lệnh mở rộng phạm vi bao vây với các nước trung lập.
- 1808 tháng 2 Chiếm đóng các quốc gia thuộc giáo hoàng.
- 1808 ngày 17/3 Murat bổ nhiệm tư lệnh của Napoleon tại Tây Ban Nha.
- 1808 tháng 5 - 7 Lễ nhậm chức các quý tộc Hoàng gia mới.
- 1808 tháng 7 Quốc hội Tây Ban Nha tại Bayonne.
Joseph Bonaparte trở thành Vua Tây Ban Nha, trong khi Murat và Caroline Bonaparte chuyển sang làm vua Naples.
- 1808 tháng 11 Napoleon và Tsar Alexander I gặp nhau tại Erfurt. Napoleon nắm quyền lực cá nhân của Quân đội Pháp tại Tây Ban Nha.
- 1809 ngày 16/1 Napoleon rời Tây Ban Nha sau trận Corunna.
- 1809 tháng 4 Thành lập Liên minh thứ 5 (Anh, Áo và quân nổi dậy Tây Ban Nha) chống Pháp và bắt đầu chiến dịch Wagram.
- 1809 ngày 17/5 Pháp sáp nhập các vùng đất thuộc Giáo hoàng. Trận Aspern-Essling.
- 1809 ngày 20-22/5 Napoleon bị Giáo hoàng Pius VII.

- 1809 ngày 11/6 Trận Wagram rút phép thông công
- 1809 ngày 5-6/7 Bắt đầu giam cầm Giáo hoàng Pius VII tại Savona.
- 1809 tháng 7 ngày 14/10 Hiệp ước Schönbrunn với Áo và thành lập Illyrian Provinces của Đế chế.
- 1809 ngày 16/12 Nghị viện thông báo Napoleon và Josephine ly hôn.
- 1810 ngày 14/1 Các quan chức ở Paris chính thức khẳng định cuộc ly hôn.
- 1810 tháng 1 Thiết lập Vùng đặc quyền của Napoleon.
- 1810 ngày 17/2 Rome sáp nhập với Đế chế.
- 1810 ngày 2/4 Napoleon kết hôn với Marie-Louise của Áo.
- 1810 tháng 7 Sáp nhập Hà Lan vào Đế chế do sự thoái vị của Louis Bonaparte.
- 1810 ngày 5/8 thuế Trianon chỉnh sửa lại chính sách phong tỏa lục địa chống Anh.
- 1810 ngày 18/10 Fontainebleau ra sắc lệnh tăng cường tinh thần giám sát.
- 1810 tháng 12 Sáp nhập một phần của Hanover, Hanse và lãnh địa của Oldenburg vào Đế chế.
- 1811 ngày 20/3 Sinh nhật của người thừa kế (vua thành Rome).
- 1811 tháng 7 Napoleon triệu tập hội đồng giám mục quốc gia Pháp và Italy tại Paris.

- 1812 tháng 3 Thành lập hạt nhân liên minh thứ 6 (liên minh Nga – Thụy Điển với sự hỗ trợ của Anh) chống Pháp.
- 1812 tháng 7 Giáo hoàng Pius VII chuyển từ Savona tới Fontainebleau.
- 1812 tháng 7 Bắt đầu chiến dịch Nga.
- 1812 ngày 7/9 Trận Borodino.
- 1812 ngày 14/9 Napoleon tiến vào Moscow.
- 1812 tháng 10 Bắt đầu hiệp ước Moscow.
- 1812 ngày 19/12 Napoleon quay về Paris.
- 1823 tháng 11 Ký kết Giáo ước Fontainebleau và sau đó bị Pius VII từ chối.
- 1823 ngày 26/12 Hiệp ước Kalish (Nga và Phổ).
- 1823 ngày 16/3 Phổ khai chiến với Pháp.
- 1823 ngày 2/5 Trận Lützen.
- 1823 ngày 21/5 Trận Bautzen.
- 1823 ngày 27/6 Hiệp định ngầm Reichenbach (Áo và Allies).
- 1823 ngày 12/8 Áo gia nhập Liên minh lớn và khai chiến với Pháp.
- 1823 ngày 16-19/10 “Trận Liên hiệp quốc” (Leipzig).

- 1823 tháng 11-12 Cuộc tiến công của Wellington từ Tây Ban Nha tới miền Tây Nam nước Pháp.
- 1814 tháng 1 Liên minh dọc sông Rhine bắt đầu chiến dịch chống Pháp.
- 1814 tháng 1 Pius VII di chuyển từ Fontainebleau trở về Savona.
- 1814 ngày 1/3 Hiệp ước của liên minh Chaumont.
- 1814 ngày 31/3 Marmont dâng Paris cho quân đồng minh.
- 1814 tháng 3 -/4 Pius VII sang Italy và được tự do.
- 1814 ngày 2/4 Nghị viện phế truất Napoleon.
- 1814 ngày 6/4 Napoleon thoái vị lần đầu tiên.
- 1814 ngày 1-3/5 Sự phục vị của Louis XVIII và quay lại Paris.
- 1814 ngày 4/5 Bắt đầu lưu đày Napoleon tới Elba.
- 1814 ngày 30/5 Hiệp ước Paris lần thứ nhất.
- 1814 tháng 9 Cuộc họp tại Vienna, (cho tới/7 năm 1815).
- 1815 tháng 2 “Chuyến bay đại bàng” từ Ellba.
- 1815 ngày 20/3 Napoleon quay lại Paris, và bắt đầu 100 ngày (20/3 – 20/6).
- 1815 ngày 22/4 Bổ sung đạo luật vào Hiến pháp của Đế chế.
- 1815 ngày 18/6 Trận Waterloo.

- 1815 ngày 22/6 Napoleon thoái vị lần thứ hai.
- 1815 tháng 8–11 Ông bị đày tới St Helena.
- 1815 ngày 20/11 Hòa bình cho Paris lần thứ hai.
- 1821 ngày 5/5 Napoleon chết tại St Helena.
- 1823 Xuất bản “Hồi kí Sainte-Hélène” của Las Cases.
- 1840 Chuyển phần mộ Napoleon về Paris